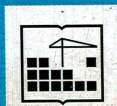
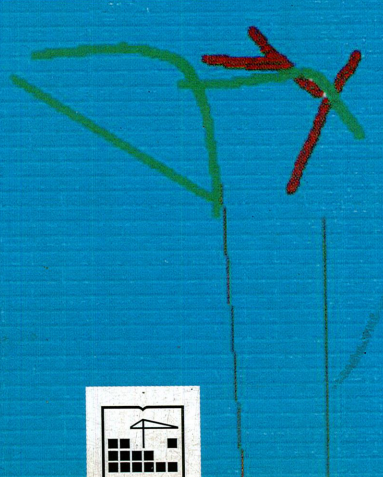
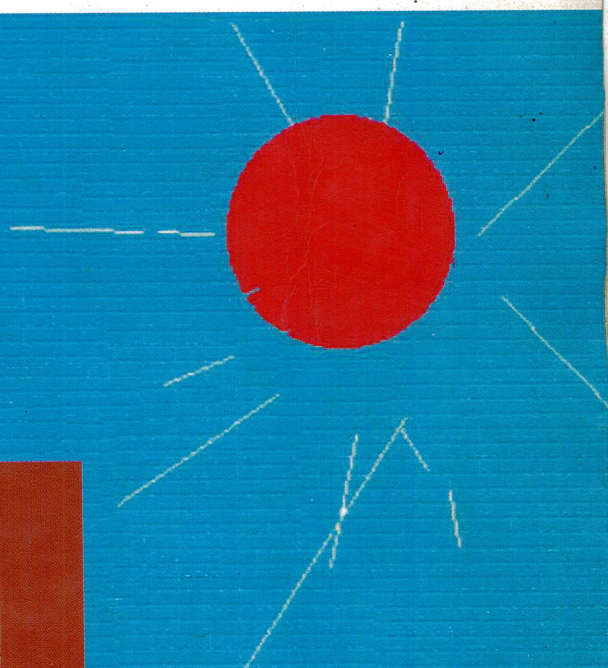
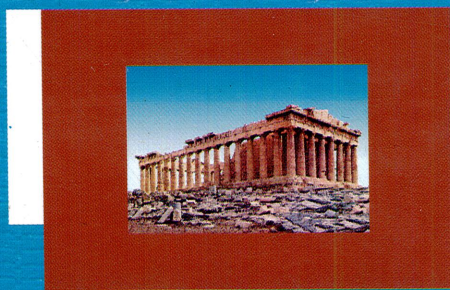
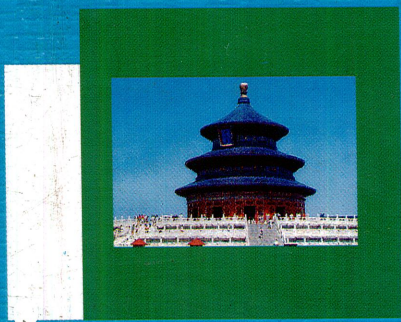
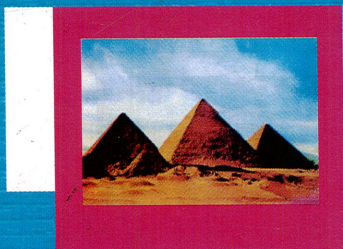


TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
KTS. TS. TRẦN TRỌNG CHI

LƯỢC SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

QUYỂN 1



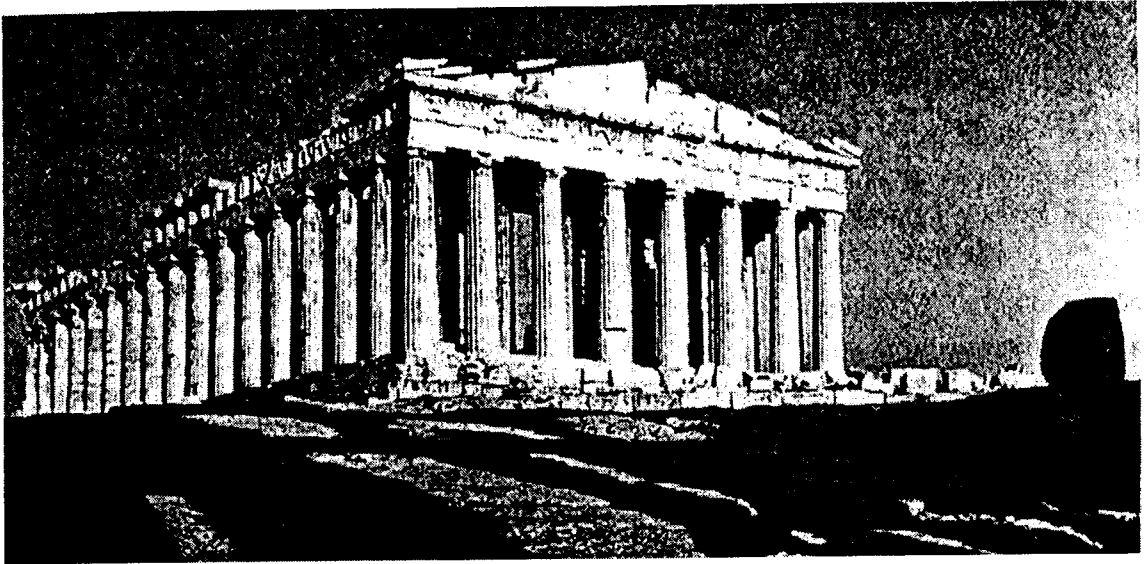
NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
KTS. TS. TRẦN TRỌNG CHI

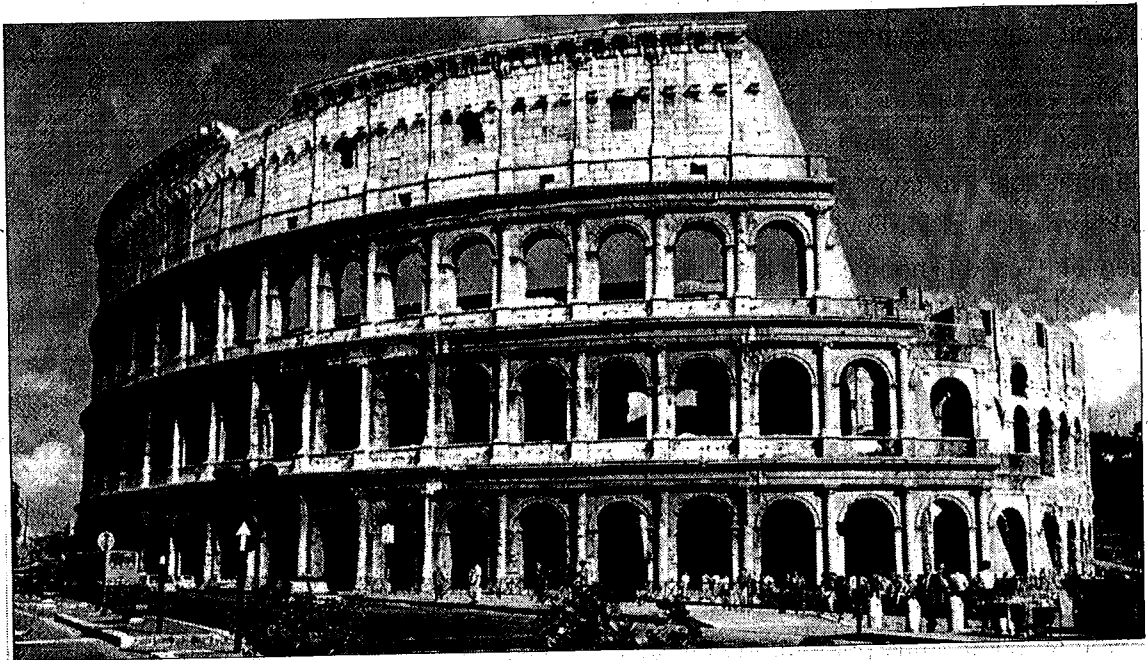
LƯỢC SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

QUYỂN 1

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2003



3. Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)

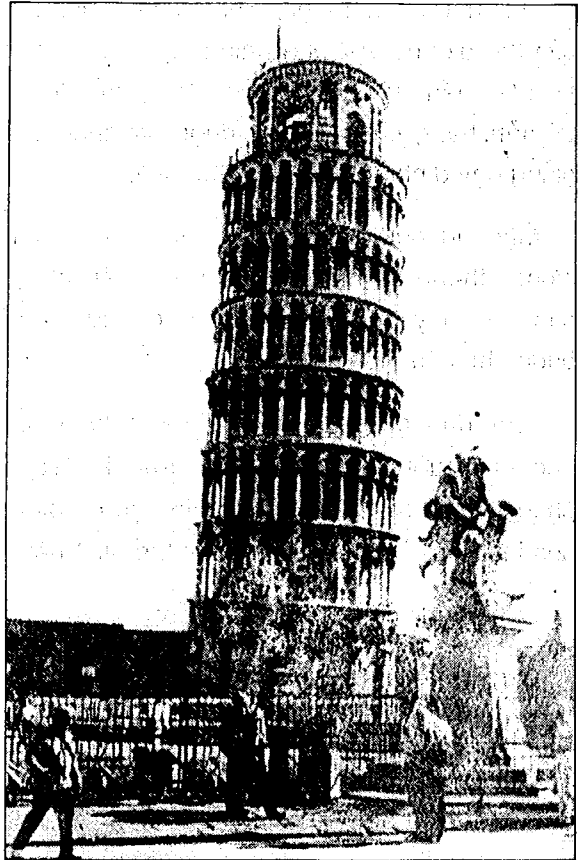


4. Đấu trường Cô-lô-dê - La Mã

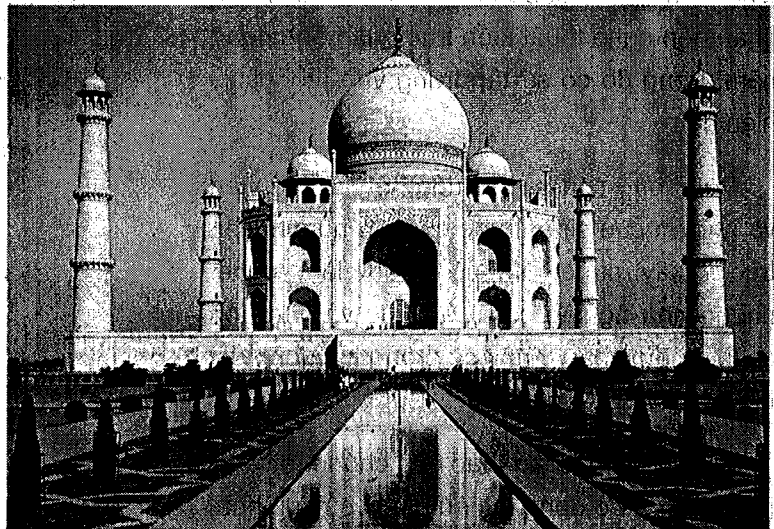
ở Italia, của Nhà thờ Đức bà Pari hay Cung điện Vecxay nước Pháp từng in dấu bao lần du khách tới châu Âu, thì những Lăng Tagiơ Mahan (hình 6) hay các Stupa ở Ấn Độ, Thiên đàn hay Vạn lý trường thành ở Trung Hoa (hình 7), những Borôbudua ở Indônêxia (hình 8) hay Ăngco ở Campuchia (hình 9), Teotihuacan ở Mêhicô (hình 10) v.v... vẫn còn đang thu hút hàng vạn lượt người tới châu Á, châu Phi, châu Mỹ.

Cuốn sử xanh kiến trúc đã được nhân loại viết tiếp một cách đầy năng động trong mấy chục năm qua và chắc chắn sẽ còn được nối dài với nhiều hình thức phong phú đa dạng hơn nữa trong tương lai.

Thành quả to lớn và ý nghĩa sâu xa của nghệ thuật kiến trúc khiến nhiều người trong chúng ta, nhất là những người đang làm và sẽ làm các công việc sáng tạo có liên quan đến kiến trúc, không thể không quan tâm đến lịch sử phát triển của nghệ thuật này.



5. Tháp nghiêng Piza (Italia)



6. Lăng Tagiơ Mahan - Ấn Độ

Đã từ trăm năm nay, nhiều nhà nghiên cứu thế giới đã viết khá nhiều sách về đề tài Lịch sử Kiến trúc với hàng vạn trang in, được tái bản hàng chục lần và được sử dụng để giảng dạy ở nhiều nước trên thế giới.

Mặc dù còn xa mới đầy đủ, song khối lượng thông tin mà chúng tôi sưu tập được cho đến nay đã có thể đáp ứng được một bước nhu cầu tham khảo.

Trên đường nghiên cứu và giảng dạy môn học tại Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, chúng tôi có dịp hệ thống các tư liệu để biên soạn ra cuốn "Lược sử Kiến trúc thế giới" này.

Sách được chia thành 2 quyển:

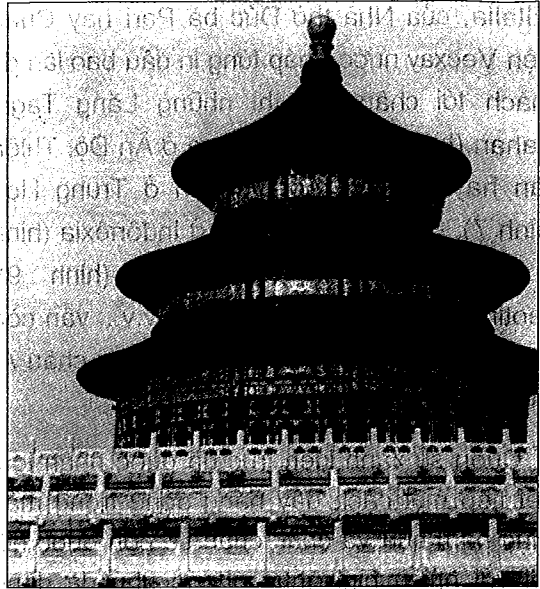
Quyển 1: Kiến trúc thế giới cổ đại và trung đại.

Quyển 2: Kiến trúc thế giới cận - hiện đại và đương đại.

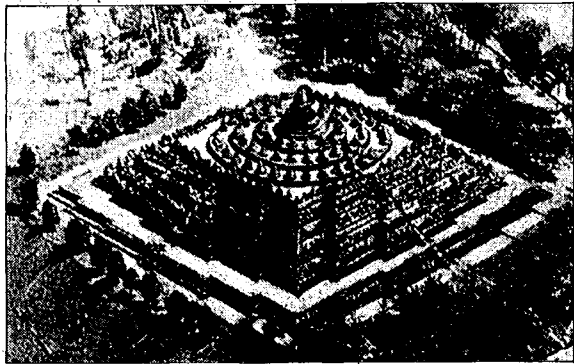
Mục tiêu của sách là phác họa những mốc đỉnh điểm của một bức tranh toàn cảnh về sự phát triển nghệ thuật kiến trúc qua hàng ngàn năm, trong đó có sự tập trung vào thời cận - hiện đại.

Đối tượng của sách trước hết là sinh viên và nghiên cứu sinh thuộc chuyên ngành kiến trúc - xây dựng. Những người làm nghề, những nhà nghiên cứu kiến trúc và văn hóa có thể tham khảo ở đây số thông tin tương đối tập trung và có hệ thống.

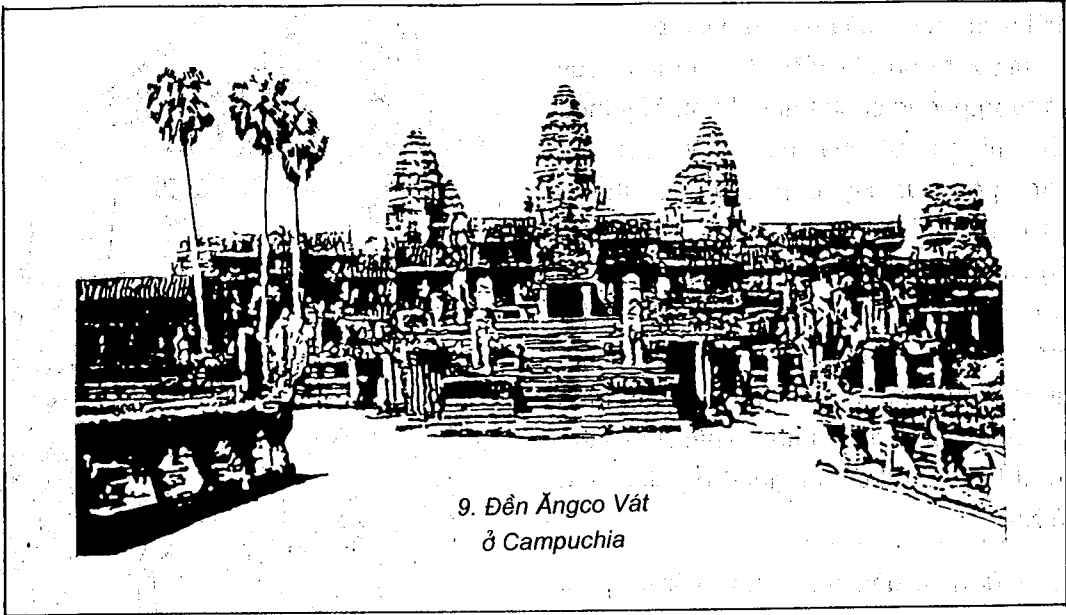
Phương thức soạn thảo của chúng tôi là lời ngắn gọn, ý cô đọng, nhiều hình vẽ minh họa.



7. Thiên Đàn ở Bắc Kinh - Trung Quốc



8. Bôrôbudua ở Indônêxia

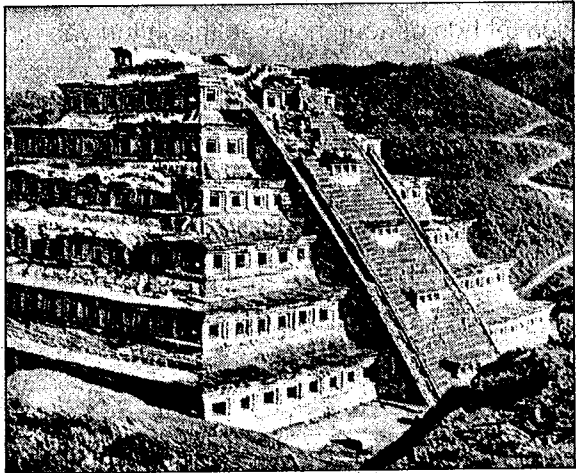


9. Đền Ăngcô Vát
ở Campuchia

Phần hình bao gồm các ảnh chụp, các bản vẽ ghi hiện trạng cũng như các hình phóng tác, được trình bày xen kẽ một cách linh hoạt nhằm giúp cho sự tiếp thu của người đọc được dễ dàng và đỡ tẻ nhạt.

Dung lượng có hạn của sách không cho phép hàm chứa hết các nội dung mong muốn, nên sự cân nhắc lựa chọn từ kho tư liệu phong phú có thể làm cho sách bị thiếu vắng một số công trình có tên tuổi.

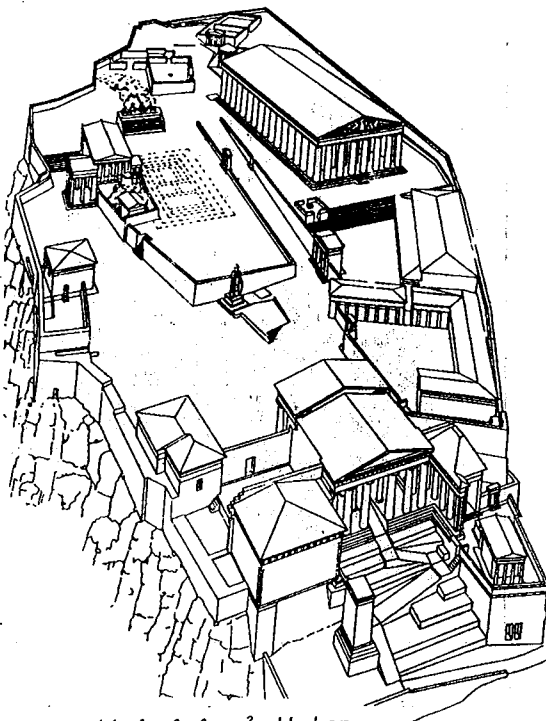
Các công trình kiến trúc được diễn giải trong sách theo thứ tự: xuất xứ, niên đại, quy mô, nội dung, giá trị nghệ thuật, vật liệu, phương thức xây dựng và một số cơ sở nhân văn của chúng.



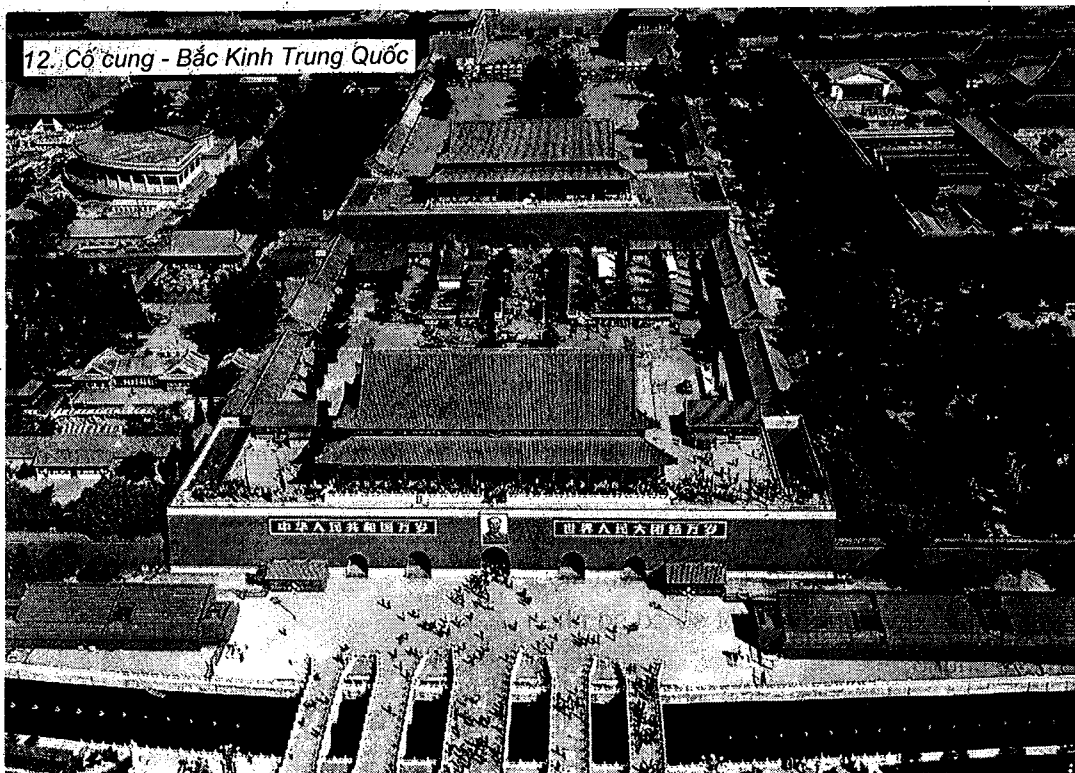
10. Một dạng nhà thờ của người da đỏ
Nam Mỹ TK VI - IX

Ở đây, chúng tôi có lưu ý đến bối cảnh xã hội, thời điểm ra đời của mỗi trào lưu hoặc mỗi công trình, xem đó như tiền đề cho từng quy mô và từng phong cách nghệ thuật. Tùy theo thời thế mà có thể xuất hiện một quần thể như Acrôpôn của Hy Lạp ở thế kỷ thứ V trước CN (hình 11) hay Cố cung - Bắc Kinh (Trung Quốc) ở thế kỷ thứ XV (hình 12), một thành phố như Babilon của Lưỡng Hà ở thế kỷ thứ XIII trước CN, hay thị trấn Machu-Picchu ở Peru - thế kỷ thứ XI, một công trình riêng lẻ như Đền Ise ở Sinto - Nhật Bản - thế kỷ thứ III hay biệt thự Rôtôngđơ ở Italia - thế kỷ thứ XVI.

Vào thời gian gần đây, cùng với sự phát triển mau lẹ của khoa học kĩ thuật, trình độ tư duy kiến trúc của thế giới cũng có những điều kiện tốt hơn để tổng hoà các thành tựu văn



11. Acrôpôn của Hy Lạp



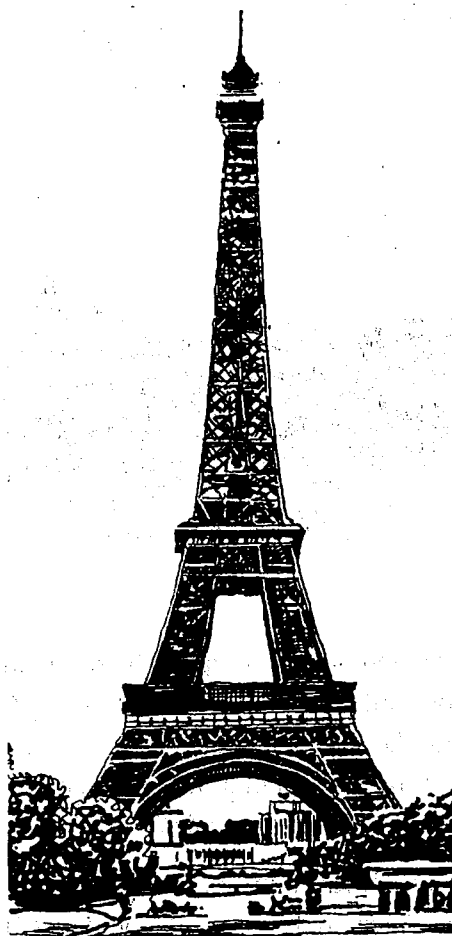
minh-văn hoá, bao gồm cả địa lí, triết học, khoa học tính toán, vật liệu, trang bị kĩ thuật, thi công, công nghệ thông tin v.v...

Những người làm công việc sáng tạo đã có nhiều phương tiện mới trong tìm kiếm giải pháp cho công trình tương lai. Đó cũng chính là bối cảnh ra đời của nhiều tác phẩm kiến trúc trong thế kỷ XX, đến nay đã trở thành những mốc văn hóa, thành tài sản, niềm tự hào không chỉ của một địa phương mà của toàn nhân loại.

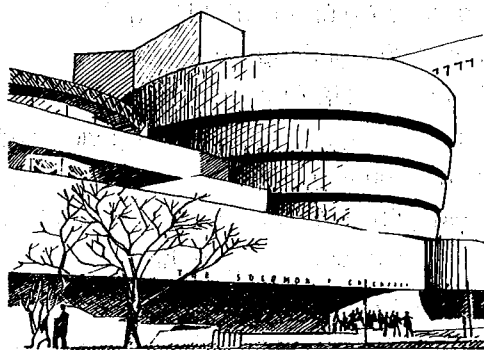
Tháp Eiffel (hình 13), bảo tàng Guggenheim (hình 14), sân vận động Tôkyô (hình 15), sân bay Kennedy, nhà Quốc hội Brasil, nhà thờ Ronchamp (hình 16), Trung tâm văn hóa Pompidou, nhà hát Sydney (hình 17), tháp song sinh Pétronas (hình 18) v.v... là những bằng chứng của sự phát triển.

Qua những thông tin về Lịch sử Kiến trúc thế giới, người nghiên cứu có thể thấy được nghệ thuật tinh tế của những ngôi nhà gỗ cổ truyền, hay trình độ tổ hợp cao về công nghệ trong những tòa nhà chọc trời, sự tìm tòi công phu, cùng những kết quả tốt đẹp của những danh nhân kiến trúc xưa và nay.

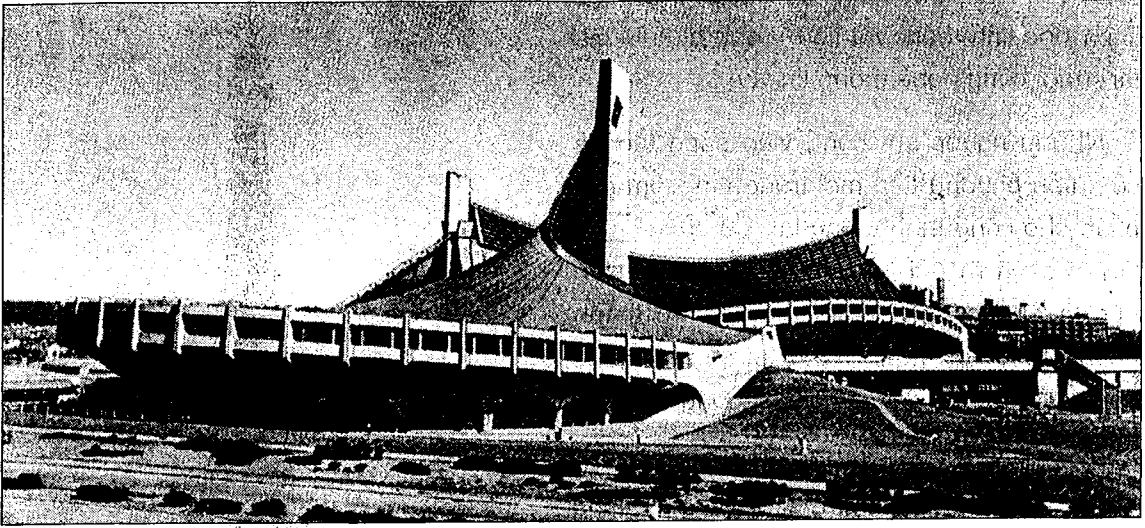
Chúng tôi muốn nhìn nhận môn *Lịch sử Kiến trúc* như một thứ truyền tải "đạo", giúp bạn đọc từ nhiều sự việc và công trình tự rút ra cho mình các bài học khác nhau về cách tư duy cô đọng, khái quát, chuẩn mực trong lý luận cũng như sự chu đáo, độ chính xác trong thực hành.



13. Tháp Eiffel ở Paris - Pháp



14. Bảo tàng Guggenheim ở New York - Mỹ

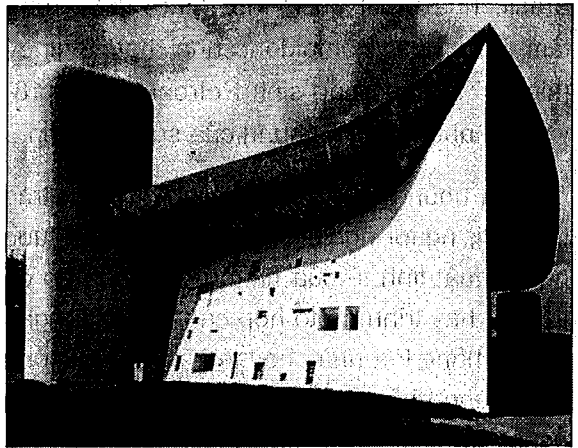


15. Trung tâm thể thao ở Tôkyô - Nhật Bản

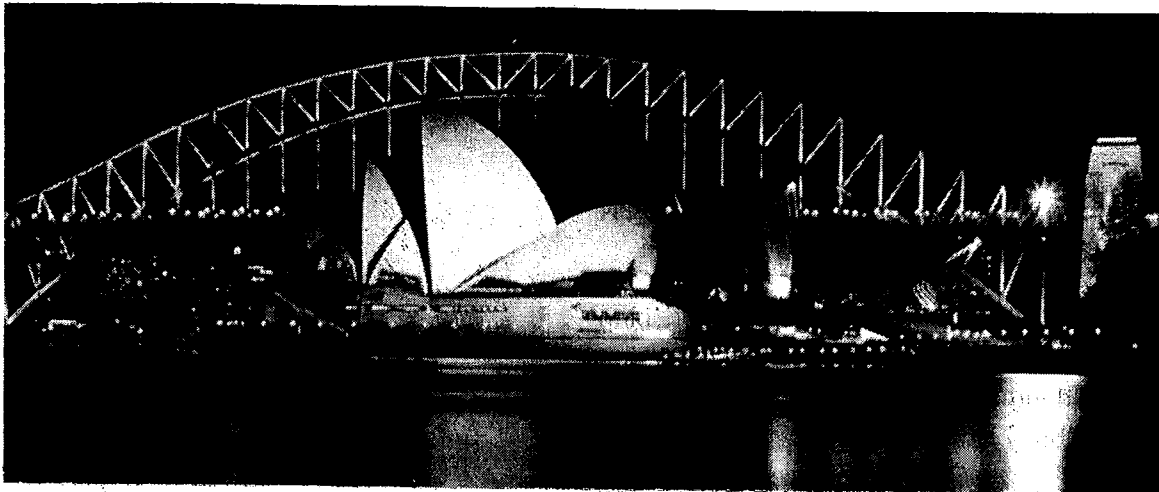
Tuy nhiên, trong lần đầu biên soạn, chúng tôi không thể cầu toàn. Với khối lượng đồ sộ của môn *Lịch sử Kiến trúc*, chúng tôi chỉ dám xem đây như một bản lược sử, và chắc chắn không tránh khỏi những sai sót và yếu kém.

Chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo của bạn đọc để chân thành tiếp thu và sửa chữa.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ có hiệu quả của Ban Giám hiệu và Hội đồng Khoa học Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, của cố Hiệu trưởng PGS. TS. Đặng Tố Tuấn, sự động viên chân thành của Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam KTS. Nguyễn Trục Luyện, sự cộng tác có hiệu quả của các đồng nghiệp PGS. TS. Nguyễn Kim Luyện, PGS. TS. Nguyễn Hồng Thục, KTS. Đỗ Thị An Lộc, ThS. Trần Quốc



16. Nhà thờ Ronchamp - Pháp



17. Nhà hát Sydney - Ôxtrâyliá

Thái, ThS. Trần Thị Quế Hà: Khoa Kiến trúc Trường Đại học Khoa học Huế và PGS. Trần Hùng đã giúp cho nhiều tư liệu quý.

GS. TS. Hoàng Đạo Kính, PGS. Đặng Thái Hoàng, KTS. Nguyễn Hữu Thái, PGS. TS. Nguyễn Quốc Thông đã đọc bản thảo và đóng góp cho nhiều ý kiến xác đáng.

Chúng tôi xin vô cùng cảm tạ tất cả các quý vị và các bạn.

Nếu cuốn sách nhỏ này có thể khích lệ được sự quan tâm nào đó của bạn đọc đến bức tranh phát triển của Nghệ thuật Kiến trúc Thế giới thì nỗ lực của chúng tôi xem như đã được đền bù một cách xứng đáng.

18. Tháp song sinh Pétronas - Malaysia



Chương I

KIẾN TRÚC BUỔI SƠ KHAI

1.1. VŨ TRỤ, TRÁI ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

Vũ trụ như ta biết ngày nay được hình thành từ hàng chục tỷ năm*, còn hành tinh mà ta đang sống thì chỉ mới tồn tại được khoảng ba tỷ năm.

Con người sớm nhất xuất hiện tại Đông Phi từ hơn 3 triệu năm đến 3 hoặc 4 vạn năm. Họ sống thành bầy, nhờ vào hái lượm, đào bới củ rễ và săn bắt, dùng xương thú làm mũ tên, lột da thú để che thân. Họ trú ngụ dưới những tán cây hay trong hang động (hình 19).

Lửa là phát minh quan trọng đánh dấu bước ngoặt trong sự sống của con người. Từ ba hoặc bốn vạn năm đến 6000 năm trước, loài người chuyển từ cách sống du mục sang định canh định cư, thuần hóa động vật hoang dã, trồng lúa, đào kênh lấy nước tưới ruộng. Các nhóm người hợp quần thành tập đoàn hay công xã. Chế độ thị tộc, mẫu hệ rồi phụ hệ ra đời (hình 20).

Theo thời gian, vượt qua mọi thách thức khắc nghiệt của tạo hoá, lao động đã đưa con người trở thành một nòi giống có trí tuệ



19. Săn bắt thú rừng



20. Sinh hoạt của người nguyên thủy
(theo tranh của Oguyxơ và Buriăng)

* 13,4 tỷ - theo GS. người Ôxtrâyliá Charler Line Weaver. Thuyết này bác bỏ một giả thuyết trước đó về tuổi vũ trụ 28,4 tỷ năm.

rất cao, để làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, chế ngự được thiên nhiên, định đoạt và sở hữu một nền văn minh được tích lũy qua hàng chục thế kỷ.

1.2. KIẾN TRÚC TRONG THỜI KỲ CỘNG ĐỒNG NGUYÊN THỦY

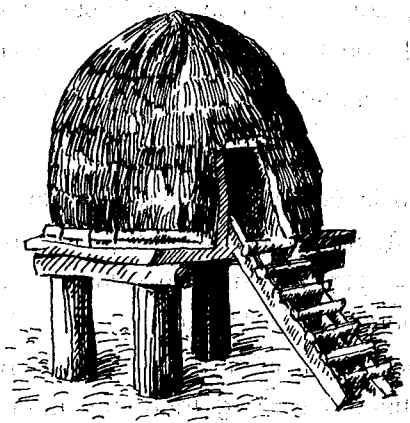
Như vậy là từ ba hoặc bốn vạn năm trước, con người đã biết sống quần cư, có tổ chức. Căn cứ vào công cụ lao động của họ và đặc trưng khí hậu của trái đất, giai đoạn phát triển xã hội loài người mà ngày nay ta gọi là cộng đồng nguyên thủy được các nhà khoa học lịch sử chia thành thời ba kỳ: thời kỳ đồ đá cũ, thời kỳ đồ đá mới và thời kỳ đồ đồng - sắt. Thời kỳ đồ đá cũ lại chia ra sơ kỳ (khoảng 2,5 đến 2 vạn năm trước Công nguyên - trước CN), trung kỳ (2 vạn đến 1,5 vạn năm trước CN) và hậu kỳ (1,5 vạn đến 1 vạn năm trước CN).

Để tồn tại được trước thú dữ và thời tiết, con người đã phải tạo ra những loại hình cư trú thích hợp dù còn rất đơn sơ: đào hầm trong lòng đất, khoét hang vào núi đá, ghép cây thành liếp chắn gió, lấy lá cây kết thành mái che mưa. Dần dần họ cải tiến những thứ đó thành lều tròn có mái hình chóp nón hoặc nhà vuông có mái dốc hai bên, dựng ở những nơi bên ngoài núi. Vật liệu làm nhà chủ yếu là đất sét và thân cây, cành cây (hình 21).

Khoảng một vạn năm trước CN, loài người chuyển sang thời kỳ đồ đá mới (còn gọi là đá mài).



a - Nhà lều,



b - Nhà chòi,



c - Nhà dẫy.

21. Các dạng nhà ở thời cổ đại

Nhà cửa thời này có dạng:

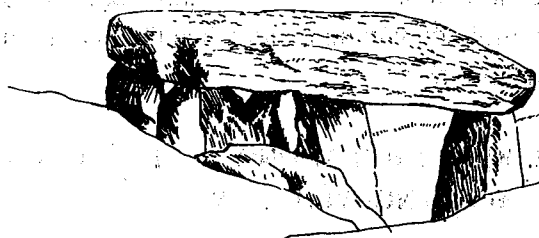
- Nhà chòi trên cọc, để ngăn các loài cạp, gấu leo lên sàn. Chòi được làm gần nhau thành cụm, ở địa sông. Loại nhà này có nhiều ở Thụy Sĩ thuộc Trung Âu và ở Mông Cổ thuộc châu Á.

- Nhà có nhiều gian cho vài chục người ở. Mái dốc hai chiều, có cửa chiếu sáng trên cao. Những nhà này thường được xếp theo hai dải hình tròn, bán kính dải ngoài tới 70m. Trong mỗi nhà đều có bếp, lò sưởi riêng. Một khu nhà dài tới vài chục mét, có nơi sinh hoạt công cộng, có hàng rào bao quanh để ngăn thú rừng.

Thời kỳ đồ đồng (3000 năm trước CN), con người đã biết đào đất để trồng cây, chăn nuôi gia súc. Ngoài dạng nhà ở là nhu cầu thiết yếu, người ta bắt đầu nghĩ ra những loại hình xây dựng mới nhằm thỏa mãn các nhu cầu tinh thần, như công trình mai táng và thờ cúng - gọi là Dolmen, công trình tôn giáo - cầu khẩn sức mạnh linh hồn - gọi là Menhĩa hay Crômlech.

Dolmen là những phiến đá lớn nặng hàng chục tấn ở dạng nguyên thể cao khoảng 2m, dựng thẳng đứng hoặc bắc ngang trên những phiến đứng, tạo thành một dạng hang động, dùng làm nơi mai táng, thờ cúng chứa đất, hoặc cũng có thể để ở hay làm kho chứa thức ăn (hình 22).

Menhĩa là những phiến đá dài có khi tới 20m, nặng tới 300 tấn được dựng làm cột độc



22. Dolmen ở Anh



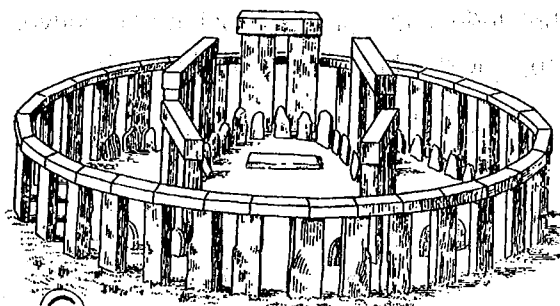
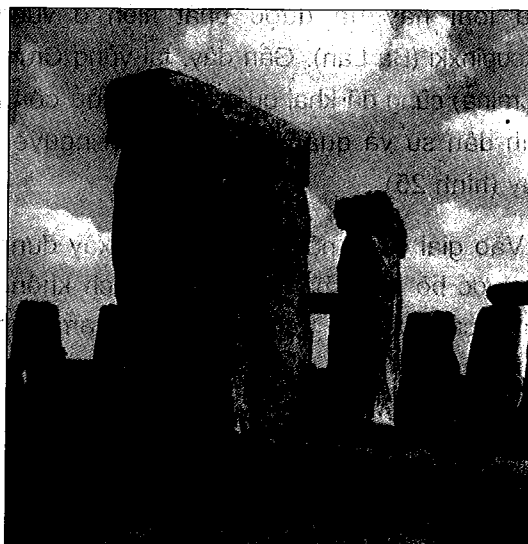
23. Menhĩa ở Anh

lập. Thân cột thường có chạm khắc hình cây cối, người và vật (hình 23). Có nhiều khả năng đây là loại công trình để kỷ niệm người chết hay một biểu tượng về tôn giáo. Tại vùng Carnac (Bretanhơ - Pháp) còn giữ được 3000 phiến đá xếp thành hàng dài tới 3km.

Crômlech là loại công trình được tạo bởi những phiến đá lớn dựng theo hình tròn, giữa đặt một phiến lớn nhất dùng làm nơi đặt vật tế lễ. Bằng cách này, người ta đã tạo nên một sản phẩm kiến trúc có sức truyền cảm. Tại Stônhengiơ (vùng Satisbơry - Anh) có cả một khu vực di tích của kiến trúc Crômlech; được quay thành những vòng tròn đồng tâm. Đường kính vòng trong cùng 30m, vòng ngoài tới 90m, với năm cổng - tháp đá cao tới 8m (hình 24).

Bên cạnh ba loại công trình đặc sắc trên, phải kể đến các loại mộ cổ dùng để chôn cất các nhân vật quan trọng trong bộ tộc.

Chế độ cộng đồng nguyên thủy được kết thúc bằng thời kỳ đồ sắt, khi xã hội thị tộc chuyển từ mẫu hệ sang phụ hệ. Lúc này, con người đã chế được các công cụ lao động bằng sắt. Lưỡi cày sắt đóng vai trò đặc biệt hiệu quả trong phát triển nghề nông. Đây cũng là thời kỳ hình thành gia đình theo cặp vợ chồng, có nhà ở riêng. Bên cạnh các ngôi nhà chung gồm kho, bếp lò, nơi sản xuất, còn có thêm các dạng nhà của từng gia đình, được ngăn thành gian, có bếp và kho dụng cụ sản xuất riêng. Tường nhà được ghép từ thân cây. Những

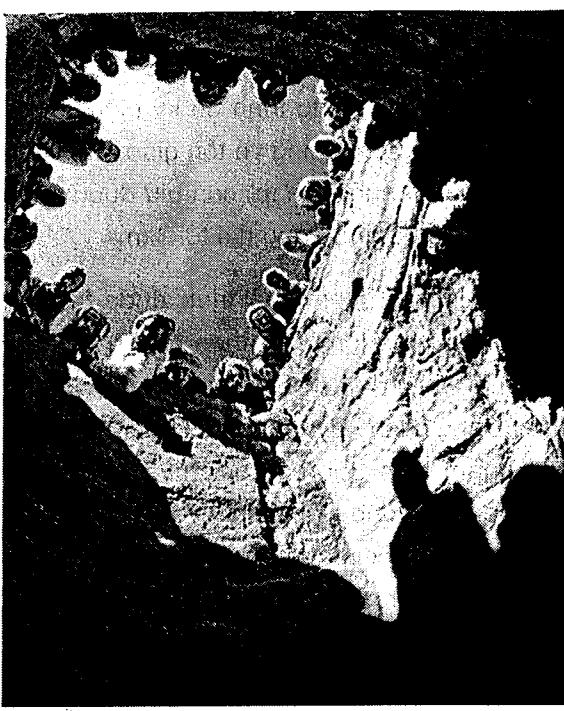


24. Crômlech ở Stônhengiơ - Anh

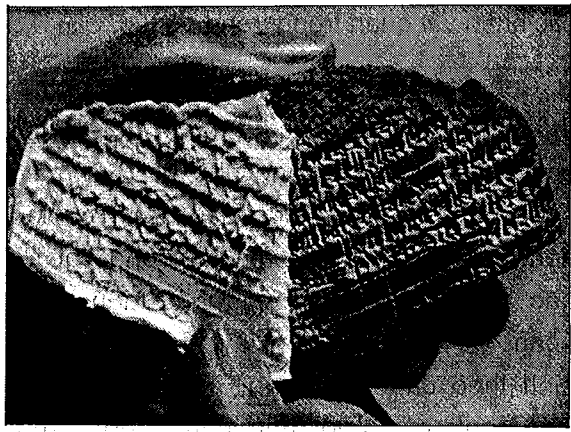
nhà loại này đã được phát hiện ở vùng Bixcupinxki (Ba Lan). Gần đây, tại vùng Crum (Ucraina) cũng đã khai quật được nhiều công trình dân sự và quân sự thuộc thời nguyên thủy (hình 25).

Vào giai đoạn này, quỹ vật liệu xây dựng đã được bổ sung bằng các loại gạch không nung, các loại đá trang trí được chạm đắp công phu.

Đến những năm 4000 trước CN, cửa cải được làm ra ngày một nhiều. Sự tự do chiếm hữu sản nghiệp chung làm cửa riêng khiến cho xã hội không còn giữ được sự bình đẳng ban đầu. Đó là mầm mống của một giai đoạn phát triển mới - lịch sử loài người chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ (hình 26).



25. Xem khai quật một di tích cổ



26. Bản dập một văn tự cổ từ 3000 năm trước

Chương 2

KIẾN TRÚC TRONG CHẾ ĐỘ CHIẾM HỮU NÔ LỆ

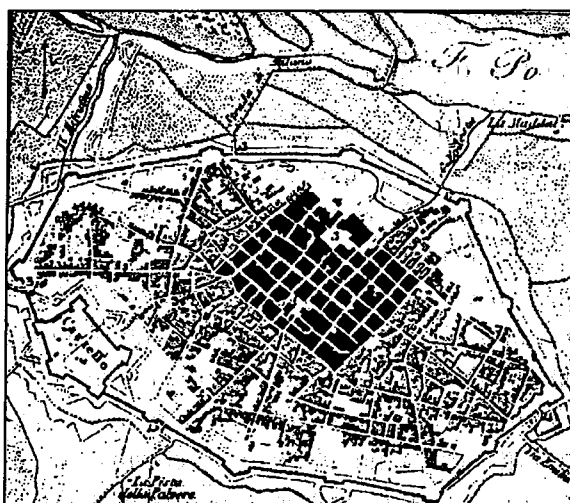
2.1. GIỚI THIỆU CHUNG

Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, các nhóm người dần dần hình thành bộ tộc với sự phân chia giai cấp. Từ đây đã xuất hiện hình thức nhà nước như một thứ vũ khí dùng để bảo vệ quyền chuyên chế của giai cấp thống trị và để tự vệ trước nạn ngoại xâm.

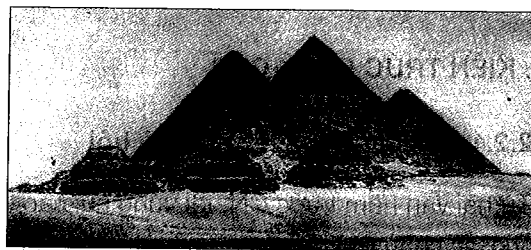
Cùng với nhà nước, các hình thức cư trú mới đã được hình thành, trong đó thành phố là một yếu tố quan trọng. Nơi đây tập trung các cơ quan hành chính và các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp với số dân tương đối lớn (hình 27). Cơ sở kinh tế của xã hội lúc bấy giờ là nông nghiệp và thủ công nghiệp. Tại khu vực sông Nil ở Đông Bắc Phi, việc canh tác và làm nghề thủ công được phát triển từ rất sớm đã dẫn đến sự ra đời của những khu dân cư rộng lớn và từ đó đã hình thành một trong những nền văn minh đầu tiên của nhân loại. Đó là nền văn minh Ai Cập - Lưỡng Hà cổ đại, được tính từ khoảng 4000 năm trước CN (hình 28).

Tiếp đến là các nền văn minh Hy Lạp cổ đại và La Mã cổ đại.

Những đặc điểm thiên nhiên và xã hội của mỗi địa danh nêu trên đã được phản ánh rõ



27. Quy hoạch một đô thị cổ



28. Kim tự tháp Ai Cập thế kỷ XXV trước CN
- một trong bảy kỳ quan thế giới

trong sự khác nhau giữa kiến trúc từng nơi. Mỗi khi phương thức sản xuất bị thay đổi, nền kiến trúc cũng có sự thay đổi tương ứng.

Trong giai đoạn phát triển này của nhân loại, nô lệ là thành phần cư dân đặc trưng, là lực lượng sản xuất chính trong xã hội. "Không có nô lệ thì không thể có nhà nước Hy Lạp. Và thiếu nền tảng mà xã hội cổ Hy Lạp và cổ La Mã đã xây dựng nên thì không thể có châu Âu ngày nay" (Ph. Ăngghen).

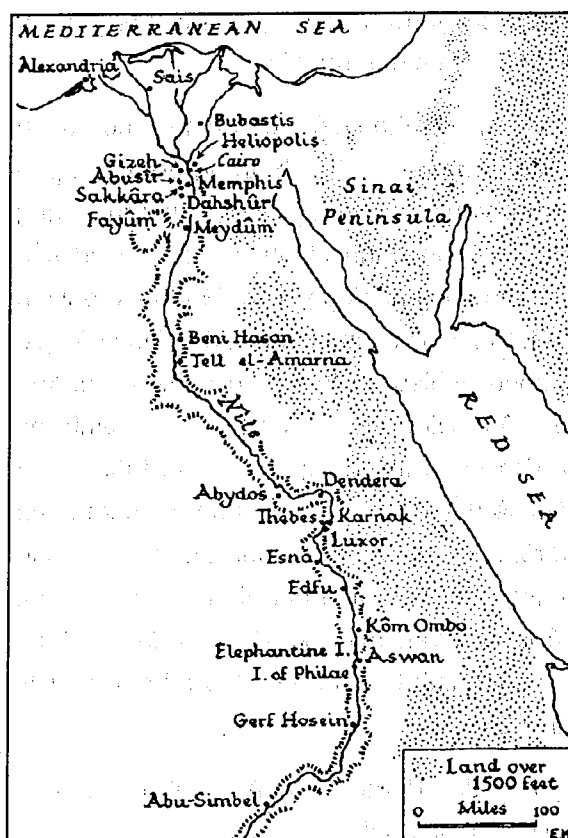
Bên cạnh vô vàn các công trình phục vụ giai cấp thống trị, các quốc gia cổ đại Ai Cập, Hy Lạp, La Mã cũng còn có những loại nhà sản xuất, nhà ở của dân thường và nhà tù dành cho người nô lệ. Tuy nhiên sự bóc lột vô cùng tàn khốc và cuộc đấu tranh giai cấp đầy máu lửa ngày càng quyết liệt giữa nô lệ và chủ nô đã dẫn đến kết cục tất yếu là sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ chiếm hữu nô lệ. Và mọi sự thăng trầm của chế độ này đã được phản ánh trong các công trình kiến trúc thời kỳ cổ đại - đặc biệt là Cổ La Mã.

2.2. KIẾN TRÚC CỔ AI CẬP

2.2.1. Bối cảnh thiên nhiên xã hội

Từ hai vạn năm trước CN, tại vùng núi cao ở Đông Bắc châu Phi đã có con người sinh sống.

Đến thế kỷ thứ VI-V trước CN, tổ tiên người Ai Cập đã di cư xuống vùng thấp thuộc hạ lưu sông Nil (hình 29). Đây là một trong hai con



29. Bản đồ Ai Cập

sông lớn nhất thế giới*, tựa lưng vào sa mạc Sahara. Hằng năm nước lũ sông Nil bồi đắp lớp phù sa màu mỡ cho cả một vùng, khiến cây cối tốt tươi, trồng trọt thuận lợi.

Người Ai Cập cổ đại sống chủ yếu bằng nghề nông. Đến khoảng năm 3500 trước CN, xã hội thị tộc Ai Cập phân hoá thành 2 giai cấp: quý tộc + chủ nô và nông dân công xã + nô lệ. Chế độ nhà nước chuyên chế độc quyền ra đời. Dân chúng phải tôn thờ vua như những vị thần sống, gọi họ là các Pharaôn. Pharaôn có quyền lực không hạn chế. Lời nói của họ là luật pháp. Nô lệ bị đối xử tàn nhẫn, nhưng lại là lực lượng nuôi sống và kiến thiết xã hội.

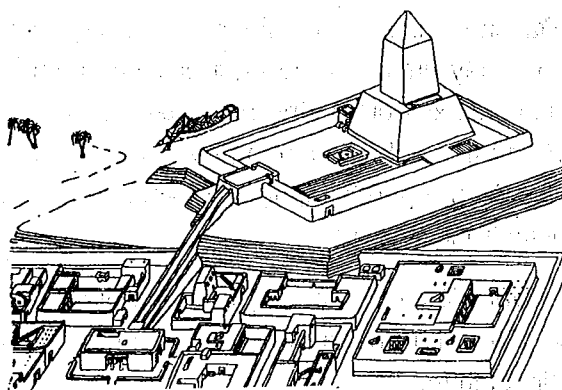
2.2.2. Phân kỳ và đặc điểm kiến trúc

Kiến trúc cổ có thể phân ra 3 thời kỳ chính:

- Tiền vương quốc và Cổ vương quốc (4000 - 2100 trước CN).
- Trung vương quốc (2100 - 1600 trước CN).
- Tân và Hậu vương quốc (1600 - 30 trước CN).

Đặc điểm chung của kiến trúc cổ Ai Cập là:

- Công trình công cộng có quy mô lớn và cực lớn nhằm phục vụ việc tôn vinh người chết, đặc biệt là các Pharaôn, cũng như phục vụ các nội dung tôn giáo (hình 30).



30. Đền thờ thần Mặt trời dưới triều vua Niuxơ

* Sông Amazon ở Nam Mỹ dài 6.750km, đổ vào Đại Tây Dương. Sông Nil dài 6.500km, đổ vào Địa Trung Hải.

- Công trình thường có bố cục cân xứng qua trục dọc, Cột hình vuông và tròn, vừa để chịu lực, vừa để trang trí, với nhiều chạm khắc hình chim thú, hoa lá, đôi khi có cả hình mặt người.

- Nhà ở thường có sân trong và hành lang. Mái bằng được dùng làm sân thượng. Tường nhà xây dưới to trên nhỏ. Vật liệu làm nhà chủ yếu là bùn, rơm, đất sét, gạch không nung, gỗ và đá.

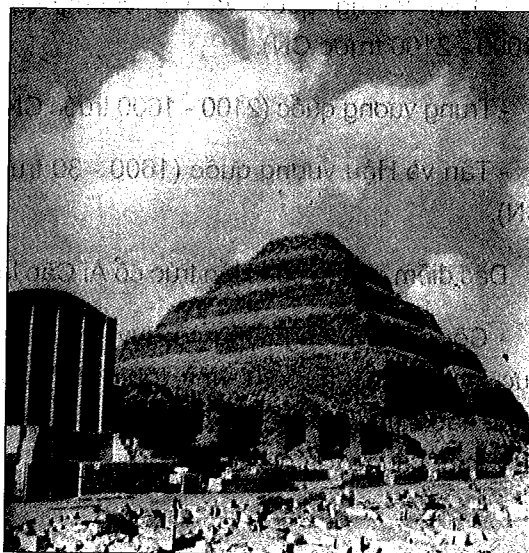
2.1.3. Kiến trúc thời kỳ Tiền vương quốc và Cổ vương quốc (4000 - 2100 trước CN)

Loại hình kiến trúc đáng kể nhất thời kỳ này là kiến trúc lăng mộ. Lăng mộ thông dụng dùng cho các nhà giàu và vương giả gọi là Maxtaba. Những Maxtaba này có dạng hình hộp đặc kín, có cửa giả, có phòng để hài cốt và một số buồng sâu dưới đất dùng vào việc cúng bái, tế lễ.

Người Ai Cập cổ đại quan niệm rằng cuộc sống vĩnh hằng của con người là thời kỳ sau khi chết. Vì vậy họ không chỉ chăm lo nhà cửa cho người sống, mà còn đặc biệt chú trọng xây dựng các cơ ngơi cho người chết. Ướp xác, xây dựng lăng mộ nguy nga với đồ vật đủ tiện nghi, các tượng gia nhân v.v..., là việc làm rất phổ biến, đặc biệt với những yếu nhân trong xã hội.

Đối với các Pharaôn, xác chết được ướp và đặt trong những ngôi mộ khổng lồ gọi là Kim tự tháp.

31. Kim tự tháp Đgiôxê. Toàn cảnh

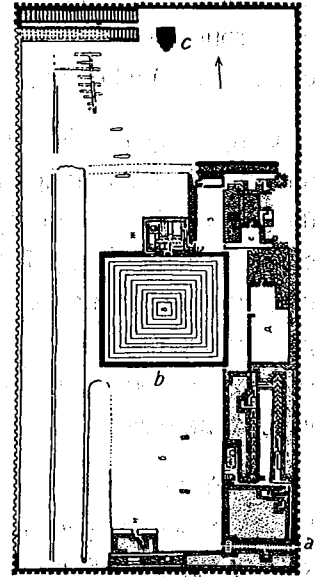


Kim tự tháp Đgiôxê

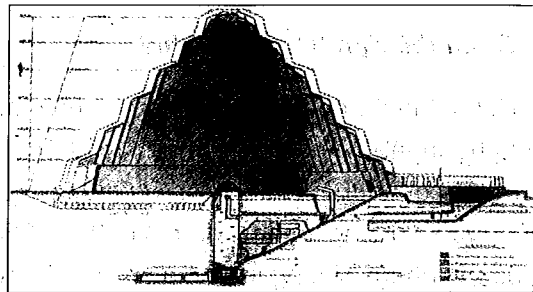
Công trình Kim tự tháp dạng giạt cấp sớm nhất được biết đến là Đgiôxê (hình 31), được xây dựng khoảng năm 2800 - 2700 trước CN (thuộc Vương triều thứ III), do một quan đầu triều được mệnh danh là "Thánh" (Divine) Imhôtép chỉ huy.

Đây là một quần thể công trình có bố cục cân đối, hài hoà, đường nét dứt khoát, nhất quán, bao gồm Kim tự tháp, các đền thờ ở phía Nam và hai sân ở hai phía Nam - Bắc. Quần thể này được bao bọc bằng bức tường cao 10m, dài 555m, rộng 278m. Chiều dày tường 7m đủ rộng để có thể đi lại ở bên trên. Toàn bộ công trình được làm bằng đá hộc thô, bên ngoài ốp bằng những tấm đá vôi màu trắng hoặc màu sáng. Trên suốt chiều dài bức tường rào quanh thành, chỉ có một lối ra vào duy nhất được mở về phía Nam để đảm bảo an toàn (hình 32).

Kim tự tháp Đgiôxê có 6 cấp với chiều dài hai cạnh đáy là 121m và 109m. Tổng chiều cao tháp là 60m. Hầm mộ là nơi để hài cốt vua Đgiôxê được xây bằng đá tảng, vuông mỗi chiều 62,9m và cao 8,2m. Lối vào hầm từ phía Bắc sâu 28m. Tường trong nhà hầm được ốp bằng đá hoa cương. Trang trí quanh hầm hết sức cầu kỳ, lộng lẫy với nhiều phù điêu và đồ dùng quý, bằng vàng hoặc mạ vàng. Trên mặt tường phía Nam có một bức tranh khắc đá cao 13m, dài 85m mô tả các sinh hoạt của nhà vua (hình 33).



32. Mặt bằng tổng thể Kim tự tháp Đgiôxê
a - Lối vào, b - Kim tự tháp, c - Đền thờ.



33. Mặt cắt Kim tự tháp Đgiôxê

Quanh mộ chính còn có tới 11 hầm mộ nhỏ, trong đó 5 hầm mộ để chôn người thân của vua, 6 hầm khác dùng làm kho.

Ở ngay cạnh cổng vào có hai tháp cao, rồi tới một hành lang dài 54m có 40 cột đặt trên đế thấp. Trên đầu các cột có những phiến đá hình vuông. Thân cột có khía. Tiếp giáp với Kim tự tháp ở ngay sát chân tháp phía Bắc là một đền thờ có cạnh $50m \times 40m$ với hai sân trong. Các hàng cột và hành lang trông ra ba phía.

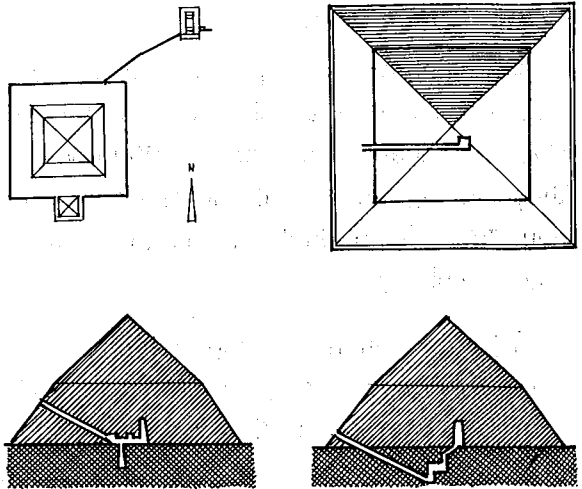
Ngoài ra, tại đây còn có Kim tự tháp của Vua Nôphơra có dạng hình nêm, xây dựng vào khoảng năm 2625 trước CN, có đáy vuông $188,5m \times 188,5m$, chiều cao 97m (hình 34). Kim tự tháp của Vua Xekhemkhét có cạnh đáy $120m \times 120m$, cao 70m.

Quần thể Kim tự tháp ở Ghidê

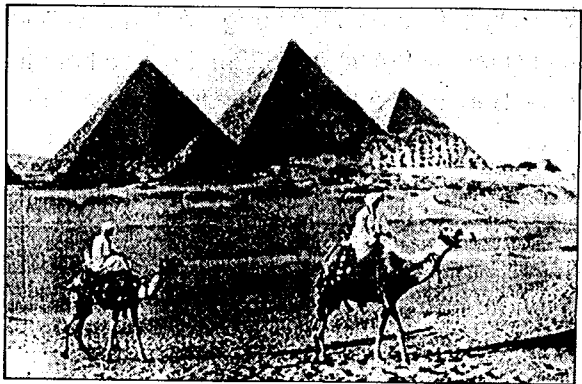
Nổi bật nhất, có tiếng vang lớn về quy mô và nghệ thuật, tiêu biểu cho nền kiến trúc cổ Ai Cập là quần thể kim tự tháp ở Ghi dê, xây dựng vào khoảng những năm 2600 - 2550 trước CN (thuộc Vương triều thứ IV). Ở đây có ba Kim tự tháp lớn là Khêốp, Kêphơren và Mikêrinox. Ngoài ra còn phải kể đến tượng nhân sư, các đền thờ và phần mộ của tầng lớp quý tộc được xây dựng rất nhiều ở xung quanh (hình 35).

Kim tự tháp Khêốp

Được xây dựng trước tiên và có kích cỡ lớn nhất. Đáy vuông $233m \times 233m$, chiều cao 146,59m. Kim tự tháp này được xây từ

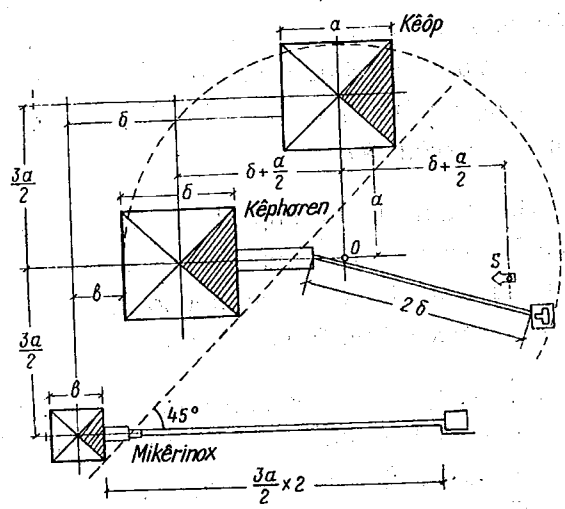


34. Kim tự tháp hình nêm của vua Nôphơra



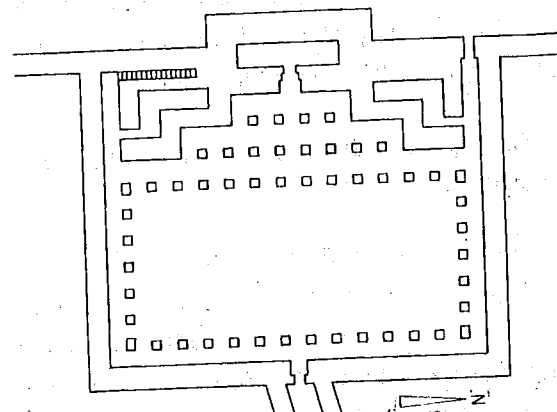
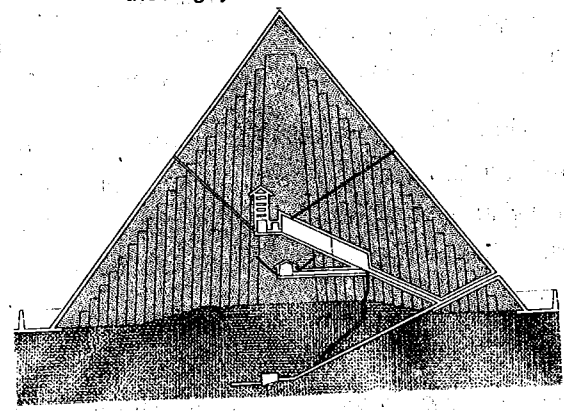
35. Toàn cảnh quần thể Kim tự tháp ở Ghi dê

2.300.000 viên đá tảng đẽo. Mỗi viên đá nặng từ 2,5 đến 3 tấn, xếp thành hàng, dưới to trên nhỏ. Hàng dưới cùng cao 1,5m. Hàng thứ hai 1,25m. Hàng thứ ba 1,2m. Hàng thứ tư 1,1m. Các hàng tiếp theo cứ nhỏ dần từ 0,90m đến 0,65m. Hàng đá trên cùng có chiều cao là 0,55m. Bề mặt ngoài Kim tự tháp có tổng diện tích là 53.000m², được ốp bằng 115.000 phiến đá vôi nhẵn kích thước đều nhau. Mạch vữa rất nhỏ, chỉ bằng 0,5cm. Đá được lấy từ mỏ đá lộ thiên bên hữu ngạn sông Nil. Để chở được đá về bên tả ngạn nơi xây Kim tự tháp người ta đã làm một con đường dài 9km rộng 18m, lát đá được mài nhẵn mặt. Độ dốc cao nhất là 15m. Riêng con đường này phải làm trong 10 năm.



36. Cách xác định vị trí các Kim tự tháp theo nguyên tắc hình học

Từ hướng Bắc có một hành lang dài dẫn tới phòng đặt quan tài vua Khêóp. Phòng này được trang hoàng rực rỡ, được đặt ở độ cao 40m so với mặt đất. Mặt tường trong mộ được ốp bằng đá quý. Trong lòng tháp còn có một phòng mộ dành cho Hoàng hậu, và một căn hầm nằm ở sâu 30m dưới mặt đất dùng làm nơi để đồ vật (hình 36, 37).



37. Mặt cắt và mặt bằng hầm mộ Kim tự tháp Khêóp

Để xây dựng Kim tự tháp, chính quyền đã huy động toàn dân, biên chế thành từng đội làm việc nặng nhọc 10 giờ mỗi ngày, cứ ba tháng mới được thay người một lần. Kim tự tháp Khêóp được xây dựng trong 30 năm, với số lượng thợ lên đến trên 10 vạn. Do tính chất vĩ đại và sự chính xác hình học rất cao nên đã có nhiều giả thuyết về kỹ thuật xây dựng Kim tự tháp, kể cả giả thuyết có bàn tay người ngoài hành tinh. Song ý kiến cho rằng dùng

đất đắp thành dốc và dùng con lăn đòn bẩy để kích đá là có lý hơn cả. Trên thực tế người ta cũng đã tìm thấy một số dấu vết chứng minh cho điều này.

Bên cạnh Kim tự tháp Khêốp có hai đền thờ Thượng và Hạ, có căn nhà để thuyền của vua được đục trong đá, và một số công trình khác chưa xác định được chức năng.

Đền Thượng đặt theo hướng Bắc Nam, dài 52,4m, rộng 40m. Khác với đền Đgiôxê chỉ có cột gắn liền tường, ở đây lần đầu tiên có cột đứng tự do ở 4 mặt đền, làm bằng đá hoa cương. Mặt nhà hình chữ nhật, tường hai bên hơi xiên. Lối vào đền đặt ở chính giữa. Tại nơi thờ, ở gian trong cùng có đặt tượng vua Khêốp.

Đền Thượng và đền Hạ thông nhau bằng một lối đi, song cho đến nay chỉ mới có đền Thượng được trùng tu, và vẫn còn khá nhiều các công trình khác chưa được khai quật.

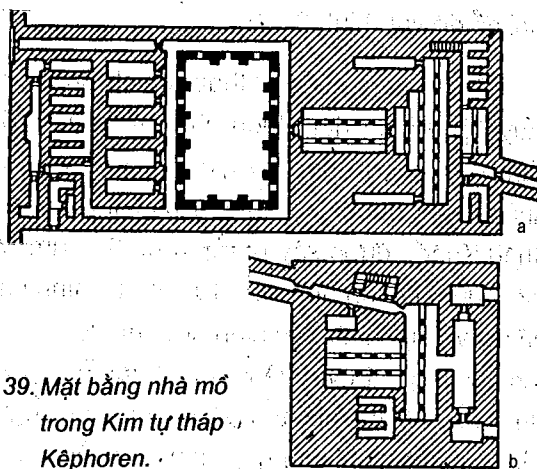
Ở phía Nam quần thể có phòng để thuyền của vua Khêốp, bên trong còn lưu giữ được những chiếc thuyền gỗ với đủ phương tiện chèo thuyền. Tuy nhiên có thể những thuyền này chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh.

Kim tự tháp Kêphoren và tượng nhân sư (Xphinx)

Lớn thứ hai trong quần thể ở Ghidê, Kim tự tháp Kêphoren cao 143,3m đáy vuông 215,25m × 215,25m. Những đền đài ở đây cũng được xây bằng đá với những hàng cột đứng tự do. Ở mỗi đầu cột đều có tượng các ông vua ngồi trên ngai được tạc bằng đá có



38. Tượng Kêphoren



39. Mặt bằng nhà mồ trong Kim tự tháp Kêphoren.

phủ các màu xanh, vàng. Tượng Kephoren lớn nhất, ngồi trên ngai vàng với tư thế bình tĩnh và vĩ đại như một vị thánh (hình 38, 39).

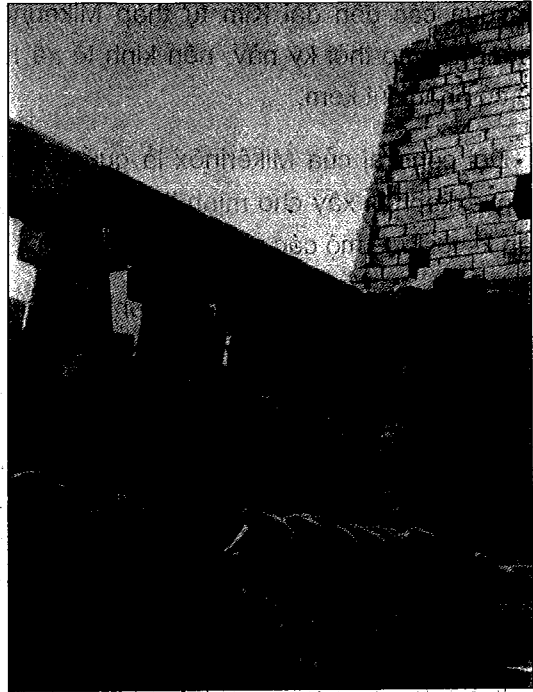
Trong điều khắc cổ Ai Cập, tượng minh sư tử có đầu người hoặc đầu dê là một hình tượng rất phổ biến, dùng để đặt ở các đền đài. Có đền có tới 500 bức tượng như vậy (hình 40).

Đọc đường đi tới đền Khêốp cách tháp Kêphoren không xa có một bức tượng đầu người minh sư tử cực kỳ lớn hết sức độc đáo, gọi là Xphinx, được tạc vào thế kỷ XXI trước CN. Tượng này dài 56m, cao hơn 20m. Chỉ riêng tai tượng đã dài 2m. Có giả thiết cho rằng đây chính là hình tượng của vua Kêphoren. Nó không chỉ thể hiện sức mạnh trí tuệ của con người mà còn cả sức mạnh cơ thể cường tráng của một con sư tử. Cũng có giả thiết cho đây là người canh gác cho giấc ngủ của vua. Tượng nhân sư làm tăng vẻ uy nghi thần bí, làm cho người dân phải khiếp sợ. Từ lời đồn đại rằng bên trong tượng có thể có các phòng tế thần và đường ngầm, mà vua Napôlêông Bônápác năm 1795 đã nã đại bác phá hủy mất phần mũi của đầu tượng. Vết tích đó vẫn còn nguyên cho đến tận ngày nay (hình 41).

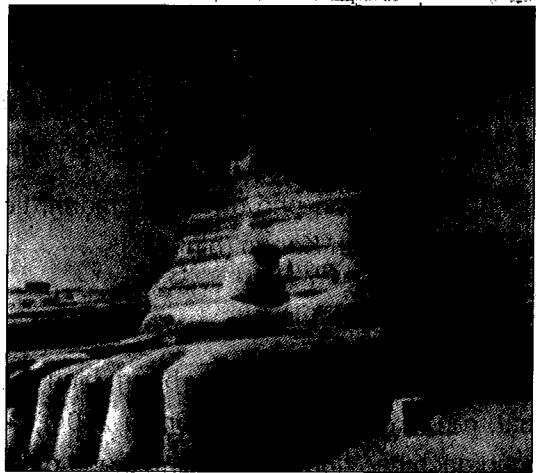
Kim tự tháp Mikêrinôx

Là tháp nhỏ nhất trong ba tháp ở Ghidê với chiều cao 66m đáy vuông 108m × 108m. Hầm mộ của Kim tự tháp này đặt ở dưới sâu, có hai lối vào.

Những đền thờ xung quanh được xây bằng gạch mộc và gỗ. Kích cỡ và vật liệu khiêm



40. Đường vào đền Amôn ở Karnac



41. Tượng nhân sư

tổn của các đền đài Kim tự tháp Mikêrinhôx chứng tỏ vào thời kỳ này, nền kinh tế xã hội đã có phần sút kém.

Đời con trai của Mikêrinhôx là quốc vương Sepxekap chỉ xây cho mình lăng bằng gạch xấp xỉ với lăng mộ các nhà giàu cùng thời.

Qua quần thể Kim tự tháp Ghidê có thể nhận thấy rõ những thành tựu của nghệ thuật điêu khắc, đồng thời thấy được vai trò quan trọng và chủ đạo của kiến trúc (hình 42).

Một câu nói của người Ảrập còn được lưu truyền đến ngày nay chứng tỏ giá trị lớn lao của các Kim tự tháp: "Tất cả đều sợ thời gian, nhưng thời gian lại sợ Kim tự tháp".

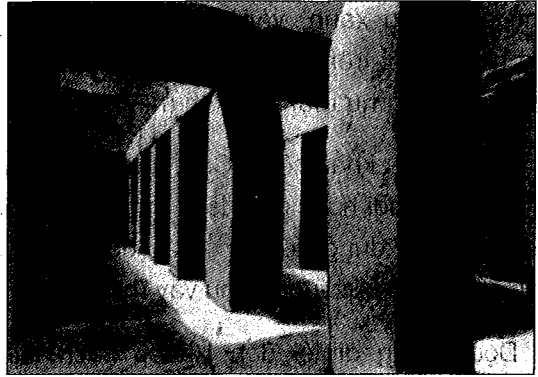
2.2.4 Kiến trúc thời kỳ Trung vương quốc (2100 - 1600 trước CN)

Vào đầu thế kỷ thứ XXI trước CN, sau khi đào hồ và kênh để trị thủy sông Nil, đồng ruộng trở nên phì nhiêu, nông nghiệp phát triển, nền kinh tế Ai Cập tiến lên một mức cao.

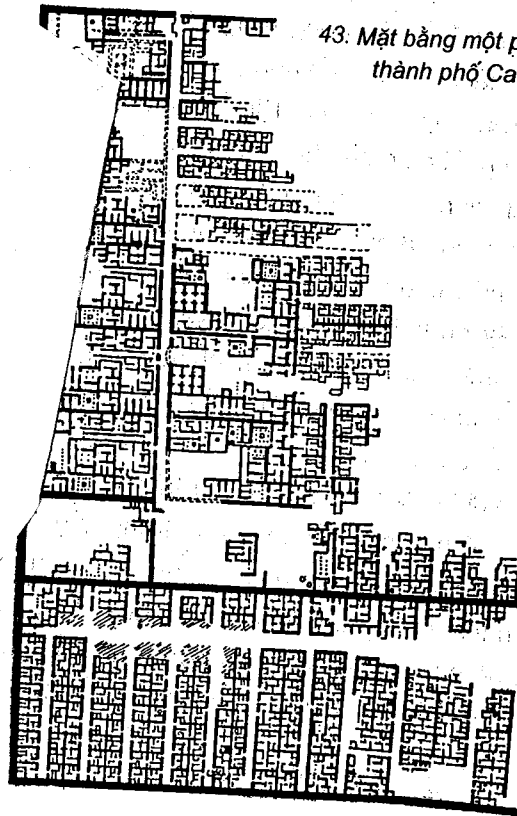
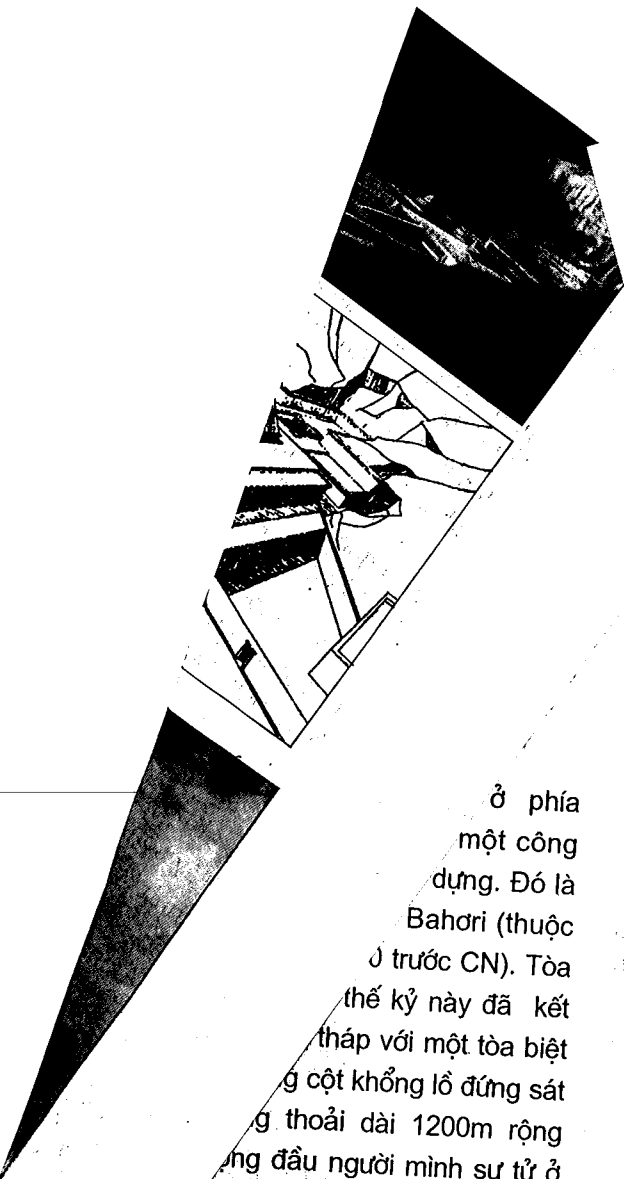
Xây dựng thành phố được đầy mạnh, tiêu biểu nhất là thành *Kahun* (hình 43).

Thành phố Kahun

Thành phố này có mặt bằng hình chữ nhật, rộng khoảng 10ha (380m × 260m), có tường gạch bao quanh. Hai cổng thành ở phía Nam và phía Bắc chia thành phố ra làm hai phần không đều nhau, được ngăn cách bởi một bức tường dày.



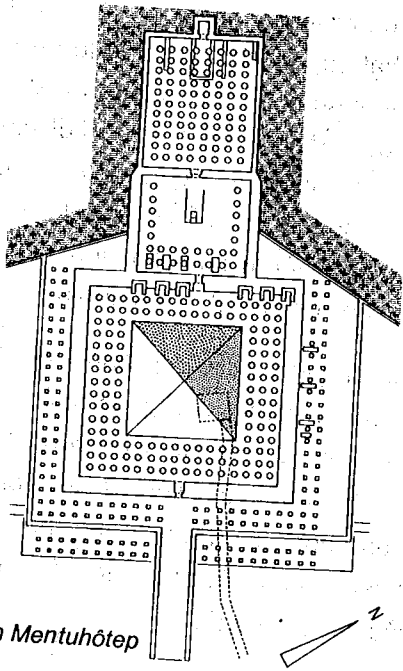
42. Nội thất nhà mỗ ở Kim tự tháp Kêphôren



43. Mặt bằng một phần thành phố Cahun

ở phía một công dựng. Đó là Bahri (thuộc ở trước CN). Tòa thế kỷ này đã kết tháp với một tòa biệt g cột khổng lồ đứng sát g thoải dài 1200m rộng g đầu người mình sư tử ở n sân đền (hình 44).

có mái hiên rộng với hai hàng a hoa cương. Một con đường dốc tới hiên đền thứ hai. Đền này cũng hàng cột hiên nhưng to hơn loại cột ở nứ nhất.



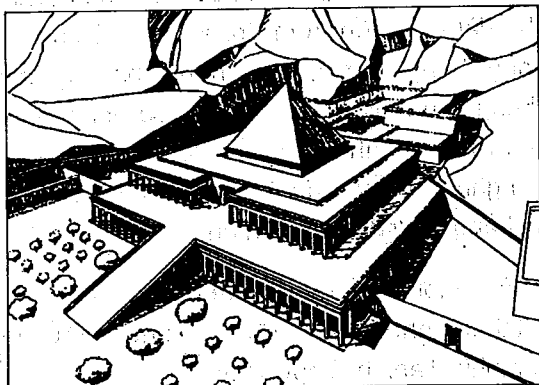
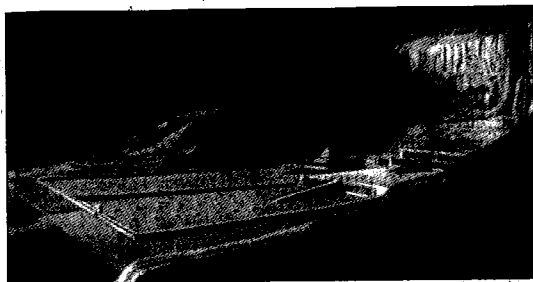
44. Mặt bằng đền Mentuhôtep

Trong đền có phòng rộng với 140 cột đỡ mái. Khác với thời Cổ vương quốc, ở quần thể đền này tuy cũng có Kim tự tháp, nhưng không phải để chứa thi hài mà chỉ để làm chỗ tưởng niệm. Thi hài quốc vương được đặt trong hang đá phía sau. Một độ dốc thoải với các chiều cao cột khác nhau tạo tầm nhìn tốt và gây được nhiều ấn tượng sâu sắc. Cổng phía trước đặt thấp nhằm nhấn mạnh công trình sau và vẻ uy nghiêm đồ sộ của cả quần thể. Các tượng dọc hành lang kết hợp rất hài hoà với bố cục chung. Sự bố trí dãy cột trên mặt chính là một cải tiến quan trọng. Nội thất đã được chú ý tối đa, nhấn mạnh sự đối xứng, có nhiều điều khắc ở đại sảnh và sân trong, với bố cục mặt bằng phức tạp, như một biện pháp để phòng chống đột nhập (hình 45).

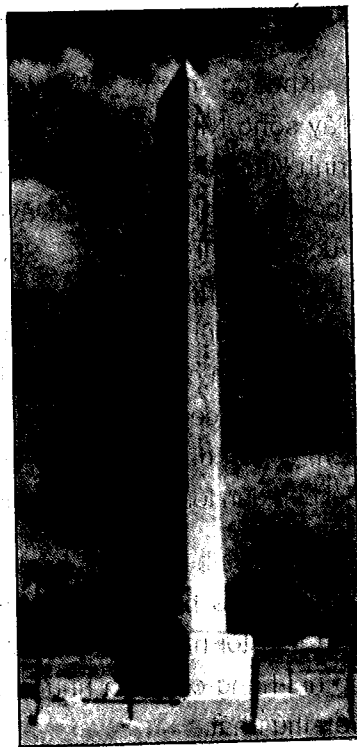
Cột ghi công (Obelisk)

Để ca ngợi những chiến công từ các cuộc chinh phạt, người Ai Cập dựng lên trước mặt các công trình hoặc trên quảng trường những cột đá cao hàng chục mét có tiết diện hình vuông, đỉnh nhọn, nay còn thấy một cột cao tới 30m, bốn mặt có khắc chữ và trên chóp có lớp hợp kim vàng, khi gặp ánh nắng chiếu vào thì chói loé lên rực rỡ (hình 46).

Nhìn chung, các công trình kiến trúc thời Trung vương quốc không có kích cỡ đồ sộ như các Kim tự tháp thời Cổ vương quốc, mà hướng nhiều vào cải tiến và tìm tòi sự độc đáo của không gian bên trong, phát huy vai trò trang trí của cột, và tăng đáng kể chiều dài của các ngôi nhà.



45. Toàn cảnh đền Mentuhôtep



46. Obelisk

2.2.5. Kiến trúc thời kỳ Tân và Hậu vương quốc

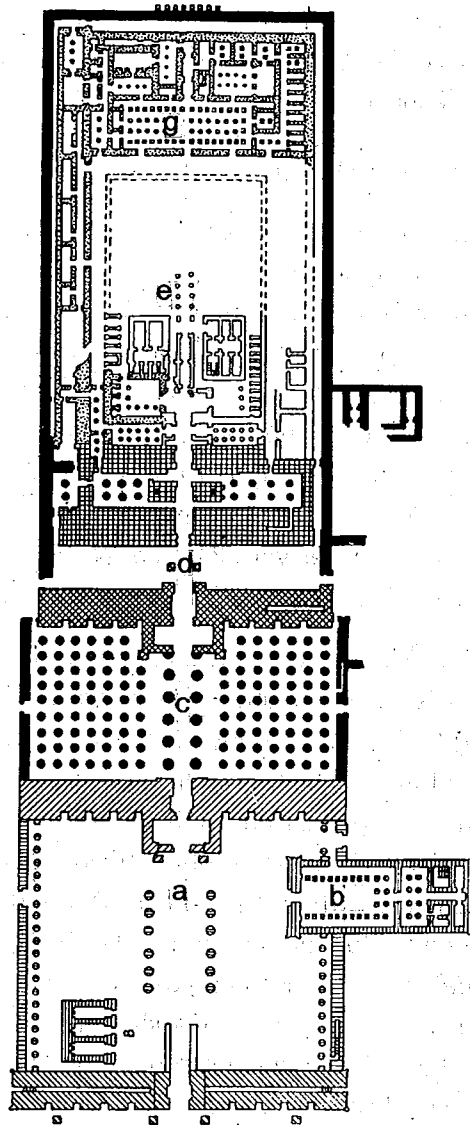
2.2.5.1. Kiến trúc thời kỳ Tân vương quốc (1600 - 1130 trước CN)

Vào thế kỷ thứ XVII trước CN, mâu thuẫn giai cấp ở Ai Cập trở nên khá gay gắt. Bạo động nổi lên khắp nơi, dẫn đến sự kiệt quệ về kinh tế, suy yếu về chính trị và ngưng trệ về xây dựng.

Tiếp theo là nạn ngoại xâm liên tiếp trong 140 năm.

Mãi tới đầu thế kỷ thứ XVI trước CN, quốc vương Ai Cập là lác Khômécх mới dẹp xong giặc ngoài, thống nhất đất nước, chính thức đặt nền móng cho thời kỳ Tân vương quốc. Thừa thế chiến thắng, các đời vua thời kỳ này tiếp tục chính sách xâm lược các nước láng giềng với quy mô lớn để mở mang bờ cõi, vơ vét của cải.

Đến thời Tumét III (thế kỷ thứ XIII trước CN), Ai Cập đã chinh phục được cả Libi, Nubi, Palextin, Penixj và Xyri, và trở thành một đế quốc lớn mạnh nhất trong vùng. Nhà nước nắm độc quyền buôn bán với nước ngoài. Quan hệ thương mại mở rộng tới các vùng quanh Địa Trung Hải như Tiểu Á Tế Á và Lưỡng Hà. Có thể nói thế kỷ XII - XI trước CN là thời kỳ thịnh vượng nhất của quốc gia Ai Cập cổ đại. Kinh tế hưng thịnh kéo theo những thay đổi về tôn giáo. Hình tượng thần Amôn (thần Mặt trời) từ Xiri - Palextin tràn vào như một cơn bão tinh thần, làm cho từ Quốc vương trở đi ai



47. Mặt bằng đền thờ Amôn ở Karnăc

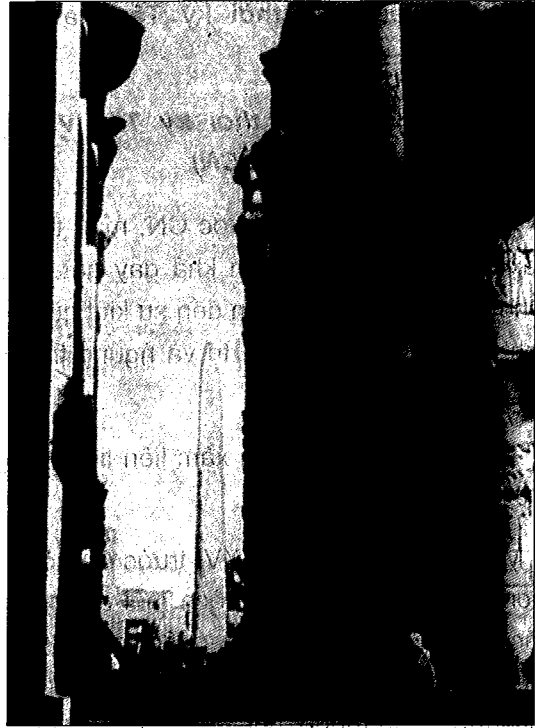
- a. Sân thượng
 - b. Đền thờ Rămxêch III
 - c. Đền Xêti
 - d. Sân trung
 - e. Đền di tích trung đế
9. Đền Tumét.

ai cũng trở thành con của vị thần này. Từ đây người ta xây nhiều ngôi đền lớn để thờ thần Amôn (hình 47).

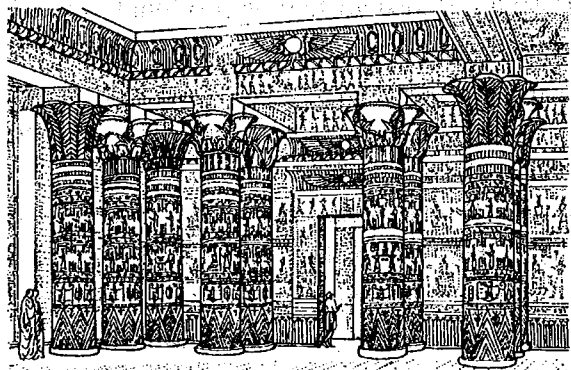
Đền thờ thần Amôn ở Karnac .

Vào cuối thế kỷ thứ XIV trước CN, người ta đã xây dựng tại Karnac thuộc Ai Cập cổ đại một ngôi đền lớn đạt trình độ nghệ thuật rất cao để thờ thần Amôn. Gian phòng chính rộng 13m dài 52m, với cả một rừng 160 cây cột đỡ mái. Cột giữa cao 20,4m, đường kính thân cột 3,57m. Hàng cột hai bên cao 16m, đường kính thân cột 3,44m. Trên khắp bề mặt tường và cột với diện tích 24,282m² có chạm khắc các hình người và cây (hình 48).

Một lối đi nằm ở trục chính, xuyên giữa các hàng cột dẫn đến phòng trong cùng là nơi đặt tượng thần Amôn. Ở đây việc chiếu sáng có một vai trò đặc biệt quan trọng. Khách thăm đền từ không gian đầy ánh sáng bên ngoài bước vào gian phòng có nhiều hàng cột tranh tối tranh sáng, rồi càng vào sâu càng mờ dần cho đến khi tối hẳn thì gặp nơi thờ thần. Điều này đạt được nhờ việc nâng dần sàn và hạ dần chiều cao cột. Với sự bố trí không gian và ánh sáng thay đổi, đặt nhiều tượng đá, bia đá, phù điêu, chữ khắc v.v... quần thể đền Amôn ở Karnac đã tạo được một sức mạnh huyền bí, tác động mạnh lên những tâm hồn mê tín dị đoan. Ngôi đền này đã tạo nên được sự thống nhất toàn vẹn của các hình nghệ thuật, kể cả nghệ thuật chiếu sáng, và là một điển hình kiến trúc đền đài cổ Ai Cập trong nhiều thế kỷ.

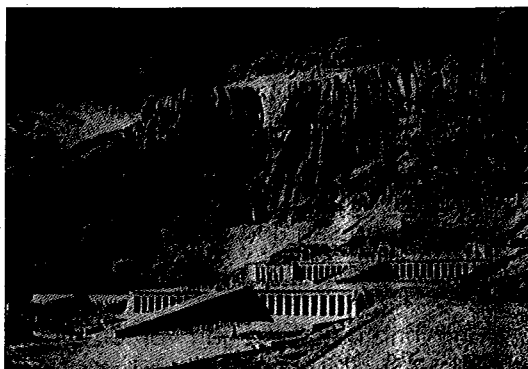


48. Các hàng cột trong đền Amôn ở Karnac



49. Đền thờ thần Amôn ở Lucxo

Cùng thời gian này loại đền thờ thần Amôn còn được xây dựng rất nhiều nơi. Nổi tiếng hơn cả phải kể đến đền thờ Amôn ở Lucxo thờ ba vị thần Amôn, do Quốc vương Amenjôtép III (thuộc Vương triều thứ XVIII 1402 - 1365 trước CN) xây dựng. Đền này có kích thước khổng lồ với chiều dài là 190m. Nơi lễ chính đặt ở phần trong cùng. Muốn tới đó phải qua một số gian rộng với nhiều hàng cột (hình 49). Các tường bao quanh đều được chạm khắc. Tuy cột có chiều cao gần 20m, nhưng nhờ ở tỷ lệ hài hoà và dáng đẹp đầu cột nên công trình tạo được vẻ đẹp giản dị, trang nghiêm và hùng vĩ.

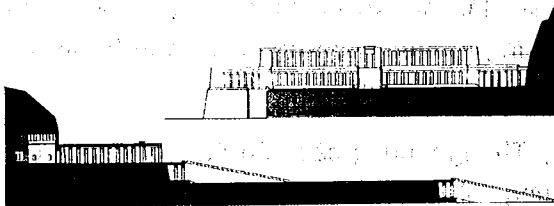
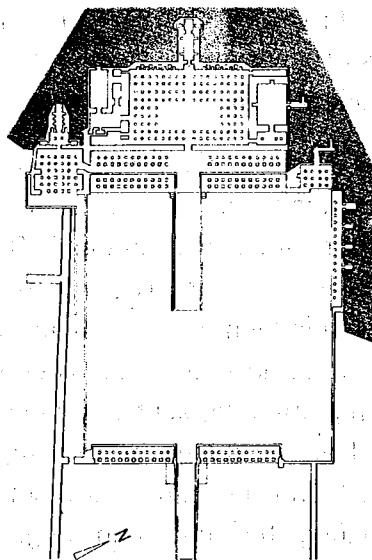


Đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut

Tại Đáyel - Bahari ở gần đền thờ Mentuhôtép có ngôi đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut, được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ XVI trước CN (hình 50).

Đền này có hình dáng và bố cục gần giống với đền thờ Mentuhôtép, nối tiếp truyền thống lăng mộ các thời đại trước. Tượng, bia đá, phù điêu và các trang trí lộng lẫy ở cả bên trong lẫn bên ngoài là nét đặc trưng kiến trúc đền đài thời kỳ Tân vương quốc. Cũng giống như đền Mentuhôtép, đền thờ Hoàng hậu được xây dựng trên ba cấp đồi khá lớn, tựa lưng vào các triền núi đá.

Trong đền không có nơi đặt thi hài. Dẫn lên đền là một con đường rộng, hai bên cứ 10m lại có hai cây cột, đỉnh cột có tượng mình hình thú, đầu hình mỹ nữ. Trên mặt tường và cột đều có khắc chạm nhiều hình ảnh mô tả sinh hoạt của quốc vương đương thời. Các



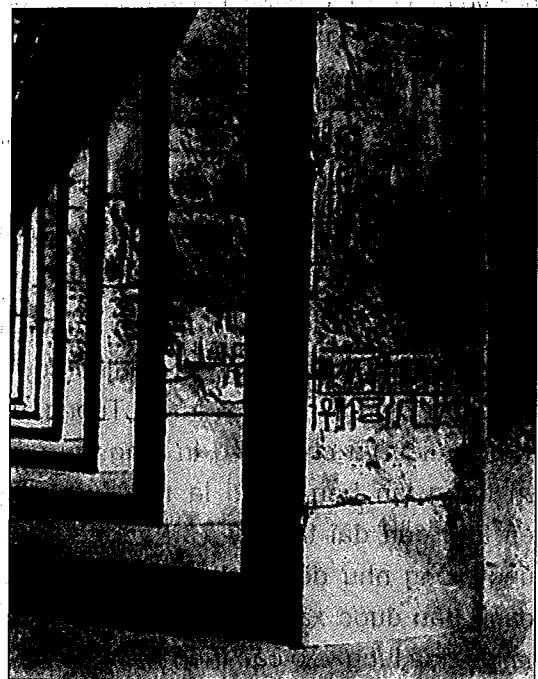
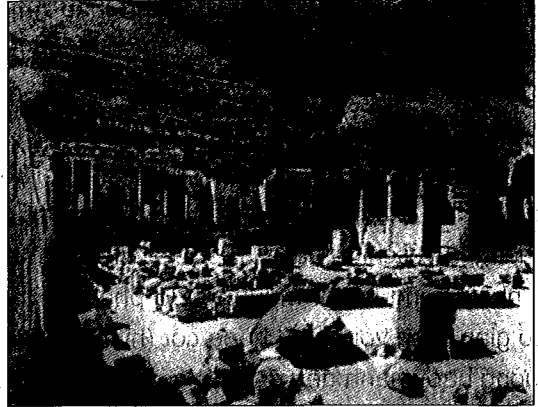
50. Toàn cảnh - Mặt bằng - mặt cắt đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut

dải phù điêu và tranh màu được chạm khắc ở trên trần và quanh khu tiền đền. Bốn trăm bức tượng cùng với hệ thống cột trong nhà, ngoài hiên được dát kín vàng bạc, đóng vai trò quan trọng trong bố cục và trang trí nội thất, đã làm cho sân đền và khu nghĩa địa trở nên sinh động khác thường (hình 51, 52).

Công trình này được gắn với tên tuổi của tác giả thiết kế và xây dựng là Xenmút, người có một vị trí quan trọng dưới triều đại của Hoàng hậu Hatxepxut với tư cách là tác giả của rất nhiều đền đài.

Để đánh dấu những thắng lợi chống ngoại xâm và suy tôn mình, các quốc vương Ai Cập đều ra sức xây dựng thành Thebes - thủ đô của Ai Cập thời Tân vương quốc - thành một điển hình về nghệ thuật thời bấy giờ. Nhìn từ xa đã thấy thành Thebes hiện lên nguy nga tráng lệ, soi bóng xuống dòng sông Nil. Hai bên đường từ bờ sông đi lên có những tường đá, những dãy cột đá và bia đá, những tháp cao lừng lững. Những đền đài của vua chúa, nhiều biệt thự của chủ nô có sân vườn cây xanh bao quanh. Đền đài thường có mặt bằng giống nhau, nhưng trang trí mặt ngoài và bên trong nhà lại rất khác nhau.

Thông thường các đền đài có bố cục cân xứng. Mặt bằng hình chữ nhật kéo dài, có tường dày bao quanh. Đường rộng dẫn tới cửa đền có đặt các tượng đá đầu người mình thú. Lối vào đền hẹp, hai bên có tháp cao đồ



51. 52. Sân đền và nội thất đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut

sộ. Mặt tường cũng thường được chạm trổ cảnh sinh hoạt của vua chúa.

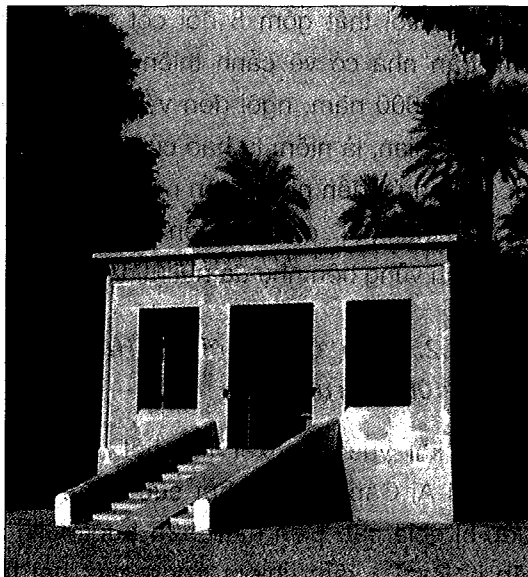
Trong bố cục của mỗi ngôi đền đều có sự phân khu theo đẳng cấp: dân thường thì tụ tập ở ngoài sân, chủ nô và quan lại được vào các gian có cột. Chỉ có Quốc vương và quần thần mới được vào tới nơi thờ cúng ở phía trong cùng.

Tại Karnac vào thời kỳ này còn có ngôi đền "Trắng", có mặt bằng hình vuông (8m x 8m) với 16 cột thờ Vua Xesostris I (1980 - 1935 trước CN), khá tiêu biểu cho loại đền đài quy mô nhỏ (hình 53).

Trong thời Tân vương quốc, người ta còn xây một số đền đục vào lòng núi đá, nhưng bố cục và trang trí không có gì khác biệt so với những ngôi đền xây ngoài trời.

Đền thờ Rămxet III

Một ngôi đền khác khá đồ sộ và độc đáo ở thời kỳ Tân vương quốc là đền thờ Quốc vương Rămxet III ở Abu Simbel, tọa lạc trên bờ Tây sông Nil. Một con đường nối thẳng từ bờ sông đến tận cổng đền. Hai bên cửa vào có hai tượng Rămxet III khổng lồ cao tới 20m. Hai hình người phụ nữ cao bằng người thật đặt dưới chân tượng càng làm tăng thêm cảm giác về vẻ uy nghi của tượng. Mặt chính đền quay về hướng Đông - Đông Nam để khi mặt trời mọc, những tia nắng sớm rực rỡ có thể chiếu thẳng vào tận gian đặt tượng ở trong cùng. Qua cửa là gian thờ dài 55m đục vào



53. Đền Trắng ở Karnac

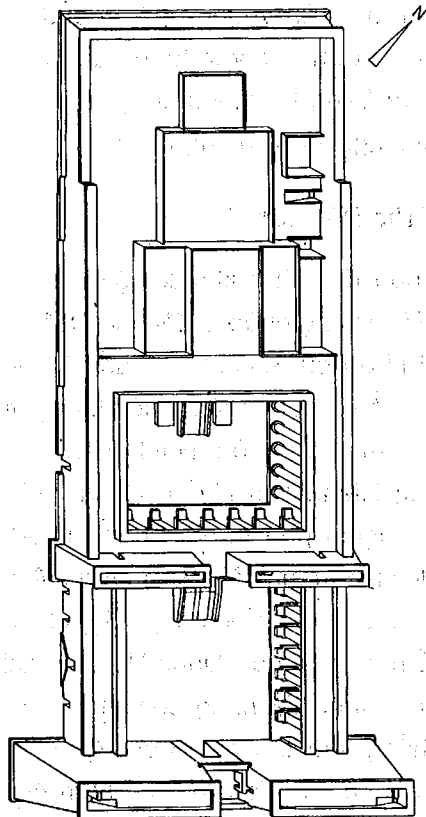
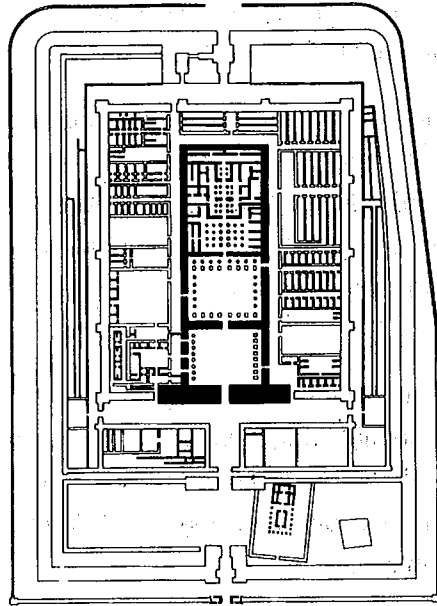
hang đá. Nội thất gồm 8 đôi cột to, cao tới 10m, trần nhà có vẽ cảnh thiên đường. Trải qua trên 3000 năm, ngôi đền vẫn đứng vững cùng thời gian, là niềm tự hào của đất nước Ai Cập. Kiến trúc đền như muốn nói lên ý đồ của giai tầng thống trị : chính quyền trị vì Ai Cập có sức mạnh vững bền như đá núi (hình 54).

2.2.5.2. Kiến trúc thời kỳ Hậu vương quốc (1100-30 trước CN)

Sau khi vua Rămxet III chết, tình hình chính trị Ai Cập trở nên hết sức rối ren. Đất nước bị chia cắt. Đến năm 525 trước CN, Ai Cập bị Ba Tư xâm chiếm trong suốt hai thế kỷ. Giai đoạn này không có công trình xây dựng nào đáng kể. Vào năm 332 trước CN, Ai Cập đã hoàn toàn bị Hy Lạp hoá, mà bằng chứng rõ rệt nhất là việc xây dựng thành phố Alêchxanđri thành một trung tâm thương mại lớn theo kiểu Hy Lạp, có hệ đường phố hình bàn cờ.

Đền Hora ở Edphu

Đền Hora là một công trình điển hình trong loạt đền đài thời Hậu vương quốc, được khởi công vào năm 237 trước CN, và thời gian xây dựng bị kéo dài tới 180 năm. Thành phần chính của đền cũng tương tự như các đền đài trước đó: cổng đền, sân trong, cửa vào, các hàng cột, hậu cung và nơi tế lễ, theo cách bố cục đối xứng. Tường cao 35m, rộng 76m, hai mặt bên hơi nghiêng tạo nên một vẻ đẹp vừa vững chãi, vừa uy nghi (hình 55).



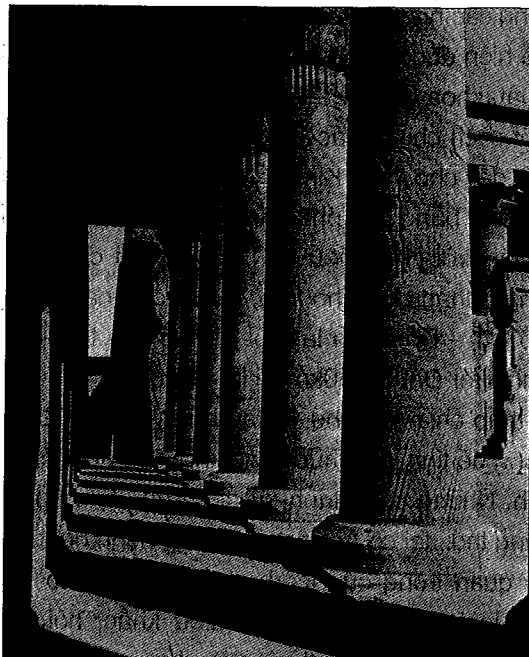
54. Tổng mặt bằng và phối cảnh đền thờ Ramxes III ở Ambuximbel 1175 trước Công nguyên

25 năm sau ngày khởi công (năm 215 trước CN) việc xây dựng bị tạm đình, phải chờ 65 năm sau (năm 147 trước CN) đến mới được trang trí bằng chạm khắc và bích họa, và năm 57 trước CN toàn bộ ngôi đền này mới được xây xong. Tuy bị kéo dài, nhưng công trình vẫn giữ được sự bố cục hoàn chỉnh và nhất quán. Tại đây người ta cũng đã áp dụng kiểu tường xây quanh điện thờ để ngăn chặn không cho dân chúng tràn vào một cách ồ ạt (hình 56).

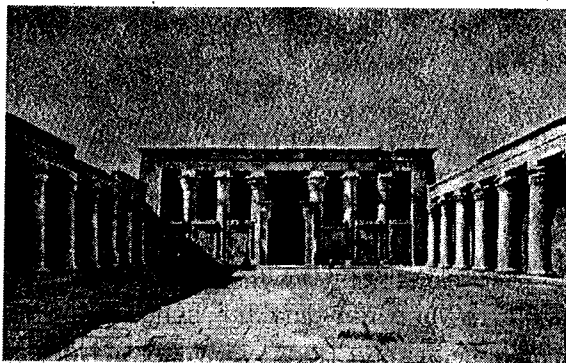
Đến năm 30 trước CN, Ai Cập bị mất chủ quyền và rơi vào tay đế quốc La Mã. Từ đây, kiến trúc cổ Ai Cập cũng bắt đầu có sự chuyển đổi, rõ nét nhất là ở việc dùng các thức cột phức tạp. Tuy nhiên, kiến trúc giai đoạn này nhìn chung vẫn còn kế thừa được khá nhiều truyền thống của đất nước Ai Cập cổ từ các triều đại trước đó.

2.2.6. Nhận xét chung

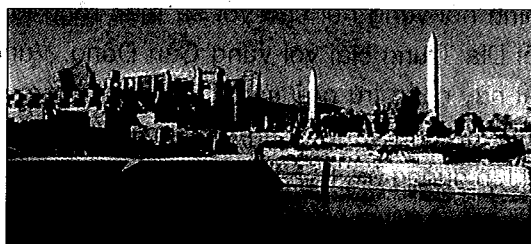
Bằng các công trình kiến trúc hết sức độc đáo về quy mô và hình khối, người Ai Cập cổ đại đã sáng tạo ra thể loại kiến trúc các công trình kỷ niệm có sức truyền cảm cao. Ở đây đã sớm định hình những kiểu đền có cột và nhiều dãy hành lang bao quanh mà về sau được phát triển nhiều ở các công trình của người Hy Lạp - La Mã (hình 57). Cũng từ đây đã ra đời kiểu cửa mái dùng để chiếu sáng những không gian rộng lớn bên dưới, tạo được sự hòa quyện giữa sa mạc mênh mông, núi non trùng điệp, sông nước, mây trời với các công trình kiến trúc và điêu khắc. Những người Ai Cập cổ đã sớm sử



55. Hàng cột hiên trong đền Hora ở Edphu

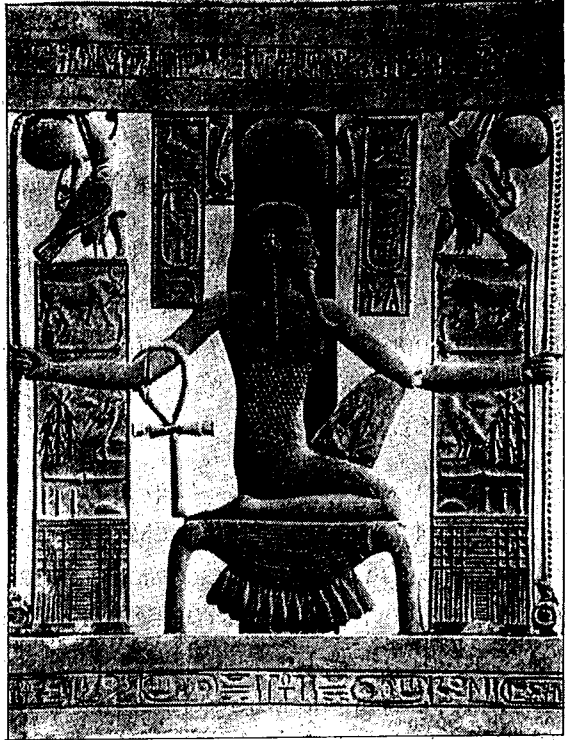


56. Đền Hora ở Edphu



57. Quần thể đền đài ở Karnac

dụng các nguyên tắc hình học vào công trình và thể hiện được trong một quần thể các yếu tố kỹ thuật, khoa học tính toán, nghệ thuật điêu khắc một cách chuẩn xác và tinh vi. Những thông tin mới đây cho thấy: Kim tự tháp Khêôp cao 147m chính là bằng một phần tỷ khoảng cách Trái Đất - Mặt Trời (147 triệu km). Chiều dài các cạnh Kim tự tháp chia cho 365 ngày trong năm bằng 0,635m - Đó chính là một phần mười triệu bán kính Trái Đất (6350km). Hai lần chiều cao Kim tự tháp chia cho chu vi đáy bằng 3,1416, là số Pi (π) để tính kích thước các khối cầu - các hành tinh. Những công trình kỷ niệm đầy tính hoành tráng thời đại cổ Ai Cập đã chứng minh được vai trò quan trọng của kiến trúc trong việc tổ hợp các loại hình nghệ thuật (điêu khắc, hội họa v.v...) cũng như kỹ thuật xây dựng, xứng đáng với vai trò hoạch định các kế hoạch cho toàn bộ hoạt động của những chuyên ngành này (hình 58, 59).



58. Điêu khắc trong kiến trúc cổ Ai Cập

2.3 - KIẾN TRÚC CỔ LƯƠNG HÀ

2.3.1. Bối cảnh thiên nhiên - xã hội

Lương Hà tiếng Hy Lạp là Mesopotami, có nghĩa là vùng đất giữa hai sông, nằm kẹp giữa hai con sông Tigơơ và Ôphơrát. Nơi đây đất đai phì nhiêu, có nhiều đường giao thông chính nối vùng núi cao với sa mạc rộng lớn, nối Địa Trung Hải với vùng Cận Đông. Vùng đất này cũng trù phú sầm uất không kém gì Ai Cập, từng vang bóng một thời với tên gọi "Thiên đường nơi trần thế" (hình 60).

Ở đây đã từng tồn tại các đô thị nổi tiếng như Jerusalem (nay thuộc Palestin), Amirth

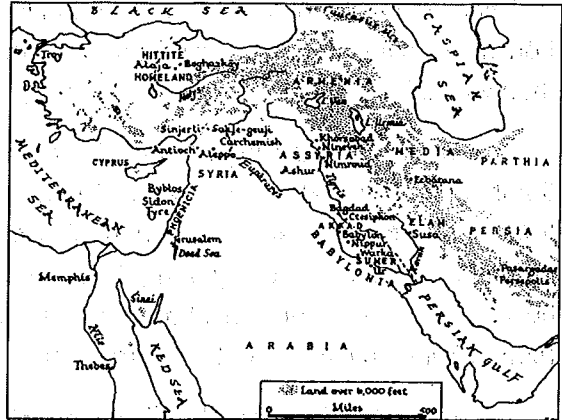


(thuộc Syrie), Babilon, Ninivơ, Ashur, Ur (đều thuộc Irắc ngày nay).

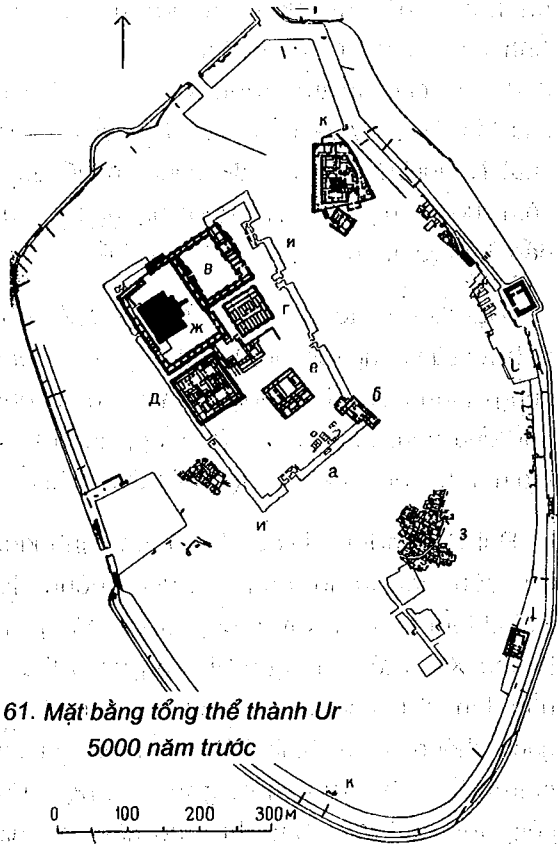
Ngay từ thời xã hội nguyên thủy, ở phía nam Lưỡng Hà đã có nhiều công trình thủy lợi. Là vùng đất có đồng bằng phẳng rộng, nhiều màu mỡ, đầu mối của những tuyến đường giao thông quan trọng, nên Lưỡng Hà luôn là đối tượng giành giật giữa các quốc gia. Suốt 200 năm (thế kỷ thứ IV và III trước CN), chiến tranh liên tiếp xảy ra.

Nền văn minh cổ Lưỡng Hà có từ 4000 đến 5000 năm trước CN và phát triển song song với nền văn minh Ai Cập (hình 61). Những con người trên mảnh đất này là những nghệ sĩ tạo hình tài hoa, giỏi thiên văn, biết nấu sắt, cũng chính là những người đầu tiên đã nghĩ ra chữ viết và đã xác định được độ dài của một năm là 365 ngày. Luật pháp được khắc vào đá, đặc biệt nghiêm khắc với nhà giàu. Phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới.

Vì ở vào nơi bình địa nên vùng này không có núi, không có đá. Vật liệu xây dựng chính là gạch không nung và gạch nung, trong đó có những mẫu gạch men nhiều màu khá độc đáo. Chất kết dính là nhựa đường. Những cây lau sậy dài bện thành tấm phủ đất sét làm tường, hoặc trộn trong đất đầm kỹ dùng để lát nền. Lều sậy xây dựng theo cách này thường có mặt bằng hình tròn hoặc bầu dục.



60. Bản đồ vùng Lưỡng Hà cổ đại TK VIII trước CN



61. Mặt bằng tổng thể thành Ur 5000 năm trước

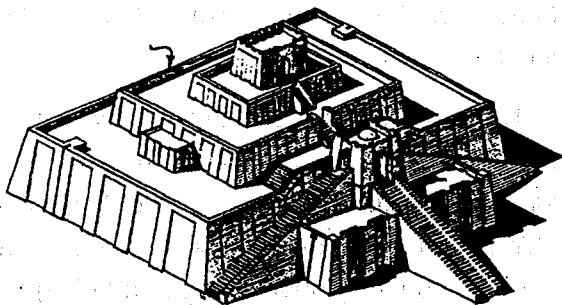
Khác với người cổ đại Ai Cập coi trọng linh hồn người chết, người Lưỡng Hà cổ đại thờ thần và sùng bái thuật chiêm tinh.

Đền đài ở đây xuất hiện trước cả sự hình thành nhà nước. Đền thờ Tepe Gaura có trước nhà nước 20 năm. Đền Eridu có trước nhà nước 16 năm, được xây dựng đồ sộ và có bố cục đối xứng. Đền lớn nhất là đền Uruk (80m × 50m) xây vào năm 3000 trước CN.

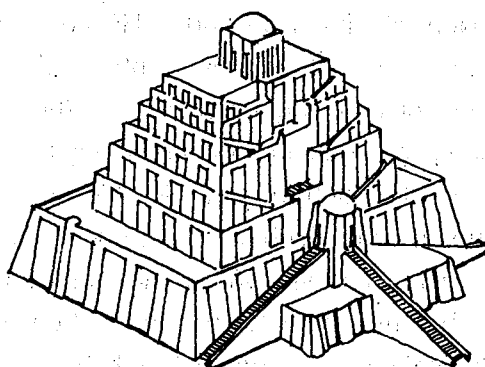
Các đền đài cổ Lưỡng Hà nói chung đều mang nặng tính công cộng. Tường xây bằng gạch mộc gần như kín đặc, không cửa sổ. Ánh sáng lấy từ những khe trên mái. Nền được tôn cao để tránh lụt. Mái bằng làm từ các tấm lau sậy ken lại, trát đất sét rồi miết chặt. Người Lưỡng Hà cổ đại cũng đã biết dùng vòm cuốn bằng gạch vượt được những khẩu độ đến 3m. Đá được sử dụng rất hạn chế.

Đại điện Crítô (thế kỷ thứ XVI - XV trước CN) với sân trong rộng tới 1.650m² (55m × 30m) xung quanh có nhiều loại nhà để ở, phòng ngự của vua, nhà kho, các cổng, hành lang tạo nên huyền thoại về một nơi hết sức bí ẩn.

Đài Chiêm tinh (Digurat) là loại hình kiến trúc tiêu biểu trong toàn khu vực Lưỡng Hà. Đài chiêm tinh Ur xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ XX trước CN gồm 4 tầng và 3 thang dẫn lên đài, các tường xây nẩy trụ, bằng gạch không nung (hình 62). Điển hình là đài chiêm tinh thờ vua Hier, gồm 7 tầng. Đáy công trình 65m × 43m, thu nhỏ dần về phía trên. Tường dày xây bằng gạch mộc, chân



62. Đài chiêm tinh ở Ur thế kỷ XX trước CN



63. Đài chiêm tinh ở Dur Sarukin

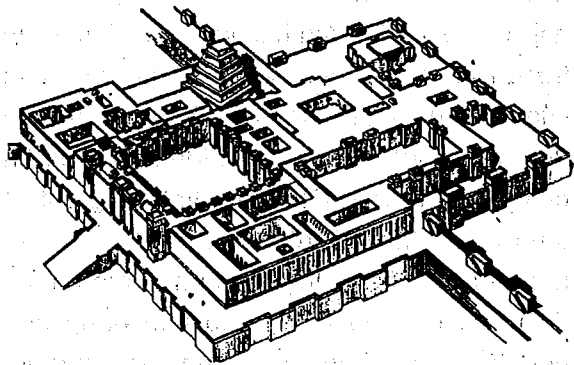
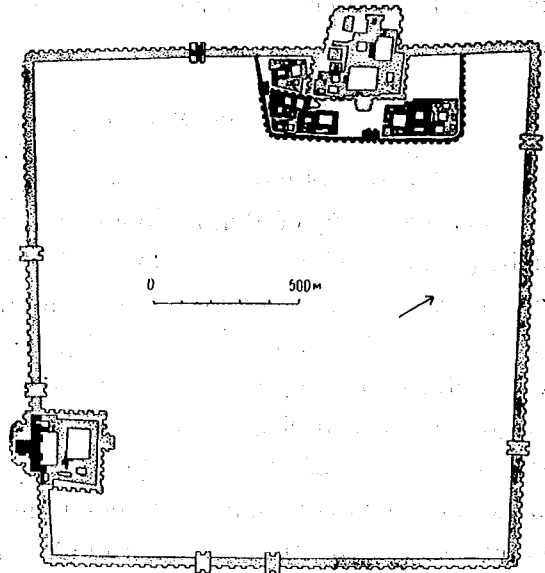
hơi choãi, mặt ngoài được ốp bằng gạch nung (hình 63).

2.3.2. Kiến trúc Assyri và Tân Babilon (thế kỷ VII - VI trước CN)

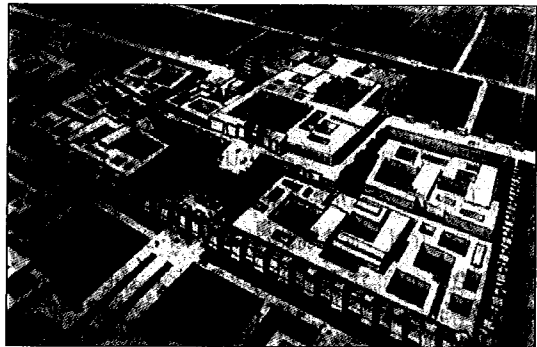
Assyri là một quốc gia nằm ở khu vực Tây Bắc Lưỡng Hà (Đông Bắc Iran ngày nay). Nhờ vào chiến tranh, nước này đã nhanh chóng trở thành một cường quốc. Các con đường chiến lược, các cầu bằng gỗ, đá, nhiều kênh rạch và đê đập, các công trình quốc phòng được xây bằng những khối đá lớn mọc lên khắp nơi. Đến thế kỷ thứ VIII - VII trước CN, Assyri đã thống nhất được toàn bộ vùng Đông Ả rập rộng lớn và đạt đến độ hưng thịnh nhất, đặc biệt dưới thời Vua Assuabanibal (669 - 626 trước CN). Trị vì bằng kết quả của chiến trận, nên tính chất quốc phòng đã in dấu lên hầu hết các công trình : đường chiến lược, cầu, kênh bằng đá. Trong các công trình dân dụng, vật liệu đá chỉ được dùng để làm móng và để ốp mặt tường ngoài nhà.

Nhà ở xây tường rất dày bằng gạch nung. Nhà có sân trong, thường được ghép thành dãy.

Nằm ở vùng trung lộ phía Tây sông Tigrơ, trên dốc núi cao 25m, thoải dần về phía sông, thành phố Assur được xây dựng từ 5000 năm trước, nhưng hưng thịnh dưới chế Assyri (khoảng 1300 trước CN). Đây là một đầu mối giao thông quan trọng của vùng Lưỡng Hà nhằm mục đích phòng vệ. Những kiến trúc chính ở đây được đặt vào vị trí hiểm yếu. Cung điện nhà vua đặt ở phía Tây Bắc,



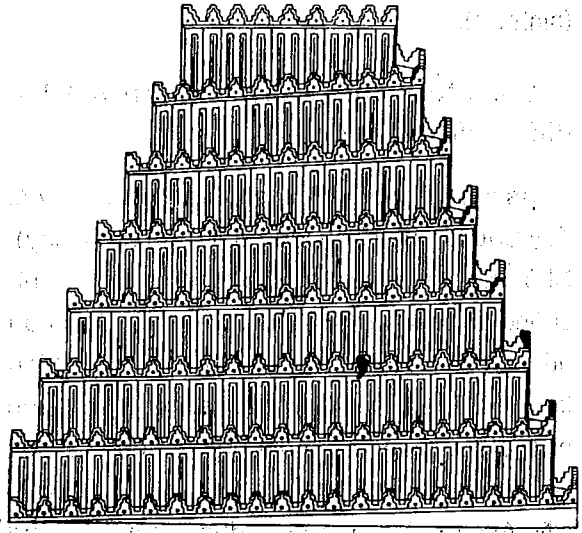
64. 65. Mặt bằng thành Dur Sarukin và cung điện Sacgon II



có một phần nằm lấn ra phía ngoài thành để
tiện đường tiến thoái khi có sự cố.

Thành Dur - Sarukin và điện Sacgôn II

Là thủ phủ dưới thời vua Sacgôn II (hình
64, 65), thành này có dạng gần vuông rộng
30ha (1780m × 1685m), trong đó có 17ha đất
trên bệ cao 18m, có tường dày bao quanh
dài 7km, cao 18m, ngoài ốp đá vôi. Ngay sát
tường thành phía trong có một công trình
chính yếu rất điển hình cho kiến trúc phòng
thủ của Assyri - đó là cung điện Sacgôn II.
Cổng chính của công trình được nhấn mạnh
bằng hai tháp cao có phù điêu trang trí đắp
hình những con ngựa có cánh. Cổng chính và
hai cổng phụ đối xứng hai bên dẫn tới một sân
trong rộng gần 1 ha. Đây chính là trung tâm
của cung điện. Hai bên và phía sau sân có
200 phòng với 30 sân vườn lớn nhỏ. Kế bên
cung điện là một đài chiêm tinh (Digurat) 7
tầng cao 40m đặt trên bệ rất cao. Sân và
nền được lát bằng loại gạch môdaich hoặc
đá trang trí. Lốp trát tường làm bằng hỗn
hợp đất sét và thạch cao. Cửa làm bằng gỗ,
có khuôn viền đồng. Công trình có hệ ống
thông gió và các mái che phòng lớn bằng
cuốn vòm (hình 66).



66. Phục chế Đài chiêm tinh ở Dur Sarukin

Thành Ninivơ

Cách thành phố Assur không xa, ngược
sông Tigơơ về phía Bắc còn có thành Ninivơ,
được con trai Vua Sacgôn II là Sirakharip xây
dựng vào cuối thế kỷ thứ VII đầu thế kỷ thứ VI
trước CN. Sau khi rời đô từ Dur - Sarukin về

đây, vị vua trẻ đã đầu tư một số tiền của xa hoa chưa từng thấy vào xây dựng thủ đô này.

Một bức tường dài 12km với 15 cổng bao quanh thành. Một cung điện đồ sộ, tựa lưng vào núi. Trải ra trước mặt là vườn cây rộng lớn với các hồ nước nhân tạo. Các loài cây quý, hoa thơm vật lạ được mang từ các nơi trong nước đến. Nội thất được trang trí bằng các hình đắp ngựa và bò có cánh. Nhà vua cho đào một con kênh lớn, lòng kênh rộng 20m để dẫn nước làm mát cho thủ đô. Kênh xây lát bằng đá, chảy quanh co, lúc qua đường hầm, lúc vượt thung lũng bằng các cầu dẫn nước. Nhà vua Sihakharip rất tự hào về công trình này.

Thành phố Babilon

Thế kỷ thứ VIII trước CN, nhà vua Hamurabi vừa khai sinh ra thành Babilon chưa được bao lâu thì bị quân Assyri tràn vào tàn phá. Người dân ở đây đã phải tiến hành một cuộc chiến tranh tự vệ kéo dài. Mãi đến thế kỷ thứ VII trước CN, sau thắng lợi đánh đuổi quân Assyri, Babilon mới được phục hồi và mở mang xây dựng, và ngày càng trở nên phồn thịnh. Đóng vai trò nổi bật trong công cuộc giải phóng và chinh phục cả một lãnh thổ rộng lớn từ Syrie đến Ai Cập là nhà vua Nebihadrezan (605 - 561 trước CN). Mang khát vọng về sự phồn vinh và quyền lực, ông vua này đã ra sức xây dựng Babilon thành một đô thị tráng lệ và sầm uất. Nằm trên đường giao thông buôn bán quốc tế, nên thành phố đã mau chóng trở thành trung tâm lớn không những của vùng Trung cận

Đông mà còn có ý nghĩa với cả thế giới cổ đại lúc bấy giờ. Người Babilon coi thành phố của mình là trung tâm của cả khu vực, là chủ chốt về tôn giáo của toàn vùng Lưỡng Hà. Trong thời kỳ hưng thịnh nhất, thành phố đã có tới 200 nghìn dân.

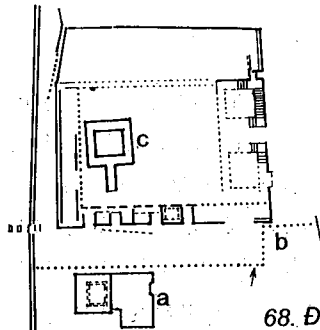
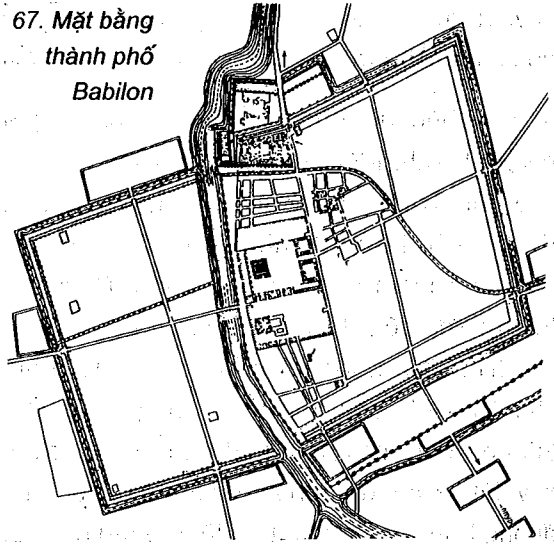
Thành Babilon có 4 mặt gần chữ nhật (hình 67). Tường thành gồm hai lớp: lớp ngoài dài tới 30km, lớp trong dài 18km, rất kiên cố với nhiều hào sâu và tháp canh. Dòng sông Ơphrat chảy qua chia thủ đô ra làm hai phần Đông - Tây, nối với nhau bằng 3 cây cầu. Cầu lớn nhất dài tới 123m. Thành phố có 7 cổng lớn, mang tên 7 vị thần. Trên mỗi cổng có lầu cao, được xây dựng với chất lượng hoàn hảo. Gạch ốp là loại gạch gốm men màu lam ngọc lóng lánh với hình những loài thú hiếm. Phần trên cùng của cổng được nối rộng, có kết thúc kiểu răng cưa. Cổng chính gọi là Ixta cao 8m dẫn vào con đường lớn gọi là Đường Rước lễ, có cánh cửa và then cửa bằng đồng. Trên cổng chính là 4 chòi cao có mặt bằng hình vuông.

Đại lộ mang tên "Đường Rước lễ" rộng 26m nối liền từ cửa Ixta tới quá khu đền thờ Macđúc. Vào những ngày đại lễ, khách từ La Mã, Ai Cập, Xyri ..., những nhà quý tộc lớn nhỏ đều chen chúc nhau trên con đường này để đến đền thờ thần Macđúc cầu khẩn (hình 68, 69).

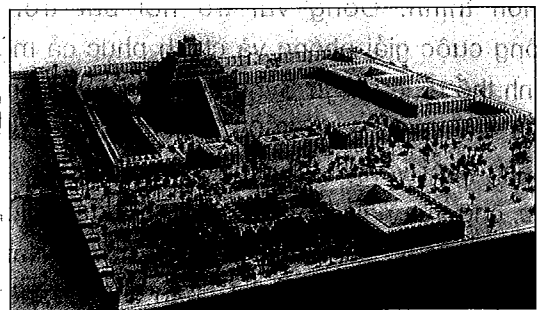
Thành phố Babilon có 53 đền loại lớn và hàng trăm đền thờ loại nhỏ. Tiêu biểu nhất trong số này là đền thờ Macđúc.

Đền thờ Macđúc - Thần của các vị thần, người bảo hộ thành Babilon - được đặt tại

67. Mặt bằng thành phố Babilon



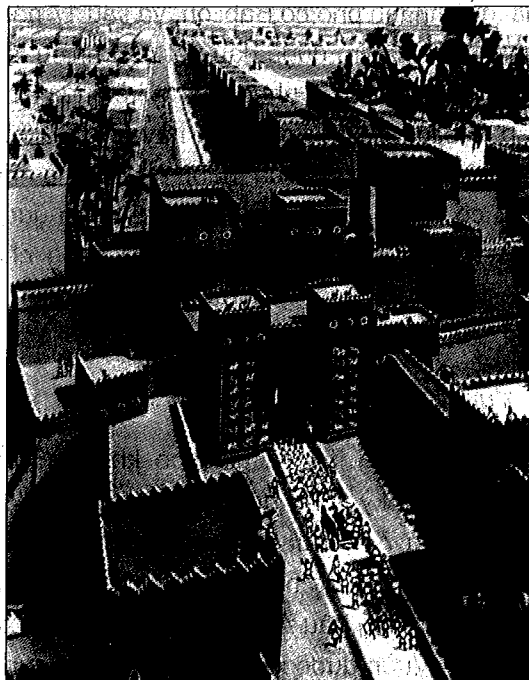
68. Đền thờ thần Macđúc (a), đường rước lễ (b) và tháp Babilon (c)



trung tâm thành phố. Khu đền này có mặt bằng hình vuông chiếm một diện tích lớn đến 16 ha, được bao bọc bằng hai lớp tường dày với 12 cổng lớn. Tường bao màu trắng có các khối nẩy trụ màu xanh cách đều nhau. Chân tường màu đen.

Trước khi vào đền, khách hành hương phải qua một hệ không gian phức tạp với tầng tầng lớp lớp cửa, nhằm làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm cho ngôi đền. Ngay gần cổng vào khu đền có hai tòa nhà hình chữ nhật với nhiều phòng giống nhau đặt xung quanh sân trong. Tầng dưới cùng là một khối vuông có cạnh dài 90m, cao 30m, bao gồm nhiều phòng với các giường nằm bằng vàng tỏa ánh sáng rực rỡ. Tầng hai nhỏ hơn, cao 18m. Càng lên trên, các tầng càng nhỏ và thấp dần. Nơi thờ thần Macđức và vợ là nữ thần Bình minh Xácpanhit được đặt ở tầng trên cùng, có cầu thang dẫn lên từ bốn phía.

Đối diện với khu đền Macđức còn có một tòa tháp đã đi vào huyền thoại - có tên gọi là tháp Babilon (hay Babel). Nhìn vào tháp, người ta có thể liên tưởng đến chiếc cầu vồng nhờ sự biến hoá màu sắc một cách uyển chuyển, sinh động. Điều này rất phù hợp với ý muốn của tôn giáo là làm một ngọn tháp tượng trưng cho "lối đi lên trời". Nơi cao nhất là chỗ thờ chỉ có các thầy tu và giới quý tộc mới được lui tới. Người Babilon định "xây dựng một tháp thật cao để lên trời" nhưng theo truyền thuyết thì tháp này chưa bao giờ được xây xong vì nó luôn là sự xung khắc giữa muôn vật và trời. Hình thù tháp ra sao, mỗi thời đại vẽ lại một khác. Mãi đến thế kỷ XIX, nhà khảo cổ người Đức Côdivây



69. Cổng chính Ixta dẫn vào đường rước lễ

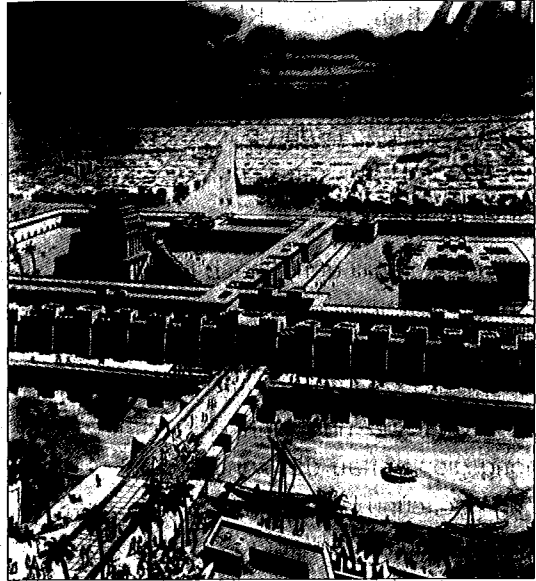
khai quật thành phố cổ Babilon, và sau 17 năm nghiên cứu đã tìm được dấu vết của nhiều lâu đài nổi tiếng. Ông đã phục chế và vẽ được hình tháp Babilon. Không ngờ sau này nó lại giống như một kiểu Digurat của thành phố Ur mà nhà khảo cổ người Anh Lêôna Ulê phát hiện được năm 1928. Ngày nay nhiều người cũng cho tháp Babilon là một Digurat 7 tầng cao 90m (hình 70, 71).

Vườn treo Babilon

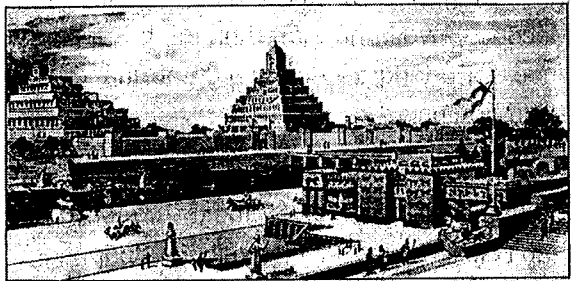
Babilon lộng lẫy và giàu có khi xưa còn làm nên một kỳ tích - đó là vườn treo Babilon - một trong 7 kỳ quan của thế giới cổ đại. Đây là món quà của nhà vua Nebuchadrezan tặng cho Hoàng hậu Amitidơ, là công chúa xứ Medes*. Vườn được xây bên sông, gần cung điện của nhà vua. Do được xây trên một gò cao nên từ rất xa đã có thể nhìn thấy khu rừng xanh bát ngát như đang treo lơ lửng trong không trung. Vườn treo này có 4 tầng, có đáy vuông $246m \times 246m$ và tầng trên cùng vuông $123m \times 123m$, mỗi tầng cao 25m. Toàn bộ vườn treo cao gần 100m với nhiều cầu thang rất rộng.

Cách cấu tạo mỗi tầng đều rất khoa học, bao gồm những cột cao kết thúc bằng các vòm. Hệ cột này gồm các hàng 25×25 cột (625 cột) ở tầng một, 21×21 cột (441 cột) ở tầng hai, 17×17 cột (289 cột) ở tầng ba và 13×13 cột (169 cột) ở tầng trên cùng. Nền

* Có sách cho rằng vườn treo này do Hoàng hậu Xemiranux xây dựng từ trước đó hàng thế kỷ (?)



70. Cầu qua sông Ophrat dẫn vào đền thờ Mađruc (phải) và tháp Babilon (trái)



71. Đường dẫn đến tháp Babilon

của mỗi tầng đều làm bằng những khối đá tảng dài 5m rộng 1,2m trên phủ một lớp lau sậy, rồi đến một lớp nhựa đường. Tiếp đó có một lớp gạch, và cuối cùng phủ một lớp chì.

Trên mỗi tầng của vườn treo, người ta đổ những lớp đất phì nhiêu đủ dày để cho các loại cây cối mọc tươi tốt, kể cả cây cỏ thụ. Việc chống thấm cho các sàn được thực hiện rất tốt.

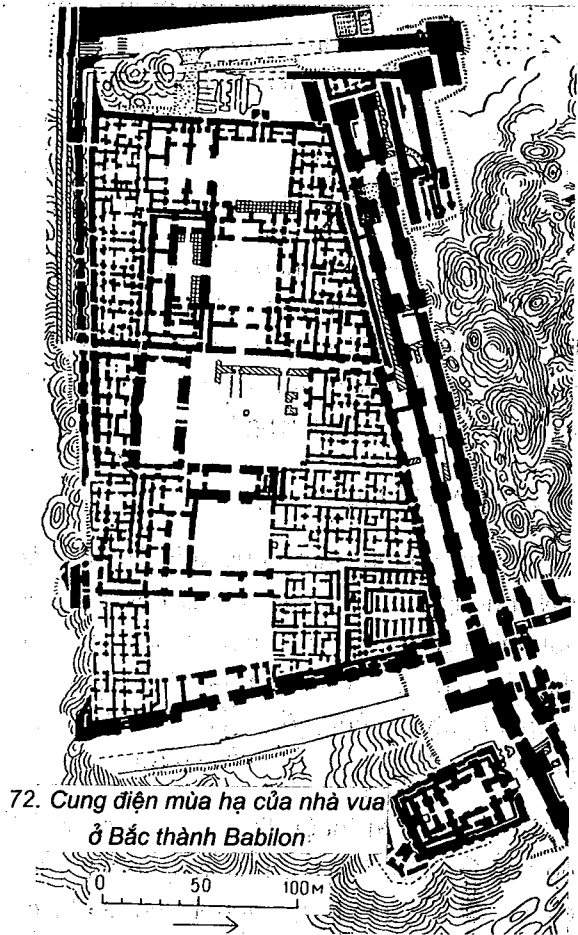
Một hệ thống guồng thủy lực và ống dẫn nước từ ba giếng và từ sông Ophrat lên chứa đầy vào các bể nước lớn đặt ở từng tầng để cho hàng trăm nô lệ hàng ngày dùng gầu lấy nước từ bể chứa tưới cho cây cối.

Nhà vua cho tìm khắp đất nước các loại kỳ hoa dị thảo về trồng trong vườn treo. Do được đặt ở đầu hướng gió mát nên hoa tỏa được hương thơm ra toàn thành phố Babilon.

Vườn treo có một không hai trên thế giới này làm cho thành phố Babilon đã nổi tiếng càng thêm nổi tiếng khắp cả vùng Trung Cận Đông và Địa Trung Hải.

Sự tồn tại trong suốt bao thế kỷ của một vườn treo cao hàng trăm mét xứng đáng được xem như một kỳ quan. Nó đòi hỏi cả sức lực lẫn trí tuệ. Các nhà xây dựng đã tính toán để đảm bảo được sức chịu tải của hàng ngàn tấn đất đá. Các chuyên gia nông nghiệp đã lựa chọn giống cây, chất đất, cách chăm bón để duy trì được sự sống giữa biết bao loài hoa lá, cỏ cây.

Nhưng thật đáng tiếc là vào thời kỳ đầu công nguyên, những trận lụt lớn kéo dài tràn vào thành phố đã làm mục rữa các bức tường,



khiến cho mọi công trình đều bị hư hại nặng. Hàng thế kỷ sau đó, thành phố không hề được tu sửa, không có xây dựng gì thêm, nên cứ đổ nát dần, ngày càng hoang phế. Thành phố Babilon lộng lẫy và giàu có khi xưa chìm ngập dần vào những lớp đất sâu tới 10m (hình 72).

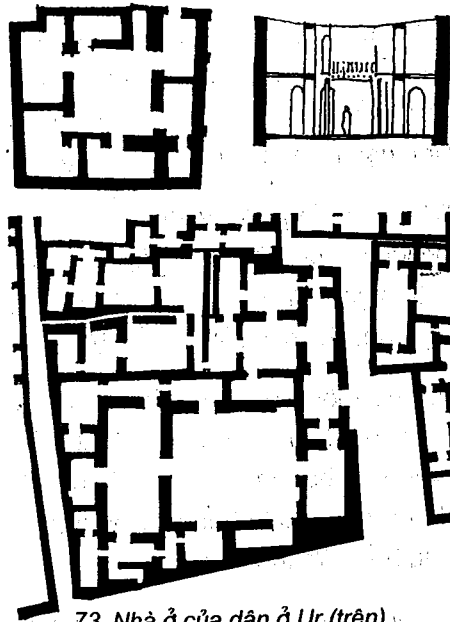
Những chuyên gia khảo cổ, các nhà nghiên cứu xã hội, các kiến trúc sư hiện đang nuôi hy vọng khai quật và phục chế lại vùng đất này, để có thể sớm trả lại cho Babilon cái hình hài từng một thời vang bóng (hình 73).

2.3.3. Nhận xét chung

Tính từ những năm 7000 đến 5000 trước CN, Lưỡng Hà được coi là cái nôi của nền văn minh cổ đại, nơi khai sinh ra hình thức đô thị đầu tiên, và rất nhiều phát kiến khoa học có giá trị khác : con số, ký tự, lịch năm, luật pháp v.v...

Nhờ vào vị trí thuận tiện và những lợi thế do thiên nhiên đưa lại, trải qua những cuộc chinh phạt thành công, người Lưỡng Hà đã tạo được những tiềm năng to lớn để xây dựng nên các trung tâm có giá trị trong suốt quá trình hơn 10 thế kỷ. Đó là thời đế quốc Babilon bắt đầu từ đời vua Hamurabi (thế kỷ thứ XVIII trước CN), thời đế quốc Assyri với vua Assurbanibal (thế kỷ thứ VII trước CN) và thời Tân đế quốc Babilon với vua Nabuchadrezzan (thế kỷ thứ VI trước CN).

Các thành phố Lưỡng Hà đều được xây dựng trên bệ cao để tránh ngập lụt và nhấn mạnh tính phòng thủ. Công trình chính thường có quy mô rộng và có chiều cao lớn



73. Nhà ở của dân ở Ur (trên) và của quan lại ở Babilon (dưới).

tới 40 - 50m. Mặt đường được lát đá và được lèn chặt bằng một kỹ thuật hoàn hảo, kèm theo những hệ thống cấp thoát nước khá tốt.

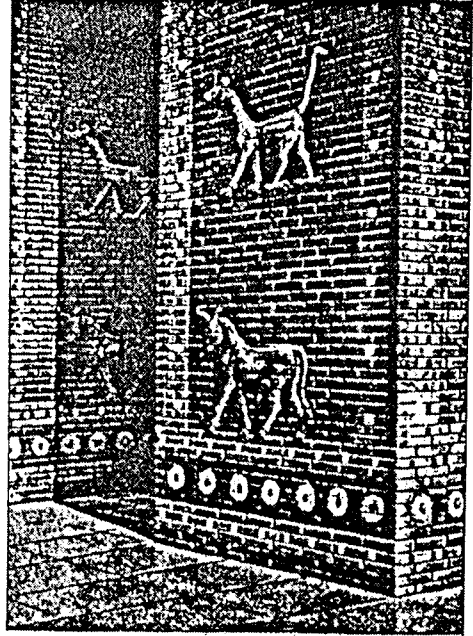
Đặc biệt, các công trình kiến trúc của thành phố Babilon được ốp bằng nhiều loại gốm màu rực rỡ có chất lượng kỹ thuật rất tinh vi đã làm nên nhiều huyền thoại như vườn treo, đài tháp độc đáo, danh tiếng còn lưu truyền tới ngàn đời sau (hình 74).

2.4 - KIẾN TRÚC CỔ HY LẠP

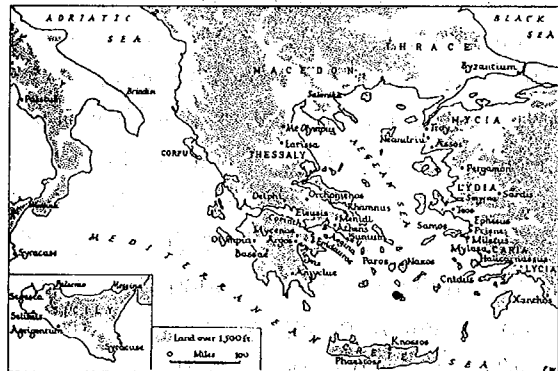
2.4.1. Bối cảnh thiên nhiên - xã hội

Khoảng 4000 năm trước, những đoàn du mục từ Nam sông Đanuyt trên đường tiến về Địa Trung Hải đã dừng lại ở bán đảo Grekơ, một nơi có phong cảnh biển khá nên thơ, có nhiều núi đá và ít đồng bãi. Đây là phần đất ở miền Nam bán đảo Ban Căng, các đảo vùng biển Egiê và khu vực ven biển phía Tây Tiểu Á. Nhờ khí hậu cận nhiệt đới ẩm áp nên cây cối luôn xanh tươi, lại nhờ nằm kề biển mà có nhiều vịnh và cảng lớn cho tàu bè qua lại. Do vậy, việc lưu thông hàng hóa giữa phương Đông và phương Tây có nhiều thuận lợi. Người dân ở đây sống bằng nghề trồng nho, chăn nuôi và đánh bắt cá. Bên cạnh đó, nghề hàng hải và các ngành nghề thủ công cũng rất phát triển (hình 75).

Nhà nước Hy Lạp được thành lập vào khoảng từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VII trước CN, dưới hình thức các quốc gia thành bang (mỗi bang kết hợp với vùng nông thôn phụ cận để tổ chức thành một quốc gia).



74. Cổng và tường ở Babilon được ốp gốm màu rất lộng lẫy



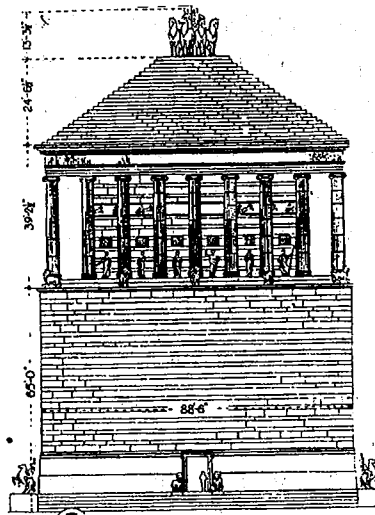
75. Bản đồ Hy Lạp thời kỳ trước CN

Khác với Ai Cập và Lưỡng Hà, vua tôi sống cách biệt trong một quốc gia rộng lớn, người Hy Lạp là những công dân tự do của hàng chục bang nhỏ độc lập với nhau, số dân mỗi bang chỉ vài chục ngàn người. Con trai ham thể thao ngoài trời. Con gái thích thêu thùa, yêu văn nghệ. Trẻ em được học văn, toán rất sớm. Mọi người thường hay tụ tập bàn tán việc quốc gia. Điều này có ảnh hưởng khá sâu sắc đến phong cách kiến trúc Hy Lạp sẽ được nói tới ở phần sau (hình 76, 77).



76.

Hai quốc gia thành bang lớn mạnh nhất của Hy Lạp thời kỳ này là Sparta và Aten. Dân chúng Sparta bất kể đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn đều phải sống trong một chế độ nhà binh hà khắc, không cho dân ngoài nhập vào. Trái lại, người dân Aten do được sống thoải mái và tự do làm giàu nên nền công nghệ và thương mại rất thịnh vượng. Buổi đầu, quốc gia này cũng có vua. Sau đó giới quý tộc lật đổ ngai vua, lập nên chế độ Cộng hoà quý tộc. Từ thế kỷ thứ V trước CN, một chế độ dân chủ đầu tiên trong lịch sử đã được thành lập tại đây, có tên gọi là chế độ Cộng hoà dân chủ Hy Lạp. Song chế độ này trên thực tế chỉ áp dụng cho quý tộc và dân tự do. Dân nô lệ chiếm số đông, nhưng lại bị coi như thứ của cải, bị bóc lột vô cùng dã man tàn bạo. Về thực chất thì chế độ này cũng chỉ là công cụ để giai tầng chủ nô tha hồ đàn áp đám người nô lệ. Mặc dù vậy, nền Cộng hoà dân chủ Hy Lạp cũng được coi như một bước tiến về hướng dân chủ và nhân đạo so với các chế độ độc tài chuyên chế trước đó. Sau hơn 2 thế kỷ phát triển hưng thịnh,



77.

76, 77. Đền đài Hy Lạp cổ đại: Đền Theseion ở Aten (trên) và lăng Halicarnas (dưới)

đến đầu thế kỷ thứ V trước CN, Hy Lạp bị Ba Tư xâm lược. Cuộc chiến giằng co tuy kéo dài tới 40 năm, nhưng cuối cùng các đội quân Spacta sát cánh với Aten đã giành được thắng lợi. Hy Lạp trở thành bá chủ của khu vực biển Egiê, mở đầu giai đoạn cực thịnh để Aten trở thành một trung tâm văn hoá và kinh tế của toàn Hy Lạp và của cả thế giới cổ đại phương Tây.

Tuy nhiên, đỉnh cao hưng thịnh của Aten kéo dài không lâu. Giữa thế kỷ thứ IV trước CN, cuộc chiến nội đạ nẫu thịt giữa Spacta thượng võ với Aten thịnh văn suốt ba chục năm đã giúp cho kẻ ngoại bang Maxêđoan từ miền Bắc tràn xuống tiêu diệt cả hai, chinh phục được tất cả các quốc gia Hy Lạp khác. Lịch sử các quốc gia thành bang cổ Hy Lạp kết thúc từ đó.

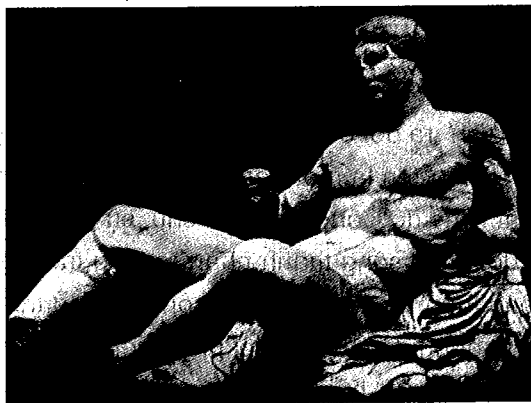
2.4.2. Nền văn minh cổ Hy Lạp và sự phân kỳ của lịch sử kiến trúc

Nền văn minh cổ Hy Lạp

Người Hy Lạp đã sáng tạo ra một nền văn minh rực rỡ, xứng đáng được gọi là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại. Nền văn minh này ra đời từ những năm 4000 - 2000 trước CN, khi chế độ thị tộc nguyên thủy tan rã, thời kỳ đồ đá chuyển dần sang thời kỳ đồ đồng, hình thành chế độ chiếm hữu nô lệ sơ khai.

Dân tộc Hy Lạp thờ nhiều vị thần, trong đó tối thượng là thần Dớt. Do không bị ảnh hưởng bởi bất cứ thứ tôn giáo nặng nề nào, không bị một chế độ độc tài hà khắc nào kìm hãm khống chế, mọi người quen sống phóng khoáng với cảnh trí tự nhiên, yêu thích cả

78. Nghệ thuật Hy Lạp cổ đại một nền nghệ thuật đề cao và ca ngợi vẻ đẹp của con người



vẻ đẹp tinh thần lẫn sự cân đối của hình thể, nên nền nghệ thuật cổ Hy Lạp đã phát triển một cách hoàn toàn tự chủ trong xu hướng hiện thực. Các loại hình nghệ thuật đều tập trung vào việc ca ngợi sức mạnh của con người (hình 78). Có thể chính vì điều đó mà nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại đã được lấy làm mẫu mực cho sự phát triển của các nền văn minh tiếp theo.

Sự phân kỳ của lịch sử kiến trúc cổ Hy Lạp

Căn cứ vào những đặc điểm xã hội và đặc điểm kiến trúc có thể chia lịch sử kiến trúc cổ Hy Lạp ra làm ba thời kỳ:

- 1- Thời kỳ Tiền cổ (thế kỷ thứ VIII - thứ VI trước CN).
- 2 - Thời kỳ Cổ điển (Thế kỷ thứ V - thứ IV trước CN).
- 3- Thời kỳ Cổ đại (Thế kỷ thứ III - thứ I trước CN).

2.4.3. Kiến trúc Hy Lạp thời kỳ Tiền cổ (từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VI trước CN)

Thời kỳ Tiền cổ Hy Lạp được đánh dấu bằng sự ra đời của các quốc gia thành bang, trong đó Aten là một trong hai quốc gia mạnh nhất. Chế độ Cộng hoà dân chủ, sự buôn bán tự do, cuộc sống thanh nhàn, phong trào vận động thân thể và tính cách sống cởi mở trong cộng đồng đã giúp xã hội phát triển một cách toàn diện. Từ bối cảnh này đã đơm hoa kết



78.

trái một nền văn học, triết học, nghệ thuật, tôn giáo huy hoàng. Các loại kiến trúc đền thờ cổ Hy Lạp cũng bắt nguồn từ đây.

Nhìn một cách khái quát, đền thờ Hy Lạp là dạng kiến trúc mở, luôn tràn đầy ánh sáng và không khí (hình 79).

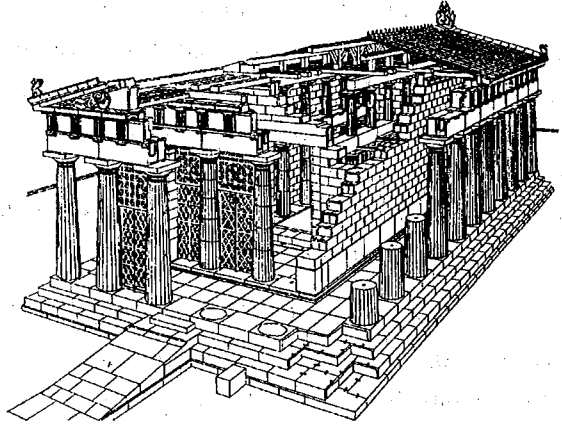
Trên các mặt bằng đền hình chữ nhật, đơn giản nhất là những loại đền chỉ có một cửa và một gian. Cửa đền có hai cột giữa và hai tường dọc chạy hai bên. Loại đền thứ hai có 4 cột độc lập ở phía trước. Rồi đến loại có cột ở cả hai phía trước và sau. Càng về sau, số cột ngày càng nhiều. Số cột trước từ 4 phát triển lên 6, lên 8. Cột bao quanh đền, từ một đến hai, thậm chí ba dãy cột. Có khi cột còn tràn cả vào phía bên trong đền. Phổ biến nhất là loại đền mà mỗi hồi có từ 6 đến 8 cột. Ngoài loại đền có mặt bằng hình chữ nhật, đôi khi còn bắt gặp loại đền có mặt bằng hình tròn với dãy cột hiên chạy vòng quanh (hình 80).

Vật liệu xây dựng ban đầu bao gồm cả gỗ, gạch và đá. Càng về sau người ta càng sử dụng đá rộng rãi. Thời kỳ này sắt đã được dùng phổ biến để chế ra các công cụ gia công đá. Tường đá xếp khít nhau, không có mạch vữa.

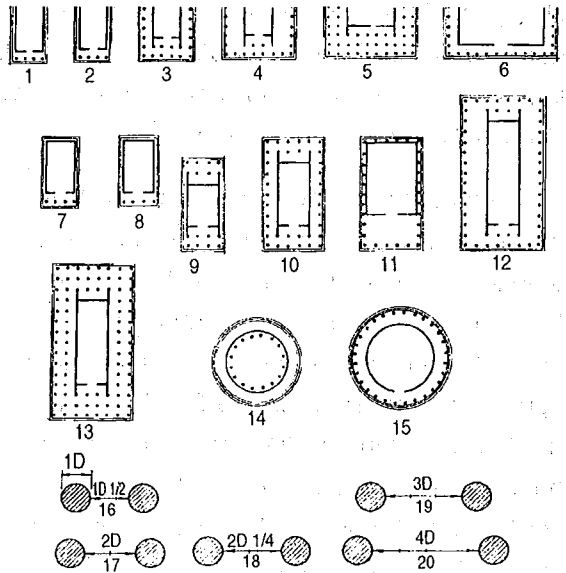
Thức cột (oocđo) Hy Lạp

Nói đến kiến trúc Hy Lạp, không thể bỏ qua thức cột, bởi đây là đóng góp có tác động lớn, ảnh hưởng sâu rộng và lâu bền đến các nền kiến trúc về sau này.

Thức cột là cách thức trang trí và xử lý tỷ lệ các trụ chịu lực của ngôi nhà theo những trật



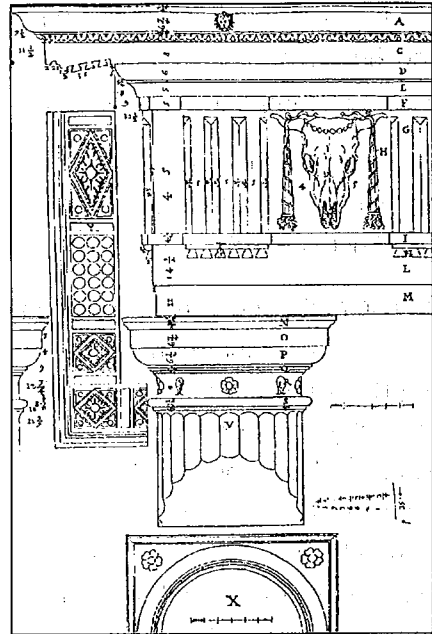
79. Đền Aphaia 510 - 480 trước CN



80. Các dạng đền Hy Lạp từ đơn giản đến phức tạp

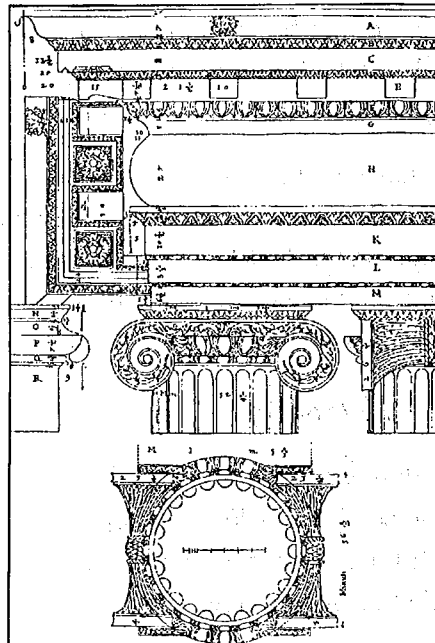
tự đã được chỉnh lý một cách hoàn hảo (Chữ oócđơ có nghĩa là trật tự). Ba thức cột mà người Hy Lạp đã tạo ra là cột Đôri, cột Iôni và cột Côranh. Xuất xứ từ vùng nông nghiệp ở phía Bắc Hy Lạp Đôrián nên có tên gọi là cột Đôri, được áp dụng khá sớm, từ thế kỷ thứ VII trước CN (hình 81).

Dáng cột này thấp đậm, đơn giản, trầm tĩnh uy nghi như sức vóc của một người lực điền. Thân cột có từ 16 đến 20 khía lõm nông. Cột không có đế mà được đặt trực tiếp lên nền nhà. Đỉnh cột xòe hình bánh dày tròn, không có trang trí. Tỷ lệ chiều cao so với đường kính cột là 4,5 : 1 hoặc 5 : 1. Vật liệu làm cột Đôri thường là đá màu vàng nhạt lấy từ núi Pentelich trong đất liền.



81. Thức cột Đôri

Thức cột Iôni ra đời vào thế kỷ thứ V trước CN, là sản phẩm của vùng tiểu thủ công và thương nghiệp Ionia - một thuộc địa của Hy Lạp. Cột có vẻ ngoài trang nhã thanh thoát, giấu tính trang trí nên được ví như thân thể của người thiếu nữ. Thân cột có 24 khía lõm sâu, đặt trên đế. Đầu cột được trang trí cầu kỳ với hai cuộn như lợn tóc. Tỷ lệ giữa chiều cao so với đường kính cột là 8 : 1. Vật liệu làm cột Ionia là loại đá cẩm thạch màu trắng được khai thác từ đảo Paros ngoài khơi... (hình 82).



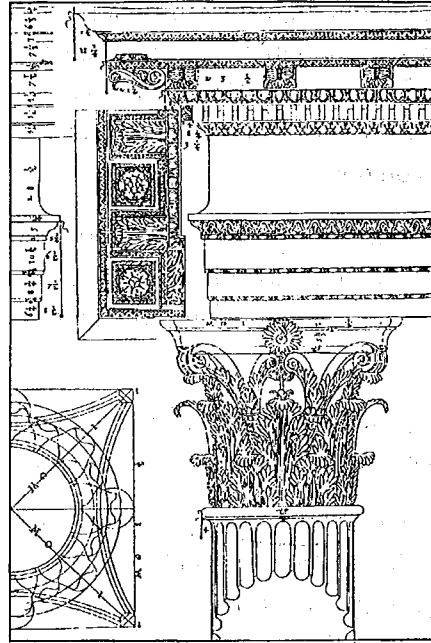
82. Thức cột Ionia

Thức cột Côranh ra đời chậm hơn, vào cuối thế kỷ thứ V trước CN tại thành phố Căng giầu đẹp Côranh ở miền Nam. Cột Côranh có những nét mảnh mai thon thả hơn 2 thức cột vừa nói trên, nhiều khi được đặt trên bệ có chiều cao bằng một phần tư độ dài cột. Phần đầu cột được kết uốn như một

lãng hoa làm bằng ba tầng lá phiên thảo (acan). Chuyện xưa kể rằng một chàng kiến trúc sư sau lúc đem hoa đến khóc trên mộ người yêu chết trẻ đã xúc động tạo ra thức cột này (hình 83).

Cả ba thức cột Hy Lạp đều có xuất xứ từ cột gỗ, nhưng trong quá trình chuyển sang chất liệu đá, các tỷ lệ cột và khoảng cách giữa các cột đã trải qua nhiều thay đổi. Lúc đầu, cột thường được làm từ những phiến đá lớn rất khó lắp dựng. Về sau cột được chia thành đoạn, ghép khít lên nhau nhờ các lõi bằng gỗ hoặc bằng sắt.

Các thức cột Hy Lạp không chỉ có ý nghĩa về mặt chịu lực, mà trước hết còn thể hiện sự hài hoà, thống nhất về đường nét giữa cột với các phần ở bên trên đầu cột, giữa kích thước cột với kích thước của con người.



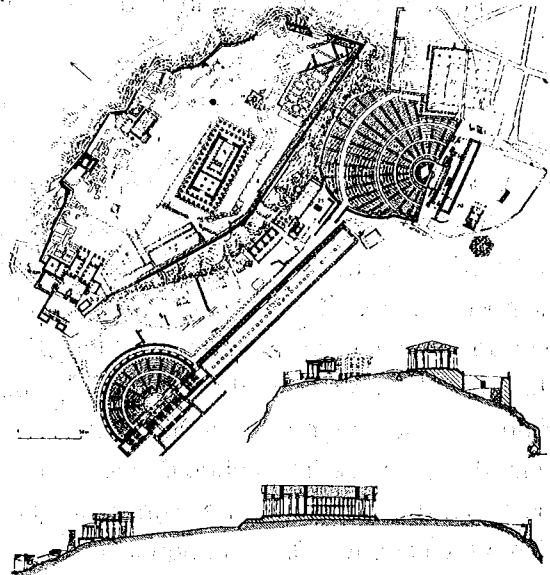
83. Thức cột Côranh

2.4.4. Kiến trúc Hy Lạp thời kỳ Cổ điển (Thế kỷ thứ V đến thế kỷ thứ IV trước CN)

Sau chiến thắng quân xâm lược Ba Tư ở thế kỷ thứ V trước CN, nền văn hoá và kinh tế Hy Lạp phát triển rất nhanh. Chỉ trong vòng vài chục năm mà bộ mặt thủ đô Aten đã biến đổi hẳn. Khá nhiều đền đài, nhà hát nhà ở mới được xây dựng với nhịp điệu chưa từng có. Có rất nhiều đền đài nổi tiếng như quần thể đền đài Acrôpôn ở Aten, đền thờ thần Dớt ở Olimpia, đền thờ Poxâyđông ở Đenphơ v.v...

Quần thể đền đài Acrôpôn ở Aten

Vào nửa đầu thế kỷ thứ V trước CN, với niềm hân hoan vì chiến thắng trong trận đánh



84. Quần thể kiến trúc Acrôpôn ở Aten
Mặt bằng và các mặt cắt

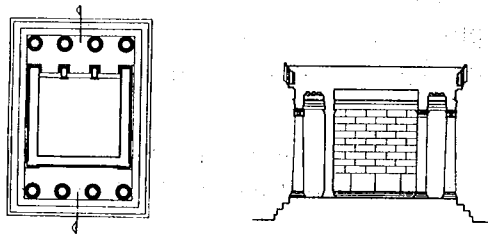
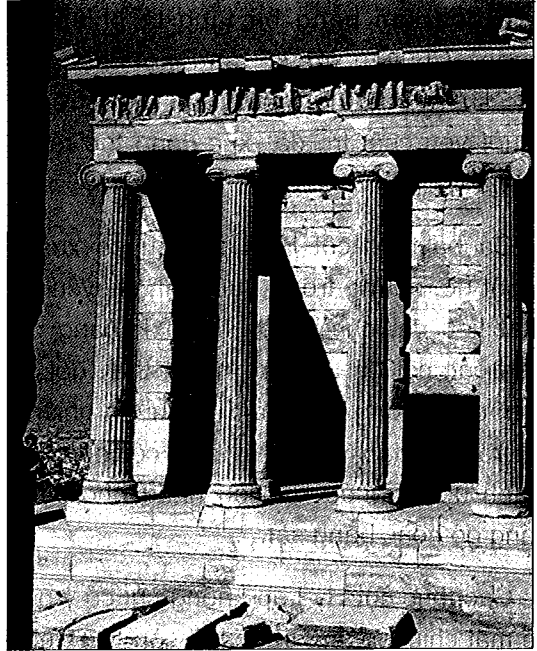
đuổi quân xâm lược Ba Tư, người dân thành Aten đã xây dựng trên ngọn đồi Acrôpôn một quần thể công trình đền đài nổi tiếng để tỏ lòng biết ơn các vị thần linh đã phù trợ họ trong chiến đấu.

Đây là một ngọn đồi đá không rộng lắm (130m × 300 m); cao 70m so với xung quanh, có dốc dựng đứng, nằm dọc theo hướng Đông Tây.

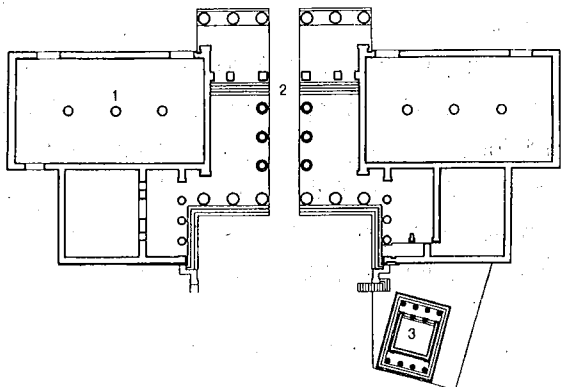
Những đoạn thang hình chữ Z đưa người từ chân dốc phía Tây lên cao dần (hình 84).

Đầu tiên là **đền Nike**, tức đền "Nữ thần Chiến thắng không có cánh" như tên gọi của bức tượng đặt bên trong. Ngôi đền nhỏ này có kích thước 5,54m × 8,3m. Ở hai mặt trước và sau đền có 4 cột thức Ioni. Phần đầu cột và trán trên cột đã đạt được sự hoàn hảo của điêu khắc và sự chuẩn mực về tỷ lệ kiến trúc. Tác giả của ngôi đền này là nhà kiến trúc Calicrat (hình 85).

Tiếp đến là **Prôpilê** - lối chính dẫn vào khu đền. Prôpilê với 6 cột hàng ngang thức Đori đã được gắn vào địa hình sườn đồi một cách hết sức khéo léo. Từ đây mọi người đã có thể chiêm ngưỡng bức tượng Nữ thần chiến thắng Aten Promachos cực lớn, mình mang vũ khí, đầu đội mũ vàng lấp lánh trong tư thế đứng che chở cho các thần dân của mình dưới chân đồi. Bức tượng Nữ thần chiến thắng trong dáng điệu và trang phục đều toát lên vẻ mềm mại đầy sức sống, thể hiện được quan niệm về vẻ đẹp lý tưởng của người Hy Lạp cổ đại, là tác phẩm của nhà điêu khắc Mirôn thành Aten (hình 86).

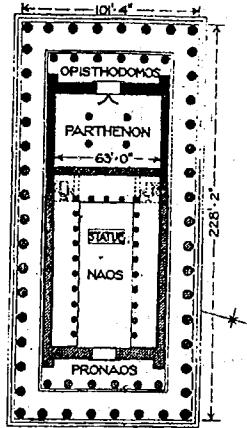


85. Đền Nikê - Mặt nhà, mặt bằng, mặt cắt

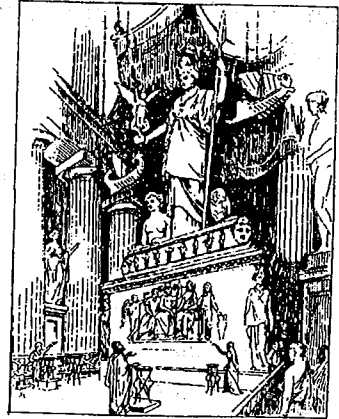


86. Mặt bằng Prôpilê ở Aten (góc phải là đền Nikê)

Quan trọng nhất trong quần thể kiến trúc Acrôpôn là đền Pactênông, được xây dựng vào các năm 447 - 438 trước CN, theo thiết kế của nhà kiến trúc Ictinos. Mặt bằng đền hình chữ nhật có kích thước 31m x 70m, cao 14m, chia ba phần: sảnh chính (quay hướng Đông), gian thờ (ở giữa) và phòng để báu vật (ở phía Tây). Tại gian thờ có đặt tượng nữ thần Aten Pactenos cao 12m làm bằng gỗ khảm ngà voi, trong y phục bằng vàng. Ánh sáng chiếu từ cửa sổ lớn qua các hàng cột vây ba phía, lấp lánh một màu vàng huyền ảo. Bức tượng tuyệt vời này là tác phẩm của nhà điêu khắc Hy Lạp kiệt xuất Phidias, người bạn của nhà cầm quyền Pericles, và là người chỉ huy toàn bộ công cuộc xây dựng quần thể Acrôpôn nổi tiếng. Sau gian thờ là phòng để báu vật với 4 cột thức Ioni ở giữa phòng (hình 87).



87. Đền Pactênông
Mặt bằng và
bức tượng
nữ thần Aten



Mặt chính đền có 8 cột, ở trên tạc cảnh nàng Aten chào đời, mặt bên có 17 cột thức Đôri không có chân đế. Vật liệu xây dựng đều là đá hoa cương màu trắng (hình 88).

Ngoại tỷ lệ số học của các phần trong một công trình, việc dựng cột có thêm kỹ xảo điều chỉnh độ phản xạ của mắt người khi đứng trước các vùng sáng tối. Những cột góc đều lớn hơn cột giữa. Khoảng cách các cột giữa có thu hẹp lại, đầu cột ngả vào trong. Bằng cách này khi nhìn vào sẽ thấy cột đều và đứng thẳng và cách rất đều nhau. Các tảng đá được mài phẳng và chính xác đến mức có thể ghép khít liền làm một với các viên đá khác. Mặt đá được phủ lên một lớp sáp để giữ cho đá khỏi bị oxy hoá, nhưng không hề làm cho đá bị đổi màu. Ngoài ra, các nhà



88. Mặt nhà phía tây đền Pactênông

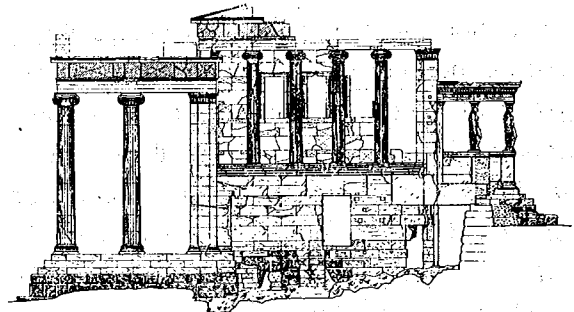
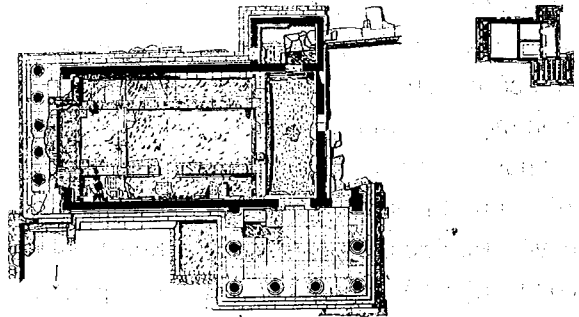
kiến trúc còn điểm thêm những màu sắc rực rỡ bằng kim loại màu xanh, vàng, đỏ.

Không chỉ đẹp nhờ chất liệu, nhờ tỷ lệ mà Pactênông còn đặc sắc bởi sự lựa chọn đúng khối tích ngôi đền, đúng vị trí trên bề mặt quả đồi. Nó vừa thể hiện được tính hùng vĩ của công trình, vừa không đè nén, hạ thấp tâm vóc con người. Ngược lại ngôi đền còn tạo cho con người lòng tự hào và niềm tin vào sức mạnh và giá trị của chính mình. Riêng phần điêu khắc ở đền này đã chiếm một chiều dài tới 270m với các chủ đề về chiến tranh và thần thoại. Hẳn đây phải là kết quả lao động đầy mồ hôi và tài trí của cả một đội ngũ các nhà điêu khắc, mà tên tuổi người chỉ huy Phidias và hai cộng sự của ông là Calicrat và Ichtinos vẫn còn lưu truyền cho tới tận ngày nay.

Đền Eréchtâyôn

Mang tên người anh hùng xuất chúng của Aten, Eréchtâyôn là ngôi đền quan trọng thứ hai trong quần thể kiến trúc Acrôpôn, sau Pactênông.

Eréchtâyôn được xây dựng vào những năm 421 - 406 trước CN. Đền đặt ở sườn đồi phía Bắc, có sự chênh lệch độ cao tới 3m. Mặt bằng đền gồm gian thờ nữ thần Aten quay về hướng đông, có 6 cột thức Ioni và hai gian thờ phía sau. Cả ba gian nằm trong một khuôn viên chữ nhật 11,5m x 23,5m. Liên đó có một sảnh vào từ phía Bắc và một khán đài phía Nam được đặt một cách tự do, biến mặt bằng thành một bố cục không đối xứng. Đây



89. Đền Eréchtâyôn - Mặt bằng, mặt nhà và mặt cắt

là trường hợp gần như duy nhất người Hy Lạp dùng bố cục tự do (hình 89).

Khán đài phía Nam là một kiến trúc khá độc đáo với hàng cột chống được thay bằng tượng 6 cô gái đẹp của thị trấn Carya. Vì vậy hàng cột này có tên là Caryatit. Trong xiêm áo nhiều nếp bao phủ những thân hình cân đối, chân hơi cong về phía trước để chống đỡ sức nặng của mái nhà, các cô gái Carya đều có khuôn mặt nhẹ nhàng sáng sủa, bím tóc tết dày buông thõng phía sau lưng. Thời gian sau, kiểu cột - tượng Caryatit này đã được nhiều nơi làm theo. Toàn bộ ngôi đền được xây bằng đá hoa trắng, được gia công rất công phu (hình 90).

Đền thờ thần Dớt ở Olimpia

Đây là tác phẩm lớn thứ hai của Phidias sau đền Páctênông. Nhà điêu khắc vĩ đại này bị kẻ xấu vu cho tội lấy vàng và ngà voi khi làm tượng Aten nên bị quản thúc. Những người đồng hương vùng Olimpia đã đem tiền tới chuộc ông ra rồi đưa ông về xây tượng và phù điêu cho đền thờ thần Dớt ở quê mình.

Đền thờ này có mặt bằng hình chữ nhật, dài 60m, rộng 28m, với 34 cột cao 10,4m thức Doric. Mỗi cột có 20 khía lõm, với tỷ lệ giữa chiều cao cột và đường kính là 4,5:1. Tường hồi hai phía được trang trí bằng phù điêu về chủ đề chiến đấu chống quân xâm lược Ba Tư. Tượng thần Dớt ngồi trên ngai, cao sát trần (17m). Một tay cầm khiên. Nửa trên tượng dát ngà voi màu vàng pha sắc hồng, có điểm bông hoa. Nửa dưới tượng dát



90. Caryatit ở đền Erêchtâyôn

vàng có điểm hình những con vật. Đền xây từ năm 468 trước CN, sau 8 năm thì xong. Toàn bộ tượng và đền kết thành một kiệt tác mà đời sau liệt vào một trong bảy kỳ quan của thế giới (hình 91).

Các công trình công cộng

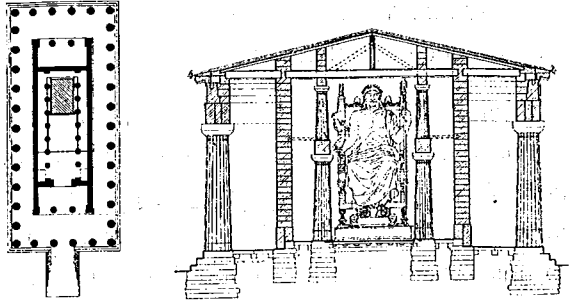
Khí hậu và phong cảnh miền duyên hải, nếp sống thanh nhàn và thượng võ, yêu chuộng văn nghệ của người Hy Lạp đã dẫn tới nhu cầu phát triển loại nhà công cộng như sân vận động quảng trường, nhà Hội đồng, trường học và đặc biệt là loại nhà hát ngoài trời.

Nhà hát ngoài trời Hy Lạp là thủy tổ của mọi loại nhà hát sau này. Hạt nhân của nhà hát là một sân khấu tròn để diễn vở hoặc cho dàn đồng ca. Chỗ ngồi của khán giả thường làm trên các sườn đồi, bao quanh sân khấu. Hai đầu khu khán giả có xây tường cao. Khu khán giả này ban đầu chỉ làm tự do theo độ dốc của địa hình, về sau người ta mới làm theo nửa hình tròn một cách chính xác. Lưng chừng phần khán giả thường có lối đi rộng.

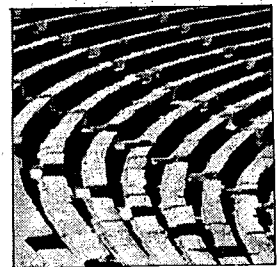
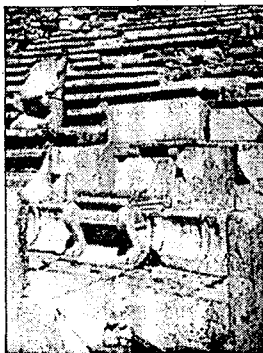
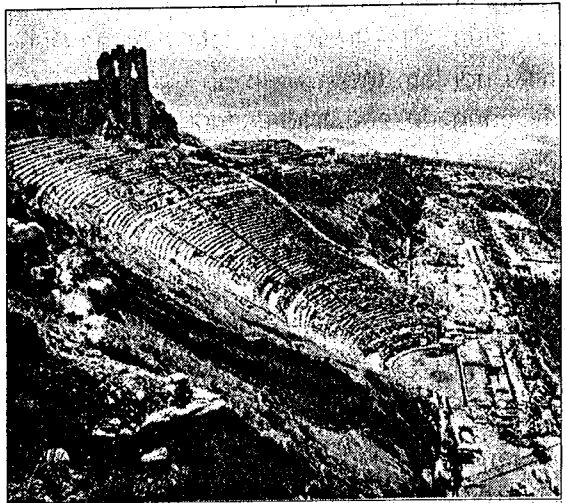
Hàng chục lối lên xuống đặt theo hình nan quạt chia chỗ ngồi nhà hát ra làm nhiều khu. Chiều dài phần nan quạt rất lớn, có khi lên tới 70 - 80m. Phía sau sân khấu tròn thường có một hậu trường xây hai tầng (đôi khi tới 3 tầng) có hệ cột nguy nga dùng làm nơi hóa trang hoặc kho đạo cụ (hình 92).

Một số nhà hát điển hình thời gian này là:

- Nhà hát Đionis tựa vào lưng đồi phía Nam thành Acrôpôn ở Aten, xây từ thế kỷ thứ VI trước



91. Mặt bằng và tượng trong đền thờ thần Đớt ở Olimpia



92. Nhà hát ở Peggam

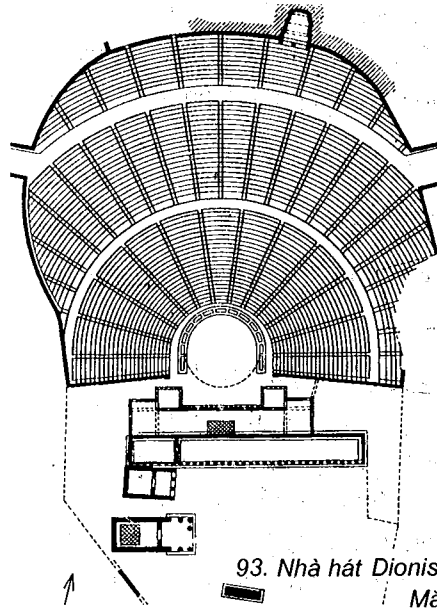
CN và hoàn chỉnh vào thế kỷ thứ IV trước CN (hình 93). Khu khán giả là nửa hình tròn gồm 78 bậc bán kính 75m, có hai lối đi ngang. Riêng sân khấu có đường kính 19m, sức chứa tới 17.000 người (có tài liệu nêu số 30.000 người). Lối đi trên cùng chênh với mặt sân khấu tới 22,5m. Hàng ghế sát sân khấu được làm bằng đá hoa, có tựa, dành cho các quan khách.

Lớn nhất trong các nhà hát cổ Hy Lạp có lẽ là nhà hát Megalopolis, được xây dựng vào những năm 370 - 360 trước CN, có sức chứa tới 40.000 người, chiều ngang dài tới 146m (lúc này các đô thị lớn nhất của Hy Lạp cũng chỉ có tới vài bốn vạn dân là cùng). Để những khán giả ở xa cũng có thể nhìn được rõ, người diễn phải đi trên cà kheo và đeo các mặt nạ sặc sỡ. Có thể nhờ không bị các vật cản nên âm thanh ở đây vẫn được đảm bảo tốt qua những khoảng cách lớn. Nhà hát Megalopolis được gắn liền với nhà Hội đồng có diện tích rất lớn (66m x 52m) dùng vào những dịp tập trung hội họp đông người (hình 94).

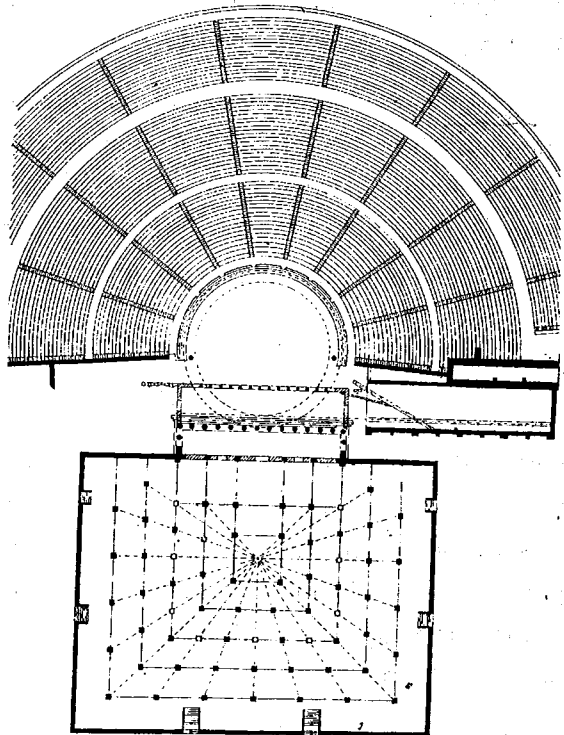
Đến cuối thế kỷ thứ V trước CN, kiến trúc Hy Lạp đi vào tìm tòi sự xa hoa lộng lẫy của hình thức và các chi tiết phức tạp, nên ngày càng xa dần tính chặt chẽ nghiêm chỉnh của nội dung, đồng thời cũng để mất luôn sự hấp dẫn của hình thức.

2.4.5. Kiến trúc Hy Lạp thời kỳ Cổ đại (Thời kỳ Elen 323 - 31 trước CN)

Thời kỳ này được đánh dấu bằng sự phát triển mạnh mẽ của nghệ thuật xây dựng đô thị. Kiến trúc công trình cũng tiến triển trong



93. Nhà hát Dionis ở Aten
Mặt bằng



94. Nhà hát Mêgalopolis gắn liền nhà họp Hội đồng

sự tổ hợp với các nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu hiện, đồng thời có sự kiểm chế tối đa trong các giải pháp kiến trúc.

Quy hoạch đô thị

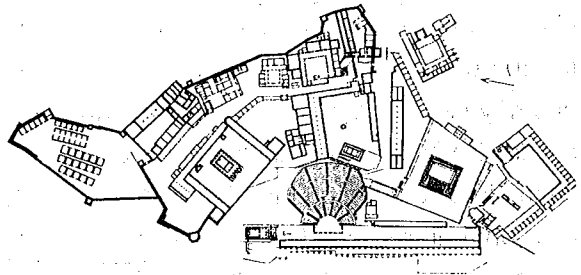
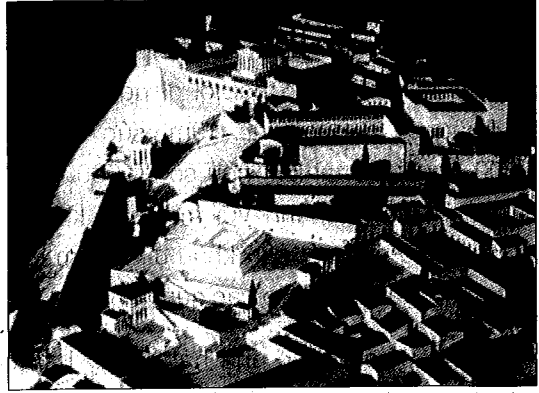
Trong quy hoạch đô thị cổ Hy Lạp có hai thành tố đáng lưu ý là các acrôpôn và các agora.

Acrôpôn là từ để chỉ chung cho những nơi diễn ra các sinh hoạt tinh thần và tín ngưỡng của thị dân, thường chiếm ngự các khu đất cao trong thành phố. Các mặt đền xây ở đây đều nhìn về hướng Đông, hoà quyện với thiên nhiên để tạo nên những thắng cảnh. Trong thời kỳ cổ đại Hy Lạp đáng chú ý là acrôpôn ở Pecgam với cách bố trí tự do theo triển đất (hình 95).

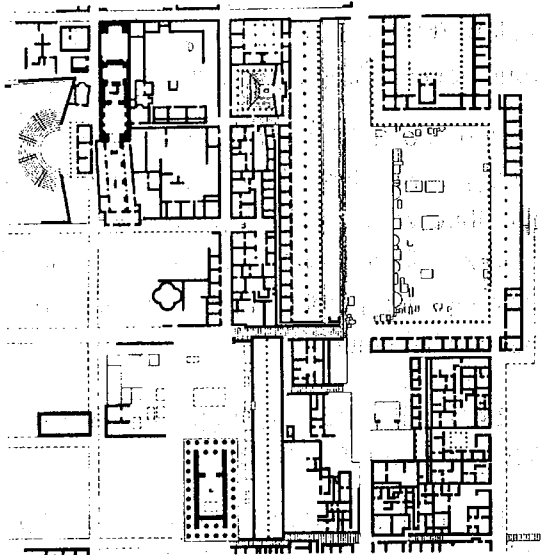
Agora là tên gọi chung của các quảng trường thành phố, thường là nơi tập trung các công trình thương mại và các sinh hoạt cộng đồng như nhà họp hội đồng nhân dân, các đền thờ, nhà hát, trường học v.v... (hình 96).

Mỗi đô thị được chia thành 2 khu rõ rệt: khu trung tâm có các phố quan lại và thương gia giàu có, khu ngoại vi cho thợ thủ công và dân nghèo. Chạy qua trung tâm có một hoặc hai đường phố chính, vuông góc nhau, có chiều rộng từ 7m đến 7,5m, rộng hơn các phố còn lại tới 2 hoặc 3m. Khu trung tâm (agora) thường được đặt ở nơi giao nhau giữa hai phố này.

Thời cổ Hy Lạp có rất nhiều thành phố được xây mới hoặc được cải tạo một cách



95. Mô hình và mặt bằng Acrôpôn ở thành phố Pecgam

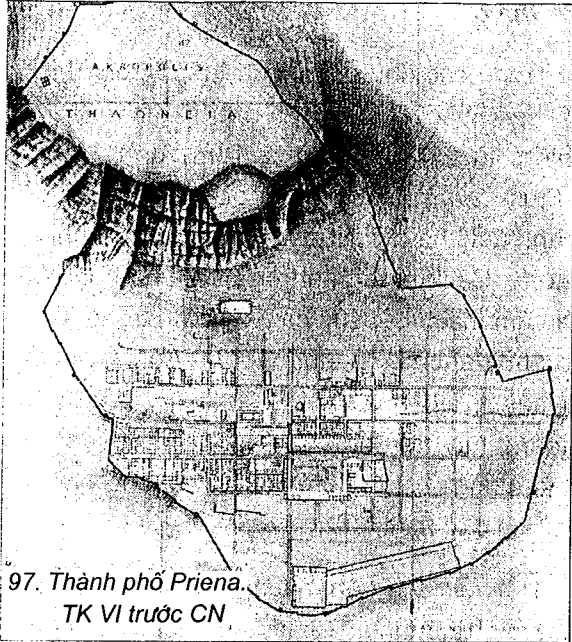


96. Agora ở khu trung tâm thành phố Priena

cơ bản như Priena, Milê, Pecgam, Assos, Ephe v.v...

Thành phố Priena

Nằm cách bờ biển 4 - 5km, được khởi xây từ cuối thế kỷ thứ IV trước CN và gắn với tên tuổi nhà kiến trúc Phiphây. Dân số khoảng 5000 người. Đường phố xếp theo hình bàn cờ, hướng Bắc - Nam và Đông - Tây (hình 97).

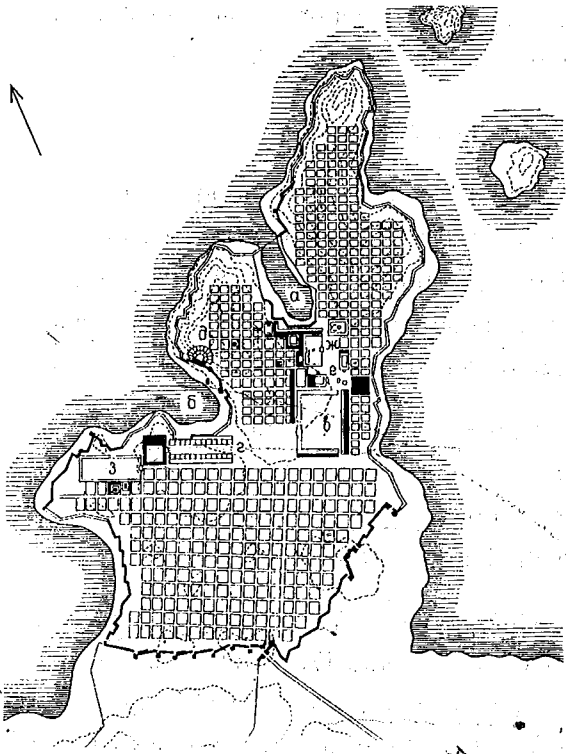


97. Thành phố Priena. TK VI trước CN

Agora của thành phố này là một quảng trường hình chữ nhật có kích thước 75,6m x 46,3m, quay ba mặt bằng hàng hiên với thức cột Iôni. Chỉ riêng mặt lối vào mới dùng thức cột Đôri. Thành phố được đặt trên sườn núi khá dốc, tựa lưng vào ngọn đồi đã có thời là một acrôpôn tráng lệ. Việc áp đặt cứng nhắc nguyên lý quy hoạch theo ô bàn cờ ở đây đã gây nên một sự bất tiện lớn về giao thông, tạo nên những bậc thang rất cao không mấy thuận lợi cho việc đi lại.

Thành phố Milê

Milê là thành phố ven biển, được mở rộng và quy hoạch mới hoàn toàn, với mạng đường phố nằm hơi chệch khỏi hướng Bắc Nam. Giống như các đô thị cổ Hy Lạp khác, ở đây có đầy đủ các kênh cấp và thoát nước. Đường sá và quảng trường được lát gạch, Bức tường thành dày 11m dài tới 11,2km với nhiều tháp canh. Trung tâm Milê chia làm 3 khu vực: Bắc, Trung và Nam. Agora phía nam dài 161,5m rộng 115,7m, có hệ cột phức hợp: phía ngoài dùng thức Đôri, phía trong - Iôni (hình 98).



98. Mặt bằng thành phố Milê

Nhà ở

Trong các khu ở với kích thước trung bình $35 \times 45m$ có từ 4 đến 6 căn hộ, mỗi hộ chiếm từ $270m^2$ ($15m \times 18m$) đến $380m^2$ ($16m \times 24m$). Một số nhà giấu chiếm những mảnh đất khá lớn. Nhà xây bằng đá, có nhiều phòng. Các tường bên trong trát vữa hoặc ốp đá cẩm thạch hết sức cầu kỳ sang trọng. Cửa sổ nhỏ, đặt cao, có lưới bảo vệ. Ánh sáng lấy từ sân trong qua một hàng hiên. Loại sân thoáng này rất được ưa chuộng trong nhà ở. Các tường ở phía tiếp giáp với đường phố bị xây kín đặc (hình 99).

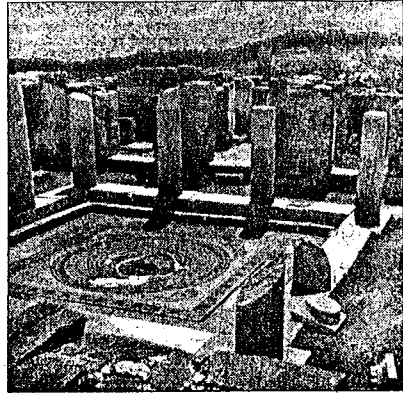
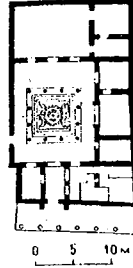
Trái với cách trên, những nhà trung lưu mở cửa ra phía đường để bán hàng hoặc làm nghề thủ công. Có cả loại nhà 2 tầng, thậm chí một số nhà còn làm cả bể bơi nhỏ trong sân.

Công trình công cộng

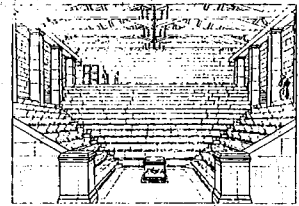
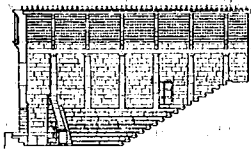
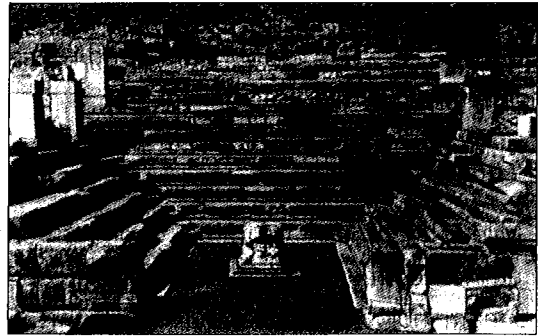
Ngoài các công trình thương mại và quốc phòng, thời gian này còn phát triển mạnh mẽ việc xây dựng các công trình công cộng với nhiều chức năng khác nhau, đặc biệt là những nhà họp đại biểu nhân dân thành phố.

Nhà Đại biểu nhân dân thành phố Priena có mặt bằng vuông, với 640 chỗ ngồi có bậc xếp theo hình chữ U, được xây dựng vào thế kỷ thứ II trước CN (hình 100).

Nhà họp Hội đồng thành phố Milê xây dựng vào các năm 175 - 164 trước CN có mặt bằng vòng cung với 1500 chỗ ngồi. Trong phòng họp có 4 trụ tròn đặt trên các đế vuông. Trước nhà có một sân rộng với ba mặt



99. Nhà ở thời Hy Lạp cổ đại



100. Nhà đại biểu nhân dân thành phố Priena
Mặt bằng và nội thất



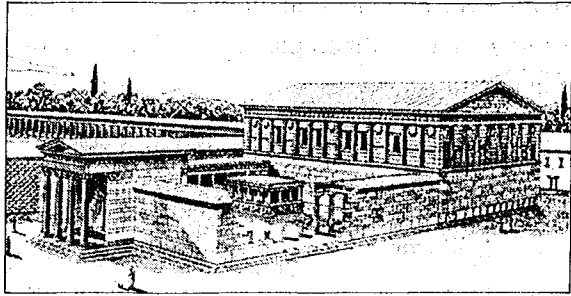
hiên và một lối vào với 4 cột trụ thức Coranh (hình 101, 102).

Những tòa nhà hội họp đều có quy mô khá lớn, có hình thức mang tính hoành tráng. Mặt nhà và nội thất được nghiên cứu phong phú, dùng nhiều vật liệu quý mà trước đó chỉ thấy có ở các đền đài.

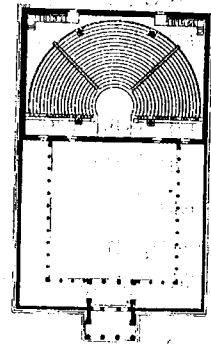
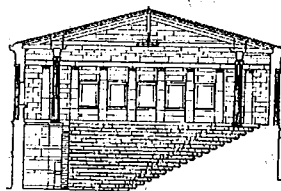
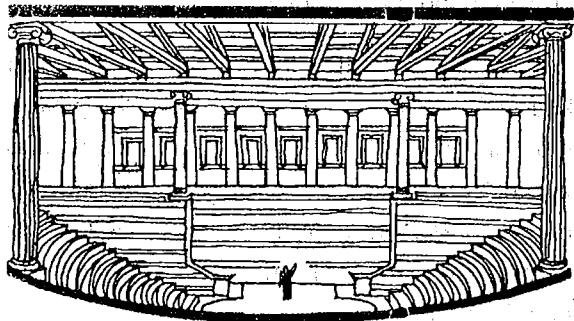
Nhà hát được xây dựng hầu như ở tất cả các đô thị cổ Hy Lạp, với nhiều cải tiến so với thời cổ điển : phá sàn tầng hai, bỏ tường, nơi rộng khoảng cách các cột ở phần sân khấu. Với kinh nghiệm của hàng ngàn năm xây dựng nhà hát ngoài trời, chất lượng âm thanh, tầm nhìn trong nhà hát thời Hy Lạp cổ đại đạt đến độ lý tưởng. Sự sắp xếp hợp lý các thành phần và tỷ lệ kiến trúc, mối quan hệ giữa lượng người xem đông đúc, người diễn vui vẻ, có trình độ diễn xuất cao cùng với khung cảnh tự nhiên tuyệt diệu xung quanh... tất cả những yếu tố đó kết hợp lại đã tạo nên những tác động tinh thần - tình cảm phong phú và tốt đẹp, thể hiện được đặc thù dân chủ trong cuộc sống của con người Hy Lạp cổ đại.

Một điển hình là nhà hát thành phố Priena, được xây dựng vào cuối thế kỷ IV - đầu thế kỷ thứ III trước CN, có sức chứa 5000 người. Khán đài hình nửa ô van, đường kính 13,54m. Ngồi ở khán đài này có thể thưởng ngoạn cảnh đẹp của khu trung tâm và bờ biển.

Trong các dạng nhà công cộng cổ Hy Lạp còn thấy nhiều loại trường huấn luyện thể thao, sân vận động, thư viện. Khác với sân vận động ở Priena, sân vận động Milê có khán đài hình vuông ở cả hai phía. Sân thi đấu dài 194,5m rộng 27,44m. Khán đài phía



101. Toàn cảnh Nhà họp Hội đồng thành phố Milê



102. Nội thất, mặt cắt, mặt bằng nhà họp Hội đồng thành phố Milê

Đông Bắc có các bậc ngói cao 40cm đục trong vách đá. Chỉ có một phần phải dùng đất đắp lên cho cao.

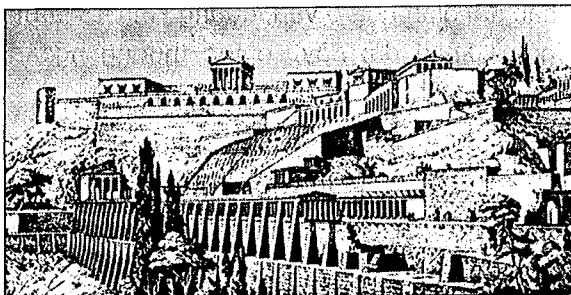
Các công trình tôn giáo tín ngưỡng

Thời kỳ cổ đại Hy Lạp tuy không có được các kiệt tác như Páctênông, nhưng các công trình tôn giáo tín ngưỡng cũng đã phát triển trên một quy mô khá rộng lớn. Lúc này, giữa tôn giáo và chính quyền các thành phố đã thiết lập được mối quan hệ rất khăng khít. Cùng với sự kết hợp giữa quy hoạch và công trình ở các khu trung tâm, những giải pháp mới về bố cục ngôi đền đã làm biến đổi hẳn bộ mặt kiến trúc. Có đền đạt đến chiều dài trên 100m, rộng trên 50m và hàng cột cao tới 20m.

Các loại đền thờ thần Dớt và các thần khác có quy mô khác nhau. Các cổng đền, mộ chí, ban thờ, quan tài có tạc hình được xây dựng rất nhiều. Nhiều nhà giàu đã lập các gian thờ riêng ngay tại nơi ở với nhiều tượng, tranh, chạm khắc đá rất phong phú về đề tài tôn giáo.

Kiến trúc thời kỳ cổ đại Hy Lạp (thời kỳ Êlen), bằng con đường thực tiễn cũng như lý thuyết, đã hình thành được nhiều phương pháp cấp tiến trong thiết kế quy hoạch và hoàn thiện công trình đô thị, tạo dựng các quần thể trung tâm, phát triển nhiều loại hình thương mại và công cộng, các dạng nhà ở kiểu mới (hình 103).

Sức biểu cảm nghệ thuật của kiến trúc thông qua bố cục và hình khối, qua sử dụng hệ thức cột một cách tự do và quan niệm mới



103. Hình ảnh của một đô thị cổ Hy Lạp

về tổ hợp nghệ thuật, các phương tiện kỹ thuật mới thời kỳ Elen đã có ảnh hưởng tới những giai đoạn phát triển kiến trúc về sau này, đặc biệt là kiến trúc La Mã, kiến trúc Tây và Đông Âu, kiến trúc Tiểu Á và Bắc Mỹ (hình 104, 105).

2.4.6 Nhận xét chung

Cùng với những thành tựu huy hoàng của các loại hình văn hoá - nghệ thuật, nền kiến trúc cổ Hy Lạp đã có một giai đoạn phát triển rực rỡ trong gần 10 thế kỷ và đạt được những kết quả đáng khâm phục.

Chế độ dân chủ nông nô cổ Hy Lạp dù còn nhiều hạn chế, cũng đã tỏ ra hữu hiệu trong việc xây dựng các quốc gia thành bang, khuyến khích lợi ích tư hữu và sự bình đẳng tự do cá nhân của lớp thị dân, động viên được sự tham gia của họ vào đời sống chính trị và công việc điều hành nhà nước. Kiến trúc cổ Hy Lạp mang nặng dấu ấn của tinh thần cộng đồng giữa những thành viên bình đẳng trong xã hội, được thể hiện qua những lý thuyết sớm nhất về môn quy hoạch, về mối quan hệ giữa khu ở và khu trung tâm đô thị. Nhiều kiểu nhà mới, nhiều di tích giá trị như nhà họp, nhà hát, sân vận động ... đã ra đời trong giai đoạn này.

Có lẽ ở đây, cuộc sống của con người giữa thiên nhiên đã giúp cho kiến trúc cũng đạt được sự gắn bó hữu cơ với thiên nhiên và với các nhu cầu thực tế của xã hội (hình 106).

Thức cột Hy Lạp là sự kết hợp tài tình giữa nhiệm vụ kỹ thuật với chức năng biểu tượng,

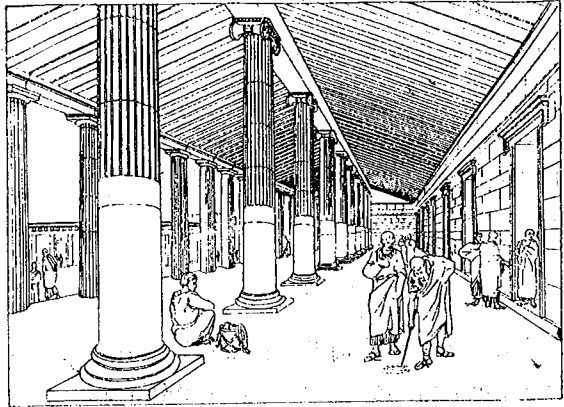


104. Tượng Nhica ở đảo Saprohraxia



105. Prôpilê ở Aten ngày nay

được bổ sung bằng hệ tỷ lệ rất tinh tế, làm cho con người không có cảm giác bị đe dọa hay áp đặt như trong kiến trúc cổ Ai Cập. Người Hy Lạp cổ đại coi tỷ lệ là phương thức tạo nên sự hoà hợp và thống nhất giữa các yếu tố trong một công trình, đáp ứng được các quan niệm nhân văn đương thời. Thúc cột và tỷ lệ chính là những đóng góp khá then chốt của dân tộc Hy Lạp vào kho tàng kiến trúc nhân loại. Tính hợp lý, sự giản dị và sáng sủa trong bố cục, chất quần chúng thoáng mở không chút bí ẩn trong nội dung các đền đài, sự trung thực đã tạo nên được những cảm xúc hết sức mạnh mẽ, sâu sắc cho người đương thời cũng như mọi lớp người về sau, khi chiêm ngưỡng những thành tựu tuyệt vời của nền kiến trúc cổ Hy Lạp.



106. Quang cảnh Agora ở thành phố Priena

2.5. KIẾN TRÚC CỔ LA MÃ

2.5.1. Bối cảnh thiên nhiên - xã hội

Trong đoàn người di cư từ miền sông Danuyp xuống phía Nam, một bộ phận định cư ở bán đảo Greco nằm ở phía Đông về sau trở thành dân tộc Hy Lạp. Bộ phận thứ hai định cư ở Trung và Bắc bán đảo Italia ở phía Tây, sau này trở thành đế quốc La Mã. Khí hậu ở bán đảo này ôn hoà, đất đai màu mỡ có tiềm năng về lâm sản và hải sản, có lợi thế về vị trí địa dư. Phong cảnh biển trữ tình, có nguồn đá thiên nhiên dễ khai thác, nhiều loại đất sét có chất lượng cao (hình 107).

Đầu thế kỷ thứ VIII trước CN, bán đảo Italia được chia làm 3 vùng: vùng Tây Bắc thuộc dân tộc Êtruyxơ, vùng Trung thuộc



107. Bản đồ Italia cổ đại

người Latinh, và vùng phía Nam thuộc dân gốc Hy Lạp.

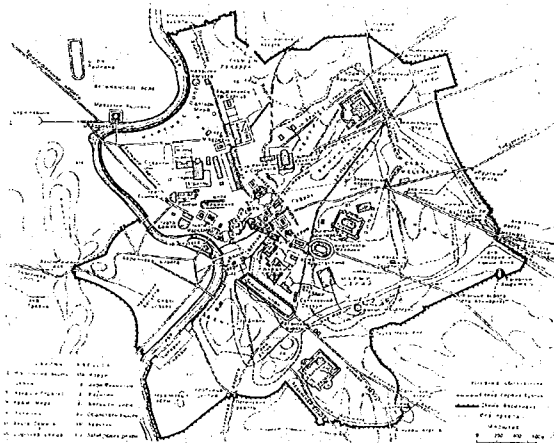
Đến giữa thế kỷ thứ VIII, liên minh các "quốc gia thành bang" ra đời, đứng đầu là quốc gia thành bang Etruria, mở đầu thời kỳ Vương quốc, lấy thủ đô là Rôma - một đô thị nằm trên bờ sông Tibơ (hình 108).

Xã hội phân chia thành 3 lớp người: lớp vua quan và quý tộc, lớp thương gia, thị dân và tiểu nông, lớp người nô lệ lấy từ tù binh chiến tranh. Trên thực tế thì lớp người nô lệ không hề được hưởng bất cứ sự đối xử bình thường nào. Các chủ nô có thể đem họ làm thứ bán nhượng.

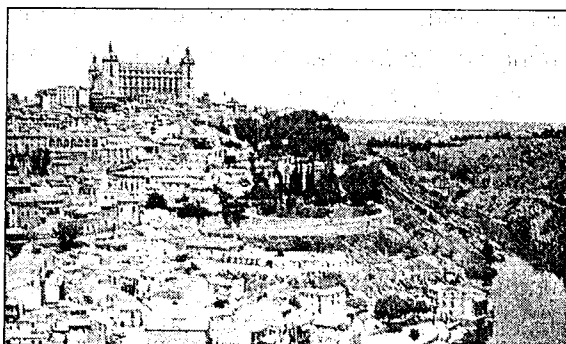
Đến thế kỷ thứ V trước CN, vua bị phế truất, chế độ Cộng hoà La Mã ra đời. Mọi người dân đều được ứng cử và bầu cử, có quyền biểu quyết. Quyền bính tập trung nơi Viện Nguyên lão, do hai viên quan Tổng tài cùng đứng đầu.

Từ một nước nhỏ bé với 7 ngọn đồi ven sông Tibơ (hình 109), La Mã đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh thôn tính toàn vùng Địa Trung Hải và trở thành quốc gia hùng mạnh. Càng về sau, đám người tiểu nông càng bị bắt lính và bị dồn vào thế phải phá sản. Những mưu toan nổi dậy giành quyền sống của họ đều bị đàn áp.

Tới thế kỷ thứ nhất trước CN, có hai nhà quân phiệt là Pompei và Xêda đã sát cánh với một đại phú gia để thủ tiêu nền cộng hoà, lập ra chế độ độc tài La Mã. Nhưng cuối cùng toàn bộ chính quyền đã rơi vào tay Xêda.



108. Thành phố Rôma



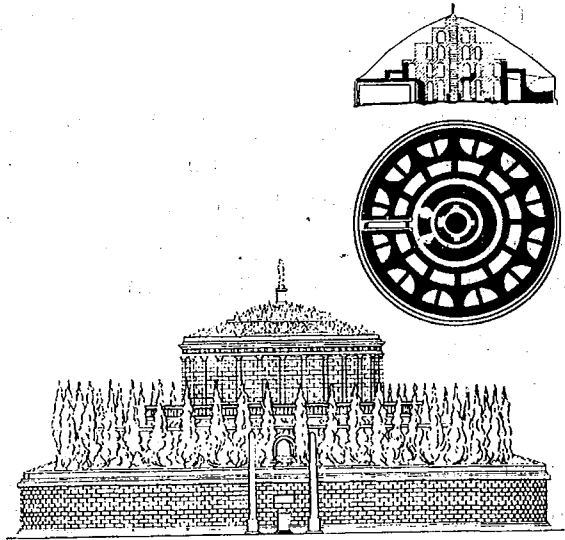
109. Đô thị trên đồi ven sông

Nhà độc tài này đã tiến hành nhiều cải cách quan trọng về chính trị và xã hội, nhanh chóng củng cố nền đế chế. Chẳng bao lâu sau, do sự tàn bạo vô song mà Xêda đã bị dân chúng giết chết.

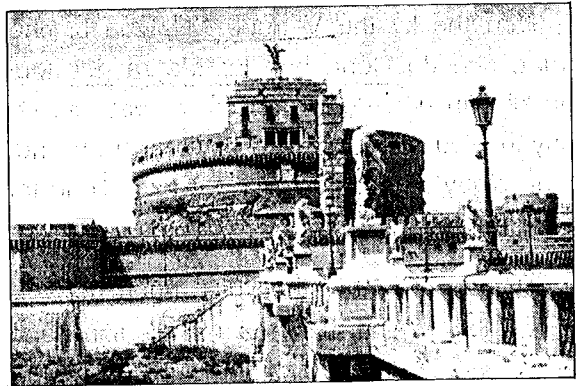
Thành công nhất trong các đời vua trị vì là người kế vị Xêda có tên là Ôctava, được tôn vinh thành Ôguyxtơ (có nghĩa là vĩ nhân). Trong đời vua kéo dài 44 năm, Ôguyxtơ đã mở rộng đất đai sang tận Pháp, Tây Ban Nha, Hy Lạp và các vùng tiểu Á, làm cho La Mã trở thành một đế quốc hùng cường (hình 110). Công nghiệp và thủ công nghiệp, giao thông thương mại đều đạt mức cực thịnh, ảnh hưởng của La Mã lan tới tận những vùng xa xôi như Ả-rập, Ấn Độ, Trung Quốc.

Trong thời gian này, nền văn học, nghệ thuật được khuyến khích phát triển. Thủ đô Rôma được kiến thiết nguy nga tráng lệ để xứng đáng với vị trí trung tâm số một của thế giới cổ đại. Các nghị trường, đấu trường, Khải hoàn môn, cầu dẫn nước, các lâu đài, cung điện, các nhà tắm công cộng được xây rất nhiều. Đã xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ, sử gia, triết gia lỗi lạc như Xixêrôn, Horaxô Tittia, Viecgin v.v... Cũng từ đây đã ra đời ký tự Latinh, thứ chữ mà chính người Việt ta đang dùng ngày nay. Thời đại Ôguyxtơ được coi là thời hoàng kim của đế quốc La Mã.

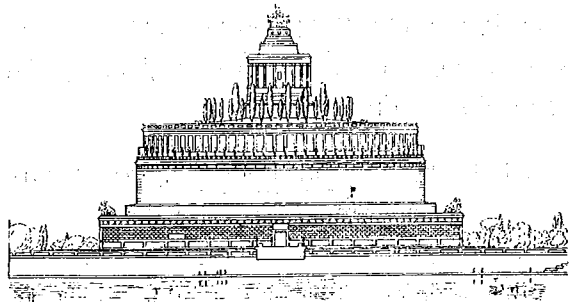
Liên trong hai thế kỷ (thứ I và II sau CN) nền đế chế La Mã được ổn định, có hơn quân như Nêrôn, nhưng cũng có nhiều nhà quân quyền tài giỏi như Tiberơ, Ôre, Tôragian v.v... đã giúp cho nghệ thuật kiến trúc và quy



110. Lăng hoàng đế Ôguyxtơ ở Tiberơ
28 - 23 TCN



111. Quang cảnh lăng Hoàng đế Adrian ngày nay



112. Mặt đứng lăng Adrian

hoạch đô thị được phát triển và có nhiều thành tựu đáng kể (hình 111, 112, 113).

Chỉ từ sau thế kỷ thứ III trở đi, lớp dân thượng lưu ngày càng xa hoa và biếng nhác, dân chúng chán nản, xa rời việc binh, tinh thần bạc nhược đến nỗi khi đem quân xâm lược thì đánh đâu bại đấy. Số nô lệ ít dần, nông nghiệp sa sút, công thương nghiệp và hàng hải đều ngừng trệ. Bộ mặt đô thị ngày càng xơ xác. Nạn cát cứ nổi lên, chia La Mã thành hai miền: miền Đông lấy kinh đô là Bidăng, miền Tây lấy kinh đô là La Mã. Đến thế kỷ thứ IV, các cuộc nổi dậy của tiểu nông và nô lệ trong nước đã làm cho chính quyền bị lung lay đến tận gốc. Lại gặp lúc các bộ tộc Giecmen từ phương Bắc tràn vào chiếm được miền Tây. Thành Rôma thất thủ, đế quốc La Mã ở miền Tây sụp đổ hoàn toàn (hình 114, 115, 116). Trung tâm văn hóa lúc này chuyển hẳn sang miền Đông với thủ đô là Bidăng, còn gọi là Côngxtăngtinốp, đưa xã hội châu Âu bước vào thời kỳ xã hội phong kiến. Năm ấy là 476 sau CN.

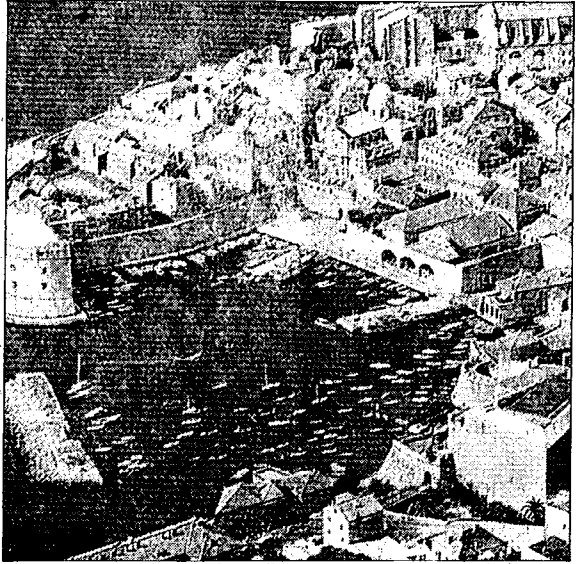
2.5.2. Sự phân kỳ kiến trúc cổ La Mã

Nền kiến trúc cổ La Mã kéo dài trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ VII trước CN đến cuối thế kỷ thứ V sau CN, chia thành 3 thời kỳ:

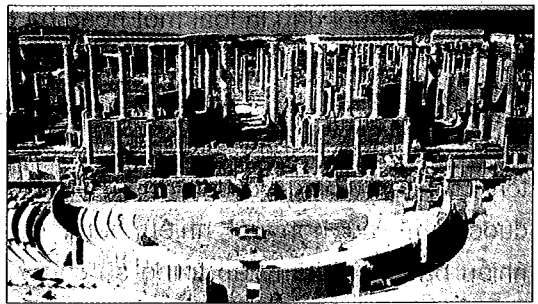
1- Thời kỳ vương quốc hay còn gọi là thời kỳ Êtơruyxcơ (Thế kỷ thứ VIII - V trước CN)

2- Thời kỳ Cộng hòa La Mã (thế kỷ thứ V trước CN đến năm 30 sau CN).

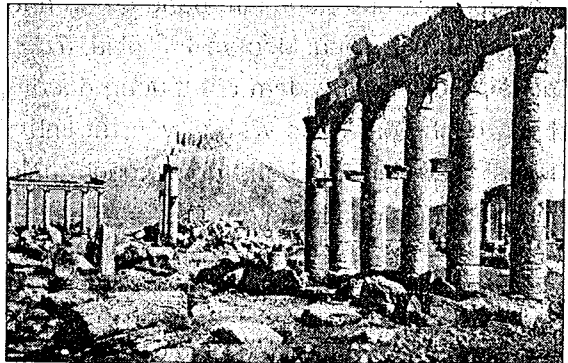
3- Thời kỳ Đế quốc La Mã (Năm 30 đến năm 476 sau CN).



113. Một phần thành phố cổ La Mã



114. Nhà hát Sabrata (TK III) trong hoang phế



115. Đô thành Palmira hoang phế

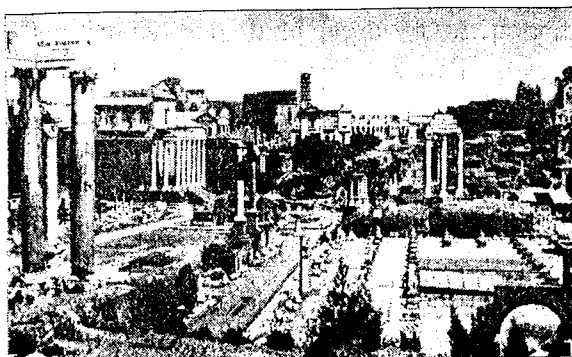
2.5.3. Kiến trúc La Mã trong thời kỳ Vương quốc (Êtơruyxcơ)

Như trên đã nói, Êtơruria là quốc gia thành bang hùng mạnh nhất của La Mã thời Tiên cổ, bắt đầu từ thế kỷ thứ VIII trước CN.

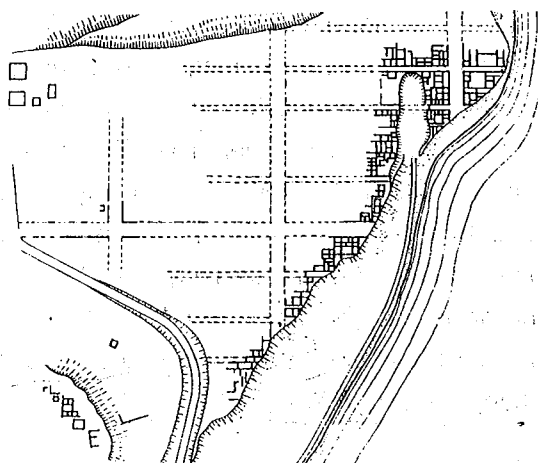
Xây dựng đô thị thời kỳ này được ưu tiên phát triển. Khi xây dựng đô thị, người Êtơruria có dụng cụ đo để đặt các phố chính theo đúng chiều ánh sáng, Sau đó họ xác định ranh giới, vị trí các tường thành và cổng thành.

Các đô thị thường làm quanh một khu trung tâm nằm trên đồi cao với một ngôi đền thờ ba gian. Mạng đường phố có hình ô cờ (hình 117).

Đền thờ buổi đầu là loại một hoặc ba gian có mặt bằng gần vuông với 8 cột dựng làm 2 hàng ở phía cửa vào. Tường hồi sau và tường bên xây đặc kín, không cửa sổ. Nền đền được tôn khá cao. Càng về sau, hiên trước càng được làm sâu hơn với nhiều hàng cột có nhiều bậc lên, nhằm tập trung sự chú ý của người mộ đạo vào phía gian thờ. Gian này nằm ở trong cùng, có đặt tượng. Cột đền và bộ sườn mái đều được làm bằng gỗ, trên lợp ngói. Mái đua rộng, dốc về hai phía. Tường ngoài, diềm mái và dầm cột thường được ốp bằng gạch gốm hoặc vẽ hoa văn rất tinh vi. Ngoài các đền xây bằng gỗ và gạch, nhiều lăng mộ được đục trong đá.



116. Đô thành hoang phế



117. Sơ đồ thành phố Marxabotlo thuộc Vương quốc La Mã TK IV trước CN

Thức cột La Mã

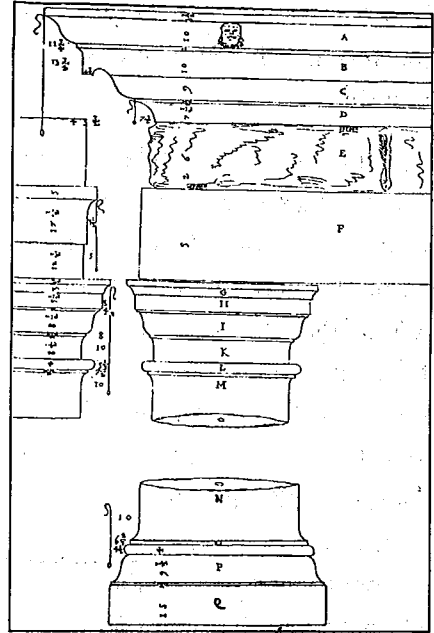
Người La Mã thừa kế 3 thức cột Hy Lạp với ít nhiều biến tấu theo những cách riêng của

mình. Từ thức cột Đori truyền thống, họ đã tạo nên thức Toscan, khoẻ khoắn, gây được ấn tượng chịu tải trọng ổn định nhờ lược bỏ hết các khía của thức Đori. Đôi khi cột Toscan còn có thêm chân đế (hình 118). Đến cuối thời Cộng hòa, họ còn cho ra đời thức cột Composít (có nghĩa là phức hợp) - một sự kết hợp giữa thức Ioni và thức Coranh cũ, với sự trang trí diềm dứa hơn và sự dựng hình cũng phức tạp hơn (hình 119).

Theo Andre Palladio trong "Bốn cuốn sách về kiến trúc" thì Toscan là thức cột "bình dị và đơn giản nhất trong các thức cột", thường được bố trí ở dưới cùng, trong các nhà kho, nhà cầu một tầng hoặc ở dưới các tầng hầm. Tầng trên đó dựng cột thức Đori, rồi đến cột thức Ioni. Tầng trên nữa → đến cột thức Coranh và trên cùng là cột thức phức hợp (Compozit). Thứ tự này luôn ổn định, không bao giờ bị đảo lộn.

Đến thế kỷ thứ VII trước CN, Êtruria nhập vào với La Mã trong chế độ Cộng hòa nô lệ, mở ra một giai đoạn phát triển mới về kiến trúc. Công trình quốc phòng được xây khắp nơi. Trên các công trình đều thấy rõ dấu ấn của nền văn hoá Hy Lạp. Đền thờ chịu ảnh hưởng cách trang trí Hy Lạp, với nhiều cột hiên.

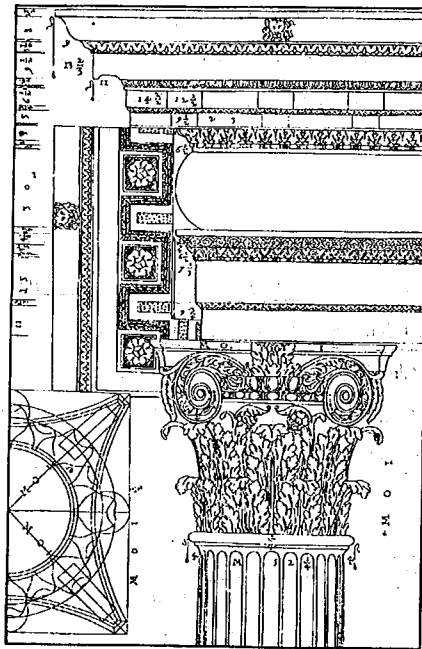
Tuy chính quyền bị sụp đổ ở thế kỷ thứ VI trước CN, nhưng nghệ thuật xây dựng đô thị, cách bố cục công trình theo trục, các đền đài có tượng, các kiểu nhà của người Êtruria vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến nền kiến trúc mới của La Mã trong một thời gian dài.



118. Thức cột Toscan - La Mã

Compozit
|
Corinthien
|
Ionic
|
Doric
|
Toscan

119. Thức cột phức hợp (Compozit)



2.5.4. Kiến trúc thời kỳ Cộng hoà La Mã (từ thế kỷ thứ V trước CN đến năm 30 sau CN)

Được thành lập sau khi thoát khỏi các triều vua Etruyxơ vào năm 509 trước CN, nền Cộng hoà La Mã đã tồn tại trong khoảng 540 năm, cho đến khi xuất hiện Đế quốc La Mã. Đó là một giai đoạn chiến tranh với ngoài liên tiếp, mâu thuẫn bên trong triền miên. Song đây cũng lại chính là thời kỳ ra đời của nền kiến trúc La Mã khác với giai đoạn kiến trúc Etruria trước đó. Đặc điểm nổi bật của nền kiến trúc này là sự chọn lựa tiếp thu cải biên và nhấn mạnh các kiểu mẫu, các phương pháp bố cục tiên tiến của các dân tộc khác, trước tiên là hai dân tộc Hy Lạp và Etruria.

Sự phát triển các giải pháp kết cấu táo bạo, sự hoàn thiện một cách mau lẹ các kỹ thuật xây dựng, các kỹ xảo công nghệ, cùng với tài lợi dụng tối đa địa hình, phong cảnh hướng gió và mặt trời, khí hậu, nguồn nước v.v... là đặc điểm nổi bật trong kiến trúc thời kỳ này.

Đá là vật liệu xây dựng chính với rất nhiều chủng loại màu sắc. Đá vôi, đá thô, đá cẩm thạch, hoa cương xám, vàng, nâu dùng xây đền đài. Gạch không nung, rồi về sau có thêm các loại gạch nung dùng để xây nhà ở. Có cả loại gạch hình năm cánh hoặc gạch tròn dùng để xây cột.

Nếu trong đô thị Hy Lạp cổ đại đã từng hình thành các quảng trường trung tâm gọi là agora, thì trong đô thị cổ La Mã đã ra đời

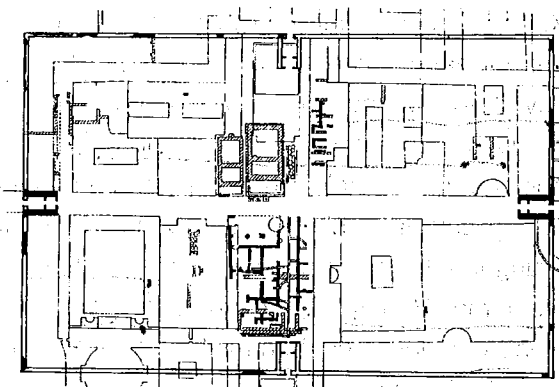
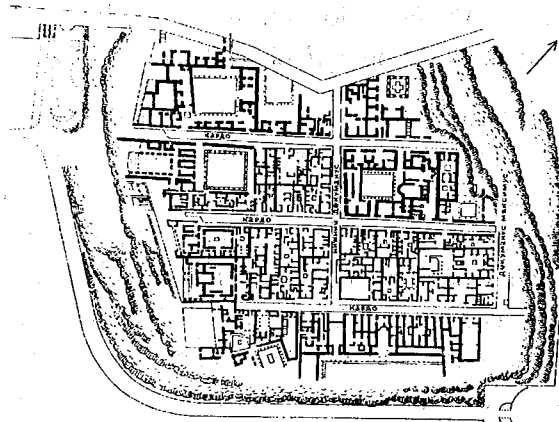
Quảng trường trung tâm Hy Lạp → agora
La Mã → forum

hàng loạt các trung tâm kiểu mới gọi là phorum. So với agora Hy Lạp, phorum La Mã có quy mô lớn hơn nhiều và nội dung, thành phần công trình cũng phong phú hơn nhiều. Quy hoạch đô thị theo dạng bàn cờ. Các loại công trình quốc phòng, các đô thị lấy khu quân sự làm trung tâm, các đường sá, cầu cống, kho tàng được khuyến khích phát triển (hình 120).

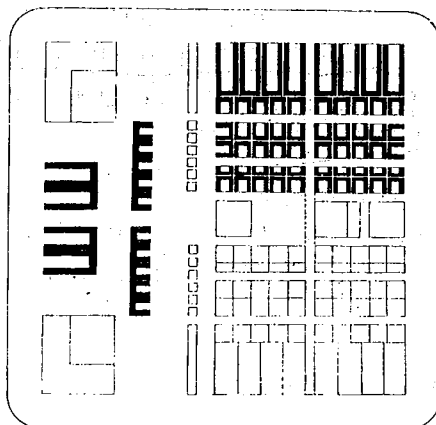
Trong giai đoạn đầu của nền cộng hòa (từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ II trước CN) đáng chú ý là sự phát triển phorum của 2 thành phố Pompei và Roma.

Ban đầu Rôma vốn chỉ là một ngôi làng nhỏ với các lều hình chữ nhật, khung bằng gỗ, vách lau sậy trát đất, kích thước khoảng 3m - 5m mỗi chiều. Đến thế kỷ thứ VII mới có bức tường thành đá ong dài 7km. Bốn thế kỷ tiếp theo, ở đây mới hình thành các đường phố hẹp và gầy khúc một cách tự phát. Dần dần trong cuộc chinh phạt, quân La Mã đã lập nên các lều trại có hình chữ nhật đặt cách đều nhau. Về sau lều trại được thay bằng các thị tứ xây gạch kiên cố dùng vào mục đích quân quản và công trình công cộng. Tại các chỗ giao nhau của những con đường lớn đã hình thành những trung tâm thương nghiệp, thu hút các thương nhân, thợ thủ công, gia đình binh sĩ. Mô hình trại lính ô cờ của La Mã sau đó trở thành một kiểu mẫu, là một đóng góp quan trọng vào nguyên lý quy hoạch cổ đại (hình 121).

Khu trung tâm Rôma được xây dựng trong một thời gian kéo dài, qua nhiều lần phá đi



120. Các đô thị thời Cộng hòa La Mã Ghecculamun (trên) và Oxchia (dưới)



121. Sơ đồ bố trí trại lính La Mã

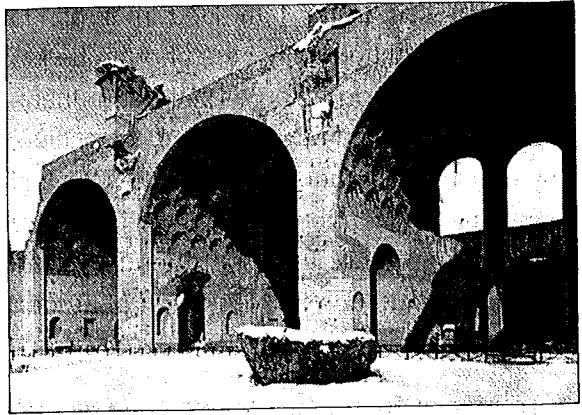
làm lại. Vì vậy sự lộn xộn trong quy hoạch là điều khó khắc phục (hình 122, 123).

Phorum Roma ra đời từ thế kỷ thứ VI trước CN tại một nơi gần sông Tibơ và hồ Exulap. Lúc đầu đây chỉ là nơi họp chợ và tụ hội dân chúng. Lâu dần có thêm Hoàng cung, nhà Hội đồng, Quảng trường, các đền đài, các baxilica v.v... các khu vực buôn bán bị chuyển dần ra vành ngoài. Mặc dù được tôn nền và sửa chữa vào thế kỷ thứ I trước CN, phorum Rôma vẫn ngày càng trở nên chật chội. Vì vậy vào thời Xêda, để khẳng định uy quyền của mình nhà độc tài này đã cho cất phorum mới. Phorum này khác hẳn các hội tụ họp công cộng trước đó. Ở đây không hề có các baxilica (nơi hội họp của dân chúng), còn các dân buôn bán thì bị dẹp sâu vào phía trong và sang một bên. Trung tâm bố cục của phorum là ngôi đền thờ thánh mẫu Venera và bức tượng bằng đồng tạc hình Xêda đang cười trên mình ngựa. Hai hàng cột hiên hai bên khép quần thể lại trong một diện tích 42m x 125m, tách khỏi thiên nhiên bên ngoài. Nhìn bề ngoài, kiến trúc phorum Xêda có phần thô nặng mang tính phòng thủ. Đối lại, nội thất được trang hoàng bằng các vật liệu quý nhiều màu sắc cùng các tượng đá hoa cương hết sức lộng lẫy.

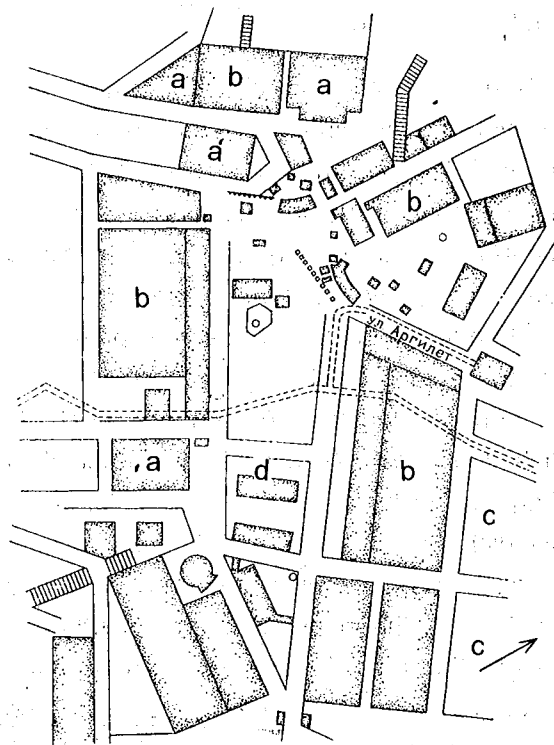
Được xây dựng theo một ý đồ nhất quán, phorum Xêda đã khẳng định một hình thức phorum La Mã mới khá thịnh hành trong các giai đoạn sau.

Thành phố Pompei

Nằm ở ven biển phía Tây núi Italia, Pompei là trung tâm của một vùng trù phú, có



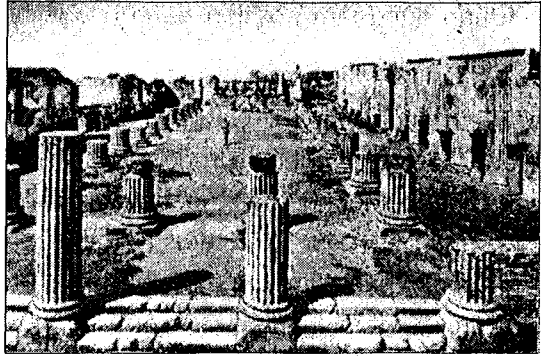
122. Baxilica Macxenxi ở Rôma. TK IV



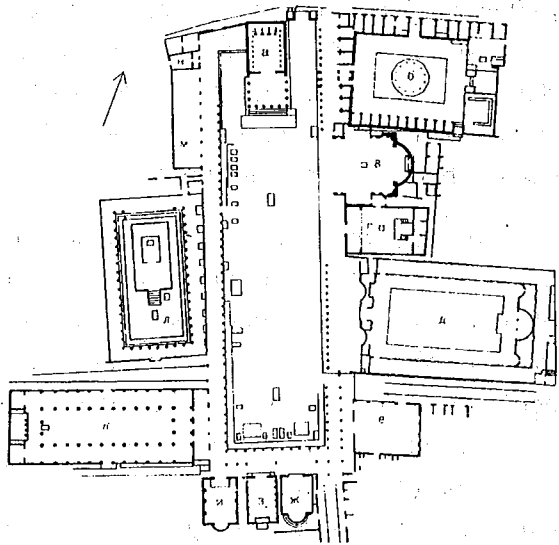
123. Phorum Rôma thời cộng hòa

- a) đền
- b) baxilica
- c) chợ
- d) dàn xử giáo

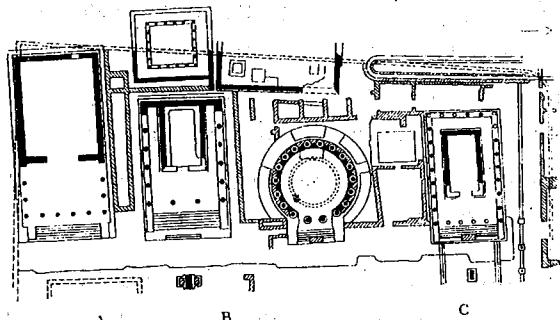
những nhà vườn sang trọng, nhiều loại công trình công cộng nổi tiếng như đền đài, nhà hát, nhà tắm công cộng. Phorum Pompei được đặt ở phía Tây Nam thành phố, bề ngang hẹp (38m), chạy trên chiều dài 142m theo hướng Bắc - Nam. Hàng hiên bao 3 mặt, cao 2 tầng, với cột thức Đôri ở tầng dưới, thức Ioni ở tầng trên, được khép lại ở mặt hướng Bắc bằng ngôi đền thờ Juypite. Nhiều đền đài, công trình công cộng quan trọng lần lượt được xây quanh phorum này, tạo nên một tổng thể hài hoà với khung cảnh xung quanh (hình 124, 125).



124. Quang cảnh phorum Pompei ngày nay



125. Mặt bằng phorum Pompei



126. Quần thể Lacgo và đền tròn ở Rôma TK IV - trước CN

Đền thờ và Thánh đường

Thời Cộng hòa đền thờ được xây dựng ở hầu khắp các đô thị. Các đền thờ trở thành loại hình công cộng chính thống của La Mã trong khoảng 4 thế kỷ từ thứ V đến thứ I trước CN. Đền Capitol ở Rôma thờ ba vị thần là một tòa nhà lớn (56,85m × 61,6m) đặt trên đồi cao ngự trị cả một vùng thành phố.

Cùng thời còn có đền Hòa Bình ở Pestum, đền Apôllon ở Pompei, và một số quần thể khác với nhiều đền lớn nhỏ cao thấp đứng liền nhau. Như quần thể đền ở chợ Hoa quả, chợ Trâu bò, hay quần thể Lácgô ở Rôma (hình 126).

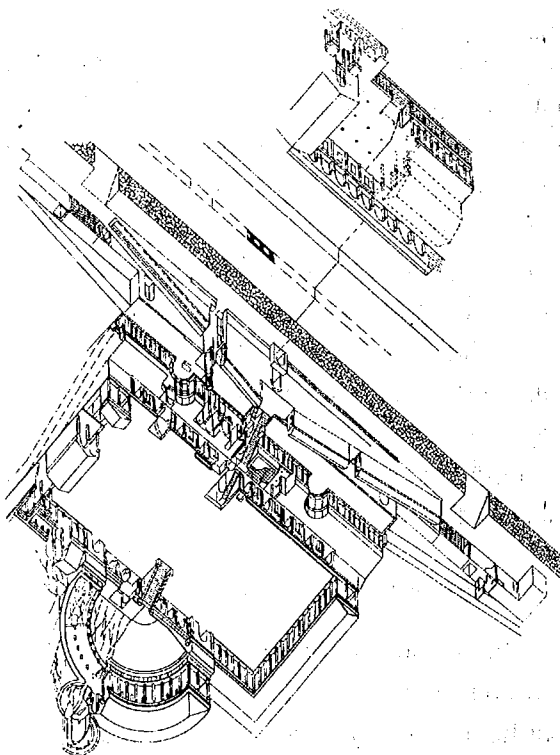
Ngoài các ngôi đền độc lập, thời gian này còn có thêm những quần thể thờ cúng là các thánh đường, được xây dựng trên các sườn núi, tại những địa danh linh thiêng. Ở những thánh đường này, toà nhà chính là ngôi đền thường được làm bên cạnh một nhà hát đặt ở

dưới thấp dùng làm nơi tiến hành các lễ hội tôn giáo.

Thánh đường Iona ở Gabi hình thành vào khoảng đầu thế kỷ thứ II trước CN trên một ngọn đồi cao. Một nhà hát ngoài trời hình vòng cung được đặt dưới chân đồi. Nhà hát này cùng với dãy hành lang ba mặt phía sau dùng cột thức Đôri tạo thành một quần thể hoàn chỉnh. Chính giữa toà thánh là ngôi đền dài 23,9m; rộng 17,8m. Cách bố cục cân xứng tuyệt đối qua trục dọc của tổng thể này là điểm khác hẳn so với các công trình tôn giáo Hy Lạp trước đây. Toà thánh có tầm bao quát tốt và khá ăn nhập với cảnh quan xung quanh.

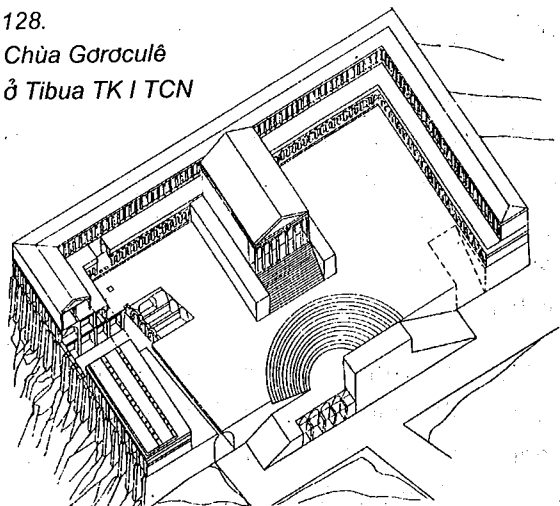
Tiếp tục phát triển và mở rộng hơn mô hình thánh đường đối xứng là toà thánh Photuna ở Perenesti, được xây dựng vào thế kỷ thứ I trước CN (hình 127). Xuất phát từ một ngôi đền nhỏ bên sườn đồi có dốc dựng đứng, người Gabi đã xây lên toà thánh lớn phía trên, giạt làm tám cấp. Cấp thứ tám kết thúc ở trên cao bằng một ngôi đền nhỏ hình tròn, là điểm chốt cuối cùng trên trục đối xứng. Quần thể này hướng ra biển và được mở rộng dần từ những bức tường vòm nặng nề dưới thấp, qua các hiên cột ở các cấp trung gian để tới ngôi đền tròn, được phụ họa bằng các bậc lên. Đây là một thành tựu kiến trúc đền đài chưa từng thấy ở thời vương triều La Mã trước đó.

Khu toà thánh lớn cuối cùng thời kỳ Cộng hoà là Thánh đường Goraculê ở Tibua, cũng được bố cục theo cách đối xứng tuyệt đối. Do đất quá chật nên phải đẩy cánh trái của chùa

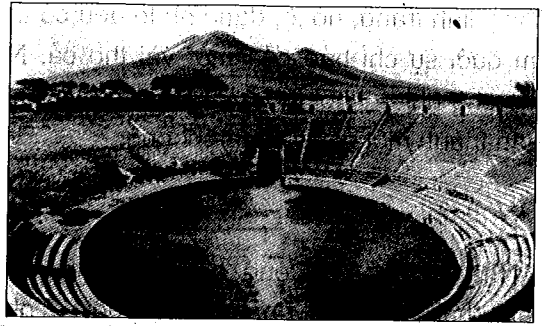


127. Chùa Photuna ở Perenesti TK I TCN

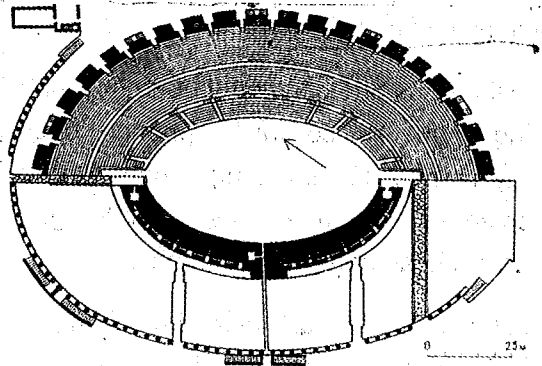
128.
Chùa Goraculê
ở Tibua TK I TCN



ra sát triển dốc nhờ một bức tường chắn đất hai tầng ở phía giáp bờ sông. Phía trước thành đường, lợi dụng độ dốc của núi đá có một nhà hát quay mặt ra biển. Nhà hát này cùng với những hàng bậc đá đã tạo nên một khung cảnh vừa trữ tình, vừa tự nhiên (hình 128).



Thời gian này còn có nhiều nhà xem biểu diễn loại lớn đặt trực tiếp trên triển dốc (gọi là *amphitêatoro*) để thưởng thức các cuộc đua hoặc đấu súc vật. Những nhà này có hình *ôvan*, kích thước từ 74m x 84m đến 105m x 149m. chứa được tới 29 ngàn người. Sân thi đấu rộng từ 40m x 550m đến 35m x 65m (hình 129).



129. Nhà hát ở Pompei

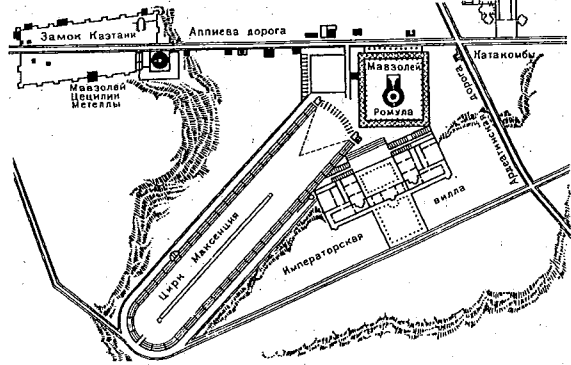
Cũng có cả những rạp xiếc để xem đua ngựa, dài tới gần 500m, Nhưng các thời đại sau loại công trình này bị biến tướng thành các dạng nhà công cộng với mục đích khác (hình 130).



Bê tông xuất hiện

Trong thời kỳ Cộng hòa ngoài vật liệu có sẵn là đất nung, kỹ thuật xây dựng La Mã được đánh dấu bằng sự ra đời của một loại vật liệu mới - đó là bê tông.

Bê tông với nguyên liệu chính là đá vôi, đã giúp cho kiến trúc La Mã cổ đại đạt được một số thành tựu. Nhà kho *Emilep* là một trong những công trình *đầu tiên* có tường và vòm được đổ bằng *bê tông*. Toà nhà này nằm dọc sông, dài tới 500m, có 400 cột. Vật liệu bê tông làm cho thao tác xây dựng trở nên dễ dàng, không đòi hỏi thợ bậc cao như xây đá.



130. Rạp xiếc Maxenxi ở Rôma năm 312

Vì vậy lính tráng, nô lệ, dân tỉnh lẻ đều có thể làm dưới sự chỉ bảo của một vài thợ cả. Nó giúp cho nhiều khối lượng xây dựng lớn được hoàn thành một cách nhanh chóng.

Nhà ở

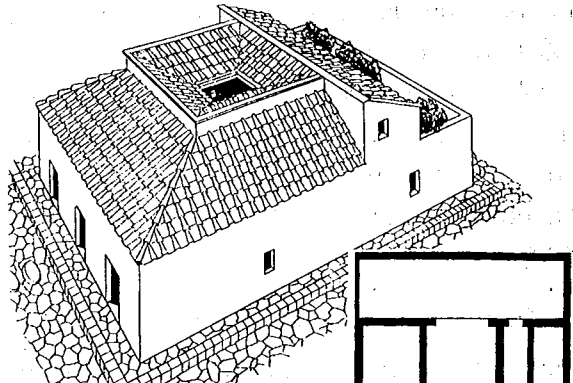
Nhà ở thời kỳ Cộng hòa được chia ra thành hai loại chính: nhà trong phố và nhà biệt thự ở vùng thôn quê.

Nhà trong phố của tiểu thương hay thợ thủ công nghèo chỉ có vài ba phòng, có phần quay ra phố để làm hàng. Phần dành cho việc ăn ngủ được đưa sâu vào bên trong, trên tầng hai hoặc trên gác xép (hình 131).

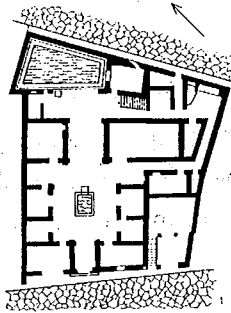
Những nhà khá giả, điền chủ chiếm những khoảng đất rộng, nhiều khi bằng cả một ô phố để xây các ngôi nhà có sân trong. Các phòng ở đều xoay quanh sân này.

Bốn phía ngoài nhà đều có tường với rất ít cửa sổ để thông gió, trừ một phía có trở cửa ra vào. Mái lợp kín cả nhà và sân, có lỗ thủng vuông ở nóc để lấy ánh sáng và để nước mưa có thể rơi thẳng vào bể phía dưới. Ngôi nhà sớm nhất còn sót lại đến sau này có tên gọi là nhà "Thầy phẫu thuật," (surgeon) được xây bằng đá ong với mạch vữa bằng đất sét, nền bằng đất nện, tường trát vữa (hình 132).

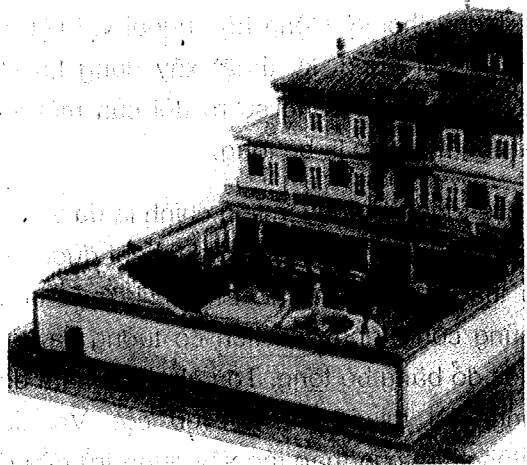
Sang đến thế kỷ sau, nhà ở ngày càng phát triển theo hướng xa hoa cầu kỳ hơn. Sân trong ngày càng rộng, kèm theo các vườn cây nhỏ. Có nhiều nhà có tới 2,3 thậm chí 4 sân trong. Nhà Panxa cao 3 tầng có mặt tiền rộng tới 34m và phát triển rất sâu vào trong. Nhà



131. Nhà ở đô thị thời Cộng hòa La Mã. Mặt bằng và phối cảnh

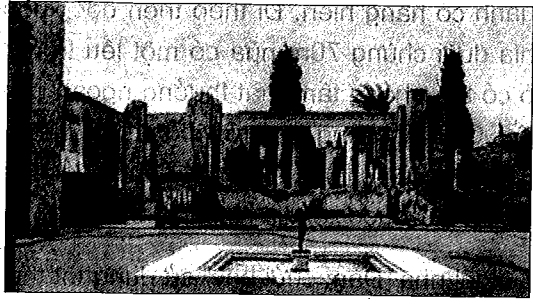


132. Mặt bằng ngôi nhà "Thầy phẫu thuật"

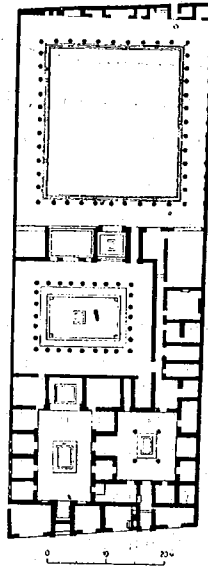


Nhà Panxa TK II TCN

Phavona qua ba lần sân từ nhỏ đến lớn rồi kết thúc bằng sân lớn nhất (32m x 35m) có hàng cột hiên thức Đôri (hình 133).



133. Nhà Phavona
Sân trong và mặt bằng

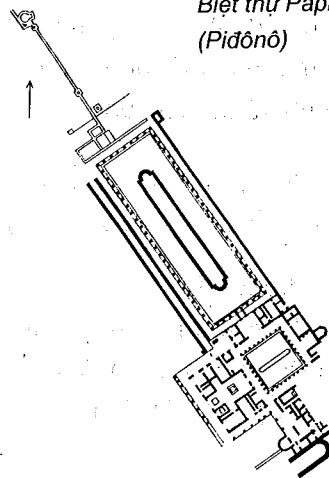


Xã hội La Mã vốn là một xã hội điển chủ, nhà giàu sống bằng thu tô. Tầng lớp quý tộc cũng giàu lên từ nông nghiệp. Việc điều hành, chế biến và chứa nông phẩm được diễn ra ở những nơi gọi là biệt thự (villas). Mọi người đều rất coi trọng nơi này, xem như góc rẽ của mọi thành đạt. Từ những cơ cấu đơn giản ban đầu, qua một vài thế kỷ, biệt thự nông thôn đã phát triển thành những toà nhà đồ sộ, nhiều sân, hiên, nhiều buồng phòng, đường đi lại, hồ nước, toạ lạc giữa thiên nhiên đầy cây cảnh, tạo nên môi trường thực sự trong lành cho những người cư ngụ tại đó.

Gắn kiến trúc với cảnh đẹp tự nhiên là cách làm truyền thống của người La Mã. Phong cảnh thiên nhiên nhờ có công trình tô điểm càng trở nên hấp dẫn. Những trang trí khép kín trong bốn bức tường nội thất trước đây nay được mở rộng ra bên ngoài, hòa vào không gian rộng lớn.

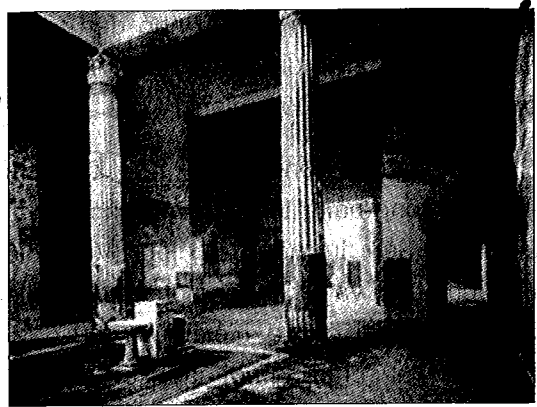
Vào cuối thời Cộng hoà, các biệt thự được xây dựng xa hoa chưa từng thấy. Điển hình là biệt thự Papirus (còn gọi là biệt thự Pirdôno) trên sườn dốc chạy suốt chiều dài gần 200m từ chân núi ra tới biển (hình 134). Nhà chính dài tới 79m, rộng hơn 50m. Trong nhà có nhiều lầu quán, phòng ăn, phòng ngủ, một sân trong và một thư viện với nhiều sách cổ, bản thảo và nhiều tượng bán thân của các thi sĩ, triết gia. Nối liền ngôi nhà là một vườn cảnh và bể bơi chạy dài hàng trăm mét, xung

134.
Biệt thự Papirus
(Pirdôno)

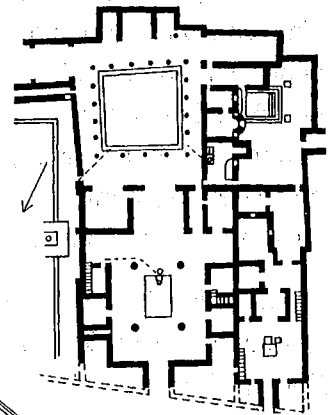


quanh có hàng hiên. Đi theo triển dốc xuống phía dưới chừng 70m nữa có một lầu tròn, từ đó có thể phóng tầm mắt thưởng ngoạn cảnh biển. Cả một không gian rộng lớn được trang trí vườn hoa, cây cảnh, bể cá, đài phun nước. Các loài cây bụi được xén tỉa hình các con vật.

Ngôi nhà "Đám cưới bạc" sử dụng tốt thuật phối cảnh mở thông nội thất, đáng được đời sau học tập (hình 135).

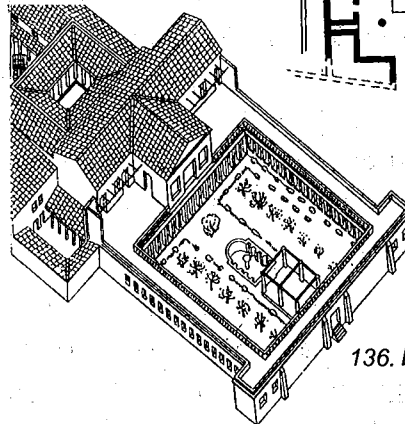


135. Ngôi nhà "Đám cưới bạc" Mặt bằng và nội thất



Vào cuối thời kỳ Cộng hoà, phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ bị khủng hoảng trầm trọng. Bạo động nổi lên khắp nơi, nhưng gặp phải sự chống giữ quyết liệt bằng bạo lực của chính quyền.

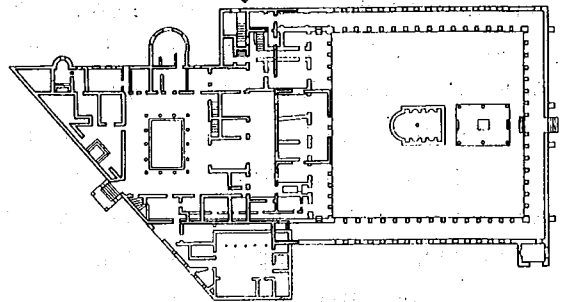
Sau 5 thế kỷ, nền Cộng hoà đã tạo nên được nhiều loại hình nhà công cộng, nhà ở, công trình mộ chí và các công trình kỹ thuật, đã hình thành loạt nguyên lý bố cục và ngôn ngữ kiến trúc của riêng mình (hình 136). Đặc biệt sự ra đời của vật liệu bê tông và kết cấu vòm đã mở ra những khả năng biểu hiện mới cho nghệ thuật xây dựng. Thế kỷ cuối cùng trước CN còn đánh dấu sự mở rộng của kiến trúc ra những quy mô lớn hơn và những hình tượng hoành tráng hơn nữa.



136. Biệt thự Diomét TK I TCN

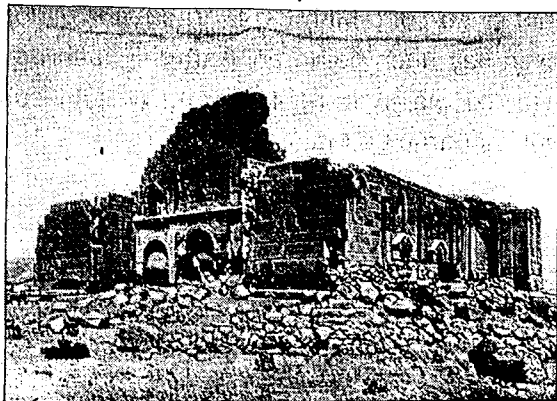
2.5.5. Kiến trúc thời kỳ Đế quốc La Mã (từ năm 30 đến năm 476 sau CN)

Năm 27 trước CN, ba năm sau khi dẹp yên cuộc nội chiến đẫm máu, Ôguyxtơ lập nên nhà nước Đế quốc La Mã. Và nhà nước này đã tồn tại trong 5 thế kỷ liền.



phần bị vẽ lại

Đế quốc La Mã rộng lớn được hợp lại từ nhiều dân tộc, nhiều trình độ phát triển khác nhau đã dần dần xác lập được sự thống nhất. Sau Ôguyxtơ, những cuộc tranh giành quyền lực không lúc nào dứt đã lần lượt đưa các nhà độc tài lên ngôi: Tiberơ, Neron, Phlaviơ (69 - 97 sau CN), Trajan (98 - 117) Adrian (117 - 138) v.v...



137. Baxilica Etorutxka. TK V

Từ cuối thế kỷ thứ hai đến giữa thế kỷ thứ ba, đế quốc La Mã thi hành chế độ quân chủ dựa trên bạo lực. Thế kỷ thứ ba diễn ra nhiều đợt khủng hoảng chính trị xã hội gay gắt giành ngôi vua, khởi nghĩa của đám người bị áp bức, nạn cát cứ, tình cảnh thua trận liên tiếp. Sự hưng thịnh càng về sau càng trở thành những đoạn ngắt quãng ngắn ngủi, trong thế đi xuống rõ rệt. Cho tới thế kỷ thứ V thì nền đế chế La Mã phải chấm dứt.

Kiến trúc Đế quốc La Mã đặc trưng bởi chất hoành tráng, tầm không gian rộng lớn để tương xứng với tầm vóc của một đại quốc gia. Những loại nhà ra đời từ thời Cộng hoà như phorum, baxilica, trại lính, tecma, nhà hát, cầu dẫn nước v.v... được phổ biến ra khắp vùng lãnh thổ (hình 137). Sự phù hợp giữa kết cấu với hình dáng kiến trúc, việc áp dụng các cấu kiện trang trí được gia công một cách tuyệt hảo, các giải pháp kỹ thuật hoàn chỉnh, đã rút ngắn tối đa thời gian thi công. Kiến trúc La Mã đã được gắn một cách khéo léo vào mỗi đặc thù địa hình, đồng thời tiếp thu được nét đặc sắc của từng địa phương.

Khoảng giữa thời kỳ Đế quốc La Mã đã ra đời "Mười cuốn sách về kiến trúc" của

một kỹ sư công binh tên là Vitruvius. Cuốn sách này được coi là công trình lý luận đầu tiên, có giá trị trong kho tàng lý luận của nền kiến trúc La Mã.

Quy hoạch đô thị

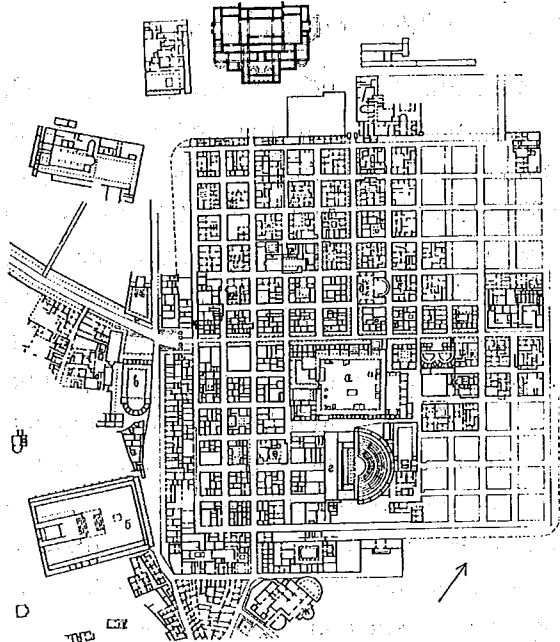
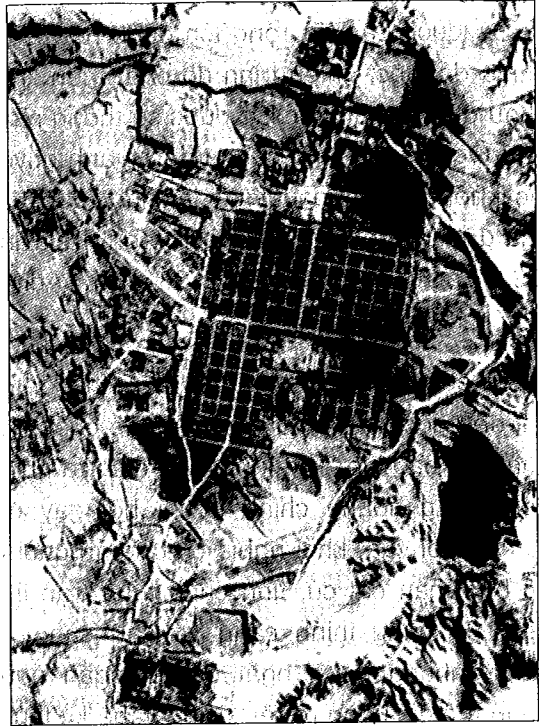
Kế tục lối quy hoạch theo ô cờ của người Hy Lạp và quy hoạch kiểu trại lính thời Cộng hòa, các đô thị thời kỳ Đế quốc La Mã vẫn lấy trung tâm là các phorum.

Giống như quy hoạch trại lính, mỗi đô thị thường có hai đường phố chính theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây rộng từ 9 đến 13m cắt nhau ở trung tâm, nơi ấy thường đặt phorum. Các đường phố phụ rộng khoảng 4,5m, hai bên có hè rộng 1m.

Thành phố Ephesơ có con đường chính dài tới 25km. Thành phố Palmir còn dùng tới 375 cây cột cao 17m trên chiều dài 1135m ở hai bên đường phố chính, trên lưng chững cột có hành lang chạy ngang để dân chúng có thể leo lên quan sát các hoạt động đang diễn ra trên đường.

Ngoài phần lớn các phố ở trung tâm được quy hoạch theo hình ô cờ còn có một phần phố xá ở ngoại vi được xếp đặt một cách tự do, như trường hợp thành phố Timgát (hình 138).

Quy hoạch đô thị thời kỳ này cũng bộc lộ mâu thuẫn bên trong của xã hội chiếm hữu nô lệ. Nằm ở khu trung tâm là các loại đền đài cung điện nguy nga, biệt thự sang trọng, nhà hát, nhà tắm đồ sộ, còn những khu nhà tầm tối, chật chội, những túp lều ổ chuột xiêu



138. Khu trung tâm và vùng ngoại vi thành phố Timgát (Bắc Phi) do hoàng đế Trajan thiết lập TK I

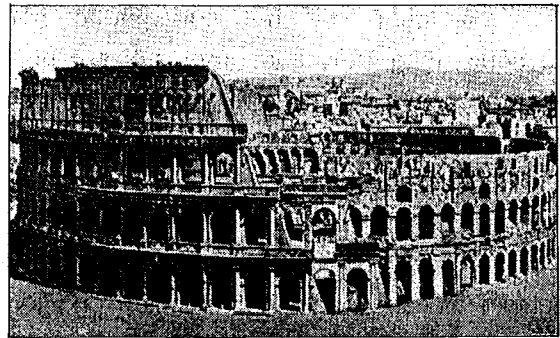
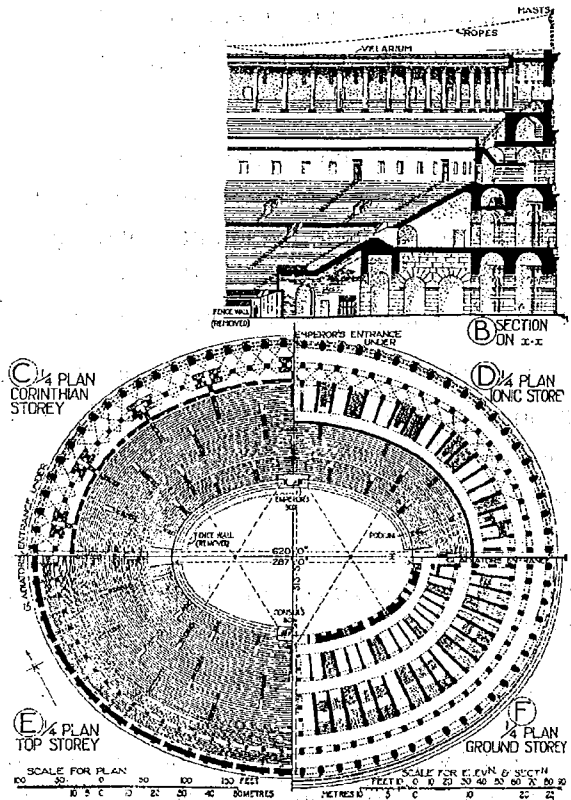
vạo của đám thợ thủ công, dân nghèo và đông đảo người nô lệ nằm ở bên địa đô thị.

Đấu trường Côlidê

Côlidê là một kiểu sân vận động, nơi diễn ra các cuộc vật lộn đẫm máu của súc vật, các trận tỉ thí giữa những người nô lệ với nhau hoặc với súc vật để mua vui cho giới thượng lưu và thị dân. Côlidê được khởi xây vào năm 75 với thiết kế 4 tầng, nhưng khánh thành dưới triều vua Tila vào năm 80 chỉ có 3 tầng, tầng 4 được tiếp tục xây về sau. Đây là đấu trường lớn nhất, có cấu trúc hoàn thiện nhất của Đế quốc La Mã.

Mặt bằng Côlidê hình bầu dục, dài 188m, rộng 156m, cao 48,5m, chu vi 527m. Khán đài có 560 hàng ghế với 45.000 chỗ ngồi và 5000 chỗ đứng*.

Đấu trường (85m x 53m) ban đầu chỉ là một bể nước để đua thuyền, nhưng về sau đã biến thành nơi trình diễn các cuộc thi bạo lực - những trận đấu sinh tử của người và dã thú. Vì vậy, để đảm bảo an toàn, đấu trường phải đặt thấp hơn đến 5m so với hàng ghế ngồi đầu tiên. Có tất cả 86 cửa cho dân chúng. Hoàng đế và các thành viên hoàng tộc có lối đi ngầm thông từ hoàng gia đến thẳng khán đài. Ở mỗi tầng chạy quanh phía dưới khán đài là những chỗ nghỉ. Mặt đứng đấu trường gồm 80 cột chạy trên cả 4 tầng với 4 thức cột theo thứ tự như sau: thức Đôri dưới cùng, trên



139. Mặt bằng và phết tích đấu trường Côlidê

* Có tài liệu dẫn tới 8,7 vạn chỗ ngồi.

đó là thức Ioni, thức Coranh, rồi đến thức phức hợp ở trên cùng trong dạng nẩy trụ từ các mảng tường (hình 139).

Phần kết cấu của Côlidê đã được thực hiện một cách hết sức khoa học. Với một số lượng vật tư tối thiểu, những nhà xây dựng đã tạo được những tiện nghi tối đa cho cả khu khán đài lẫn khu vực đấu trường (hình 140).

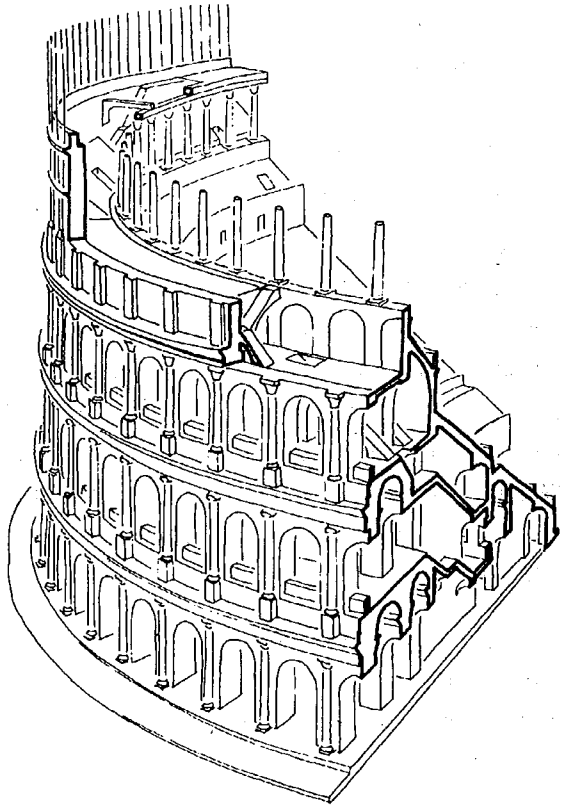
Tuy nhiên, đấu trường này đã một lần phải dựng lại sau trận hoả hoạn vào thế kỷ thứ ba. Đến thế kỷ thứ XVIII, một trận động đất đã làm sụp đổ hơn nửa công trình này.

Mặc dù vậy, cho đến nay, đấu trường Côlidê vẫn được xem là một trong những kiệt tác kiến trúc của nhân loại.

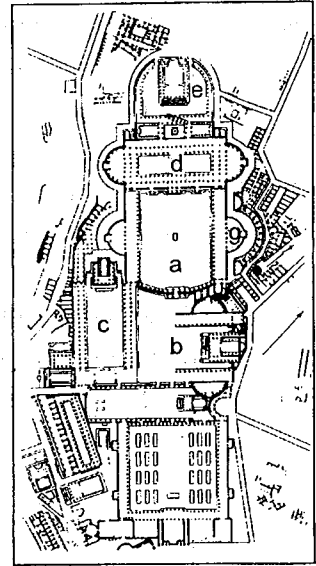
Phorum Toragian

Thời kỳ Đế quốc La Mã có khá nhiều phorum danh tiếng được xây dựng liên nhau tại trung tâm Rôma: phorum Ôguyxtơ, phorum Hoà Bình, phorum Neva, phorum Toragian, tạo nên một quần thể hết sức phong phú và sống động. Xây sau cùng, nổi bật nhất về quy mô và giá trị nghệ thuật là phorum Toragian dài 200m được hoàn thành vào năm 113. Nhà kiến trúc lỗi lạc thành Rôma là Apollodor, người đã từng xây dựng nhiều cầu cống và pháo đài ở thủ đô, đã rút được kinh nghiệm từ các công trình do chính ông xây trước đó để tạo dựng được ở đây một tác phẩm phi thường (hình 141).

Bố cục quần thể theo cách đối xứng nghiêm ngặt qua trục. Thoạt đầu phorum chỉ gồm có quảng trường, Khải hoàn môn Toragian và một



140. Cấu trúc đấu trường Côlidê



141. Quần thể các phorum ở Rôma.

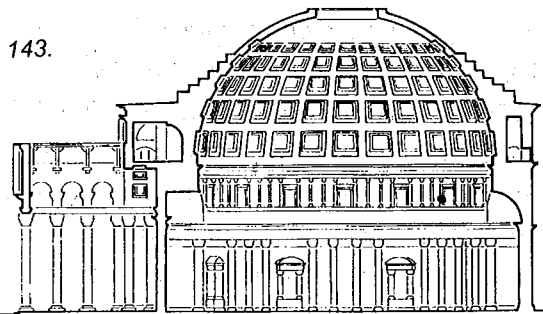
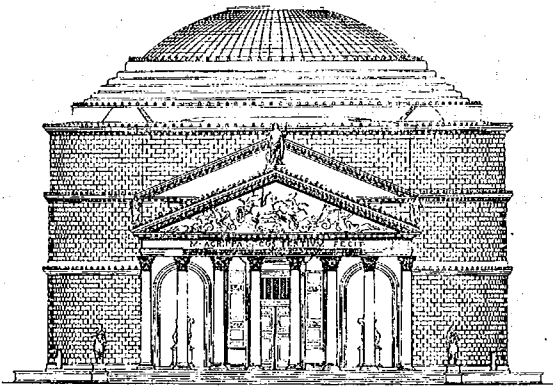
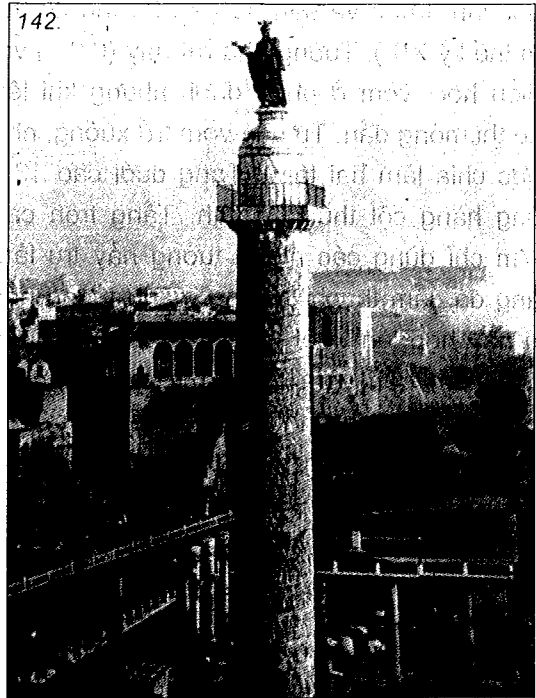
- a) Phorum Toragian ;
- b) Phorum Ôguyxtơ
- c) Phorum Xêda;
- d) Baxilica
- e) Thư viện và cột Toragian;
- g) Chợ Toragian.

basilica* đứng chắn suốt chiều ngang ở phía sâu. Ở đoạn trong cùng, quảng trường được mở ra khá rộng theo hình vòng cung về hai phía, và Apollodor đã cho đặt bức tượng Tơragian cưỡi ngựa tại đây.

Quần thể được khép lại bằng cột khải hoàn Tơragian cao 40m. Mặt ngoài cột có 23 vòng phù điêu với chiều cao vòng tăng dần từ 0,89m lên tới 1,25m, để có thể nhìn rõ được những hình trên cao. Phía bên trong cột là một thang xoắn ốc có trở loạt khe cửa để lấy ánh sáng. Cột kết thúc bằng một con đại bàng. Sau khi Tơragian chết, người ta táng hài cốt ông vua này dưới chân cột, và dựng bức tượng ông thay vào chỗ con đại bàng (hình 142).

Đền Păngtêông

Chiếm vị trí nổi bật nhất trong pho sử đền đài La Mã và thế giới là đền Păngtêông "Ngôi đền của mọi vị thần" được xây dựng vào năm 118 - 128 dưới triều vua Adriăng (hình 143). Hình thức và quy mô ngôi đền vượt lên tất cả các đền đài có trước đó. Tòa nhà có khối chính hình tròn, mái hình bán cầu lợp bằng một loại đá nhẹ. Đường kính mái 43,2m, đúng bằng chiều cao nhà. Độ lớn của bán cầu này vượt lên mọi loại mái vòm

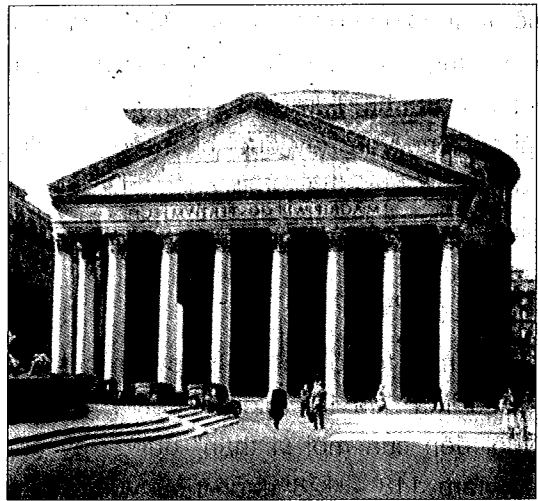
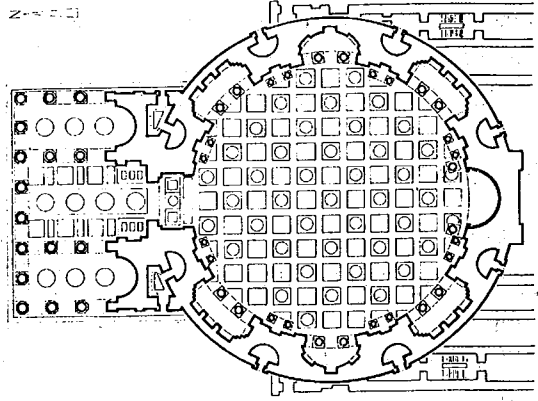


* Basilica là một kiểu nhà hình chữ nhật kéo dài chia ra một số nhịp theo chiều cất ngang. Nhịp giữa có cột đỡ, cao hơn hai nhịp hai bên. Thời La Mã cổ đại, người ta dựng các basilica để làm chợ, toà án, về sau phát triển ra thành nhà thờ, nhà công cộng.

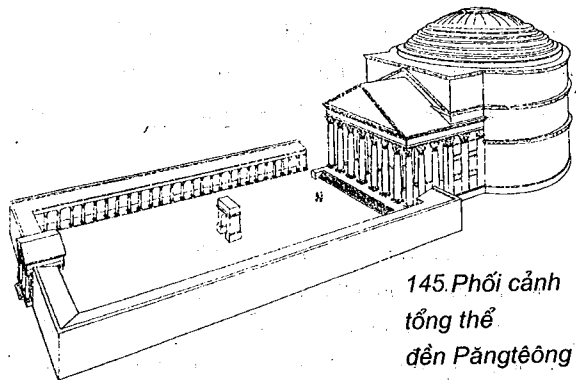
được làm trước và sau đó gần 20 thế kỷ (tới tận thế kỷ XIX). Tường nhà rất dày (6,3m) với nhiều hốc, vòm ở phần dưới, nhưng khi lên cao thì mỏng dần. Từ đáy vòm trở xuống, nhà được chia làm hai tầng. Tầng dưới cao 13m dùng hàng cột thức Coranh. Tầng trên cao 8,7m chỉ dùng các mảng tường nẩy trụ làm bằng đá cẩm thạch. Những mảng tường nẩy trụ này hợp làm một với 5 hàng ô cờ được khoét lõm trên vòm trần (gọi là kèxon) tạo nên cảm giác nhẹ nhàng, thư thái. Vòm mái được kết thúc bằng một lỗ tròn đường kính 8,92m - một giải pháp chiếu sáng gây được ấn tượng rất mạnh cho con người trong một không gian cao lồng lộng với nhiều màu sắc.

Khác với loại đền Hy Lạp - La Mã thông thường (chỉ là chỗ đặt tượng thờ), đền Păngtông với 1500m² sàn là nơi Chúa đón nhận vào bên trong lòng nhà tất cả mọi người, bất kể là ai, bất kỳ từ đâu đến. Sân vào sâu tới 14m có 16 cột tròn đường kính 1,5m, cao 14m, trên lợp mái dốc về hai phía. Hai hốc tròn hai bên sân đặt tượng Hoàng đế Ôguyxtơ và bức tượng Agrippa - nhà kiến trúc - kỹ sư công binh đại tài - bạn của Hoàng đế (hình 144).

Một điều nữa đã gây được ấn tượng mạnh là khoảng sân trước đền dài tới 120m, có hàng cột và hiên bao quanh. Với đoàn người từ ngoài xa tiến vào, hiên này thoát tiên che khuất toàn bộ toà nhà đồ sộ phía trong. Chỉ sau khi đi qua hàng cột cổng, ngôi đền vĩ đại mới đột ngột hiện ra trong chói chang ánh nắng. Sự xuất hiện bất ngờ của ngôi đền theo cách này đã



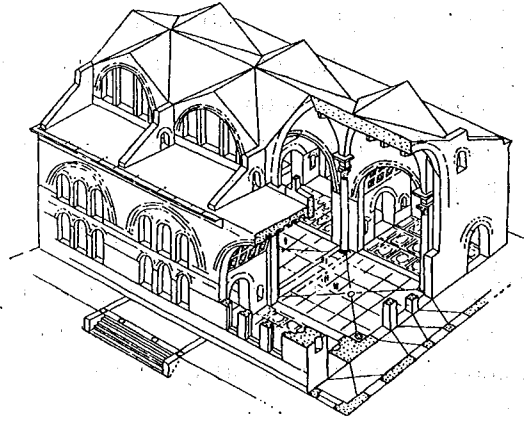
144. Mặt bằng và mặt trước đền Păngtông.



145. Phối cảnh tổng thể đền Păngtông

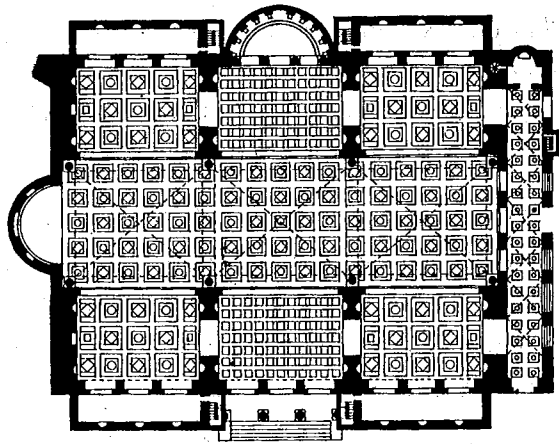
tạo nên những hiệu quả tinh thần rất lớn (hình 145).

Với vật liệu bê tông, gạch nung và đá ốp, bằng những tính toán thông minh và chính xác, những kỹ thuật táo bạo, đến Păngtông xứng đáng là đỉnh cao của tư duy kỹ thuật thời La Mã cổ đại.



Baxilica

Baxilica là một loại hình công trình khá phổ biến trong cơ cấu các trung tâm đô thị. Baxilica đã trở thành hạt nhân của các phorum, hơn cả các đền đài. Baxilica trong phorum Tơragian như đã nói đến ở trên là một ví dụ. Càng về sau, mặt bằng và cấu tạo baxilica càng được cải tiến. Điển hình là baxilica Côngxtantin ở phorum Rôma (307 - 312). Toà nhà ba nhịp dài tới 80m, rộng khoảng 60m. Riêng nhịp giữa rộng 25m, cao 35m, đỡ ba mái hình vuông dốc 4 phía đặt sát nhau, nặng tới 7000 tấn.

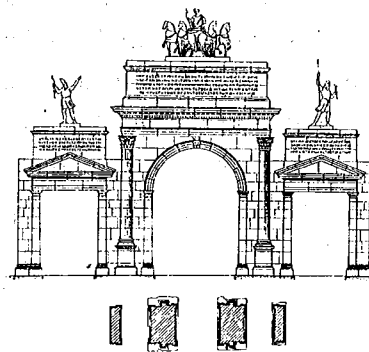


146. Baxilica Côngxtantin ở Rôma TK IV

Dưới sức nặng này, lâu dần phần cột trung tâm không chịu nổi đã dẫn đến sự sụp đổ công trình vào thời gian sau. Tuy vậy, giải pháp baxilica vẫn được ca ngợi như một kết cấu mẫu mực và được phát triển mạnh mẽ ở các thế kỷ XI đến XVI trong thời kỳ chế độ phong kiến châu Âu (hình 146).

Khải hoàn môn

Khải hoàn môn ra đời từ thời kỳ Cộng hòa, nhưng phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Đế quốc La Mã. Loại công trình này dùng vào nhiều mục đích: tôn vinh Hoàng đế hay các



147. Khải hoàn môn Ôguyxtơ ở Rôma

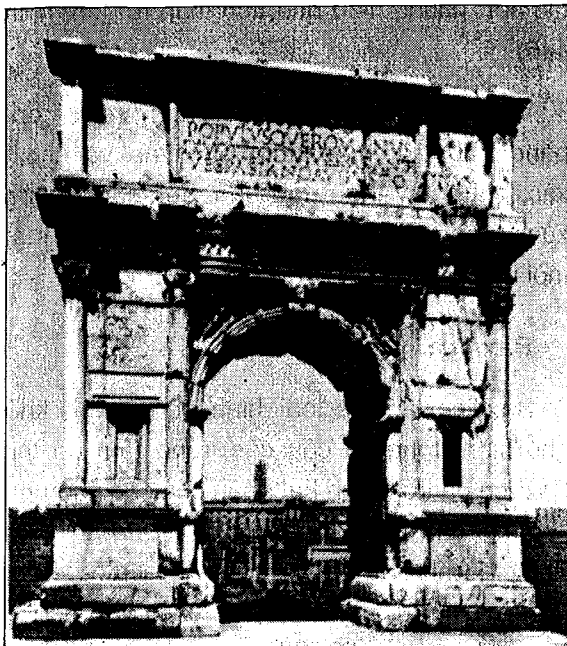
quốc công, có khi để khánh thành một con đường, một toà nhà, một cây cầu, để làm cổng chào, làm đế tượng v.v... Trong mấy thế kỷ đầu sau CN ở Italia đã có tới trên 350 Khải hoàn môn.

Khải hoàn môn Ôguyxtơ nằm trên đường vào thành Rôma (năm 29 trước CN) gồm một cổng chính và hai cổng phụ xếp thành một hàng ngang, bên trên có tượng (hình 147).

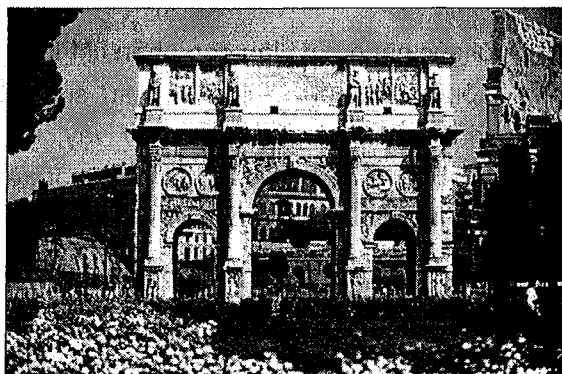
Khải hoàn môn Tita xây năm 81 trên một đỉnh dốc có tầm nhìn tốt, án ngữ một cách trang trọng các cuộc hành lễ vào trung tâm Rôma. Công trình có tỷ lệ hài hoà, các chi tiết sắp xếp một cách rất cân đối (hình 148).

Đầu thế kỷ thứ IV, Khải hoàn môn Côngxtăngtin được dựng gần đầu trường Côlidê, đã khắc phục được các nhược điểm của các Khải hoàn môn Tơragian, Timgát v.v... xây trước đó.

Với ba vòm có tổng chiều cao trên 20m được chia thành ba cấp, với thức cột Coranh và phần kết thúc đầy tính hoành tráng, với những nguyên tắc bố cục đối xứng từ tổng thể đến từng bộ phận, Khải hoàn môn Côngxtăngtin đã tạo nên một hình tượng rất sinh động và đặc sắc. Đây thực sự là một công trình đạt được chất lượng cao nhất trong số các Khải hoàn môn thời Đế quốc La Mã (hình 149).



148. Khải hoàn môn Tita ở Rôma TK I

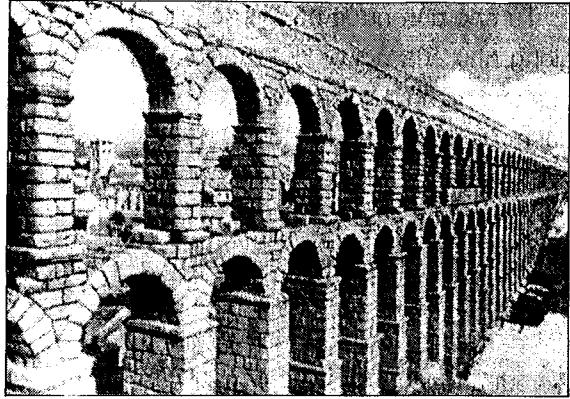


149. Khải hoàn môn Côngxtăngtin TK I

Cầu giao thông và cầu dẫn nước (Akveduc)

Ngay từ thời Cộng hòa, kỹ thuật làm cầu của La Mã đã rất phát triển. Những cuộc nội chiến sau đó đã phá hỏng mất một số lượng khá nhiều các cây cầu này.

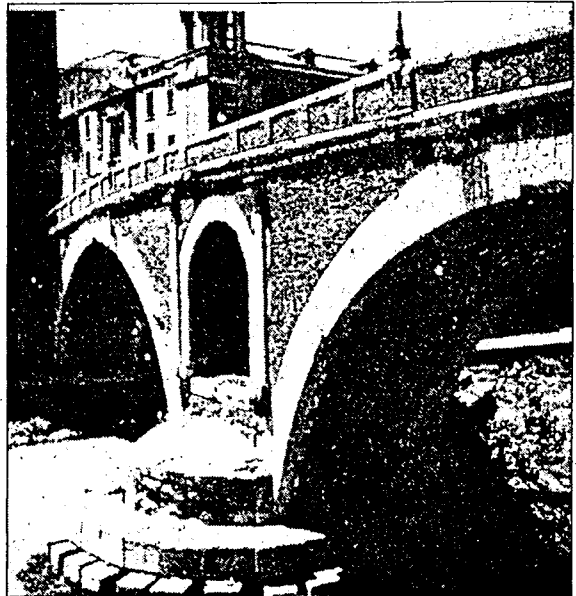
Sau chiến tranh, các thành phố lần lượt được khôi phục hoặc mở rộng. Việc giành đất đai kiến thiết đòi hỏi phải có thêm nhiều cầu mới. Nếu như các kênh máng làm bằng ống sành hoặc xây bằng đá, đặt ngấm hoặc đi ngang trên đất được người Hy Lạp cổ thường làm, thì các đường dẫn nước trên các mặt cầu (gọi là akveduc) đôi khi cao tới 50m, là sản phẩm của riêng người La Mã và chỉ tồn tại ở thời kỳ La Mã cổ đại (hình 150).



150. Cầu dẫn nước ở Tây Ban Nha TK II

Năm 33 trước CN, kĩ sư công binh Agippe đã khôi phục và xây mới được khá nhiều cây cầu.

Lúc này, việc thay thế vật liệu đá đẽo bằng bê tông đã giảm nhẹ đáng kể tiền của và công sức làm cầu. Những cây cầu bắc qua sông Tibơơ không những có độ bền chắc vĩnh cửu, mà việc trang trí kiến trúc cũng rất thành công. Điển hình là cầu Phabrixia từ bờ sông bên trái nối sang đảo Esculapa, có hai nhịp dài 24,5m. Ở giữa hai nhịp có một vòm cuốn nhỏ làm cho cây cầu trở nên duyên dáng (hình 151). Bờ phải sông nối với đảo bằng cây cầu Xeschia có một nhịp lớn ở giữa.



151. Cầu Phabrixia nối sang đảo Esculapa

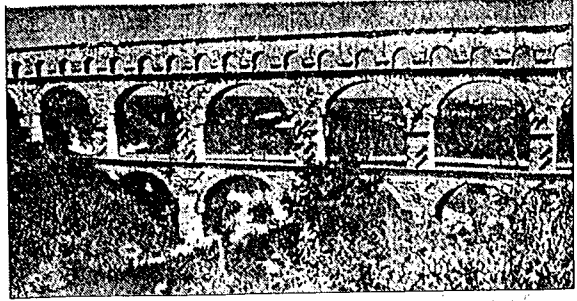
Đối với các cầu dẫn nước, việc xây dựng đã trải qua nhiều bước cải tiến.

Từ chỗ dẫn nước bằng các ống chôn ngầm giống như của người Hy Lạp, nước được chảy qua các máng đặt ở mặt cầu trên độ cao, chiều dài mương nước có khi tới 50 - 60km. Ở thế kỷ sau (thế kỷ thứ II) có mương còn cộ chiều dài tới hàng trăm km. Cầu dẫn nước qua sông Marxia (xây năm 144 trước CN) cao từ 9 đến 12m, với hàng ngàn vòm cuốn. Trên một chiều dài gần chục km với đôi chỗ chạy gấp khúc, akveduc Marxia đã vẽ nên một cảnh trí ngoạn mục giữa thiên nhiên đầy cây xanh. Những tỷ lệ rất chuẩn xác ở đây làm cho các nhà nghiên cứu tin rằng phải có bàn tay của những người thợ Hy Lạp, thậm chí có cả kiến trúc sư Hy Lạp lấy trong trong đám thợ thuyền tù binh để tham gia vào quá trình xây dựng cây cầu này.

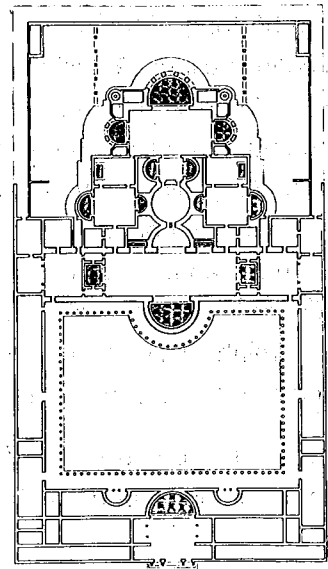
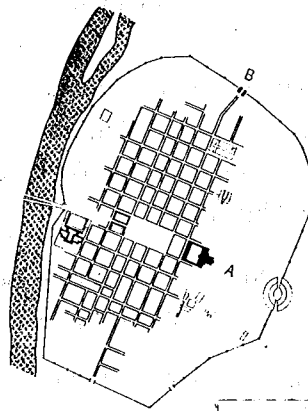
Cây cầu dẫn nước đặc trưng nhất thời La Mã cổ đại là cầu Gard. Đây là một cây cầu ba tầng với nhiều vòm cuốn. Nhịp điệu và tỷ lệ là hai điều được hết sức chú trọng. Trung tâm bố cục là nhịp giữa, giữ vai trò chủ chốt về tạo hình. Tầng thượng với số vòm bị chia nhỏ như một cách kết thúc của bố cục, còn phần lớn tầng dưới cùng bị địa hình che khuất. Các chuyên gia phân tích con số về tỷ lệ cho thấy cầu Gard quả là một tác phẩm nghệ thuật đích thực, trong đó các nguyên tắc về tỷ lệ được xử lý ở trình độ rất cao (hình 152).

Terma

Trong thời kỳ Đế quốc La Mã, terma là loại hình xây dựng có tính độc đáo không kém akveduc, Terma gắn chặt với lối sống của người dân thành Rôma. Đây vừa là nhà tắm, vừa là dạng câu lạc bộ, bao gồm cả thư viện,



152.
Cây cầu Gard nổi tiếng



153.
Terma Hoàng gia ở Rôma
Mặt bằng vị trí (trên) và mặt bằng công trình (bên)

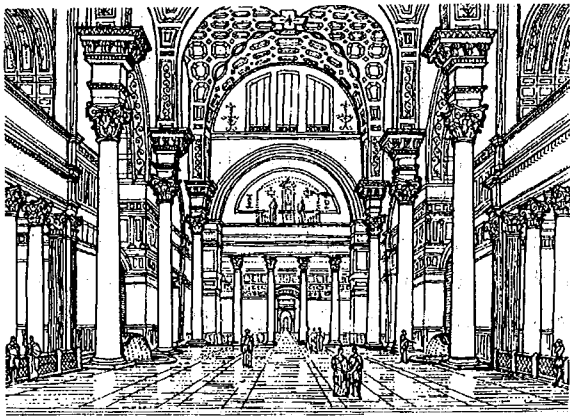
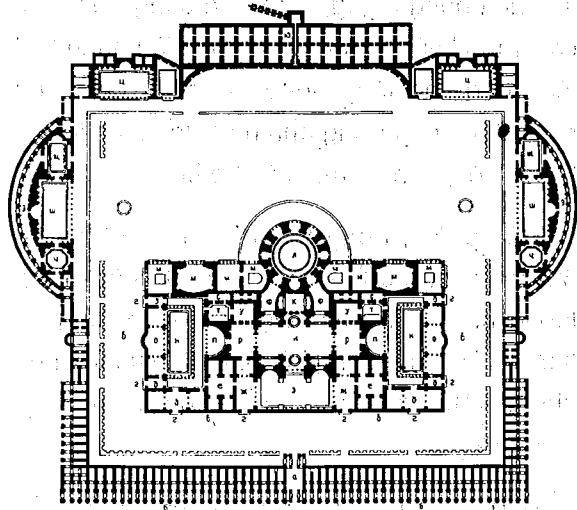
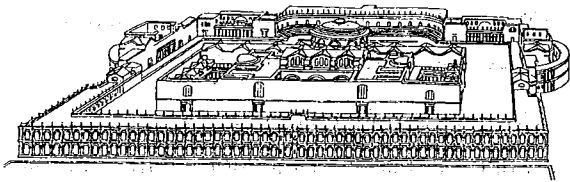
nhà hàng, phòng thể thao, phòng trưng bày tác phẩm nghệ thuật v.v... dành cho mọi tầng lớp dân chúng đến nghỉ ngơi vui chơi, giải trí (hình 153).

Từ chỗ chỉ có 170 terma lúc ban đầu, đến cuối thời Đế chế ở Rôma đã có tới gần 1000 tòa*. Mười bốn quận của thành phố đều có từ 60 đến 80 terma. Trong số này có nhiều terma hoàng gia cực kỳ lộng lẫy như Tita, Trajan, Diodechian v.v...

Tiêu biểu nhất trong số này là terma Caracala được xây dựng trong 30 năm, từ năm 206 đến năm 235, trên một quả đồi hình vuông rộng mỗi chiều 450m (hơn 20 hecta). Một tường chắn đất cao 6m ở phía Đông - Bắc làm cho khu đất được san thành bằng phẳng. Phần dưới đó biến thành các phòng phụ nhà kho, bể chứa, nồi hơi...

Đầy buồng tắm đơn (cho một người hoặc một gia đình) được xếp ở ven tường ngoài cùng. Nhà chính dài 214m, rộng 110m, cao 35m, bao gồm nhiều phòng lớn với nhiều chức năng khác nhau. Các phòng đều có lối ra vào độc lập theo một trật tự hợp lý. Phòng chính giữa có ba ô mái, mỗi ô mái đều dốc ra bốn phía. Nhờ kiểu mái này mà khu trung tâm luôn bừng sáng (hình 154).

Terma Caracala có thể tiếp nhận đến 3000 người cùng tắm. Họ lần lượt qua các khu vực nước ấm, nước nóng, xông hơi rồi



154. Phối cảnh, mặt bằng và nội thất Terma Caracala

* Có tài liệu nêu con số 4000 terma

nước lạnh. Chỉ trừ đám người nô lệ, còn quan dân đều được vào tắm như nhau.

Nội thất terma Caracala đặc biệt phong phú, nhờ thức cột Coranh kiểu diềm, nhờ các sàn nhà bóng loáng, vòm trần sáng trên cao, các tranh khảm, phù điêu, tượng là những kiệt tác trong kho tàng nghệ thuật Hy Lạp - La Mã. Tất cả hoà trong ánh nước lấp lánh toả ra từ các vòi phun và mặt các bể bơi.

Các phòng trong terma đều có hệ thống ống dẫn khí sưởi, ống cấp nước dẫu trong tường hoặc sàn nhà. Việc sử dụng rộng rãi thứ vật liệu xây dựng bê tông đã giúp tạo nên những vòm bán cầu trên mái có đường kính tới gần 20m.

Bao quanh nhà chính là một vườn cây đẹp. Tất cả đứng trong một quần thể khép kín, được giới hạn ở mặt sau bằng một sân vận động đẹp có bậc ngói và hai toà thư viện ở hai phía (hình 155, 156).

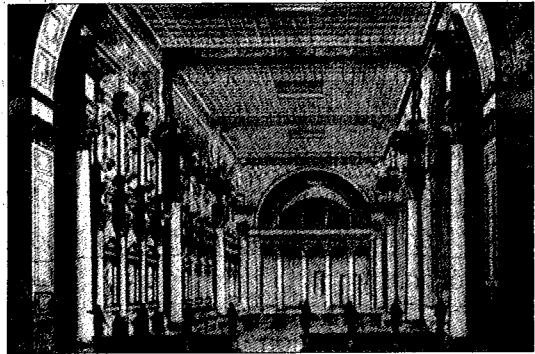
Tổng thể terma là một bố cục cân xứng tuyệt đối thông qua trục giữa. Các thời sau người ta không còn tìm ở đâu ra loại công trình công cộng có giá trị cao như những terma của thời La Mã cổ đại nữa.

Nhà ở

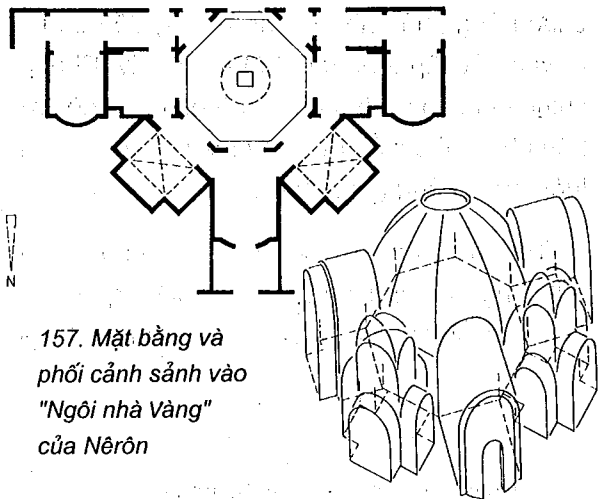
Thời kỳ Đế quốc La Mã, bố cục các nhà trung lưu có ít nhiều thay đổi so với nhà ở thời Cộng hoà. Những khu nhà sang trọng bị đơn giản hoá hoặc mất hẳn. Các vườn lớn không còn là vườn thuần khiết mà đã bị các phòng ở vây quanh. Lúc này, đã xuất hiện một số nhà



155. Phế tích terma Caracala



156. Nội thất Terma Caracala
(Phương án xây dựng lại)



157. Mặt bằng và phối cảnh sảnh vào "Ngôi nhà Vàng" của Nêrôn

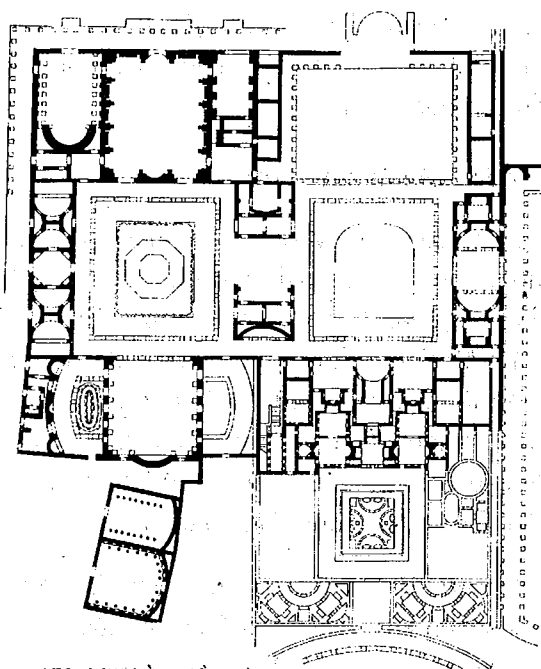
nhiều buồng kiểu trại lính, tiền thân của các chung cư sau này.

Bên cạnh đó, nền đế chế La Mã cũng cho ra đời những toà Hoàng cung rực rỡ và hoành tráng hiếm thấy. Thế kỷ thứ I, bạo chúa Neron xây "Ngôi nhà Vàng" vòng quanh một hồ nước (hình 157). Nhà độc tài Phlaviép lên ngôi phá tan "Ngôi nhà Vàng", rồi tìm chỗ xây cho mình một Hoàng cung còn lớn hơn nhiều.

Toà nhà này nằm trên một sườn đồi dốc về phía Tây - Nam, bao gồm bốn phần chính, trong đó có một phần lấn vào sườn đồi. Phần trung tâm là điện Đômixian, rộng gần 1000m², nơi nhà vua tiếp sứ thần. Trong phòng đặt ngai vua. Hoàng đế xuất hiện trước công chúng trên một lễ đài nằm ở mặt trước Hoàng cung. Các phòng bút phê của Hoàng đế (ở góc phía Bắc), bể bơi, vòi nước, vườn thượng uyển v.v... đã minh chứng cho một cách sống đế vương theo kiểu phương Đông xa rời dân chúng chưa hề thấy ở các đời vua trước (hình 158).

Cùng thời gian này, các dạng biệt thự có từ thời Cộng hoà được mở rộng và tăng cường phần phục vụ sản xuất. Cũng có khi phần nhà ở được nhấn mạnh với nhiều sân vườn và các khu nghỉ ngơi giải trí. Biệt thự ngoại ô của Hoàng đế Adrian ở Tiburo là một công trình đặc biệt của dạng nhà ở này (hình 159,160).

Đến nửa sau của thời kỳ Đế quốc La mã, quốc gia khủng hoảng và nạn thù trong giặc ngoài đã khiến cho kẻ quân vương phải xây những hoàng cung tường cao hào sâu theo kiểu pháo đài, với rất nhiều tháp canh. Hoàng



158. Mặt bằng tầng 1 hoàng cung Phlaviép ở Rôma



159. Biệt thự ngoại ô của hoàng đế Adrian

cung Diodechian xây năm 305 là một pháo đài ven biển, đã tiêu tốn nhiều công sức và tiền của (hình 161).

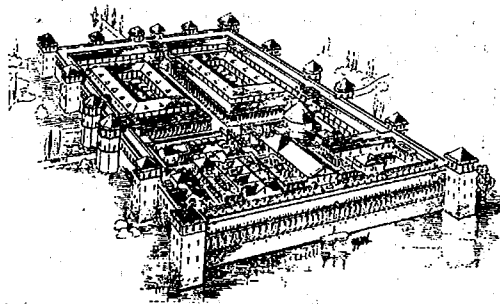
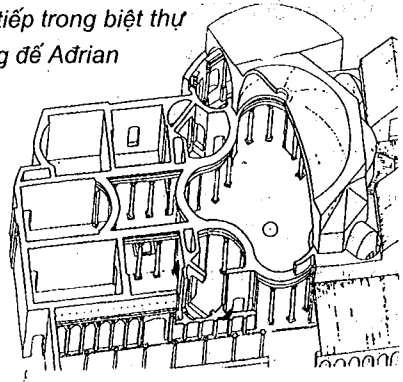
2.5.6. Nhận xét chung

Khát vọng đế vương kéo theo sự bành trướng lãnh thổ và giầu lên nhờ chiến tranh, tiềm năng văn hóa của nhiều dân tộc cư trú trên một vùng đất rộng lớn, với biết bao con người tài giỏi và nhiều nghệ sĩ lớn, sự ưu ái của tự nhiên với phong cảnh trữ tình và nguồn vật liệu dồi dào là ba yếu tố đã làm nên nền kiến trúc La Mã trong vòng 9 thế kỷ.

Không có những tham vọng độc tài, những cuộc chiến khốc liệt thì khó có đủ của cải và sức lao động nô lệ dồi dào, cũng không có nhiều đến như vậy các đô thị phát triển như Rôma, Timgát, các loại hình kiến trúc đa dạng như lăng tẩm, đền chùa, Khải hoàn môn, nhà tắm, chợ, nhà hát, các biệt thự và hoàng cung lộng lẫy (hình 162, 163). Không có nền văn hoá đa dạng và những nhà văn hoá tài ba, những nhà kỹ thuật xuất sắc thì ý muốn của các nhà cầm quyền cũng không thể trở thành những sản phẩm nghệ thuật, trong đó có khá nhiều kiệt tác kiến trúc như Côlidê, Păngtông, các terma, các akveduc v.v...

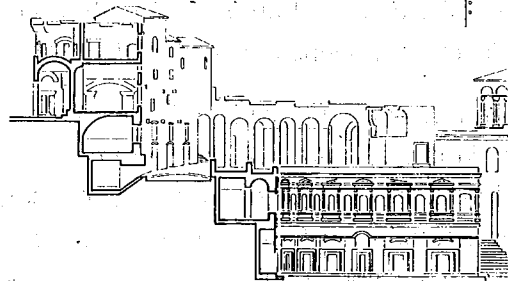
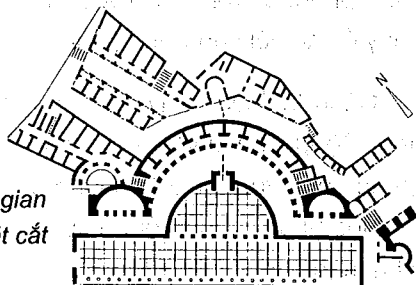
Và không có một vùng đất tươi đẹp, vật liệu dồi dào, các loại đá núi có chất lượng cao thì cũng không thể nhanh chóng có được những quần thể đồng bộ, hoàn hảo, hoà quyện trong cảnh sắc thiên nhiên như người La Mã cổ đại đã làm được.

160. Sân đón tiếp trong biệt thự của hoàng đế Adrian



161. Hoàng cung Diodechian đầu TK IV

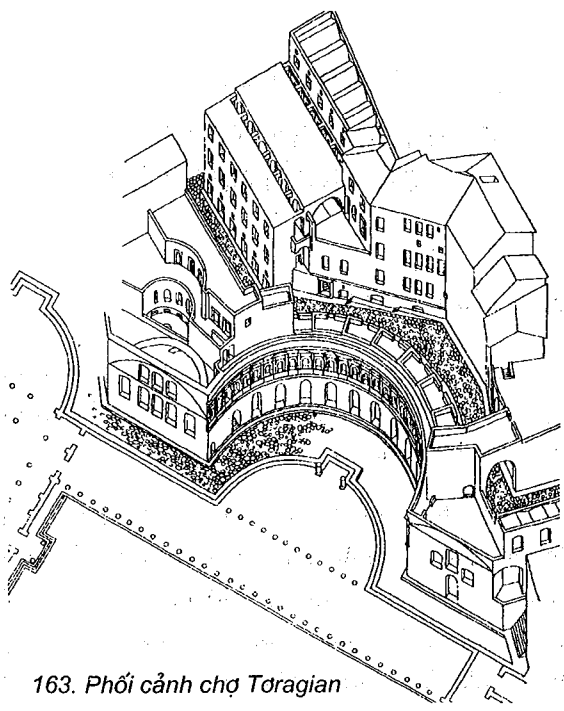
162. Chợ Toragian
Mặt bằng - mặt cắt



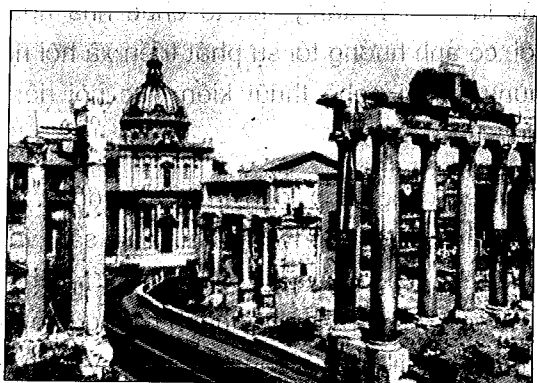
Việc phát minh ra bê tông của người La Mã đã tạo nên các vòm cuốn bất hủ. Việc họ phát triển và bổ sung các thức cột và sử dụng kết hợp cột với vòm cuốn, sự nguy nga của công trình kết hợp với tính thực dụng là những bài học lớn mà các nền kiến trúc thời gian sau đặc biệt là các bậc thầy thời Văn hoá Phục hưng hết sức ca ngợi và noi theo.

Kế thừa tinh hoa của nền kiến trúc cổ Hy Lạp, Kiến trúc La Mã cổ đại rất coi trọng việc xử lý tỷ lệ giữa các bộ phận trong công trình và giữa công trình với môi trường. Nền kiến trúc này cũng đã sinh ra nhiều nhà lý thuyết, mà tiêu biểu nhất là Vitruvius, sống ở thế kỷ thứ I sau CN, tác giả "Mười cuốn sách về kiến trúc".

Các nền kiến trúc cổ Hy Lạp và cổ La Mã như tia nắng rạng hé nơi chân trời, xua đi màn đêm đen man rợ của chế độ chiếm hữu nô lệ, để tiếp tục bùng sáng lên ở mười thế kỷ sau đó, trong thời kỳ Văn nghệ Phục hưng (hình 164).



163. Phối cảnh chợ Trajan



164. Quang cảnh phorum Rôma ngày nay

Chương 3

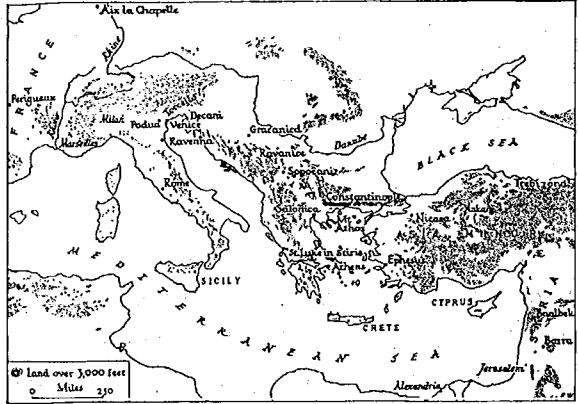
KIẾN TRÚC TRONG CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN CHÂU ÂU

3.1. GIỚI THIỆU CHUNG

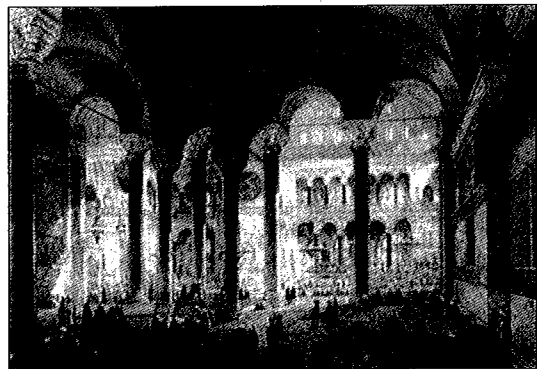
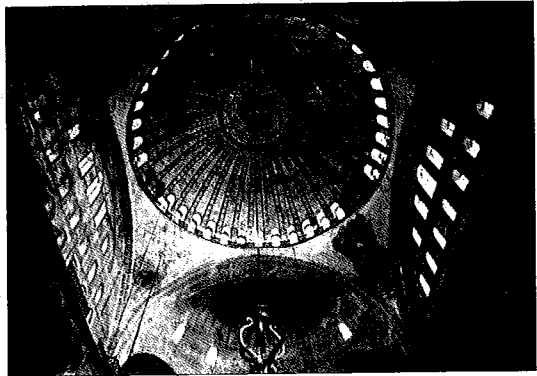
Trung thế kỷ là thời kỳ xuất hiện và hưng thịnh của chế độ phong kiến, với sự thống trị của các chúa đất ở châu Âu.

Ngay từ cuối thế kỷ thứ IV, những mâu thuẫn giai cấp sâu sắc đã làm lung lay tận gốc nền chính trị và kinh tế La Mã, dẫn tới các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô lệ thuộc địa, làm tan rã chế độ chiếm hữu nô lệ và làm nảy sinh những hình thức quan hệ xã hội - kinh tế mới. Sự chuyên quyền của chúa đất và sự thống trị không hạn chế của tôn giáo là hai nền tảng của tổ chức nhà nước mới, có ảnh hưởng tới sự phát triển xã hội nói chung và tới nghệ thuật kiến trúc nói riêng (hình 165).

Nhiều công trình kiến trúc từng đóng vai trò quan trọng trước đây như các sân vận động, baxilica, nhà tắm công cộng, rạp hát, rạp xiếc v.v... dần dần trở thành hoang phế, bị lãng quên, thậm chí bị phá hủy. Vào thời điểm này, tương phản với những kiểu nhà ở do dân thường và nông dân tự xây bằng các vật liệu rẻ tiền, các lãnh chúa phong kiến chọn nơi hiểm yếu nhất trong lãnh địa của mình để xây nhiều lâu đài nguy nga tráng lệ, có tường dày và tháp canh bao quanh, nhằm



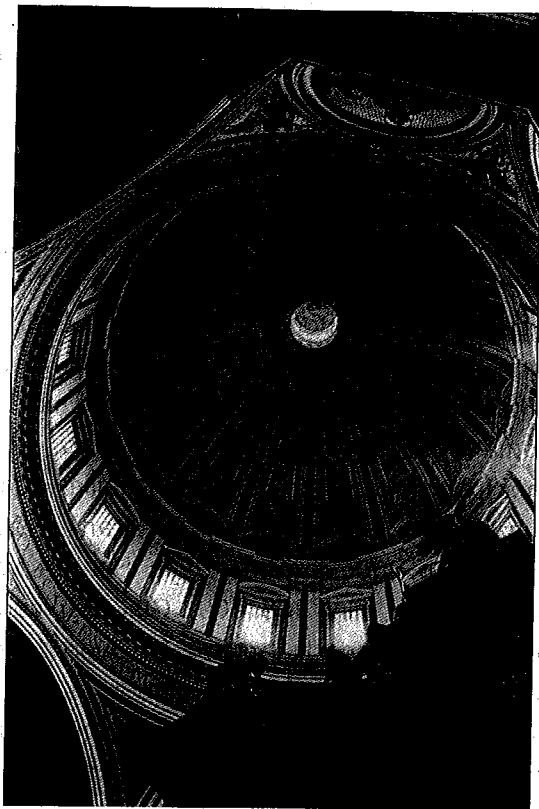
165. Bản đồ đế quốc Bidangtin TK VI



166. Vòm mái và nội thất nhà thờ Xanh Xôphia ở Côngxtantinốp thế kỷ III

đối phó với các cuộc tấn công của nông dân nổi loạn hoặc binh lính các lãnh chúa vùng khác tới xâm lăng. Trong tình hình xã hội đầy bất an, kiến trúc quốc phòng cũng được đà phát triển. Đất đai đô thị bị chia nhỏ để làm những loại nhà ở mặt phố của người buôn bán trung lưu, có tầng trên để ở và tường rất dày bọc lấy tầng cửa hàng ở dưới. Đồng thời, hàng loạt các tu viện và đền đài đồ sộ cũng được xây dựng làm phương tiện củng cố và khẳng định vị thế của nền đế chế, đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài của chế độ phong kiến. Đạo Thiên chúa ra đời từ cuối thời cổ đại (thế kỷ thứ IV) như một thứ tín ngưỡng của giai cấp nô lệ La Mã đã được truyền bá rộng rãi trong các tầng lớp dân chúng. Nhà thờ vừa là nơi cầu nguyện, vừa là dạng công trình công cộng chủ yếu. Kiến trúc nhà thờ phản ánh cả thế giới quan Thiên chúa giáo lẫn các quan điểm xã hội của thời đại (hình 166, 167).

Sự phân hóa của đế quốc La Mã thành hai phần Đông - Tây do có các hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác biệt là nguyên nhân chính khiến chế độ phong kiến Đông và Tây có những tiến trình khác nhau. Ở phương Tây, sau khi đế quốc Tây La Mã tan rã thì chỉ còn lại một thế lực duy nhất có tầm ảnh hưởng trên toàn lãnh thổ là Giáo hoàng. Ở phương Đông, nhờ sự ủng hộ của chính quyền phong kiến và của Thiên chúa giáo, các nền văn hóa cổ truyền vùng Ả-rập, văn hóa Đông La Mã không hề bị suy sụp trước hoàn cảnh mới, mà còn có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn trước. Tại Bidadntin thuộc Đông La Mã,



167.

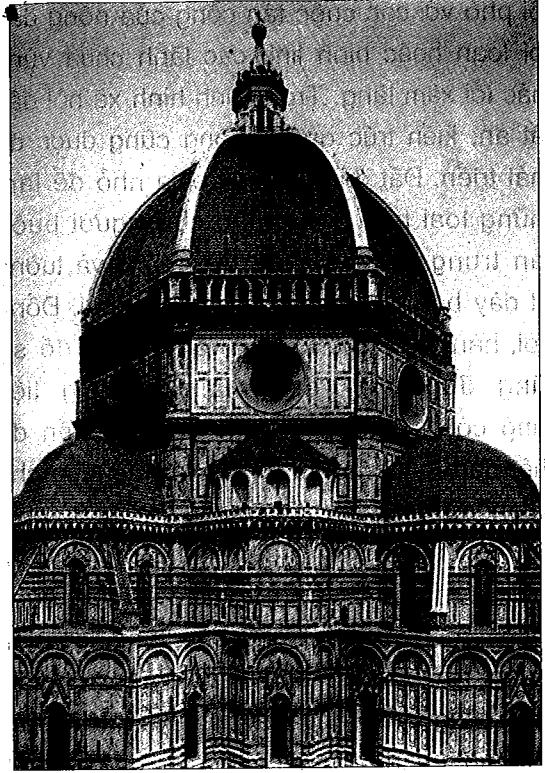
Vòm mái nhà thờ
Xanh Maria ở
Phlorăngxơ
TK XV

những thành tựu của kỹ thuật xây dựng giai đoạn vừa qua được tiếp tục hoàn thiện như các mái vòm đường kính lớn, các vòm cuốn gạch, các cấu tạo được thực hiện một cách mạch lạc, cân bằng, đầy tính logic.

Tại các nước Italia, Pháp và Tây Âu khác, mãi đến thế kỷ thứ X và XI, nền văn hóa phong kiến mới được vực dậy và phát triển song song với sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa. Các phong cách kiến trúc mới là Rôman, Gôtich trở thành chủ đạo, chi phối toàn bộ trào lưu xây dựng ở Italia, Đức, Anh, Pháp, lan sang cả Ba Lan, Tiệp Khắc, các nước khu vực biển Bantích và khắp châu Âu (hình 168, 169). Giai đoạn cuối của thời kỳ phong kiến châu Âu được đánh dấu bằng cao trào văn hóa mới - thời kỳ Văn nghệ Phục hưng ở Italia - bao gồm nhiều lĩnh vực văn học, nghệ thuật đạt tới đỉnh cao rực rỡ với những thiên tài vô song (hình 170). Một số phong cách kiến trúc khác cũng được sinh ra từ đó, như Barốc, Rôccôcô, phong cách kiến trúc cổ điển Pháp.

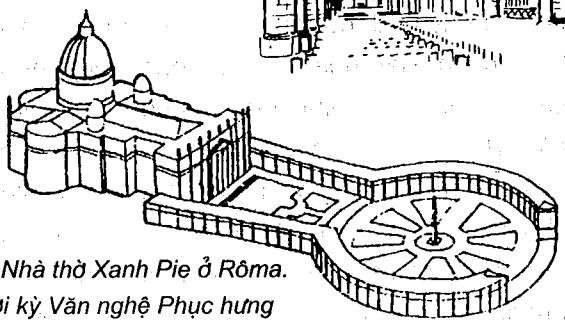
3.2 - KIẾN TRÚC BIDĂNGTIN

Đế quốc Bidăngtin bao gồm các nước thuộc phía Đông Địa Trung Hải được thành lập do hậu quả của sự tan rã và chia đôi đế quốc La Mã. Bidăngtin lấy thủ đô là Côngxtantinốp, một thành phố ở phía nam Biển Đen. Tham gia vào nền văn hóa Bidăngtin có các nước Hy Lạp, Ai Cập, Xiri, Tiểu Á Tế Á (hình 171).



168. Vòm nhà làm lễ rửa tội ở Pida thế kỷ XI

169. Vòm Gôtich thế kỷ XII



170. Nhà thờ Xanh Pie ở Rôma. Thời kỳ Văn nghệ Phục hưng

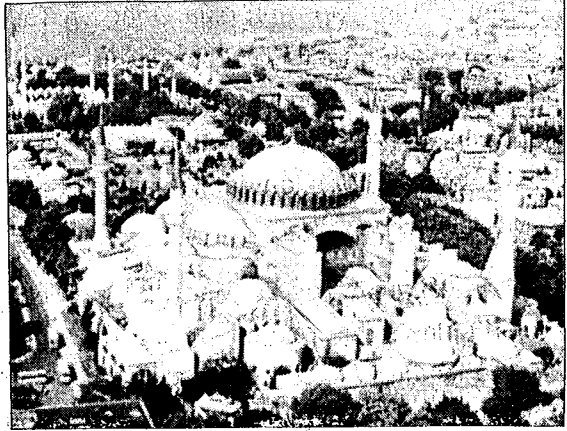
Păngtông), mái vòm ở đây tựa trên các trụ đứng độc lập ở các góc trong không gian tòa nhà và có thể tổ hợp thành các nhóm. Với một vòm buồm ở giữa và bốn vòm xung quanh, người ta có thể lợp được những không gian rất lớn. Độ vững chắc của công trình ở đây đạt được không phải bằng cách tăng khối tích của vật liệu, mà qua sự cân bằng lực tác động qua lại giữa vòm và các cuốn. Đây chính là nét đặc biệt nhất trong cấu tạo kiểu vòm buồm của kiến trúc tôn giáo Bidăngtin. Kiến trúc vòm buồm dùng gạch đá là vật liệu xây dựng chính, trong đó đá được đẽo chuẩn theo kích thước định sẵn để xây kèm với gạch. Riêng phần mái được xây bằng các loại đá nhẹ.

Nhờ thực hiện kết cấu vòm buồm, phía trong nhà trở thành một không gian rộng bát ngát tới hàng vài ngàn mét vuông. Nội thất được trang trí bằng tranh mô tả các hình ảnh của Thánh, được làm từ nhiều loại gạch màu môđaích trên các nền xanh hoặc vàng.

Kiến trúc Bidăngtin còn lưu lại nhiều đô thị, đền đài, cung điện như điện Bucôlôn (thế kỷ thứ V - VIII), chùa Xanh Simôn ở Saman (thế kỷ thứ V), nhà thờ Xanh Xiren ở Côngxtantinốp (thế kỷ thứ VIII) v.v... Tiêu biểu nhất trong số này là nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinốp và nhà thờ Xanh Mác ở Vonidơ.

Nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinốp

Nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinốp là một trong số những tác phẩm kiến trúc nổi bật



173. Nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinốp.
Toàn cảnh và nội thất

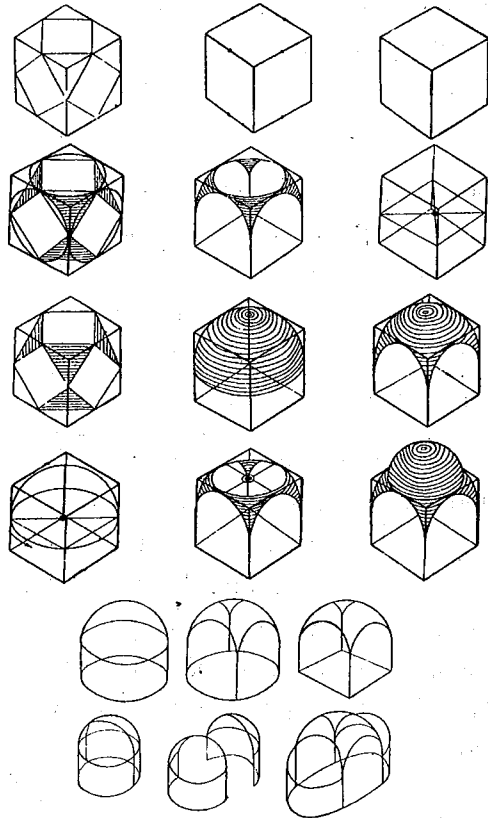
Nằm ở vị trí giáp ranh giữa Đông và Tây, nền văn hóa Bidăngtin in đậm dấu ấn truyền thống của cả hai vùng này. Trong kiến trúc Bidăngtin, người ta dễ dàng nhận thấy cả các yếu tố phương Đông lẫn các yếu tố Hy Lạp - La Mã cổ đại.

Khác với vùng Tây La Mã, nơi thành phố và công trình bị tàn phá khá nhiều, Bidăngtin vào thế kỷ thứ IV và thứ V còn giữ được các thành phố với các nghề thủ công và thương mại phát triển. Lực lượng lao động nô lệ còn lại tương đối lớn và tồn tại song song với chế độ phong kiến trong một thời gian dài. Quan hệ buôn bán với phương Đông được mở rộng. Những giá trị truyền thống về mặt tư tưởng vẫn được duy trì. Tôn giáo chính và sức mạnh tư tưởng chủ yếu của nền đế chế lúc này là Thiên chúa giáo. Để xây dựng chính quyền chuyên chế hùng mạnh, chế độ mới rất chú ý đề cao vai trò của nhà thờ Thiên chúa giáo. Họ đã huy động mọi thành quả của nền văn hóa cổ trong nước và của các nước lân cận vào việc xây dựng chế độ xã hội và nền văn hóa theo một thể giới quan của riêng mình. Hoạt động kiến trúc và mọi ngành văn hóa nghệ thuật khác đều phải ca ngợi nhà vua, coi vua như một đấng siêu nhân.

Tính nhất quán là điểm nổi bật của kiến trúc Bidăngtin, được thể hiện qua việc nghiên cứu sâu và toàn diện hình tượng vòm mái bán cầu bắt nguồn từ kiến trúc nhà ở dân gian phương Đông (hình 172). Khác với mái vòm La Mã tựa trên các bức tường dày (như



171. Bản đồ Bidăngtin trong thế kỷ XIV - XV

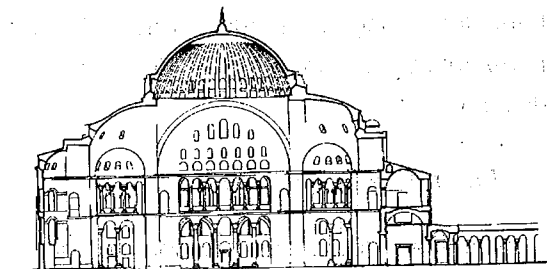
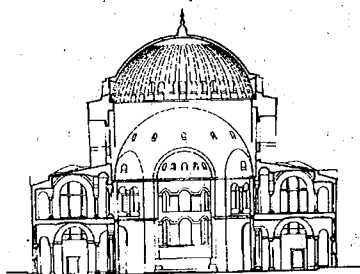
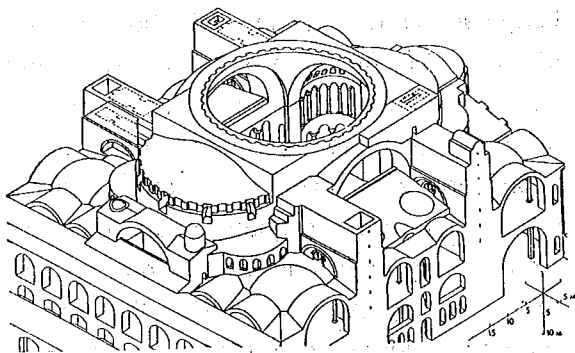


172. Nguồn gốc và quá trình phát triển các loại vòm nhà thờ Bidăngtin

nhất của kho tàng lịch sử kiến trúc thế giới, được xây dựng vào các năm 532 - 537 (hình 173). Tác giả công trình là kỹ sư Antêmuix và kiến trúc sư Isidor cùng là người quê gốc ở Tiểu Á.

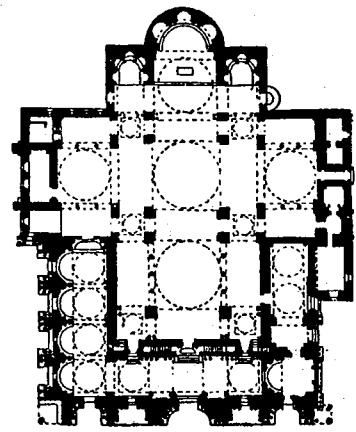
Ngự trị tại một quần thể ở trung tâm, đây là tòa nhà chính nhất của đế quốc Bixăngtin, là điểm nhấn của toàn thành phố Côngxtantinôp. Tại đây, đám dân thường đông đúc từ các phố có thể vào bên trong để gặp mặt với giới thượng lưu, dẫn đầu là nhà vua và cha cố từ Đại điện gần đó đi sang (hình 174).

Các tác giả đã xuất phát từ kiểu vòm gỗ truyền thống vùng Tiểu Á quê hương để giải quyết bài toán khó nhất của công trình, tạo ra được một không gian cực lớn cho hàng ngàn người bằng vật liệu gạch đá. Và họ đã thành công nhờ kết hợp nguyên tắc basilica La Mã cổ đại với hệ vòm bán cầu tựa trên trụ - một cấu trúc rất sáng tạo của chính họ. Không gian lớn được lợp bằng một vòm trung tâm nối với hai bán vòm kéo dài về hai phía Đông Tây và năm vòm nhỏ đầu tiếp vào hai bán vòm đó. Hai bên lối đường còn có các khối hai tầng với hàng trụ cuốn dùng làm chỗ ngồi cho dân chúng trong các ngày lễ lớn. Đường kính vòm trung tâm là 33m. Chiều cao ở chân các vòm nhỏ là 24,3m, còn chiều cao của chân vòm trung tâm là 40m. Kích thước mặt bằng 74,8m × 69,7m. Tổng chiều cao nhà thờ Xanh Xôphi lên tới 56m. Vật liệu được sử dụng tương ứng với vai trò chịu lực ở các vị trí khác nhau: tường làm bằng gạch, trụ bằng đá tảng đẽo, còn mái vòm được xây



174. Phối cảnh và các mặt cắt nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinôp

bằng các loại đá xốp nhẹ. Nội thất tạo được cảm giác lộng lẫy, hùng vĩ nhờ sự kết hợp các không gian cao rộng khác thường với rất nhiều loại gạch men, đá quý màu sắc rực rỡ. Luồng ánh sáng thiên nhiên chiếu qua hệ cửa sổ tầng ba đục quanh chân vòm cùng với các gam màu lung linh đã đưa lại cảm giác kỳ ảo, tạo nên một tác động tinh thần vô cùng mãnh liệt đối với người cầu nguyện. Vẻ đẹp tinh tế giàu trang trí, sức quyến rũ của nội thất phong phú tương phản rõ rệt với dáng vóc đồ sộ và có phần đơn giản, khô khan của hình thức kiến trúc bên ngoài cũng là nét độc đáo của tòa nhà thờ nổi tiếng này.

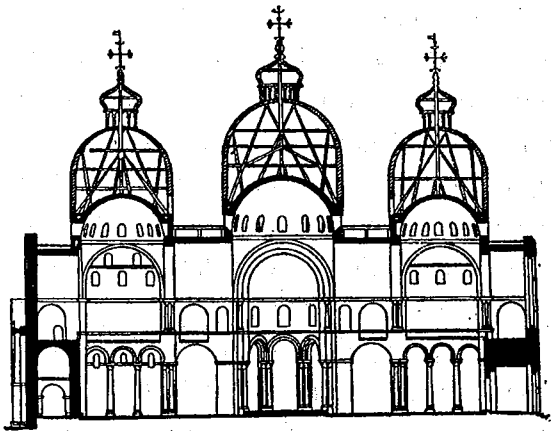


Ngoài nhà thờ Xanh Xôphi, khu trung tâm thành phố Côngxtantinốp còn nổi tiếng với hàng loạt công trình quan trọng có giá trị nghệ thuật cao như trường đua ngựa, Đại điện v.v...



Nhà thờ Xanh Mác ở Vonidơ

Nền kiến trúc Bidăngtin còn có một đại diện khác không kém giá trị. Đó là nhà thờ Xanh Mác ngự trị trên quảng trường cùng tên tại Vonidơ - Italia được xây dựng khoảng giữa thế kỷ thứ XI. Nhà thờ này là biểu tượng trân trọng của người dân Vonidơ đối với sự ủng hộ của Bidăngtin giành cho họ trong cuộc chống đối với Giáo hoàng.



Cấu trúc tòa nhà bao gồm hệ vòm cuốn chữ thập với 5 đơn vị vòm độc lập theo nguyên tắc vòm và mái bán cầu trong kiến trúc Bidăngtin. Trong mặt bằng, vòm trung tâm lớn hơn bốn vòm còn lại, nhưng cả 5 vòm

175. Nhà thờ Xanh Mác ở Vonidơ - Italia TK XI.
Mặt bằng - nội thất, mặt cắt

đều thông với nhau để tạo thành không gian lớn. Nền nhà, mặt tường và trần với diện tích hàng vạn mét vuông đều được ốp lát bằng đá hoa cương màu hoặc gạch môđaích.

Các đầu cột cũng được ốp gạch men màu, còn tượng được mạ vàng. Nhà thờ Xanh Mác đã được xây dựng trong một thời gian dài, nhưng vẫn duy trì được một phong cách tương đối nhất quán, với chất lượng hoàn thiện cao (hình 175).

Các kiểu mái vòm đặt trên đế vuông của Bidăngtin là biểu tượng của bầu trời và thế giới siêu hình trong tôn giáo, là kỹ thuật đặc trưng đã hình thành trong một thời gian dài ở nhiều nước châu Âu cũng như Trung và Đông Á. Kiến trúc nhà thờ Bidăngtin đã thể hiện chủ ý của giai cấp phong kiến thống trị dùng tôn giáo để tách con người ra khỏi thực tế xã hội, hướng con người vào sự quy phục sức mạnh của "Đấng tối cao" hiện thân trong vai trò các vua chúa phong kiến.

Đã có cơ sở để chứng minh rằng nền kiến trúc huy hoàng này có một ảnh hưởng khá mạnh tới việc hình thành các phong cách kiến trúc Rôman và Gôtích ở Đức, ở Pháp, và đến cả các phong cách trong thời kỳ Văn nghệ Phục hưng sau này.

3.3. KIẾN TRÚC RÔMAN

Tình trạng sản xuất ngày càng sút kém tại hàng loạt các quốc gia phong kiến manh mún ở Tây Âu vào các thế kỷ thứ V đến thứ IX đã khiến kinh tế ngưng trệ và kỹ thuật xây

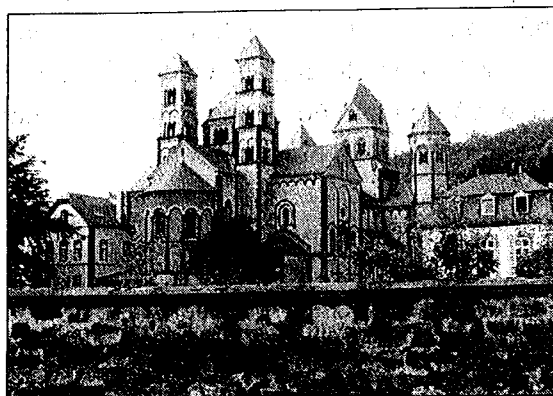
dựng không còn cơ hội phát triển. Ngoài số ít công trình tôn giáo và thành quách còn được tiếp tục xây dựng, những thành tựu kỹ thuật thời đế quốc La Mã hầu như bị lãng quên. Phải đến thế kỷ thứ X và XI, nền kinh tế phong kiến ở một số nước Tây Âu - Pháp, Đức, Italia - dường như mới vực tỉnh sau một giấc ngủ dài đầy lo âu.

Khi các cuộc xâm lăng cướp phá chấm dứt, xã hội Tây Âu trở lại yên tĩnh thì cuộc sống có điều kiện ổn định và cải thiện dần. Sự lớn mạnh tương đối mau lẹ của lực lượng sản xuất phong kiến đưa đến sự sôi động của các khu chợ búa, khôi phục các đô thị cũ và xây thêm nhiều đô thị mới. Lúc này dưới tác động của giáo hội, con người chuyển hướng sang cầu xin sự che chở của Chúa. Mọi người dân không phân biệt giai cấp đều là con của Chúa. Nhà thờ trở thành ngôi nhà chung. Nhiều nhà thờ cũ được phục hồi. Các nhà thờ mới lần lượt ra đời ở những vùng đất mới được khai phá. Các hoạt động xây dựng dần dần trở lại nhộn nhịp. Các phương thức xây dựng truyền thống từ thời hậu đế quốc La Mã, các kiểu kiến trúc Tiền Thiên chúa giáo và kiến trúc Bidăngtin được khuyến khích áp dụng đã dẫn đến việc hình thành một phong cách kiến trúc mới với tên gọi là kiến trúc Rôman, thể hiện qua các nhà thờ, tu viện và lâu đài phong kiến (hình 176).

Kiến trúc nhà thờ Rôman

Tuy xuất phát từ mô hình baxilica thời La Mã cổ đại, nhưng chức năng sử dụng và cấu

176.
Hình thức
nhà thờ
Rôman

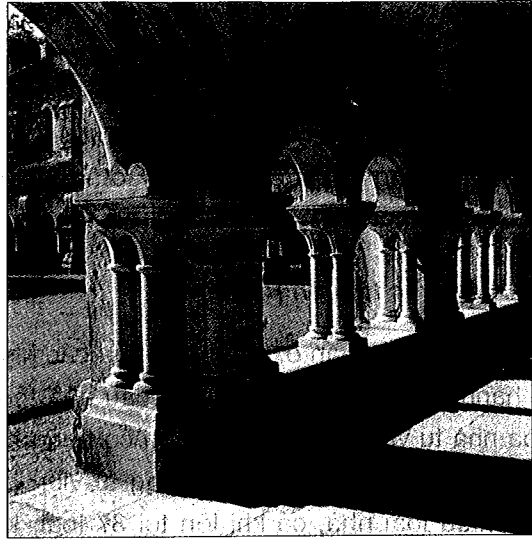


tạo của nhà thờ Rôman đã biến đổi khá nhiều. Thay cho các chức năng cũ như làm chợ, tòa án, nơi giao dịch, các baxilica nay chuyển sang chỉ để làm nơi tiến hành các lễ nghi của đạo Thiên chúa: cầu kinh, rửa tội. Từ các mặt bằng chữ nhật tương đối ngắn, ít gian, mặt ngang nhà ba nhịp có một phần cao ở giữa, hai bên thấp hơn theo kiểu baxilica La Mã, các mặt bằng nhà thờ Rôman được kéo ra nhiều gian, chiều dài lớn gấp nhiều lần chiều ngang nhà, với phần sảnh và phần kết được biến hóa phức tạp.

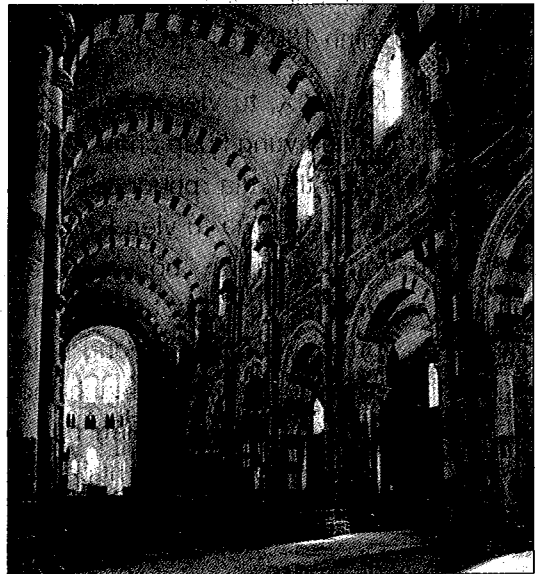
Trần ở khu vực giữa nhà thờ thường là một vòm bán nguyệt kéo dài. Hai gian bên thấp hơn được lợp vòm bán cầu hoặc hình xương cá. Trụ chịu lực của vòm giữa được chuyển dần từ tường sang các loại cột ngày càng thanh mảnh hơn. Chỉ các tường ngoài cùng mới cần xây bằng đá thật chắc chắn (hình 177).

Nhà thờ Rôman thường kết thúc bằng một không gian ba nhánh rộng rãi, mái lợp bằng bốn vòm (vòm giữa lớn, vòm ba phía nhỏ hơn) theo kiểu các nhà thờ Bidăngtin. Ánh sáng lọt vào trong nhà gián tiếp qua hàng cửa sổ hẹp từ các gian bên hoặc trực tiếp qua dãy cửa sổ gian chính từ trên cao. Lượng sáng này tuy yếu ớt nhưng lại rất phù hợp với thứ ánh sáng cần thiết cho mục đích tịnh tâm và nguyện cầu (hình 178).

Đến cuối thời kỳ Rôman, các cửa sổ được làm có vành tròn, đổ bằng đá nổi trên nền kính màu. Mặt nhà thường có những mảng đặc trang trí bằng phù điêu, các hàng cột



177. Hàng hiên trong tu viện Xistecxian (TK XI)



178. Vòm nhà thờ Maddlen thế kỷ XII

hiên, cửa cuốn chia theo chiều ngang (hình 179). Do kỹ thuật xây đá có phần hạn chế nên nhà thờ Rôman có chiều cao vừa phải, thường dưới 20m. Có thể điều này còn do chủ ý của tư tưởng Thiên chúa giáo tạo ấn tượng đè nén con người.

Kiến trúc tu viện Rôman

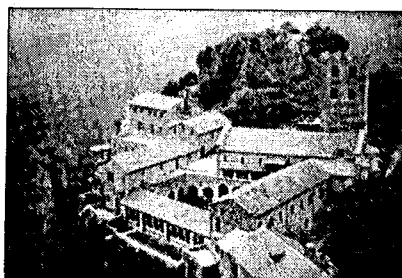
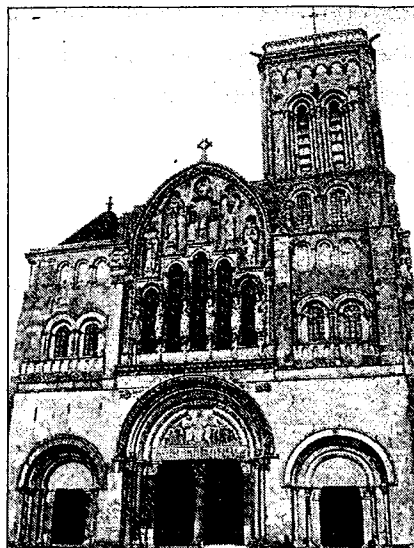
Tu viện là nơi ăn ở, học hành của các nhà tu hành nên thường gắn với cơ cấu nhà thờ. Tòa nhà tu viện là một phần hữu cơ trong bố cục của quần thể nhà thờ. Trong tu viện có rất nhiều loại nhà, có khi lên tới 37 loại, kể cả bệnh xá, xưởng sản xuất, vườn cây thuốc v.v... Tu viện thường chiếm vị trí tốt trong quy hoạch đô thị hoặc những khu đất gần sông ở các vùng quê (hình 180, 181, 182).

Trong thế kỷ thứ X, tu viện Rôman được xây dựng ở rất nhiều vùng khắp châu Âu, nên mang những đặc thù địa phương khá đa dạng. Đặc điểm chung của tu viện Rôman là có các sân trong được vây bốn mặt bằng hành lang có hệ vòm - một cột hoặc vòm - hai cột. Các vòm này lúc đầu thường bị làm nặng và thô, càng về sau càng thanh thoát dần. Hành lang được tôn cao nhiều bậc so với sân, còn giữa sân có vòi phun nước hoặc có tượng chúa.

Kiến trúc lâu đài

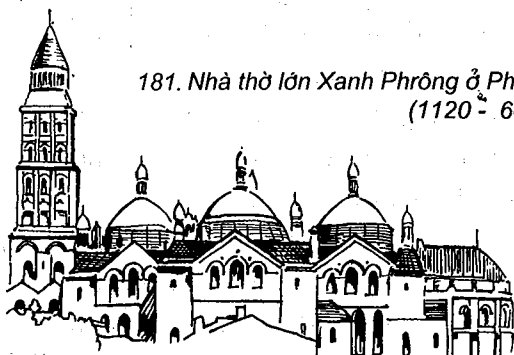
Nếu tu viện dùng cho thấy tu ở nơi thoáng đãng gần thiên nhiên, thì lâu đài phong kiến là nơi cố thủ của các lãnh chúa. Không giống như các mẫu hình nhà thờ hoặc tu viện, lâu

179.
Nhà thờ
Rôman
ở TK XII



180. Tu viện
Xanh Mactanh
ở Camighen
Pháp 1009

181. Nhà thờ lớn Xanh Phrông ở Pháp
(1120 - 60)



182. Nhà thờ
Xanh Philiber
ở Turinô -
Pháp - 970

đài là loại hình kiến trúc trước nay chưa hề có. Sự phát triển của kiến trúc lâu đài được xếp gần như song song với thời kỳ Gôtích, tức là từ thế kỷ thứ XI - XIII, khi phương thức sản xuất phong kiến đã thực sự ổn định ở Tây Âu.

Vị trí xây dựng lâu đài thường được chọn ở nơi hiểm yếu, trên đồi cao, đường vào khó khăn. Khu vực xung quanh lâu đài đều có các bức thành cao, tháp canh và các lỗ châu mai. Dưới chân tường thành có hào nước rộng và sâu. Thường chỉ có một cây cầu duy nhất bắc qua hào, đôi khi nâng hạ được, và một cổng duy nhất tại chỗ đó để vào thành (hình 183).

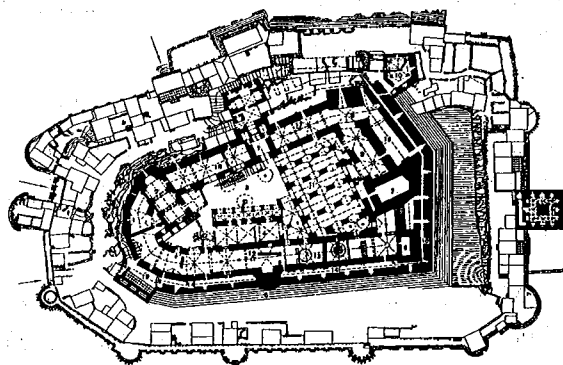
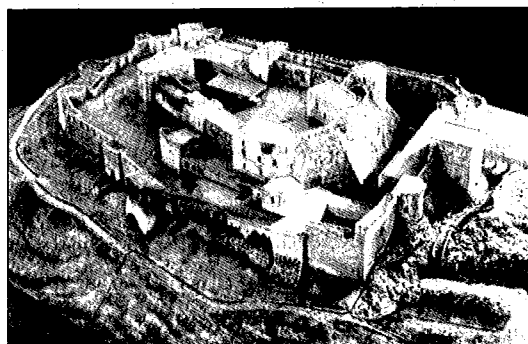
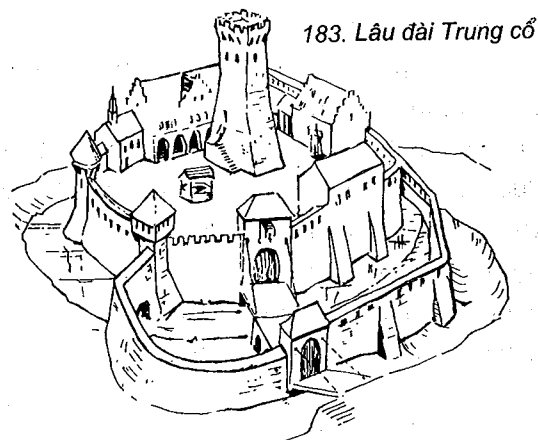
Tường các lâu đài thường được xây rất dày bằng gạch và đá, có ít khe cửa nhỏ hình lỗ châu mai, nhìn bề ngoài rất nặng nề thô thiển. Phía bên trong lâu đài được chia làm hai hoặc ba tầng. Tầng dưới tối tăm, dùng làm kho và nơi ở của gia nhân. Các tầng trên thường sáng sủa, có bếp nấu, phòng ăn, chỗ ở của chúa đất và gia tộc.

Lâu đài Rôman thường được xây dựng trên các đỉnh đồi, nổi bật giữa một vùng bằng phẳng hay giữa những nơi nhiều cây xanh rậm rạp um tùm nên lối kiến trúc này được coi là thứ nghệ thuật thôn dã (hình 184).

Trong tình hình loạn lạc và cát cứ suốt nhiều thế kỷ, kiểu lâu đài như trên có thể bắt gặp ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ châu Âu.

Kiến trúc Rôman ở các nước Tây Âu

Bước vào thiên niên kỷ mới (1000), số lượng nhà thờ Rôman phát triển nhanh và



184. Lâu đài Crắc đờ Sovalê TK XII

nhiều đến mức một giáo sĩ có tên là Raun Glaber đã phải thốt lên: "Mới có ba năm đầu tiên của thiên niên kỷ mà hầu như trên khắp trái đất, nhất là ở Italia và vùng Galli, nhà thờ được xây sửa biết bao nhiêu mà kể. Thế giới vừa vứt bỏ bộ xiêm áo cũ, liền được phủ ngay bộ áo choàng trắng - các nhà thờ mới". Mỗi địa phương của châu Âu đều đưa vào bộ áo này phần đóng góp của riêng mình.

Kiến trúc Rôman ở Pháp

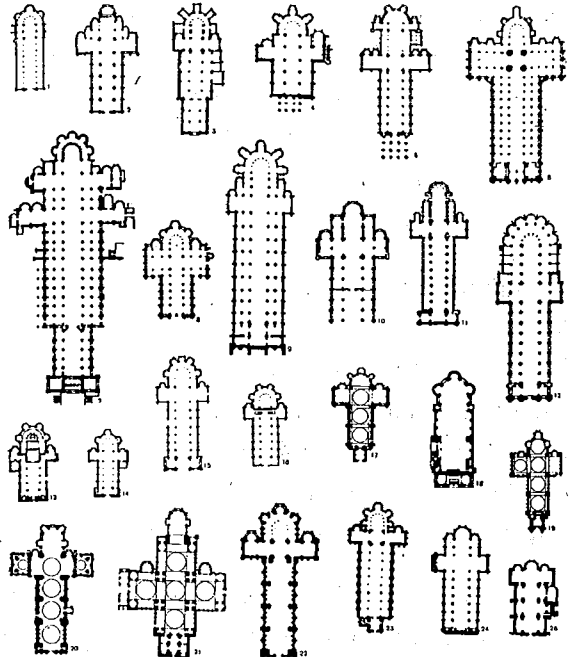
Kiến trúc Rôman ở Pháp đã trải qua một chặng đường dài phát triển và hoàn thiện ở tất cả các thể loại công trình: nhà ở, cầu cống, tu viện, lâu đài, nhà thờ v.v... (hình 185).

Tu viện Clunhơ (thế kỷ thứ XI) có tới gần 20 hạng mục công trình. Cầu qua sông ở Evrô bằng đá có mố trụ rất lớn, chiều rộng 5m với 11 nhịp bằng vòm cuốn.

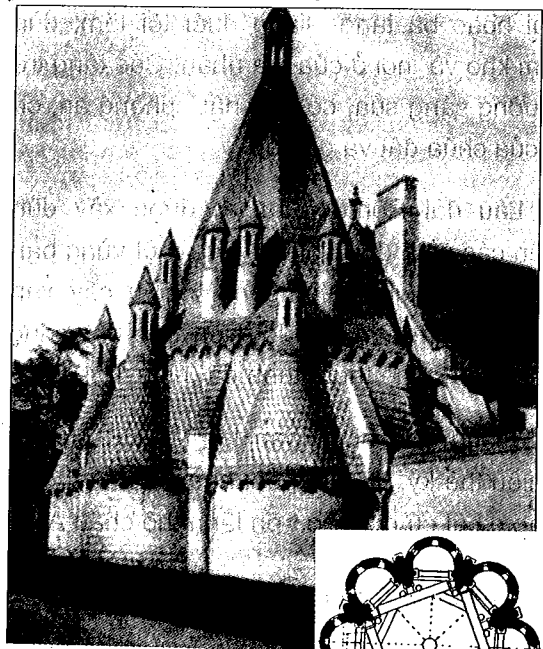
Đáng chú ý là nhà bếp của tu viện ở Phôntrôlô có cấu trúc và tỷ lệ hoàn hảo khác thường (hình 186).

Tiêu biểu cho kiến trúc Rôman Pháp là nhà thờ Xanh Phrông ở Periguyơ, nhà thờ La Madơlen ở Vêđơlê và quần thể nhà thờ vùng Overnơ.

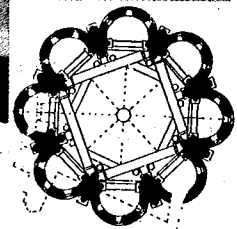
Nhà thờ Xanh Phrông ở Periguyơ với tháp chuông cao 69m xây năm 1120 (hình 187). Mặt bằng hình chữ thập Hy Lạp với 5 vòm buồm đường kính 17m xếp theo kiểu nhà thờ Xanh Mác của Vonidơ. Không gian, hình khối và mặt đứng của công trình này khá phức tạp. Ánh sáng chủ yếu lọt vào phòng từ các cửa



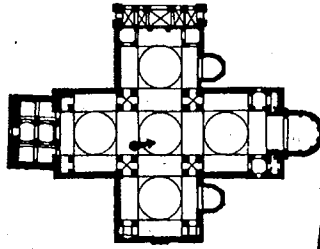
185. Các dạng mặt bằng nhà thờ Rôman ở Pháp TK XI



186. Nhà bếp ở tu viện Phôntrôlô



trở trên cao, sát vòm mái. Nhà thờ La Maddlen ở Vêdolê có trang trí vòm chính rất độc đáo. Còn mặt đứng hướng Đông của các nhà thờ vùng Overnơ lại có nhiều chi tiết biến đổi linh hoạt trên cơ sở cùng một kích thước mặt bằng và mặt đứng giống nhau như ở những nơi khác.

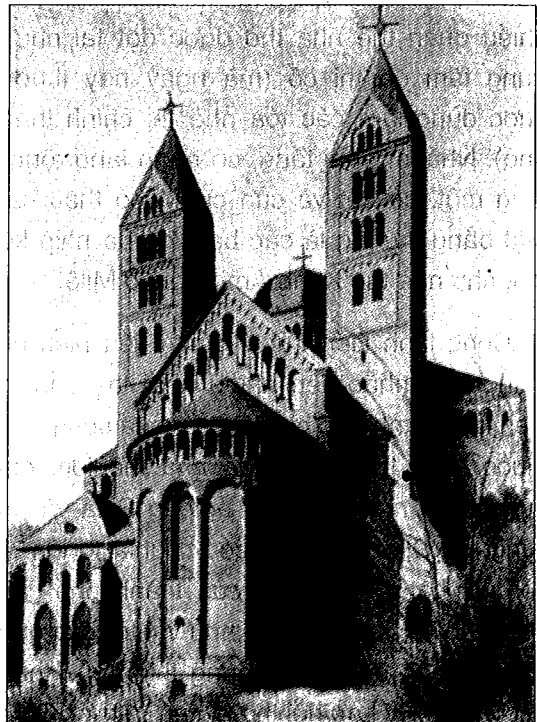


187.
Nhà thờ Xanh
Phrông
ở Periquyo
mặt bằng
và nội thất

Kiến trúc Rôman ở Đức

Nhà thờ Rôman Đức thế kỷ thứ X - XI là những baxilica ba hoặc năm nhịp. Cột đỡ nhịp giữa thường rất to. Tỷ lệ giữa đầu và thân cột mất cân đối làm tăng thêm cảm giác nặng nề vốn đã sẵn có ở mặt nhà.

Trong giai đoạn đầu, nhà thờ Rôman Đức vẫn rập khuôn theo kiểu mái lợp gỗ như các baxilica sơ khai thời La Mã. Điển hình là nhà thờ Hoàng gia ở Spâyơ (hình 188), xây vào thời vua Henri IV (1093 - 1106). Tại đây, lần đầu tiên vòm chữ thập được dùng để lợp mái một nhà thờ lớn nhất nước, nên công trình này đã có thời được coi là một kỳ tích về kỹ thuật. Thời gian về sau, tòa nhà này đã phải trải qua nhiều lần cháy, đổ và sang sửa, khiến cho hàng cột đỡ mái ở trong nhà có hai loại xen nhau: hàng lẻ (1, 3, 5, ...) giữ nguyên tường dẹt ban đầu và hàng chẵn dùng cột thức Côranh.



188. Nhà thờ Spâyơ ở Đức

Nhà thờ lớn năm nhịp ở Mainxơ (thế kỷ thứ XI - XIII) đạt kỷ lục về số lần bị cháy rồi được làm lại. Do không ngừng được mở rộng và hoàn thiện, nên kiến trúc ở đây không giữ được sự nhất quán. Các khối ở hai hồi nhà bị sửa đổi nhiều đã trở nên khá phức tạp.

Nhà thờ Maria thuộc tu viện Laác (1093 -1156) có ba nhịp cuốn vòm cung nối dài, nhịp giữa cao gấp đôi hai nhịp bên. Dây cửa sổ kép tầng dưới ứng với dây cửa đơn tầng trên tạo nên sự độc đáo của tòa nhà này.

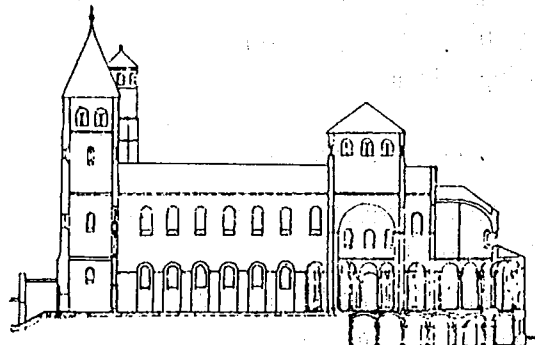
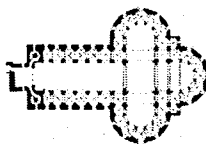
Nhà thờ Xanh Maria ở Kapitôlia xây vào thế kỷ XI - XII có bố cục hướng tâm (ở phía Đông) kết hợp với phần baxilica ba nhịp (ở phía Tây) đã tạo được những không gian nội thất rất thoáng rộng (hình 189).

Kiến trúc Rôman ở Italia

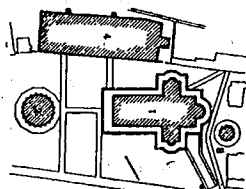
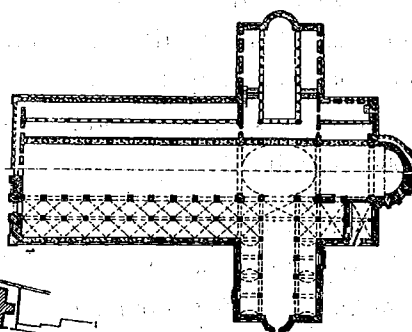
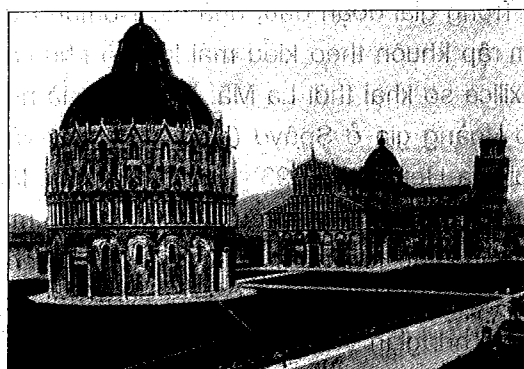
Trong các thế kỷ thứ XI và XIII, kiến trúc Italia phát triển mạnh ở các thành phố Vônđơ, Pida, Phlorăngxơ, Milê. Tại đây, nhiều quần thể nhà thờ được đặt tại những trung tâm đô thị cổ (mà ngày nay thường được dùng làm các tòa nhà thị chính thành phố). Nhà làm hai tầng, có hành lang rộng ở tầng một, có cột và cửa cuốn, có tháp cao. Mặt bằng thường là các baxilica ba nhịp kéo dài, như nhà thờ Xanh Ambrôgiô ở Milê.

Công trình kiến trúc Rôman tiêu biểu của Italia được nhắc đến nhiều nhất là quần thể kiến trúc thành phố biển Pida ở cửa sông Ácnô thuộc miền trung, với tòa nhà thờ lớn, giáo đường cầu nguyện, tháp nghiêng Pida và nhà xưng tội. Quần thể này có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển rực rỡ của thành phố cảng Pida vào thế kỷ XI, giống như vai trò của quần thể Acrôpôn đối với sự hưng thịnh của thành phố Aten - Hy Lạp hồi thế kỷ thứ V trước CN.

Nhà thờ Pida được khởi công năm 1063 theo thiết kế của Busketô - nhà kiến trúc Italia



189. Nhà thờ Xanh Maria ở Kapitôlia



190. Nhà thờ Pida
mặt nhà, mặt bằng, tổng thể

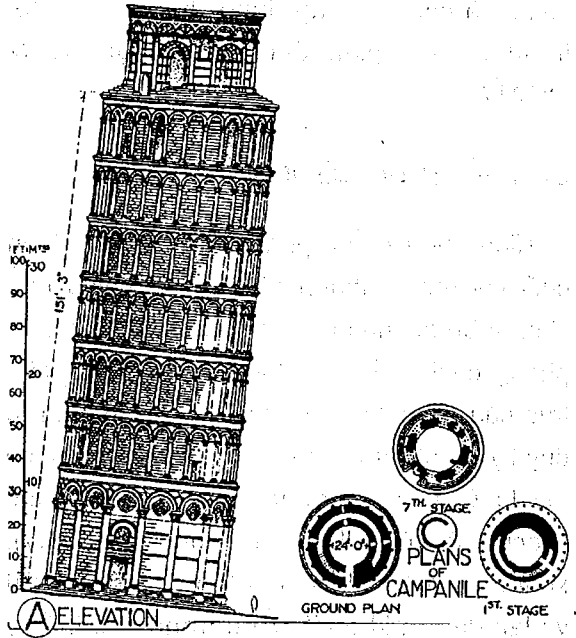
đầu tiên được khắc tên tuổi lên mộ chí mà ngôi mộ đó vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Mặt bằng nhà thờ dài 95m hình chữ thập với năm nhịp ở gian chính và ba nhịp ở cánh gà. Nhà thờ Pida là điển hình của loạt kiến trúc mặt nhà giàu trang trí, với các hành lang vòm chông nhiều tầng, với hai màu đá cẩm thạch trắng và đen ốp xen kẽ. Khác với các mái nhà thờ thông thường, mái vòm trung tâm ở đây cao 54m, có mặt bằng hình bầu dục tựa trên đế tám cạnh. Nội thất cũng được ốp bằng đá theo các dải đen trắng xen kẽ giống như mặt ngoài của tòa nhà (hình 190).

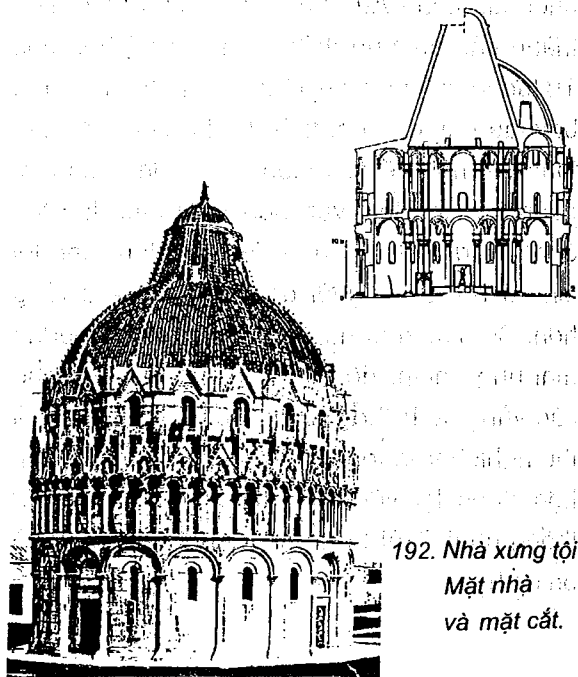
Tòa tháp Pida nổi tiếng (1173 -1350) hình trụ cao 55,2m đứng độc lập, bọc quanh bằng 6 tầng cột vòm. Do lún không đều nên tháp đã bị nghiêng trong quá trình xây dựng, gây nên cảm giác của đường xoáy tròn ốc. Để trung hòa lại, vào năm 1301 người ta xây thêm tầng thứ bảy theo độ rọi thẳng đứng. Đến nay, độ nghiêng trên đỉnh so với chân tháp đã đạt tới 4,2m. Các tầng hành lang rộng bọc quanh lõi trông như một chiếc đèn lồng, thay đổi theo chiều ánh sáng, tạo nên một hình ảnh lung linh, huyền ảo (hình 191).

Nhà xưng tội khởi công xây dựng năm 1153 là một khối tròn hai tầng đường kính tới trên 20m. Mái nhà có hai lớp - lớp ngoài hình bán cầu, lớp trong hình phễu ngược (hình 192).

Phong cách kiến trúc của quần thể nhà thờ Pida có ảnh hưởng mạnh tới kiến trúc các thành phố láng giềng như Luca, Pistoia



191. Tòa tháp Pida



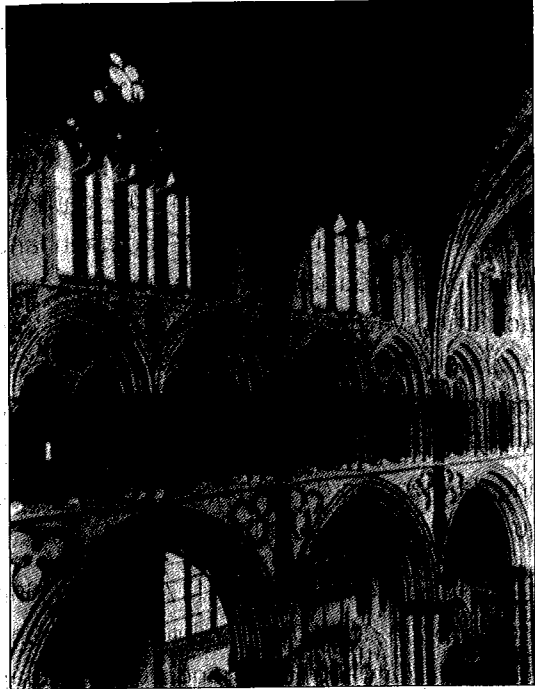
192. Nhà xưng tội
Mặt nhà
và mặt cắt.

v.v..., và còn được áp dụng rộng rãi ở Italia trong một thời gian khá dài, đến tận thế kỷ thứ XIV.

3.4. KIẾN TRÚC GÔTÍCH

Kiến trúc Rôman phát triển đến giai đoạn cuối với những thành công cùng nhiều hạn chế, là bước chuẩn bị cho sự ra đời của một phong cách kiến trúc mới, được coi là kiến trúc của tài nghệ đỉnh cao và của những tư duy kỹ thuật rất táo bạo. Phong cách này có tên là Gôtích - một tên gọi của dân tộc Giécmanh vùng Ilơ (vùng Paris ngày nay), xuất hiện năm 1140 dưới thời vua Louis VII và lan dần ra khắp Tây Âu trong các thế kỷ sau đó (hình 193).

Đây là thời kỳ hình thành nền tảng của các quốc gia châu Âu như ta biết hiện nay, hình thành các phương thức quan hệ xã hội mới. Tư tưởng con người bị lễ giáo nhà thờ kìm nén bấy lâu nay đã chợt tỉnh để tìm đến sự nhận thức về một thế giới hiện thực hơn. Các mối quan hệ kinh tế - văn hóa giữa các dân tộc được tăng cường. Các mối quan tâm đến lợi ích xã hội của người dân trở nên sâu rộng hơn. Sự sản xuất hàng hóa sôi động, thương mại nhộn nhịp, đô thị phát triển đã làm cho các vùng lãnh thổ phong kiến manh mún và thù nghịch trên toàn nước Pháp trước đây tập hợp được lại với nhau trong một quốc gia thống nhất. Trật tự an ninh được phục hồi và ổn định.

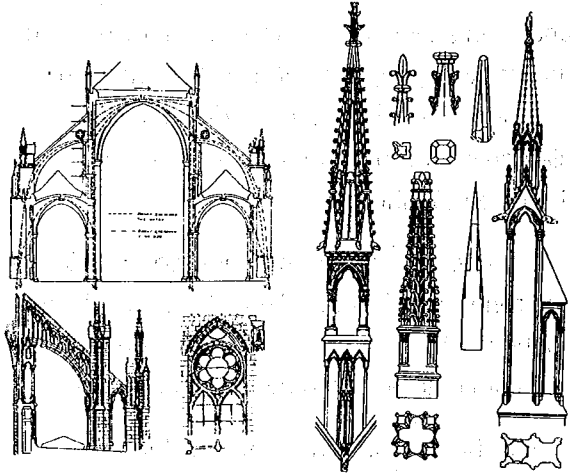


193. Vòm Gôtích

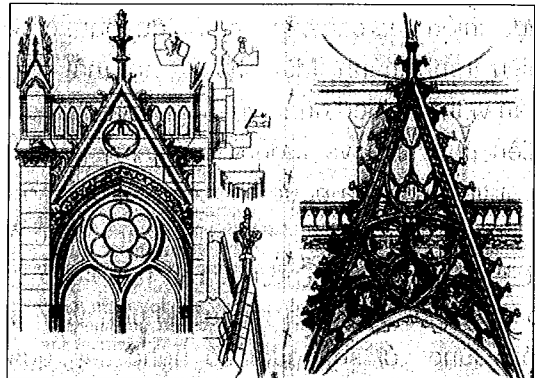
Từ đấy đã nảy sinh nhu cầu về những kiểu loại công trình mới, đặc biệt là nhà thờ, nhằm thể hiện tâm vóc mới, suy nghĩ mới.

Kiến trúc Gôtích thanh thoát, nhẹ nhàng là sự đối nghịch với kiểu kiến trúc Rôman nặng nề, khép kín. Kiểu kiến trúc này được áp dụng trong nhà ở, trong các lâu đài, cung điện, tòa thị chính, trong xây dựng đô thị, và đặc biệt là trong xây dựng nhà thờ với số lượng và quy mô vô cùng lớn. Nếu kiến trúc nhà thờ Rôman được mệnh danh là loại nghệ thuật thôn dã, thì kiến trúc nhà thờ Gôtích xây dựng ngay tại trung tâm các đô thị được mệnh danh là kiến trúc thị thành. Nếu kiến trúc Rôman có nguồn gốc từ thời đế chế La Mã, thì kiến trúc Gôtích lại chính là sự sáng tạo của người Pháp. So với nhà thờ Rôman, nhà thờ Gôtích cao hơn, rộng hơn, sáng hơn, thanh nhẹ hơn, nhiều chức năng công cộng hơn, nên cũng gần gũi với cuộc sống người dân hơn và thích hợp với niềm mong mỏi của mọi người hơn (hình 194, 195).

Về mặt cấu tạo, kiến trúc Gôtích đã khẳng định được việc áp dụng một hệ khung sườn rất mạch lạc, sự táo bạo trong tư duy kỹ thuật qua việc dùng hệ cột và vòm nhọn đỡ mái thay cho các mảng tường. Hệ cấu tạo này bao gồm các bộ 4 cột một dựng theo hình vuông (hoặc chữ nhật). Mỗi cặp hai cột đứng liền nhau đỡ một vòm nhọn cùng mặt phẳng và hai cột chéo nhau đỡ một vòm cung nhọn, chụm nhau tại một điểm ở đỉnh gọi là vòm Ôgiơơ (hình mũi tên). Khác với loại vòm nửa



194. Cấu tạo nhà thờ Gôtích

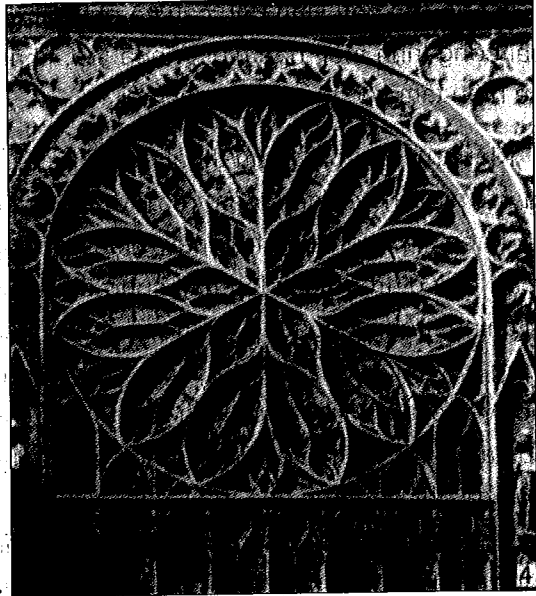


195. Một số kiểu cửa sổ Gôtích

tròn trong kiến trúc Rôman, vòm này sở dĩ phải dựng theo hình đứng là nhằm giảm tối đa lực xô ngang đập lên tường (nay không còn nữa) và dồn lực nén vào cột. Toàn bộ gian chính trong nhà thờ là sự nối dài các bộ 4 cột đỡ mái như trên.

Nhờ hệ cột đỡ vòm mái nên có thể trở cửa cao rộng một cách dễ dàng, chiều cao tòa nhà có thể lên tới 1 - 2 chục mét hoặc hơn nữa, tạo nên cảm giác bộ mái đang bay lên bầu trời.

Mặt bằng điển hình của nhà thờ Gôtích là các baxilica ba nhịp (hoặc đôi khi năm nhịp) hình chữ thập, phát triển từ kiến trúc Rôman. Không gian bên trong thoáng, rộng. Ánh sáng được chiếu qua các cửa kính nhiều màu, có vẽ nhiều tranh thánh. Mặt nhà và nội thất được phân vị theo chiều đứng và được trang trí bằng nhiều phù điêu và tượng. Đáng lưu ý là kỹ thuật tinh xảo của người thợ xây cất, gia công và hoàn thiện (hình 196). Thợ chạm khắc đá rất được tôn trọng. Thợ ngoã là người giữ vai trò chủ chốt. Họ định ra các khuôn vòm và mái. Cùng với số người có nghề liên quan khác, họ tập hợp thành những phường hội. Các thế hệ thợ trong cùng phường hội truyền nghề cho nhau, từ đời này sang đời khác. Ngay cả hôn nhân, nhiều khi cũng khép kín trong phường hội. (khá phổ biến ở Đức vào thế kỷ thứ XIV). Những người thợ này rất thành thạo công việc làm đá. Họ đục chạm các gờ cửa, các họa tiết đá rất tinh vi, nhất là các đồ cửa đục đẽo hình hoa hồng xen giữa các mảng kính nhiều màu. Đôi khi vật liệu chì cũng được dùng để giữ chặt kính. Những người xây



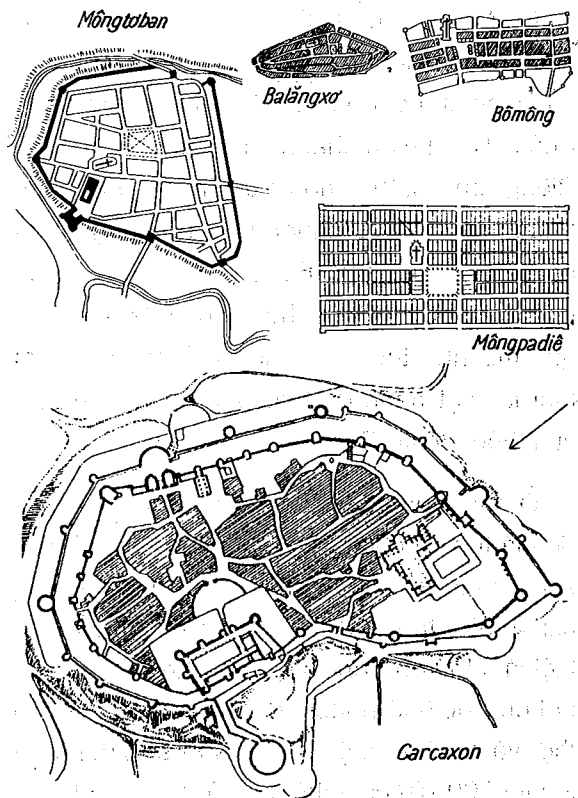
196. Sự gia công tinh xảo trong các nhà thờ Gôtích

dựng nhà thờ Gôtích luôn năng động trong thử nghiệm, luôn thay đổi việc hoàn thiện, luôn tìm tòi cải tiến những phương thức mới để cho công trình của mình được sống động, độc đáo và toàn mỹ. Điều này là một đặc tính nổi bật làm cho các nhà thờ Gôtích đạt được chất lượng nghệ thuật rất cao.

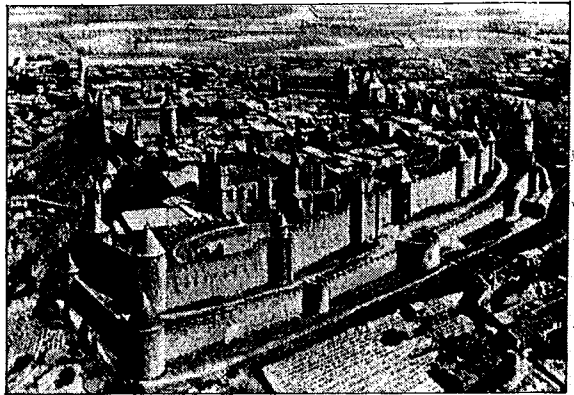
Đô thị thời kỳ kiến trúc Gôtích thường nằm ven các con sông lớn hoặc vịnh. Khá phổ biến là các đô thị nằm ở ngã ba sông, được hai mặt sông che chắn. Các thành được gia cố bằng tường - công sự, có cổng và tháp canh. Mạng đường thành phố thường có dạng bàn cờ với một chợ và quảng trường ở trung tâm. Vào cuối thế kỷ thứ XII, ở các quảng trường trung tâm xuất hiện các nhà thờ Gôtích (hình 197, 198). Nhiều nhà ở cao tới hai - ba tầng bao quanh quảng trường trung tâm, trong đó tầng một dành để bán hàng hoặc làm xưởng thủ công. Các tầng trên dùng để ngủ, ăn uống và sinh hoạt gia đình. Loại nhà này có mặt bằng kéo sâu vào trong, đầu hồi quay ra đường, mái đổ dốc về hai phía. Nhà có tầng áp mái.

Kiến trúc nhà ở kiểu Gôtích ở Tây Âu giàu sức biểu hiện, nhưng ở mỗi nước lại được điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm riêng. Các lâu đài và cầu cống có quy mô lớn và kèm khá nhiều tháp canh.

3.4.1. Kiến trúc Gôtích ở Pháp



197. Các đô thị mới ra đời ở Pháp TK XII - XIII

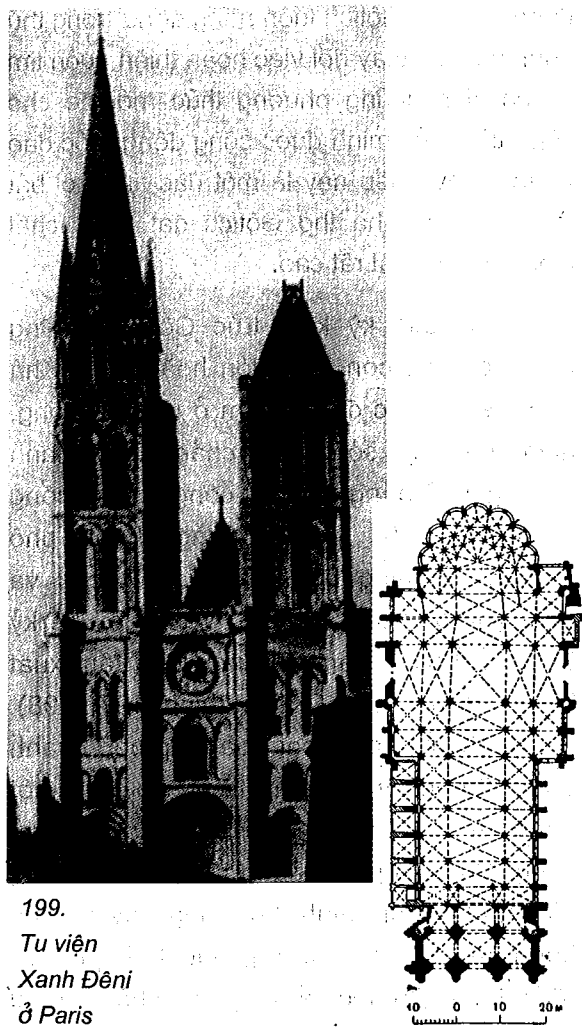


198. Thành Carcaxon

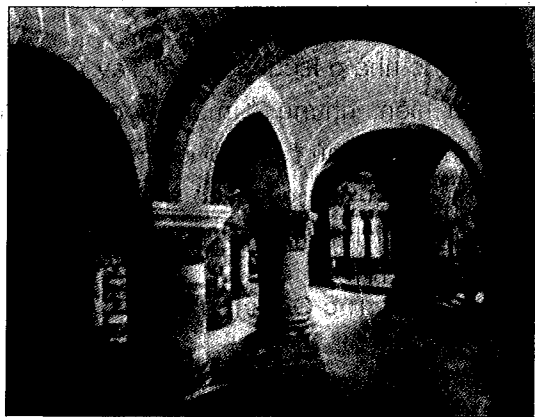
Như đã nói, nước Pháp là quê hương của phong cách kiến trúc Gôtích. Đây là một mốc rất quan trọng trong lịch sử kiến trúc nước Pháp. Rất nhiều thành phố mới đã ra đời. Riêng tên gọi của hơn 500 thành phố nước Pháp ngày nay có nguồn gốc từ những đô thị cổ thời kỳ kiến trúc Gôtích, đã chứng tỏ sự phát triển đô thị Pháp thời kỳ này đã đạt được quy mô như thế nào. Việc mở mang đô thị mới là một phương thức độc quyền để nhà vua thống soái đất nước.

Ở đây, nhà vua sử dụng hai thế lực chính là nhà thờ và chính quyền thành phố. Vì vậy, song song với việc nắm các bộ máy tòa thị chính, nhà thờ được xây dựng rất nhiều, đặc biệt là ở thủ đô Paris. Dân số Paris lúc này đã là hơn 100.000 người với 100 tổ chức xưởng thợ, và chỉ hơn một thế kỷ sau số xưởng đã lên tới 300. Từ cuối thế kỷ thứ XIII, Vua Philip II đã cho xây thành bảo vệ, và lập cung điện Luvrơ bên tả ngạn sông Xen để tới sẵn bắn.

Kiến trúc Gôtích Pháp phát triển qua ba thời kỳ chính: Gôtích sơ khai (thế kỷ thứ XII), Gôtích chín muồi (thế kỷ thứ XIII - XIV) và Gôtích muộn (cuối thế kỷ thứ XIV - thế kỷ thứ XV). Công trình đầu tiên đánh dấu sự ra đời của phong cách Gôtích ở Pháp và ở cả châu Âu là nhà thờ Xanh Đêni do người tu viện trưởng có tên là Bisóp Suger phụ trách xây dựng (hình 199). Trong một khoảng thời gian dài gần 4 thế kỷ, nước Pháp đã xây dựng hàng ngàn ngôi nhà thờ lớn nhỏ, trong đó có những tòa nhà thờ cực lớn như Xăng Rêmi (1170 - 1190), Xenxơ (1140), Laông (1150 - 1210),



199.
Tu viện
Xanh Đêni
ở Paris



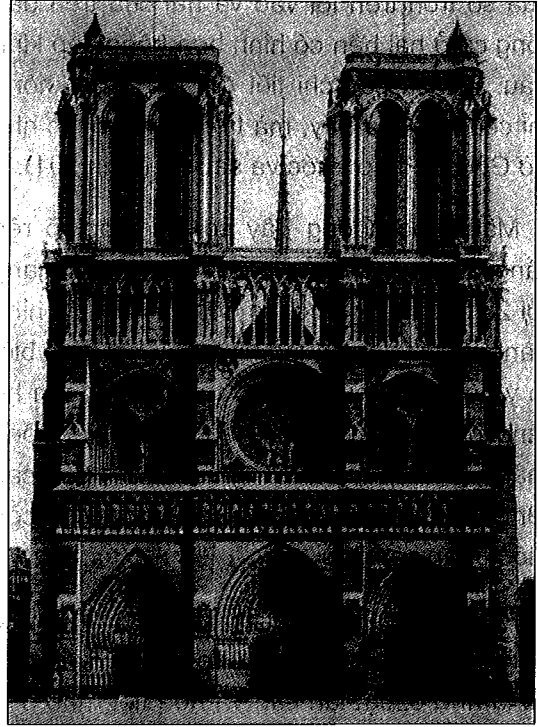
Satơơ dưới thời vua Lútovich IX (1226 - 1270), nhà thờ Amiăng cao 42,5m (1220 - 1269), nhà thờ Xanh Pie ở Bôvê (1247 - 1272) có vòm chính cao tới 48m (bị sụp đổ năm 1284) và tháp cao 153m (bị sụp đổ năm 1572), nhà thờ Mông Xăng Misen (thế kỷ thứ XV) chiếm trọn một ngọn đồi cao tới 40m trên mặt hồ v.v...

Tiêu biểu cho kiến trúc Gôtích Pháp là nhà thờ Đức Bà Paris và nhà thờ Reimx.

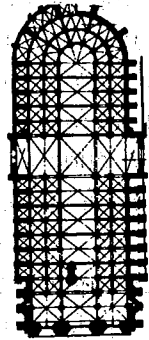
Nhà thờ Đức Bà Paris

Khởi công xây dựng năm 1163, nhà thờ Đức Bà Paris đánh dấu bước phát triển lớn của nghệ thuật Gôtích giai đoạn sơ khai ở Pháp. Đây là tòa nhà kiểu baxilica 5 nhịp dài tới 17 gian (130m) với một hệ thống kết cấu rất phức tạp. Chiều cao vòm chũ thập 6 múi ở nhịp giữa lên tới 32,5m, cao hơn tất cả các nhà thờ xây trước đó. Các nhịp ở hai bên thấp hơn, lợp bằng vòm 4 múi. Chiều ngang đạt tới 42m đã tạo cho tòa nhà một không gian bên trong rộng lớn và lộng lẫy với rất nhiều tượng. Hai hàng cột chính hình tròn đường kính tới 1,4m, phần đầu cột cao bằng 1/5 thân, có hình hoa lá mềm mại. Tỷ lệ cột cùng với những mảng tường hai bên gian giữa (trước thời cải tạo) đã nói lên phần nào ảnh hưởng còn sót lại của kiến trúc Rôman (hình 200).

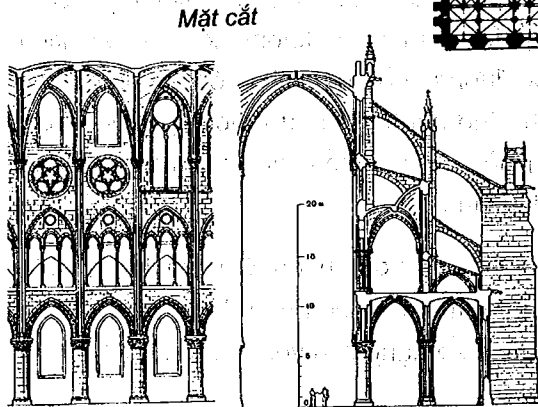
Hàng cửa sổ kính ở trên cao của nhịp giữa đến nay trông còn rất hiện đại, được sửa lại vào thế kỷ thứ XIII, là kết quả của việc thay đổi hệ trụ chịu lực cho thanh mảnh hơn. Trọng tâm bố cục của mặt nhà là hệ cửa sổ với nhiều họa tiết được gia công rất công phu.



200. Nhà thờ Đức Bà Paris (mặt chính)



Mặt bằng



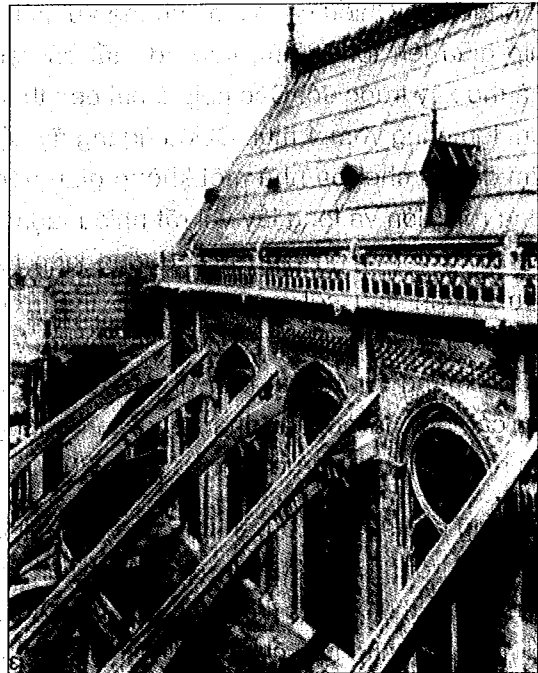
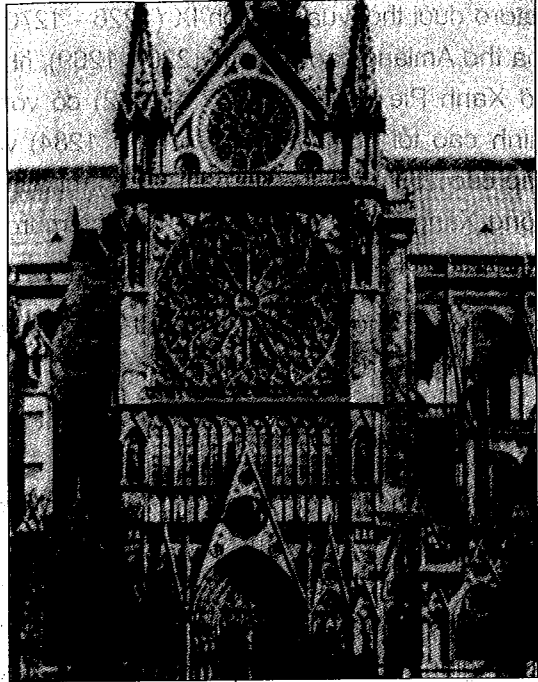
Mặt cắt

Cửa sổ tròn trên lối vào và hai cửa trên dàn đồng ca ở hai bên có hình hoa hồng, lấp lánh màu. Đây là các chi tiết đắt giá nhất không chỉ của nhà thờ này, mà trong tất cả các nhà thờ Gô-tích Pháp trước và sau đó (hình 201).

Mặt trước hướng Tây có hai tầng rõ rệt. Tầng dưới có ba cửa vào được chắn ngang bởi 28 bức tượng đức mẹ đồng trinh biến hình thành 28 vị vua. Những hình ảnh này đặc biệt có ý nghĩa với nước Pháp trong giai đoạn họ đang phải chiến đấu vì một quốc gia thống nhất. Hai tháp hình vuông vát nhẹ 4 góc cao 69m đặt ở hai bên mặt nhà dường như còn thiếu phần kết thúc.

Phần nhà phía dưới có cấu trúc rất vững chắc, nhưng không hề nặng nề và lạnh lẽo. Đó là nhờ ở loạt lan can và họa tiết, nhờ ở tỷ lệ đẹp giữa các bộ phận chính phụ, giữa nét chung và chi tiết, nhờ ở chiều sâu các vòm cửa tạo nên các bóng đổ chỗ nổi, chỗ chìm. Mặc dù các kích thước hai bên cửa vào cơ bản được khống chế chặt chẽ theo nguyên tắc đối xứng, nhưng ở đây vẫn có sự khác nhau trong họa tiết. Đó là do các nghệ nhân được quyền thể hiện các chi tiết theo cảm hứng riêng, miễn là không xa rời các kích thước đường bao quy định. Có khi còn do các thể hệ thợ nối tiếp nhau thực hiện. Điều này cũng là cách nhiều nước phương Đông thường làm.

Ngoài loại vòm nhọn Ô-giơ-vơ trong nhịp chính, tại mặt bên cửa nhà thờ Đức Bà Paris còn được áp dụng loại vòm có tên gọi là cuốn



201. Nhà thờ Đức Bà Pari
Mặt đứng hướng Tây và chi tiết

bay như một thành phần trang trí, có chiều dài tới 15m. Hai loại vòm này giúp nhấn mạnh về siêu thoát của công trình, đáp ứng được chủ đích tư tưởng của giáo hội là làm cho "tâm hồn con người vươn tới gần Chúa Trời". Về đẹp hoàn chỉnh, sự sinh động và đầy quyến rũ của nhà thờ này đã được nhiều thế hệ các nhà văn hóa hết lời ca ngợi. "Trong lịch sử khó có thể tìm ra được một trang trí nào đẹp hơn mặt trước của tòa nhà thờ kiểu điển đó" (Víchto Huygô).

Nhà thờ Đức Bà Paris đã trải qua quá trình xây dựng tới 170 năm, từ đời vua Sácơ đại đế với người đặt viên gạch đầu tiên là Giáo hoàng Alexandơ III, cho đến tận đời vua Philip Oguyxt - người cất bằng khánh thành công trình. Tuy bị kéo dài về thời gian như vậy, công trình vẫn giữ được sự thống nhất trọn vẹn đáng khâm phục (hình 202),



Nhà thờ Reimx

Nhà thờ Reimx nằm ở tỉnh Marne thuộc Đông Bắc Pháp, được khởi công xây dựng vào năm 1211 sau trận cháy thiêu hủy hoàn toàn ngôi nhà thờ cũ, và được coi là "Thánh đường cao quý nhất vương quốc" (lời vua Pháp Sácơ VIII). Tòa nhà này là điển hình của thời kỳ Gôtích chín muồi ở Pháp với xu thế giảm nhẹ kết cấu đến tối đa và nhấn mạnh tính chất nghệ thuật. Tại đây đã từng diễn ra lễ phong vương cho nhiều nhà vua Pháp. Cửa vào chính phía Tây dẫn tới một baxilica ba nhịp, kéo dài 18 gian, rồi nhập vào khu vực dàn đồng ca để kết thúc bằng



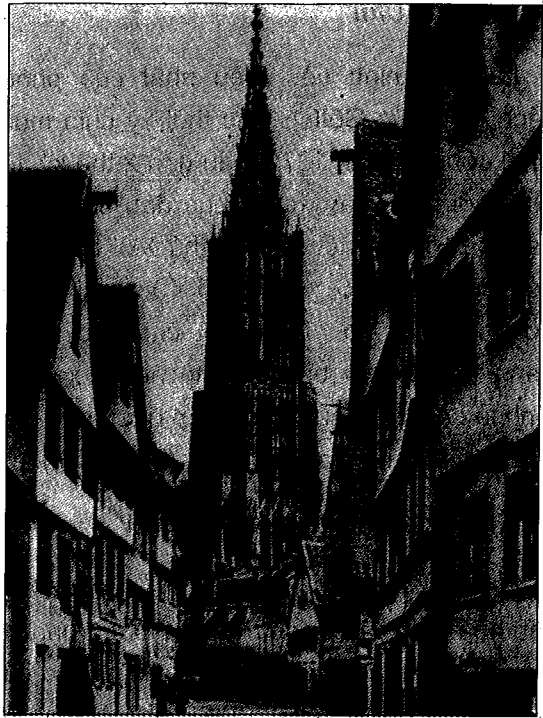
202. Nhà thờ Đức Bà Paris - Nội thất và chi tiết

trường Xanh Mác, được khởi công xây dựng năm 1309 (hình 209). Trong thời gian dài hơn một thế kỷ, rất nhiều nhà kiến trúc lỗi lạc của Italia đã tham gia vào việc xây dựng công trình tuyệt vời này. Tòa nhà cao ba tầng. Tầng dưới cùng là hàng cột và vòm cuốn nhịp lớn. Tầng hai có nhịp bằng nửa tầng dưới. Tầng trên cùng kết hợp tường có hàng cửa rộng và thưa, hợp thành một bức họa nhịp nhàng, tao nhã. Mặc dù đã vận dụng nhiều nguyên tắc cơ bản của kiến trúc Gôtich, cung điện này vẫn mang nhiều dấu ấn của phong cách bố cục cổ điển. Song, nhờ có cấu trúc rành mạch, gọn gàng, vật liệu đá ốp màu phớt hồng làm bừng sáng mặt nhà, và sự hoàn thiện tinh tế mà Cung Đơgiơ đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật đặc sắc. Cung này cũng góp phần làm cho quảng trường trung tâm nằm bên bờ vịnh đạt được những giá trị cao về kiến trúc và cảnh quan.

Ngoài Vônđơ, kiến trúc Gôtich còn được ứng dụng nhiều ở Phlorenxia, Xiena, Oriento và các thành phố khác ở Bắc và Trung Italia. Đặc điểm chung của kiến trúc Gôtich những vùng này là sự chắc khỏe hơn, các vòm cửa và mái ít nhọn hơn so với kiến trúc Gôtich ở Pháp.

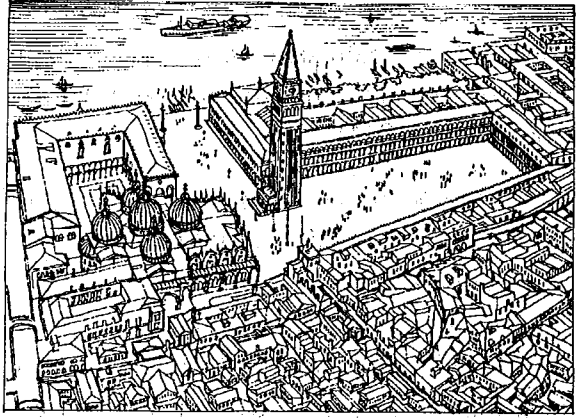
3.4.5. Nhận xét chung

Sự xuất hiện của chế độ phong kiến ở Tây Âu và Cận Đông vào thế kỷ thứ V và mười thế kỷ phát triển phong kiến sau đó đã tạo cho kiến trúc những điều kiện mới.

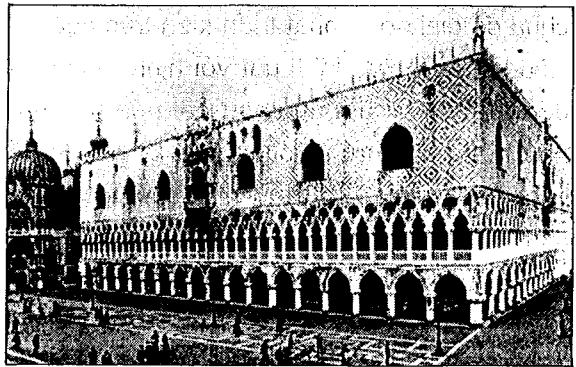


208. Nhà thờ Ulm TK XIV - XVI
Mặt nhà và chi tiết đầu cột

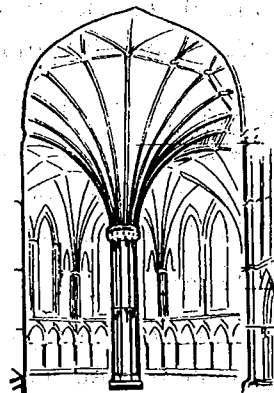
Thoát thai từ tàn dư của chế độ chiếm hữu nô lệ, chính quyền phong kiến Đông La Mã một khi được củng cố đã trở thành động lực để sản sinh ra nền kiến trúc Bidăngtin rực rỡ. Làn sóng xây dựng nhà thờ bao phủ khắp châu Âu, là nguồn cảm hứng cho những sáng tạo kỳ diệu của kiến trúc. Lần đầu tiên, trong nhà thờ Xanh Xôphi ở Côngxtantinốp đã xuất hiện hệ thống nội thất rộng và phong phú. Tại đây đã ra đời kiểu vòm buồm trung tâm có cuốn đỡ tựa trên các trụ độc lập (hình 210).



Từ thế kỷ thứ X, với các lâu đài kiên cố, các tu viện - nhà thờ khép kín, kiến trúc Rôman đánh dấu thời kỳ ổn định của quan hệ sản xuất phong kiến. Song song với nhà thờ, các thành phố Trung thế kỷ là làn sóng thứ hai có tác động mạnh mẽ đến việc tiếp tục tìm kiếm những phong cách kiến trúc mới. Phong cách kiến trúc Gôtích bắt nguồn từ nước Pháp đã lan nhanh ra khắp châu Âu và trở thành một cột mốc đáng kể trong nghệ thuật kiến trúc Trung thế kỷ. Từ những mái vòm đặt trên mặt bằng vuông trong các baxilica thời kỳ Bidăngtin, kiến trúc Gôtích đã tạo nên những mái vòm hình mũi tên có gân, các cuốn nhọn và cuốn bay tựa trên cột độc lập. Nếu trước đây, việc xây dựng vòm cuốn tròn Bidăngtin đòi hỏi tay nghề cao ở người thi công, thì với vòm cuốn nhọn Gôtích, việc xây dựng đã bớt phức tạp đi rất nhiều. Cuốn bay cũng là một thành phần cấu tạo rất đặc biệt trong kiến trúc Gôtích, góp phần làm giảm nhẹ lực tác động trực tiếp lên cột chính. Việc dùng cột chịu lực trong kiến trúc Gôtích



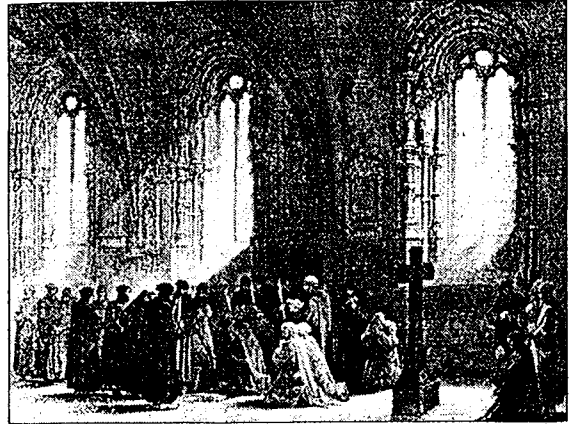
209. Quảng trường Xanh Mác và cung Đôgiô ở Venido - Italia



210. Vòm buồm trung tâm

thay cho tường chịu lực trong kiến trúc Rôman đã tạo điều kiện mở rộng các khoang cửa sổ cho ánh sáng tràn sâu vào nội thất nhà thờ. (hình 211).

Sự ra đời của hệ thống vòm cột Gôtich ở thế kỷ thứ XII có thể coi như bước nhảy vọt quan trọng không chỉ đơn thuần về mặt chịu lực, mà nó còn đưa lại những hiệu quả rất cao về mặt biểu cảm nghệ thuật, có khả năng thể hiện triệt để tư tưởng vươn lên trời của đạo giáo thời trung cổ. Có lẽ cho tới cả sau này, chưa có giai đoạn phát triển kiến trúc nào mà việc kết hợp giữa kỹ thuật với hình thức và ý đồ tư tưởng lại đạt được sự hài hòa mỹ mãn như trong kiến trúc Gôtich thời kỳ chín muồi vào thế kỷ thứ XIII. Tuy nhiên sang thế kỷ sau, phong cách này cũng phải chịu quy luật chung là chuyển sang giai đoạn đi xuống để rồi bị loại bỏ.



211.

3.5. KIẾN TRÚC THỜI KỲ VĂN NGHỆ PHỤC HƯNG

3.5.1. Sự hình thành và đặc điểm phát triển của nền Văn nghệ Phục hưng

Cuối thế kỷ thứ XIII, ở miền Bắc Italia và vùng Toscan đã xuất hiện một trào lưu văn hóa rất mạnh mẽ, được phát triển trên cơ sở những biến đổi to lớn của nền kinh tế - xã hội đương thời (hình 212).

Trào lưu văn hóa đó có tên gọi là trào lưu Văn nghệ Phục hưng (Rônétxăngxơ).



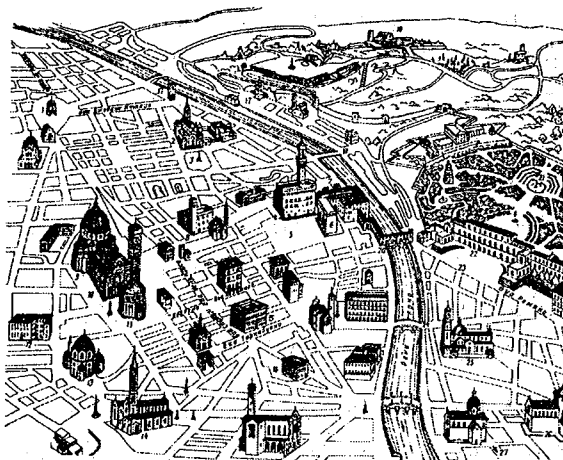
212. Bản đồ Italia Trung thế kỷ

Lúc này, trên khắp lục địa châu Âu, cuộc tấn công vào chế độ phong kiến già nua đang diễn ra trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, đạo đức, tôn giáo, văn hóa văn nghệ. Mọi thế giới quan Trung cổ, mọi truyền thống và hình thái có ít nhiều liên quan đến phong kiến đều bị tẩy chay. Thay vào đó, những nhà nhân văn tìm về kho báu khoa học - nghệ thuật thời cổ đại Hy Lạp - La Mã, nghiên cứu các bản chép tay còn sót lại từ thời đó để tìm cảm hứng mới. Họ đề cao vai trò cá nhân và các điều kiện cho con người phát triển toàn diện.

Ra đời trong bước ngoặt cực điểm của những mâu thuẫn xã hội, khi xích xiềng Trung cổ đã bị đập tan, nhưng khuôn mẫu của xã hội mới - xã hội tư bản - còn chưa kịp định hình, nên Văn nghệ Phục hưng đã bắt đầu từ văn học, với Đăngtê - "nhà thơ cuối cùng của thời Trung cổ, và cũng đồng thời là nhà thơ đầu tiên của thời đại mới"- (F. Ăngghen), với các tác giả văn chương khác như Petrarroca, Boccagiô. Tiếp sau đó là các nhà hội họa như Dgiôttô, nhà điêu khắc Nhiccôlô Pizano v.v... Nghệ thuật kiến trúc, do có những nhu cầu rất lớn về vật tư và công sức so với văn chương hội họa, nên bước vào thời Văn nghệ Phục hưng chậm hơn - khoảng cuối thế kỷ thứ XIV, đầu thế kỷ thứ XV (hình 213).

3.5.2. Đặc điểm chung và sự phân kỳ kiến trúc Văn nghệ Phục hưng

Trào lưu kiến trúc mới được khởi đầu bằng việc tẩy chay phong cách Gôtích, phục hưng di sản truyền thống của nền kiến trúc La Mã cổ đại. Bố cục các tòa nhà trở lại rõ



213. Các công trình lớn thời Văn nghệ Phục hưng ở Rôma - TK XIII - XV

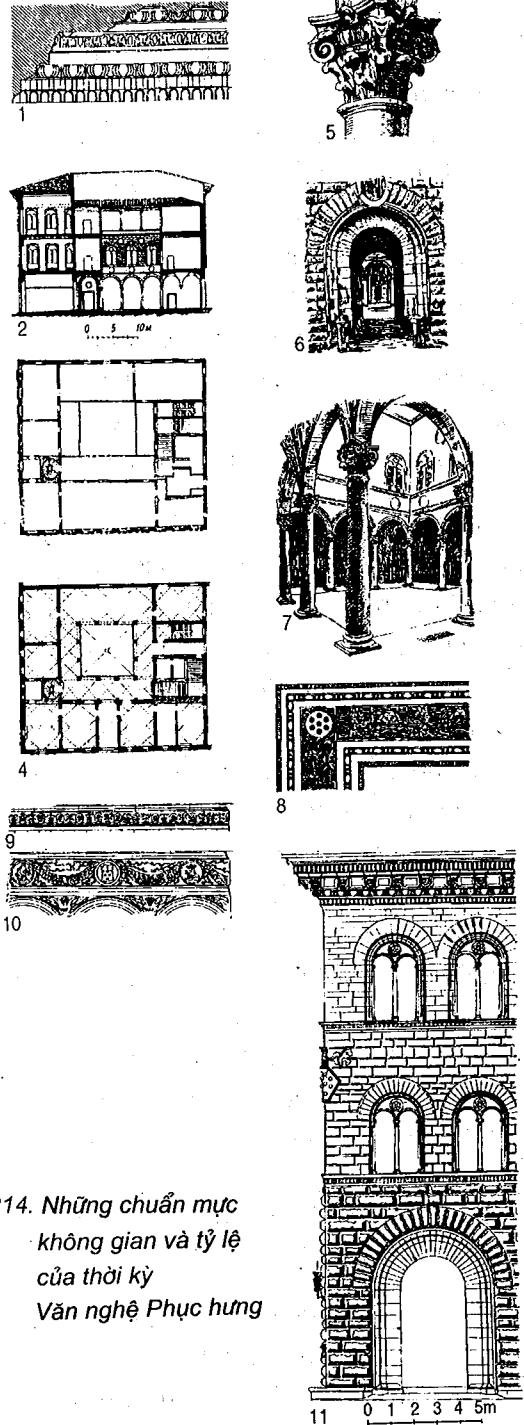
ràng, khúc chiết, có tỷ lệ hài hòa, phân chia mạch lạc, dựa trên hệ thức cột cổ điển.

Tường, cột, cuốn là ba thành phần được nghiên cứu kỹ lưỡng, đã đạt được độ hoàn hảo đáng kinh ngạc. Hàng loạt phương pháp xây dựng mới, nguyên tắc nghệ thuật mới được áp dụng. Trong các công trình mới, tính động của phong cách Gôtích, tính nặng nề của phong cách Rôman được thay thế bằng tính yên tĩnh, êm đềm của các hình thức kiến trúc Phục hưng. Những mái vòm của thời Rôman, mái vòm nhọn mũi tên của thời Gôtích đã phải nhường chỗ cho các loại vòm cuốn chữ thập và vòm bán cầu (hình 214).

Biệt thự, cung điện là loại hình rất phát triển ở cả thành phố lẫn vùng ngoại vi. Các công trình tôn giáo tín ngưỡng thể hiện cuộc đấu tranh gay gắt giữa một bên là xu hướng nhân đạo mới với một bên là thế lực tôn giáo - phong kiến phản động cũ (hình 215).

Trong trang trí nội thất, đá hoa thiên nhiên và đá nhân tạo được sử dụng rộng rãi. Các kỹ năng gia công đá thời cổ đại được khôi phục ở mức độ hoàn thiện cao hơn. Có nhiều chi tiết trang trí được làm từ kim loại. Trần và tường trong nhà được trang hoàng bằng những bức tranh hoành tráng rất lộng lẫy. Song tường ngoài lại được trát vữa thay vì ốp đá như người La Mã cổ đại vẫn làm.

Đánh giá về thời kỳ Văn nghệ Phục hưng, trong cuốn "Phép biện chứng của tự nhiên", F. Ăngghen viết: "Văn nghệ Phục hưng là một biến cố tiến bộ vĩ đại nhất trong mọi biến cố

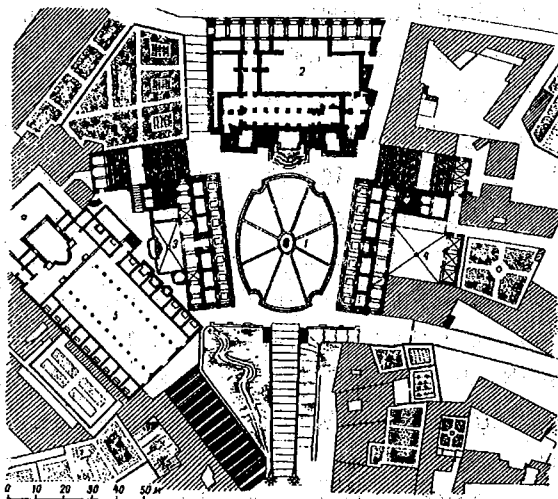


214. Những chuẩn mực không gian và tỷ lệ của thời kỳ Văn nghệ Phục hưng

mà loài người đã trải qua cho đến nay". Điều đó đã được minh chứng một cách hùng hồn qua sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc.

Phát triển liên tục ở Italia trong vòng hai thế kỷ, kiến trúc Văn nghệ Phục hưng có thể được chia làm ba thời kỳ sau:

- Thời kỳ tiền Phục hưng (1420 đến thế kỷ thứ XV).
- Thời kỳ Phục hưng toàn thịnh (nửa đầu thế kỷ thứ XVI).
- Thời kỳ hậu Phục hưng (nửa sau thế kỷ thứ XVI).



215. Quảng trường Capitolia ở Rôma
Tác phẩm của Miken Lãnggiêlô TK XVI

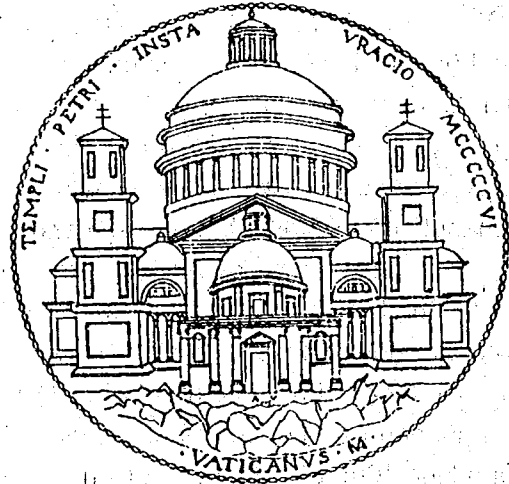
3.5.3. Kiến trúc thời kỳ Tiền Phục hưng

Nền kiến trúc Tiền Phục hưng được đánh dấu bằng sự ra đời của hàng loạt loại hình kiến trúc mới ở các thành phố Phlorăngxơ, Vơniđơ, Milan, Rôma, phù hợp với đòi hỏi của giai tầng tư sản.

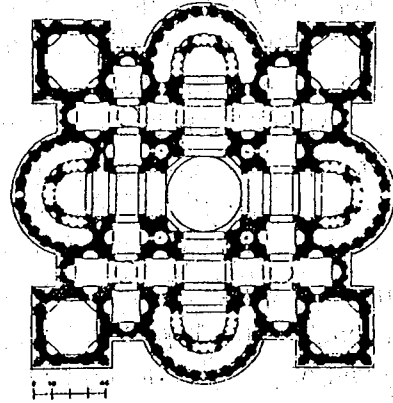
Lớn mạnh nhất về kinh tế, đi đầu trong đấu tranh chống phong kiến ở miền Bắc Italia là thành phố Phlorăngxơ với 90 ngàn dân - một đô thị nằm ở hai bên bờ sông Acnô.

Đặt cơ sở cho nền kiến trúc Tiền Phục hưng là Filippo Bruneleski, sinh tại Phlorăngxơ, vốn là thợ kim hoàn và đúc tượng. Năm 1420, người ta đã phải tập trung khá nhiều nhà xây dựng để thảo luận cách lợp mái nhà thờ Xanh Maria Đen Phlori, bị bỏ dở từ cuối thế kỷ XIV do chưa có cách lợp mái nào phù hợp. Và cuối cùng mọi người đã chấp thuận sáng kiến do Bruneleski đưa ra.

lạc và hoàn chỉnh về hình khối, có sự liên hoàn, tuần tự phát triển về độ lớn và chiều cao với một vòm bán cầu lộn nhất ở trung tâm. Trụ trên hàng cột chạy vòng quanh, vòm bán cầu này dường như được chỗi lên từ các khối cấu thành ở bên dưới, như được Bramăngtê mô tả trên kỷ niệm chương được đúc vào dịp khởi công tòa thánh này (hình 222).



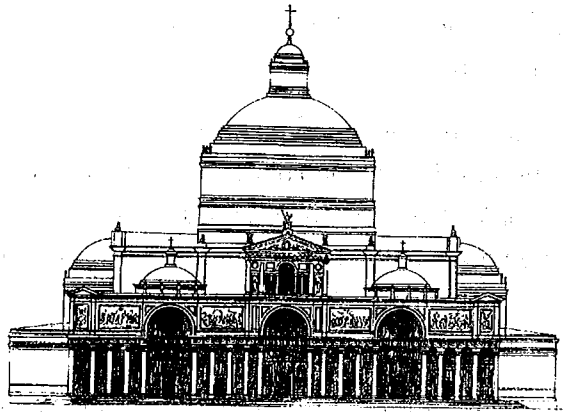
Các kiến trúc sư thời kỳ Phục hưng coi kiểu nhà thờ tròn lợp vòm bán cầu là hình thức bố cục hoàn hảo nhất của một công trình công cộng có chức năng làm điểm nhấn đô thị. Phương án tòa thánh Xanh Pie năm 1505 được xem như kết quả cuộc tìm kiếm của nhiều thế hệ các nhà lý luận cũng như thực hành thời Tiên Phục hưng, bắt đầu từ Bruneleski. Song những ý tưởng của Bramăngtê không bao giờ trở thành hiện thực. Ông đã qua đời lúc 70 tuổi, một năm sau cái chết của người đặt hàng - Giáo hoàng Lulia II (năm 1513). Tuy nhiên, Bramăngtê vẫn được coi là người đặt nền móng cho một quan niệm mới về không gian: nhẹ nhàng, tràn ngập ánh sáng, mang đậm màu sắc thể tục. Sáng tác của Bramăngtê đã thoát khỏi những tàn dư Trung cổ, sáng tạo được các nguyên tắc bố cục và hình khối, thể hiện được các quan điểm tiên tiến của thời đại mình. Ảnh hưởng của Bramăngtê còn in đậm trong đám học trò và những người kế tục ông trong hơn nửa thế kỷ sau.



222. Mặt nhà và mặt bằng nhà thờ Xanh Pie theo thiết kế của Bramăngtê 1506

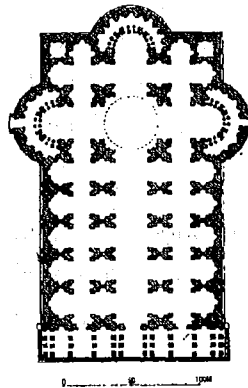
Cũng xuất thân từ một nhà hội họa, Raphaelen Xăngti (1483 - 1520) được giao sửa lại bản thiết kế năm 1505 của Bramăngtê.

Ông đã dùng một "mặt bằng chữ thập kiểu La Mã" (baxilica) thay cho kiểu mặt bằng tập trung để không gian bên trong rộng hơn, chứa được nhiều tín đồ hơn. Theo đó, vai trò của vòm bán cầu lớn trở thành thứ yếu so với phần mặt trước của tòa nhà, tạo nên một sự hợp khối êm đềm. Đây cũng là một phong cách rất đặc trưng của Raphaelen, giống như trong hội họa của ông (hình 223, 224).



223. Mặt đứng nhà thờ Xanh Pie theo thiết kế của Raphaelen 1514

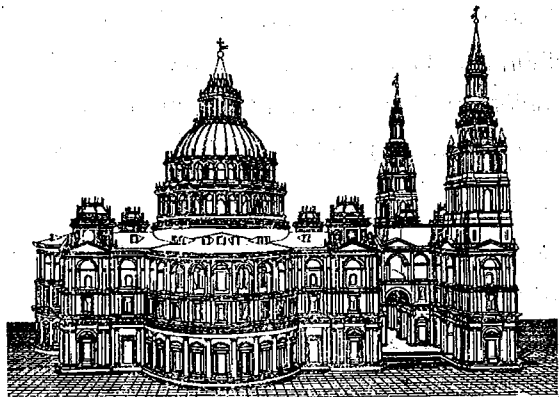
Tiếp sau Raphaelen, Peruxi đã trở lại phương án ban đầu có mặt bằng hình chữ thập đều kiểu Hy Lạp của Bramăngtê với ít nhiều sửa đổi. Công việc xây dựng nhà thờ Xanh Pie tiến triển rất chậm chạp, có lúc phải ngừng vì chiến tranh. Đến năm 1536, việc xây dựng nhà thờ được giao vào tay Antanhô Xănggalô (con). Ông này lại quay trở lại mặt bằng chữ thập kiểu La Mã của Raphaelen. Hai bên lối vào được chốt bởi hai tháp vuông dáng Gôtich, còn mái vòm trung tâm được hai tầng cột nâng cho cao hẳn lên. Nhưng rồi việc đôn đốc xây dựng bị trễ nải, đề xuất của Xănggalô cũng không thành hiện thực (hình 225).



224. Mặt bằng nhà thờ Xanh Pie theo thiết kế của Raphaelen 1514

3.5.5. Kiến trúc thời kỳ Hậu Văn nghệ Phục hưng (nửa sau thế kỷ thứ XVI)

Giữa thế kỷ thứ XVI, nền kinh tế Rôma tiếp tục sa sút, dư âm của kiến trúc Gôtich có cơ hội trở lại thay chỗ cho những hình khối hài hòa êm dịu vốn đặc trưng cho kiến trúc thời Văn nghệ Phục hưng toàn thịnh. Nhiều nhà thờ mới thời kỳ này đã quay về với bố cục kiểu baxilica thay cho bố cục hình tròn, xa rời các nguyên lý hàn lâm về thức cột, để đi



225. Nhà thờ Xanh Pie theo đề xuất của Xănggalô 1536

tim những hình thức mới trong biểu cảm nghệ thuật.

Điều này được thể hiện rõ trong các công trình của Mikenlănggiêlô (1475 - 1564), họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà kiến trúc vĩ đại nhất của nền Văn nghệ Phục hưng, với đỉnh cao là việc kết thúc quá trình xây dựng nhà thờ Xanh Pie đã bị kéo dài nửa thế kỷ (hình 226).

Năm 1547, từ bỏ phương án của Xănggalô, Mikenlănggiêlô đã khôi phục sơ đồ bố cục chung của Bramăngtê với khá nhiều thay đổi: nhấn mạnh hơn tư thế của mái vòm chính, tăng độ lớn cột, hiệu chỉnh kích thước các không gian trên cơ sở những hiểu biết rất tường tận của Ông về nghệ thuật cổ đại Hy Lạp.

Tường ngoài mặt chính được chia thành nhiều ô cửa có bổ trụ thức Côranh, có các mái hắt, băng ngang và tượng trên mái rất mềm mại và sinh động.

Năm Mikenlănggiêlô qua đời, nhà thờ Xanh Pie mới được xây tới chân vòm mái. Những người kế tục đã thực hiện mệnh lệnh nghiêm ngặt của Giáo hoàng là không được thay đổi phương án của nhà kiến trúc vĩ đại.

Nhà thờ Xanh Pie với chiều cao 157,8m tới đỉnh mái, đường kính chân vòm 42m, hoàn thành năm 1590 với sự đóng góp quyết định của Mikenlănggiêlô, đã vượt qua những thành tựu của nghệ thuật cổ điển, làm cho tên tuổi những người sáng tạo ra nó trở thành bất tử (hình 227).



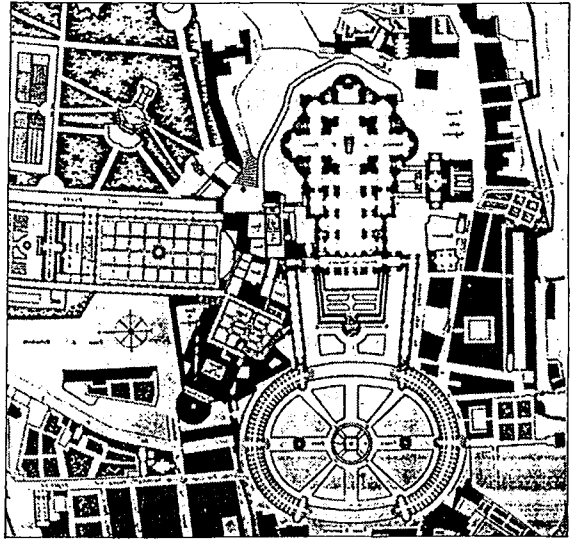
226. Mặt đứng nhà thờ Xanh Pie theo thiết kế của Mikenlănggiêlô



227. Toàn cảnh khu vực nhà thờ Xanh Pie ở Rôma

Đến thế kỷ thứ XVII, các kiến trúc sư Cacbô Madecna, rồi Becnini lần lượt nối tiếp nhau xây thêm phần trước của nhà thờ Xanh Pie, tạo nên một quảng trường hình bầu dục với 284 cột hiên thức Đôri và nhiều tượng khác. Đây là quảng trường được coi là đẹp nhất, có bố cục và tầm thước thành công nhất trong lịch sử xây dựng quảng trường thế giới.

Suốt cuộc đời dài gần trọn thế kỷ của mình, Mikenlănggiêlô đã xây dựng nhiều công trình nổi tiếng ở Rôma, trong đó có tòa nhà thư viện Phlorăngxơ, có biệt dinh của Giáo chủ Mêđisi, quảng trường Capitoia ở Rôma (hình 228).

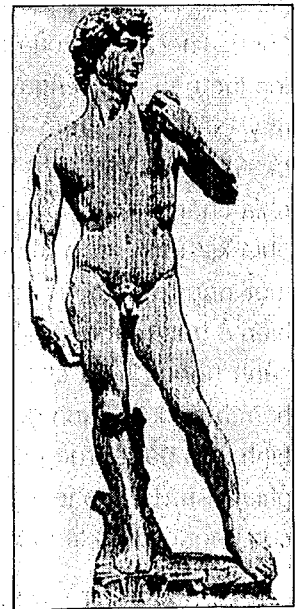


228. Mặt bằng khu vực nhà thờ Xanh Pie

Bức tượng nổi tiếng chàng trai Đavít ông tạc năm 1501 đã trở thành một huyền thoại nghệ thuật (hình 229).

Trong số những gương mặt sáng giá nhất thời kỳ Hậu Văn nghệ Phục hưng cần phải nhắc đến Vinhôlô, Palađiô, Scamôdi.

Giacômô Vinhôlô (sinh năm 1507), học hội họa, làm phụ tá cho Parusi rồi Mikenlănggiêlô ở Vaticăng, tham gia thiết kế cung điện ngoại ô của Hoàng gia Pháp ở Phôngtenơblô và một loạt tư thất, trong đó có biệt điện của Giáo hoàng Inlia III và biệt thự của gia đình Pharnede ở ngoại vi Rôma. Ngoài các công trình xây dựng, ông còn là nhà lý thuyết có tiếng, đã để lại cho đời tác phẩm "Quy chuẩn về 5 thức cột trong kiến trúc".

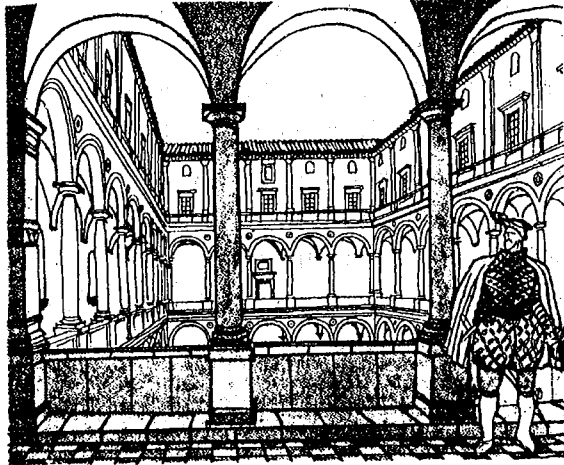


229.
Bức tượng Đavít
của Mikenlănggiêlô

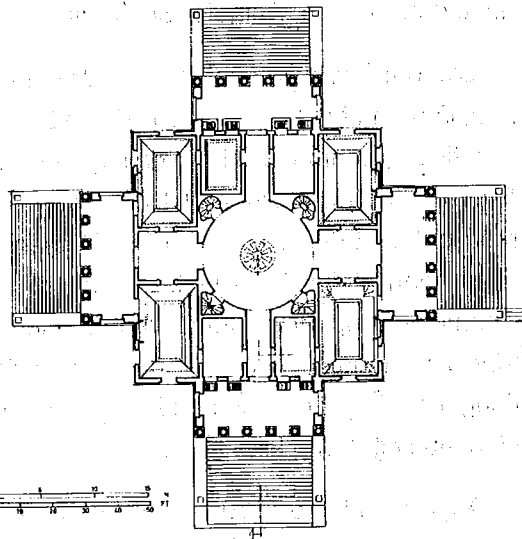
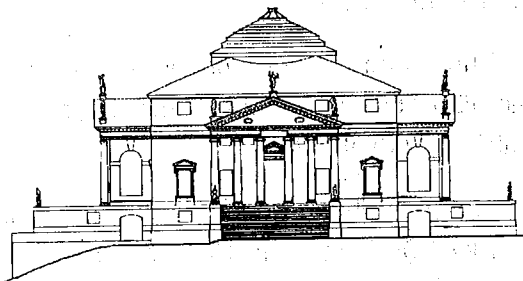
Ăngđrê Palađiô (1508 - 1580) - nhà kiến trúc bậc thầy thời Hậu Văn nghệ Phục hưng

đã khởi đầu sự nghiệp bằng những khảo sát, ghi chép một cách kiên trì và công phu di sản kiến trúc của người La Mã cổ đại, đã tiếp thu được những thành tựu của kiến trúc thời kỳ Phục hưng toàn thịnh trước đó để sáng tạo ra những nguyên tắc bố cục và cấu tạo mới. Trong "Bốn cuốn sách về kiến trúc" được lưu truyền đến tận ngày nay, Palladiô đã ca ngợi sự trong sáng của những nguyên tắc kiến trúc cổ điển, giải thích rõ những nguyên lý về tỷ lệ, về bố cục mặt bằng, cấu tạo và sử dụng vật liệu, về thức cột v.v... Ông đã xây dựng thành công khá nhiều công trình có tỷ lệ chuẩn mực như các tòa biệt dinh Prephetixiô, Publicô v.v... (hình 230). Đặc biệt nhất trong số này là biệt thự Rôtôngđơ được xây dựng vào năm 1550. Theo mô tả của chính ông "tòa biệt thự tọa lạc hầu như ở ngay trong thành phố. Chỗ này thật dễ chịu và tươi đẹp một cách khó tả: trên một quả đồi không cao lắm, ở một phía chân đồi có dòng sông chạy quanh, còn phía kia nhìn sang những triền dốc trông như một nhà hát ngoài trời khổng lồ. Bốn hàng hiên ở bốn mặt nhà đều hướng ra phía phong cảnh ngoạn mục chỗ xa, chỗ gần. Một tầng hầm bên dưới sảnh để làm kho. Phòng chính hình tròn đặt ở trung tâm, được chiếu sáng từ phía trên. Các phòng nhỏ đều có tầng phụ, còn phòng lớn ở tầng trên cùng".

Mặt bằng biệt thự hình chữ thập, đều một cách tuyệt đối, với bốn tiền sảnh làm theo kiểu cổ điển 6 cột. Tòa nhà tạo cảm giác yên tĩnh, êm đềm nhờ xử lý mối tương quan tỷ lệ giữa các phần mặt đứng một cách hết sức chuẩn xác (hình 231).

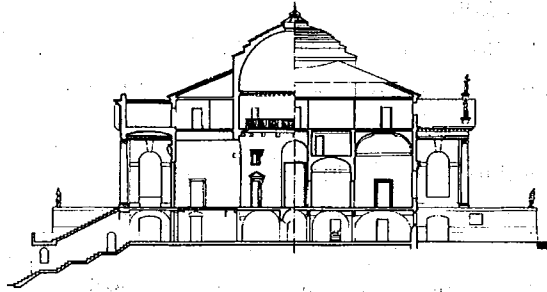


230. Nội thất tòa nhà ở Vichenxa
TK XV - XVI



231. Biệt thự Rôtôngđơ, mặt đứng và mặt bằng

Nhược điểm của tòa biệt thự Rôtôngđơ là tính tượng trưng phần nào át tính thích dụng. Chủ nghĩa hình thức làm lu mờ sự đáp ứng tiện nghi của một nơi dừng để ở. Tuy nhiên, tòa nhà này đã bộc lộ toàn bộ lý thuyết kiến trúc của Paladiô - luôn tìm kiếm sự trật tự cao trong bố cục, giải quyết thỏa đáng giữa các phần chính phụ và đề cao yêu cầu về tỷ lệ kiến trúc trong công trình cũng như trong không gian.



231. Mặt cắt biệt thự Rôtôngđơ

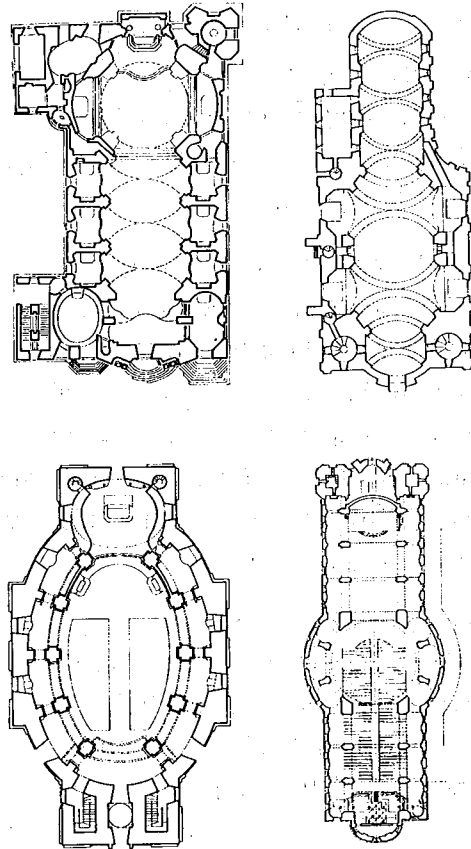
3.6. KIẾN TRÚC BARỐC - RÔCCÔCÔ

3.6.1. Kiến trúc Barốc (Thế kỷ thứ XVII)

Cuối thế kỷ thứ XVI, nền kinh tế Italia hoàn toàn kiệt quệ. Thương mại và thủ công sứt kém, các thành thị bị phá sản và bỏ hoang, Dân tình nghèo đói. Trong tình hình đó, ở Italia và một loạt nước khác, người ta dần dần xa rời phong cách kiến trúc Văn nghệ Phục hưng. Nơi duy nhất còn tiếp tục có hoạt động xây dựng là khu vực thành phố Rôma, với những người đặt hàng duy nhất là các Giáo chủ. Dưới sự bảo trợ của Giáo hoàng và giáo hội, tại đây đã hình thành một phong cách kiến trúc mới với tên gọi là Barốc, đặc biệt phát triển trong các công trình phục vụ tôn giáo, các biệt thự, lăng mộ, quảng trường.

Phong cách này thoát ly mọi mối quan hệ với đời sống thực tế của quảng đại quần chúng. Nó chỉ đáp ứng nhu cầu khoa trương về ăn chơi xa xỉ của một thiểu số thần quyền (hình 232).

Kiến trúc Barốc sử dụng phương tiện trang trí mỹ thuật hoàn toàn trái ngược với kiến trúc



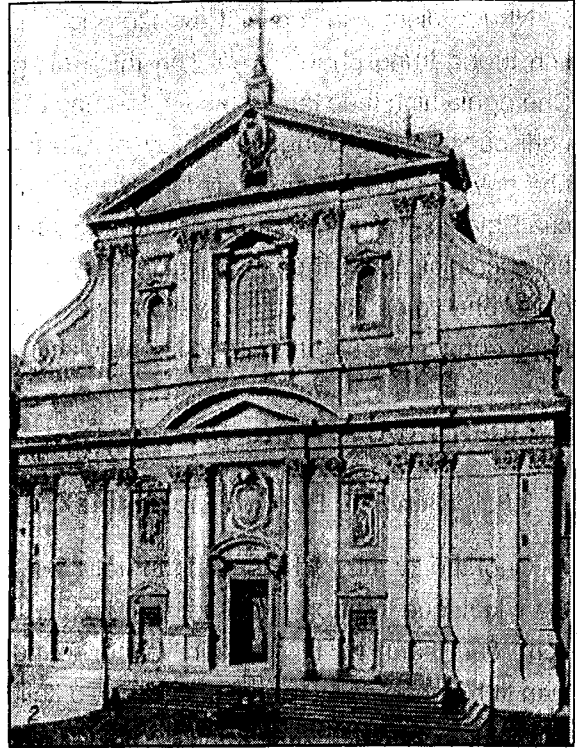
232. Các dạng mặt bằng nhà trong phong cách kiến trúc Barốc TK XVII

Văn nghệ Phục hưng. Ở đây đã mất đi sự cân đối nhịp nhàng, tính chân thật hợp lý, thể hiện trong dây chuyền công năng cũng như giải pháp kết cấu, đã bộc lộ rõ ý đồ của giai tầng thống trị muốn dùng hình thức nghệ thuật phô trương để xua đi cảm giác và ý nghĩ của dân chúng về những khó khăn trong cuộc sống thực tế, hướng lòng tin của họ vào một cõi hư vô siêu hình nào đó ở nơi thế giới xa xăm.

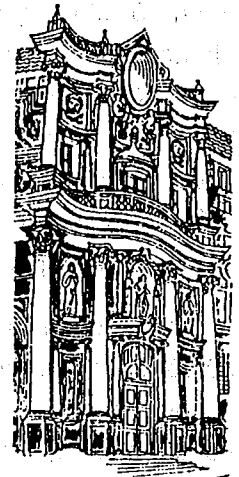
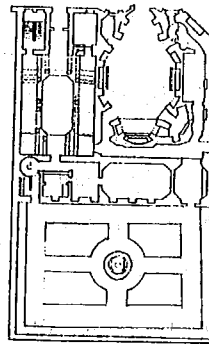
Do đó, thay vì sự mạch lạc giờ đây là sự phức tạp một cách thất thường đồng bóng, thậm chí rối rắm trong nội thất. Thay cho thứ ánh sáng đồng đều êm dịu là sự biến đổi đột ngột với các vùng sáng mờ bí ẩn. Thay vì những mặt bằng ổn định, đỉnh đạc (vuông, tròn) là sự áp dụng các hình không rõ ràng, là sự tùy tiện trong tỷ lệ.

Mọi phương tiện kiến trúc giờ đây đều nhằm vào việc ru ngủ, mê hoặc con người, hướng tâm trạng đang bất an của người dân trước thời cuộc vào những ảo ảnh của một thế giới viễn vông. Lúc này kiến trúc còn được cộng thêm sự trợ thủ đắc lực của điêu khắc và hội họa để cùng miêu tả những điều huyền hoặc của tôn giáo.

Nhà thờ Il Gesù ở Rôma là một ví dụ. Mặt bằng kiểu baxilica Trung cổ với nhịp giữa là phòng hành lễ, hai bên có hành lang do Vinhôlô lập năm 1568. Khác với truyền thống thời Văn nghệ Phục hưng, trung tâm bố cục tập trung ở phía sâu bên trong nhà nhờ một mái vòm bán cầu.



233. Nhà thờ Il Gesù ở Rôma

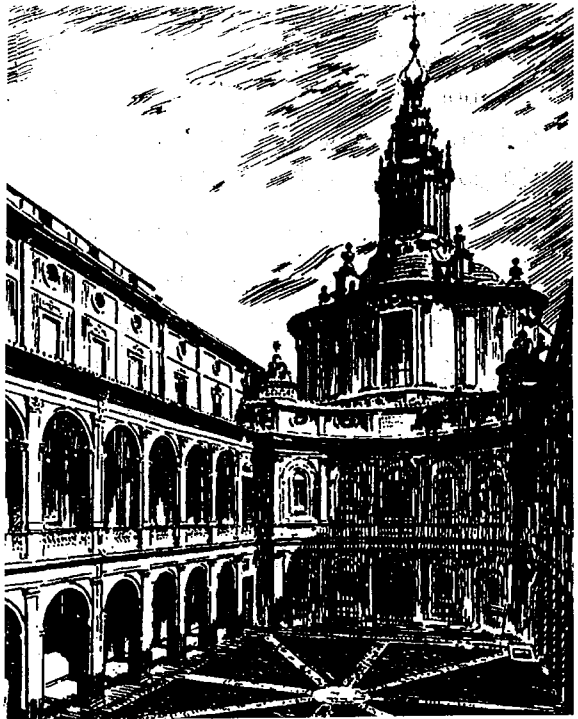


234. Nhà thờ Xanh Caclô ở quảng trường Bốn đài phun nước ở Rôma TK XVII

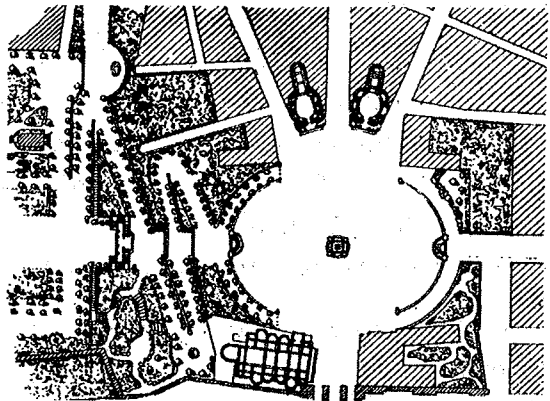
Sau khi Vinhôlô mất, mặt đứng nhà do Giacômô del Poocca thực hiện vào các năm 1575 - 1584 với khá nhiều sửa đổi. Mặt nhà này đã che lấp hình khối của toàn công trình cũng như của vòm mái, tạo nên một sự mâu thuẫn giữa hình thức mặt nhà với toàn bộ ngôi nhà (hình 233). Điều đó chứng tỏ kiến trúc Barốc coi bộ mặt ngôi nhà là phần quan trọng nhất.

Hình thức của nhà thờ Giêsu dù sao cũng đã gây được những cảm giác bất thường do sự biến hóa các mảng lồi lõm và những điểm nhấn trang trí cầu kỳ, phức tạp, đã kéo được sự tập trung chú ý trong giây lát vào những diêm dúa của lối vào mà quên đi thế giới thực tại. Số nguyên lý bố cục nhà thờ của phong cách Barốc được nhiều quốc gia Thiên Chúa giáo Tây Âu noi theo. Ngoài ra còn một số công trình mang phong cách Barốc do các kiến trúc sư tài ba thực hiện, như nhà thờ Xanh Xaxanda do Mađecna xây ở Rôma năm 1596, nhà thờ Xanh Andrea do Becnini xây ở Rôma năm 1697, hai nhà thờ Xanh Caclô (1638) và nhà thờ Xanh Ivô (1642 - 1660) xây theo thiết kế của Bôromini (hình 234, 235).

Quảng trường Pôpôlô được quy hoạch xây dựng vào năm 1662 với hai nhà thờ mái vòm bán cầu cũng là một điển hình của thời kỳ này (hình 236). Các quảng trường thường có mặt bằng hình bầu dục, có bể phun nước, cột ghi công (obelisk), tượng, và đôi khi có các bậc thang lên xuống khá cao như ở Quảng trường Xanh Pie, Quảng trường Tây Ban Nha. Tại đây, người ta chăm chú nhiều



235. Nhà thờ Xanh Ivô ở Rôma TK XVII

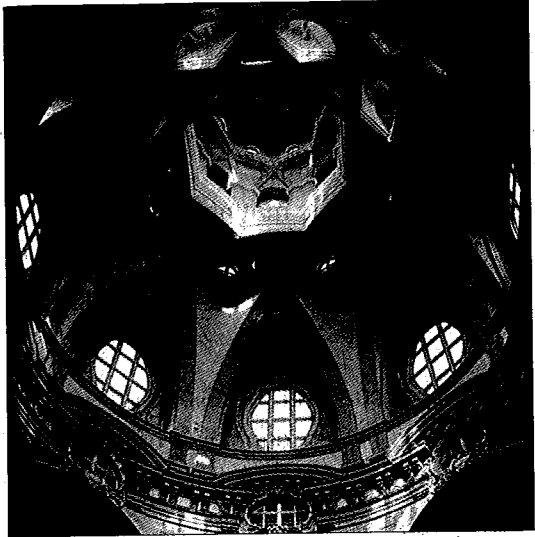


236. Quảng trường Pôpôlô ở Rôma TK XVII

vào hiệu quả thẩm mỹ, nhưng lại rất coi nhẹ việc tổ chức giao thông. Các công viên với hệ thống vườn nhân tạo khởi đầu từ đây đã có sự phát triển rộng rãi trong nhiều dinh thự ngoại ô của giai cấp phong kiến ở giai đoạn sau.

Cuối thế kỷ thứ XVII, kiến trúc Barốc phát triển rộng rãi ở nhiều quốc gia Thiên chúa giáo Tây Âu như Đức, Tây Ban Nha...

Tuy có nhược điểm, nhưng do lời cuốn được sự tham gia của nhiều nhà kiến trúc nổi tiếng nên trào lưu kiến trúc Barốc đã đạt được những thành công đáng kể.



2.6.2 - Kiến trúc Rôccôcô (Thế kỷ thứ XVII - XVIII)

Vào cuối thế kỷ thứ XVII đầu thế kỷ thứ XVIII, khi chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ thì kiến trúc Văn nghệ Phục hưng và Barốc cũng không còn. Nó được thay thế bằng trào lưu kiến trúc Rôccôcô.

Kiến trúc Rôccôcô không những đã tiếp tục chiều hướng Barốc mà còn vượt xa hơn nữa về chủ nghĩa hình thức.

Những nét đặc điểm của kiến trúc Rôccôcô là: mặt bằng các phòng dùng nhiều đường cong, làm cho giữa tường và trần có sự chuyển biến êm dịu. Trang trí nội thất rất phức tạp, không đối xứng, thường dùng nhiều tượng, phù điêu và tranh gương (hình 237).



237. Hình thức và trang trí nội thất trong kiến trúc Rôccôcô TK XVII - XVIII

Kiến trúc Rôccôcô ra đời sau nền kiến trúc cổ điển Pháp nhưng về mặt hình thức nó gần gũi hơn với kiến trúc Barốc.

Phòng gương trong cung điện Vecxây là tác phẩm tiêu biểu nhất của kiến trúc Rôccôcô, do Kiến trúc sư Mãngsac (1646 - 1708) và Họa sĩ Lơ Broong (1619 - 1690) thực hiện. Tại đây vua Pháp Lui XIV thường tiếp đón các sứ thần và tổ chức các vũ hội. Kích thước của phòng gương là 73m × 9,7m, cao 13,1m. Bên trong phòng có đặt nhiều gương lớn. Trang trí nội thất của phòng này rất cầu kỳ Tường và cột khảm đá cẩm thạch., nhẵn mịn cách phân vị theo chiều đứng. Ngoài ra còn có thêm nhiều họa tiết trang trí theo phong cách phương Đông khá tinh xảo với nhiều màu sắc sặc sỡ. Toàn bộ trang trí và đắp điểm ở đây toát lên sự xa hoa diêm dúa chưa từng thấy. Và kiến trúc Rôccôcô ở Pháp chủ yếu cũng chỉ được áp dụng vào nội thất.

3.7. KIẾN TRÚC CỔ ĐIỂN PHÁP (THẾ KỶ THỨ XVII-XVIII)

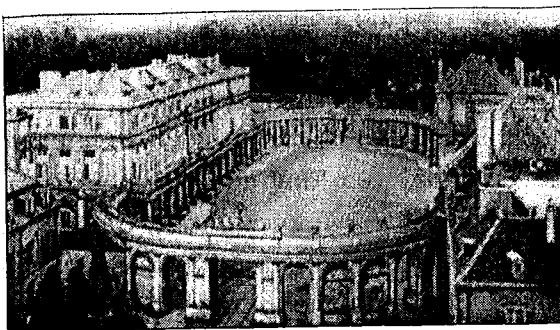
Thế kỷ thứ XVII - XVIII là thời kỳ nước Pháp chuyển dần từ chế độ phong kiến sang chế độ sản xuất tư bản công nghiệp. Đối với kiến trúc Pháp, khoảng giáp ranh giữa hai thế kỷ thứ XV và XVI là giai đoạn khởi đầu cho phong cách kiến trúc Văn nghệ Phục hưng Pháp, kéo dài sang tận thế kỷ thứ XVII.

Trong thế kỷ thứ XVI đã diễn ra những biến đổi cơ bản về văn hóa và lối sống của giai tầng quý tộc mới, của một thiểu số tư bản lớp trên và giáo chủ theo mô hình của các nhà quý tộc Văn nghệ Phục hưng Italia.



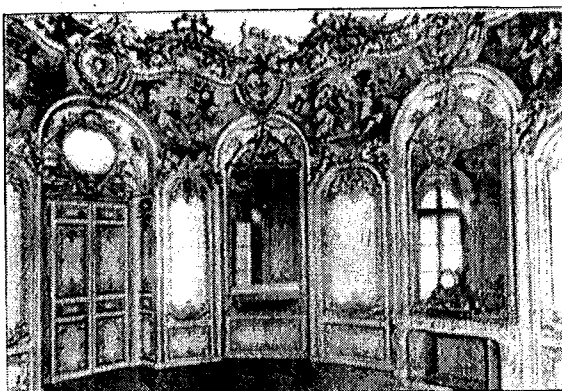
237. (tiếp theo)

Quyền lực và sự giàu có của các hoàng đế Pháp trong thời kỳ quân quyền cực đoan đã tạo mọi điều kiện cho kiến trúc phát triển đáp ứng các nhu cầu mới, dựa trên sự kế thừa và bổ sung những nguyên tắc sáng tác kiến trúc của thời cổ đại và thời Văn nghệ Phục hưng, xa rời dần với phong cách kiến trúc Gôthich (hình 238, 239).



238. Quảng trường ở Năngxơ - Pháp TK XVIII

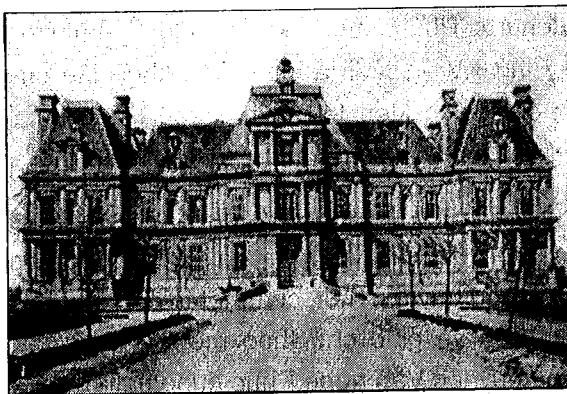
Theo đó, nguyên tắc quy hoạch đô thị và nhà ở thượng lưu đã khác xa thời kỳ trước. Các hình thức thành quách cũ nay chuyển sang kiểu nguyên tắc cung điện. Thúc cột cổ điển được sử dụng ngày càng rộng rãi trên mặt nhà. Cửa đi, cửa sổ được bố cục một cách nhất quán với thúc cột, đạt được các tỷ lệ rất hài hoà, cân đối. Tiêu biểu cho sự chuyển biến này là lâu đài Sămbô (1519 - 1559, hình 240) và lâu đài Ăđê lơ Riđô (1518 - 1524, hình 241).



239. Nội thất khách sạn Xubidơ ở Paris TK XVIII

Nền kinh tế và phương thức sản xuất công nghiệp đã đưa nước Pháp trở thành một quốc gia cường thịnh, có vai trò nổi bật ở châu Âu thời bấy giờ. Do vậy, nền kiến trúc Pháp cũng phải góp phần vào công cuộc kiến thiết để biến thủ đô Paris thành một trung tâm lớn.

Tương phản với cuộc sống bản cùng của lớp người lao động trong các túp lều thôn quê hay những khu ổ chuột ngoại ô là nhiều khách sạn lớn, các sân nhảy, các phòng ngủ, phòng làm việc tráng lệ (hình 242, 243), là các công viên, vườn cây được tân trang lộng lẫy và hàng loạt nhà ở kiểu mới rất xa hoa của giới quý tộc.



240. Lâu đài Sămbô TK XVI

Nền kiến trúc cổ điển Pháp trải qua hai giai đoạn thăng hoa vào nửa sau thế kỷ thứ XVII - lấy kiến trúc La Mã cổ đại làm mẫu mực - và vào nửa sau của thế kỷ thứ XVIII - lấy kiến trúc Hy Lạp cổ đại làm mẫu mực.

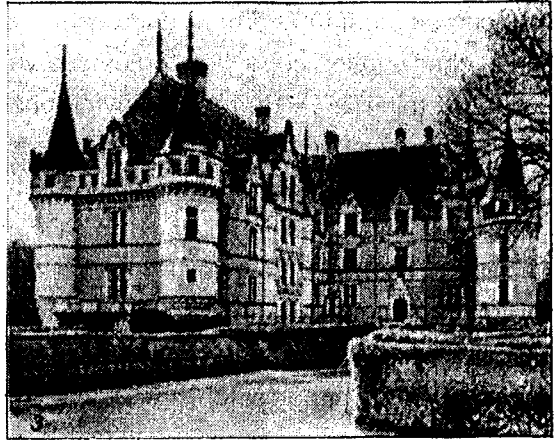
Đặc điểm chung của phong cách kiến trúc cổ điển Pháp trong hai thế kỷ này là sự đồ sộ, tạo được ấn tượng và ngưỡng mộ cả đối với hình thức bề ngoài lẫn phần nội thất bên trong, nhờ ở cách sắp đặt nhịp nhàng, hợp lý, hài hòa mọi bộ phận của ngôi nhà.

Những đặc điểm này còn được bộc lộ mạnh mẽ trong nghệ thuật quy hoạch sân vườn, với các đường đi dạo kết hợp mạng đường ô cờ và mạng đường chéo, với các lùm cây được xen tía công phu, với sức biểu cảm của các mặt nhà dung dị, không có chi tiết thừa. Các môtip (hình mẫu) cổ điển như cột, cổng cuốn, vòm được xử lý theo những nguyên tắc tỷ lệ rất mực thước.

Điển hình của kiến trúc cổ điển Pháp là cung điện Luvrơ ở trung tâm thủ đô Paris và quần thể kiến trúc Vecxay ở ngoại vi phía Tây Nam thành phố này.

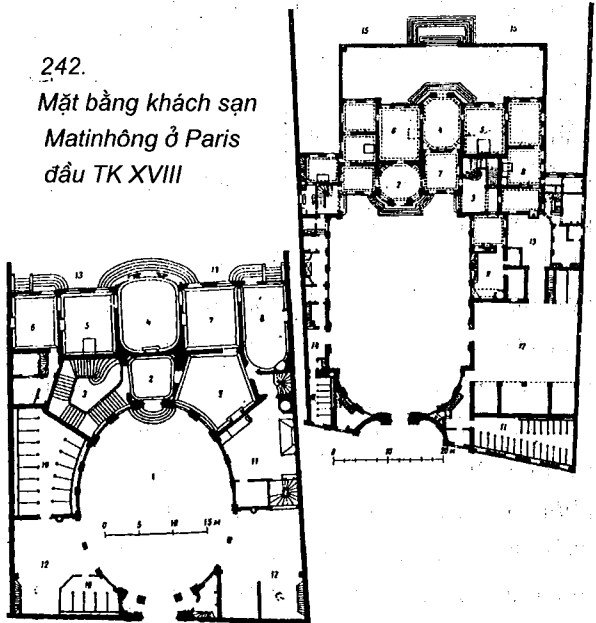
Cung điện Luvrơ

Nhằm mục đích tạo nên bộ mặt mới trên quảng trường trung tâm Paris, tác giả Clôđơ Perrô (1613 - 1688) đã thiết kế để xây dựng mặt đứng phía đông của cung điện Luvrơ - một tòa nhà được coi là hoành tráng nhất thời bấy giờ (thế kỷ thứ XVII). Cách sử dụng thức cột Coranh từng đôi một chắn ngoài hàng



241. Lâu đài Aê-lơ Riđô TK XVI

242. Mặt bằng khách sạn Matinhông ở Paris đầu TK XVIII

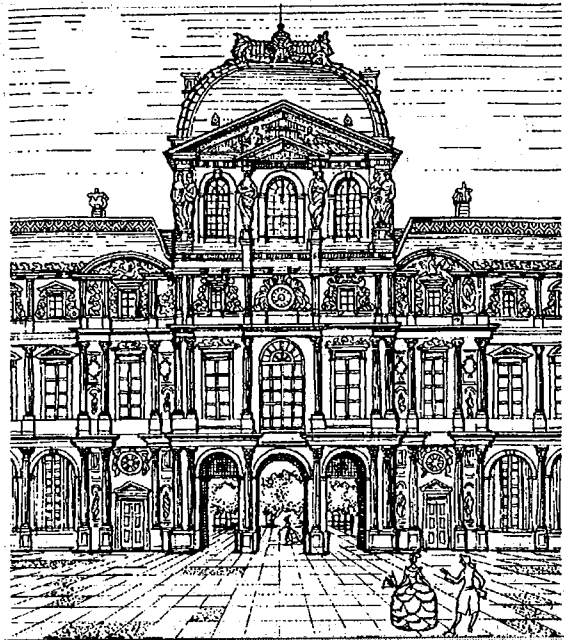


243. Mặt bằng và mặt nhà khách sạn Payrăng đờ Mora (Biroong) ở Paris đầu TK XVIII

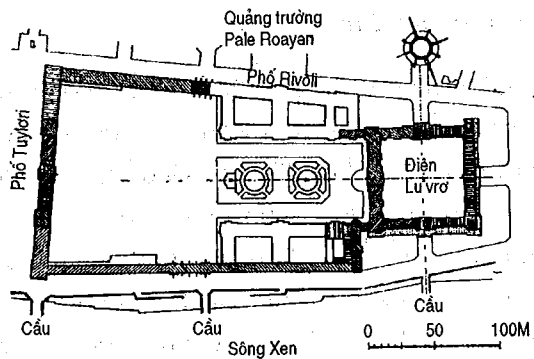
hiên cao suốt hai tầng đã tạo được cảm giác chững chạc cho tòa cung điện thủ đô của vua Louis VIX (hình 244). Rõ ràng ở đây có phần ảnh hưởng của phong cách kiến trúc Barốc trên Quảng trường Xanh Pie ở Rôma do nhà kiến trúc Italia Becnini thực hiện. Chính Becnini là người đã từng tới Paris làm việc vào những năm 1660 và đã đề xuất phương án cải tạo mặt đứng phía đông cung điện Luvrơ với những hàng cột lớn.

Mặt nhà phía đông cung điện Luvrơ chia làm năm đoạn trải trên một chiều dài 170,55m, trong đó có ba đoạn nhỏ hơn nhô về phía trước. Mặc dù vậy, toàn bộ chiều dài này vẫn được tiếp nhận như một tòa nhà liên tục, nhất quán. Ba tầng nhà cao tới 27,65m được phân vị ngang một cách khá rành rọt. Tầng dưới cùng phẳng, đặc một cách khỏe khoắn, làm đế đỡ chỏ dẫy cột phía bên trên, đồng thời xác định rõ đặc điểm cấu trúc của ngôi nhà. Tiếp đến là phần hiên thoáng nhẹ nhàng với hàng cột đôi cao tới 12,32m. Phần này có sự biến hóa đặc - rỗng làm cho các điểm nhấn, nhất là đoạn trung tâm, được nổi rõ. Giải pháp mặt đứng tòa nhà này đã tuân thủ một cách chính xác các lý thuyết về hình học chuẩn đối với tỷ lệ chung của ngôi nhà cũng như đối với riêng thức cột. Mặt nhà toát lên vẻ giản dị, nghiêm túc, chân thật, không có bất kỳ sự đắp điểm uốn lượn nào như trong kiến trúc Barốc.

Quần thể kiến trúc Vecxây



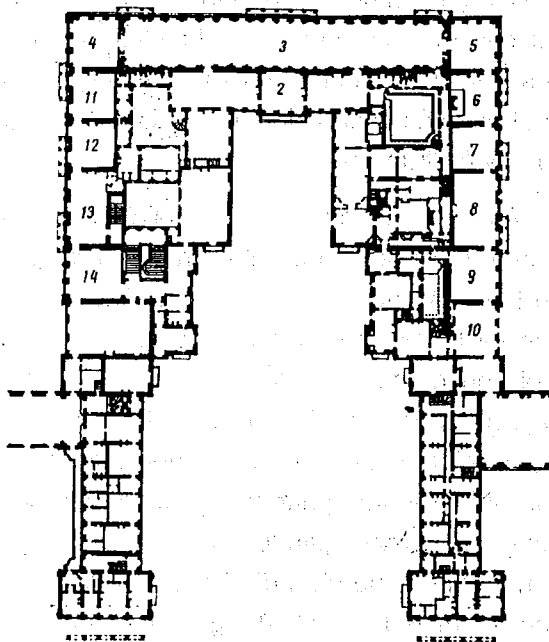
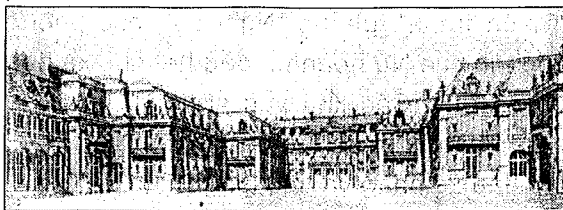
244. Điện Luvrơ - Mặt nhà và vị trí bên sông Xen



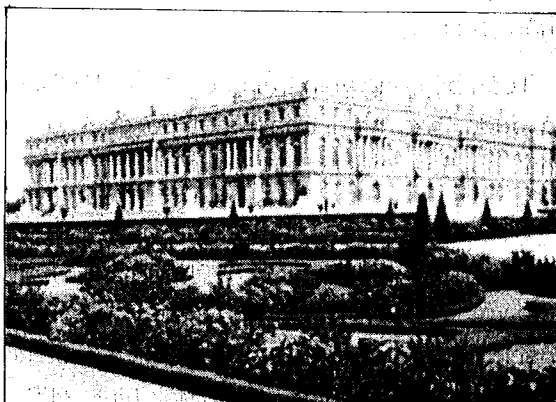
Lịch sử xây dựng Vecxây được bắt đầu từ những năm 20 của thế kỷ thứ XVII. Lúc này vua Louis XIV không còn thấy thỏa mãn với điện Luvơ ở nơi nội thành ồn ã. Cần một nơi có thể kết hợp giữa sự tráng lệ hấp dẫn của kiến trúc đô thành với cuộc sống êm ả giữa thiên nhiên. Công việc này được giao vào tay Phrăngxoá Đoochê - một kiến trúc sư cung đình triều đại Louis XIV* . Cung điện được xây dựng qua ba giai đoạn. Đầu tiên là hạt nhân trung tâm xây gạch vôi quanh sân Cẩm thạch. Sau đó là dãy nhà chính nối tiếp hạt nhân trung tâm, là nơi ở của Hoàng gia. Cuối cùng là hai dãy cánh gà chạy dài ra hai phía dành cho các cận thần. Ngoài trừ một nhà hát được xây thêm vào cuối thế kỷ thứ XVIII, còn cơ cấu trên đã tồn tại hầu như không đổi suốt hai thế kỷ. Những phần sửa đổi bổ sung về sau chủ yếu ở nội thất và sân vườn (hình 245).

Tòa nhà cung điện Vecxây phải trở thành một dinh thự xứng đáng của đấng quân vương đầy quyền lực và của cải, phải tạo nên một môi trường mà mỗi ngày sống ở đó là một ngày đầy ắp các hoạt động lễ hội tưng bừng cho giới quý tộc thượng lưu. Phòng gương lộng lẫy và bát ngát. Các phòng "Hòa bình",

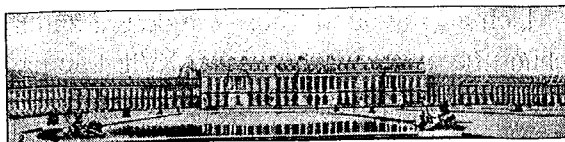
* Theo tác giả người Nga Xires A.G. thì trước đây người ta thường gán nhầm tác giả quần thể Vecxây cho Hacđoanh Mangsac. Sau năm 1960, nhà nghiên cứu A. Laprad đã chứng minh Đoochê mới là tác giả thật của quần thể này. (Theo Tổng sử kiến trúc Quyển II do B.P. Mikhailốp chủ biên, trang 97, bản tiếng Nga)



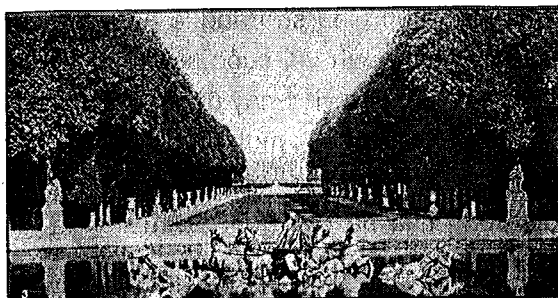
245. Quần thể Vecxây nhìn từ sân, mặt bằng.
mặt từ phía công viên



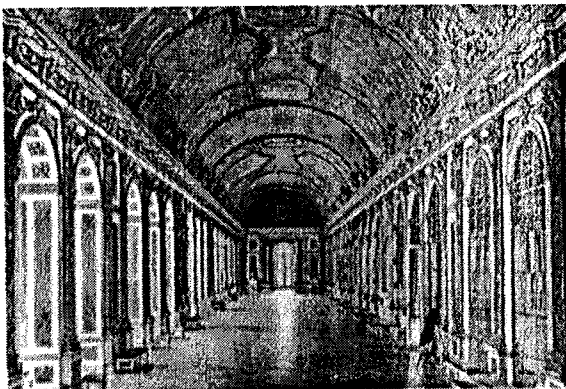
"Chiến tranh", phòng "Nghị sự", các phòng tiếp tân của Nữ hoàng... đều hết sức xa hoa quyền quý. Các khu vực phục vụ như nhà bếp, nhà giữ ngựa lúc nào cũng nhộn nhịp, tấp nập xe pháo và tiệc tùng (hình 246).



Cùng một mục tiêu và phong thái như vậy, với quy mô lớn chưa từng thấy, quy hoạch hoa viên của quần thể Vecxây chiếm vị trí nổi bật trong các di sản kiến trúc của nước Pháp và Tây Âu trung cổ.



Với cách bố cục kiểu ba tia đường của kiến trúc Baróc, với sự nhấn mạnh trục giữa để biến câu nói "Tất cả mọi con đường đều dẫn tới La Mã" thời trước thành câu "Tất cả mọi con đường đều dẫn tới Paris" của thời nay, nhằm tới cái đích là cung điện Vecxay, người thiết kế đã thỏa mãn được ước mong của nhà vua. Mọi phương tiện biểu hiện của nghệ thuật không gian từ công trình nguy nga đến mặt nước hồ rộng rãi, hàng cây dày đặc, các nhóm tượng sinh động, đài phun nước v.v... đều được huy động, được chăm chút một cách công phu chỉ để chứng minh cho sức mạnh và sức tồn tại vững chãi của chế độ quân chủ mới.



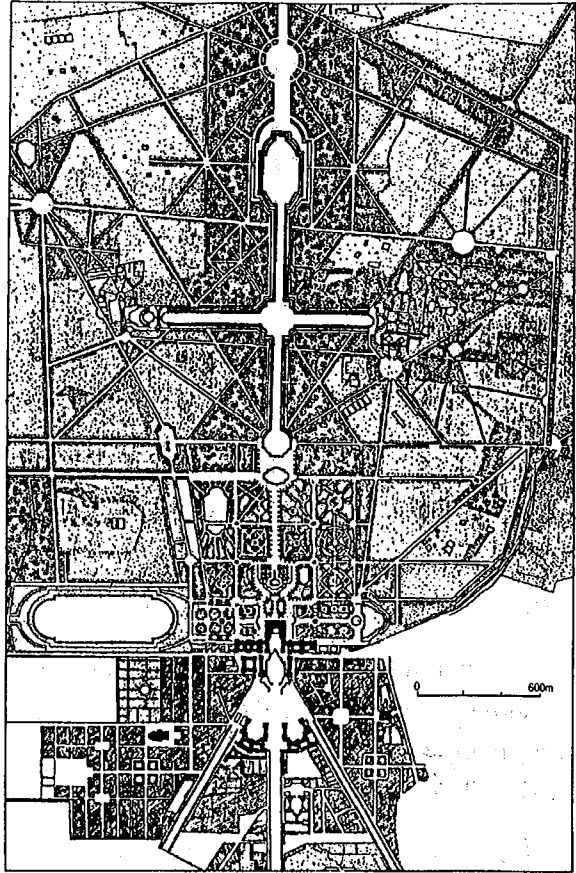
246. Toàn cảnh và nội thất phòng gương trong cung Vecxây

Toàn bộ công viên trải suốt chiều dài 3 km đã được thực hiện trong một bố cục thống nhất, hài hòa, một cơ cấu hoàn chỉnh.

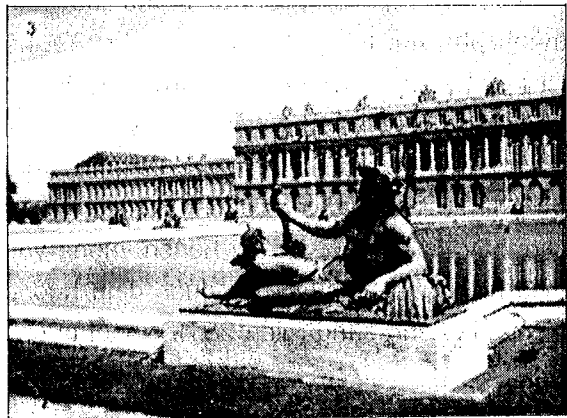
Nghệ thuật quy hoạch hoa viên của quần thể Vecxây đã được ca ngợi như một mẫu mực vô song và đã có ảnh hưởng lớn tới quy hoạch các công viên của Pháp và một số nước khác trong một thời gian dài (hình 247).

Nhìn chung, kiến trúc cổ điển Pháp đã chúng tỏ những bước tiến nhất định so với các phong cách kiến trúc thời kỳ trước đó. Nó đã loại trừ được các kiểu trang trí vô bổ của kiến trúc Barốc, tạo nên bộ mặt mới đầy tính hoành tráng cho các đô thị (hình 248).

Tuy nhiên, trong một mức độ nhất định, phong cách kiến trúc cổ điển Pháp đã áp dụng một số hình thức giả tạo, xa lạ, có sự khiên cưỡng trong nghệ thuật hoa viên, không thừa nhận thứ thẩm mỹ tự nhiên thể hiện trong các công trình xây dựng đầu thế kỷ XIX (còn gọi là kiến trúc kiểu Đế chế). Nó nặng nề sao chép các hình thức vay mượn từ các nơi. Các loại cổng chào, biểu huy quân sự, cột kỷ niệm (Obelisk) ra đời vào thời kỳ này cũng có cùng các tính chất đó.



247. Mặt bằng tổng thể quần thể Vevey TKXVII



248. Mặt nhà cung điện Vevey nhìn từ phía đường chính

Chương 4

KIẾN TRÚC CỔ VÀ TRUNG ĐẠI CHÂU Á

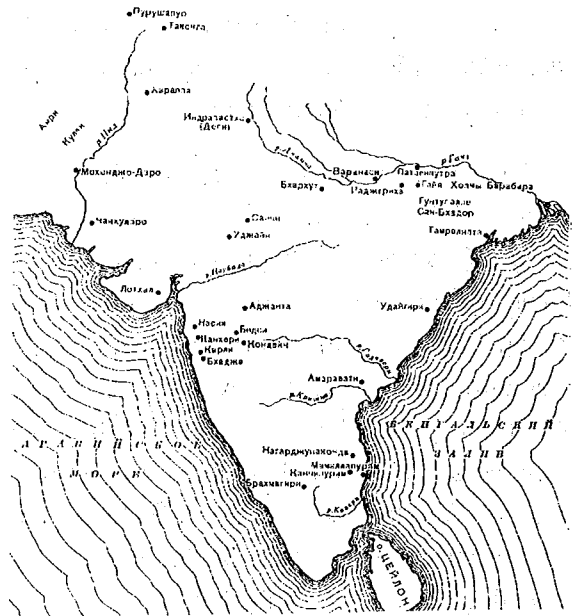
4.1. KIẾN TRÚC ẤN ĐỘ*

Ấn Độ là một quốc gia Nam Á, được bao bọc bởi Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương ở phía Nam, và che chắn bởi dãy núi Himalaya hùng vĩ ở phía Bắc. Hai con sông lớn là sông Indus (sông Ấn) phía Tây Bắc và sông Hằng phía Đông Bắc được coi là những cái nôi của nền văn minh Ấn cổ đại (hình 249).

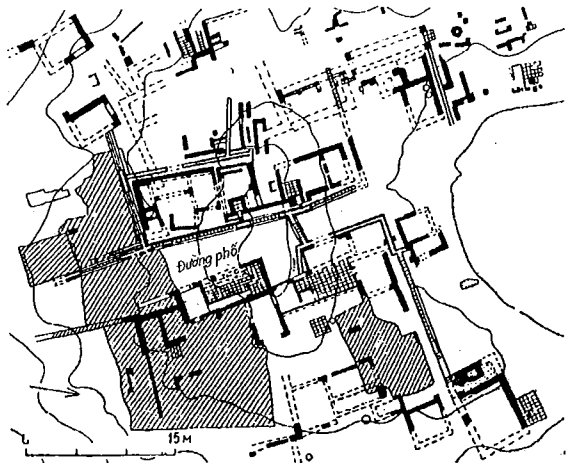
Nền văn minh này cũng có lịch sử lâu đời, từ khoảng 3000 năm trước CN, như các nền văn minh khu vực Địa Trung Hải, Lưỡng Hà, Ai Cập (hình 250).

Nền văn hóa Harappa (từ thế kỷ thứ XXXIII đến thế kỷ thứ XVI trước CN)

Nằm trong vùng sông Indus có loạt thành phố nổi tiếng thời cổ đại như Sảnhô Đarô, Harappa, Mohengiô Đarô (nay thuộc Pakistan). Nền văn hóa vùng này được gọi chung là văn hóa Harappa. Những khai quật khảo cổ học tại đây (1950 -1958) đã cho thấy thành phố có quy hoạch vuông vắn theo hình bàn cờ, nhà cửa được định hướng theo chiều ánh sáng (hình 251). Người ta cho



249. Bản đồ Ấn Độ



250. Thành phố Sảnhô Đarô vào các năm 3000 - 2000 TCN

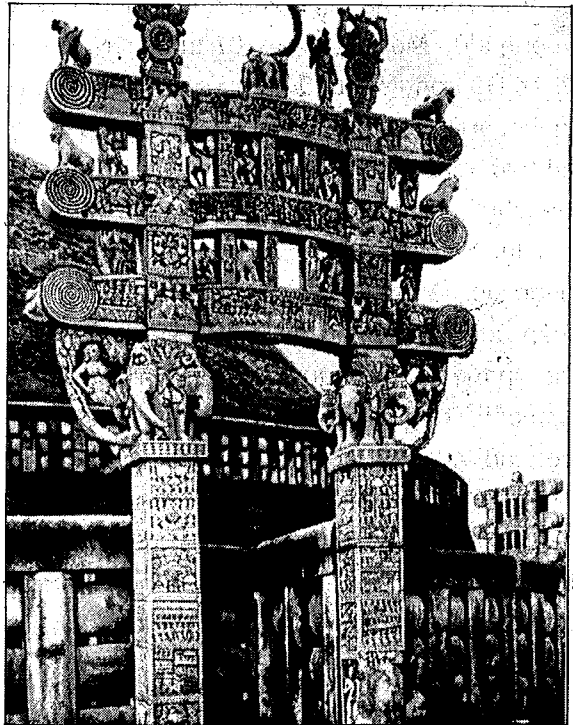
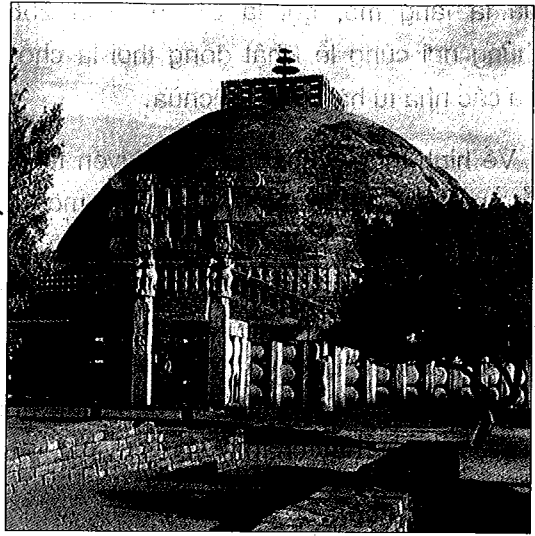
* Mục này có sử dụng một số tư liệu do ThS. KTS. Trần Quốc Thái chuẩn bị.

những nghi lễ hiến tế các vị thần tượng trưng cho các thế lực siêu nhiên đầy bí ẩn. Những mô tả về cuộc sống, những truyền thuyết và lời ca ngợi các vị thần được tập hợp lại trong bốn tập kinh Vêđa vào đầu thế kỷ thứ IX trước CN. Những nội dung của kinh Vêđa đã trở thành đề tài muôn thuở cho các trang trí phong phú và sinh động trong các đền đài của đạo Hindu nhiều thế kỷ về sau (như ở quần thể kiến trúc Khagirahô thế kỷ thứ X - XII sau CN). Trong thời kỳ này, vật liệu xây dựng chủ yếu là lau, sậy, đất sét, gạch không nung, gỗ và tre nứa. Rất có thể, cấu tạo tre trúc với các đốt tre uốn cong buộc chụm lại đã gợi ý cho hình thức của các công trình bằng gạch đá ở những thời kỳ sau. Những loại vật liệu có độ bền thấp, lại do chiến tranh với người Arian nên kiến trúc của một giai đoạn dài hàng chục thế kỷ tiếp theo đã bị mai một gần hết, không còn để lại chút dấu vết.

4.1.1. Kiến trúc Phật giáo. Stupa và chùa hang

Trong các quốc gia phương Đông, có lẽ không nơi nào lại có nền kiến trúc tôn giáo phong phú, đầy tính huyền bí như Ấn Độ. Những đền đài Hindu giáo, những chùa chiền Phật giáo, những thánh đường Hồi giáo có ở khắp mọi nơi, đứng xen kẽ với vô số đền đài của các giáo phái khác (hình 255).

Ngay từ thế kỷ thứ XIII trước CN, kiến trúc tôn giáo ở Ấn Độ đã bắt đầu phát triển. Đạo Phật ra đời vào cuối thế kỷ thứ VI trước CN, với loại công trình vừa là tháp thờ, thánh tích,



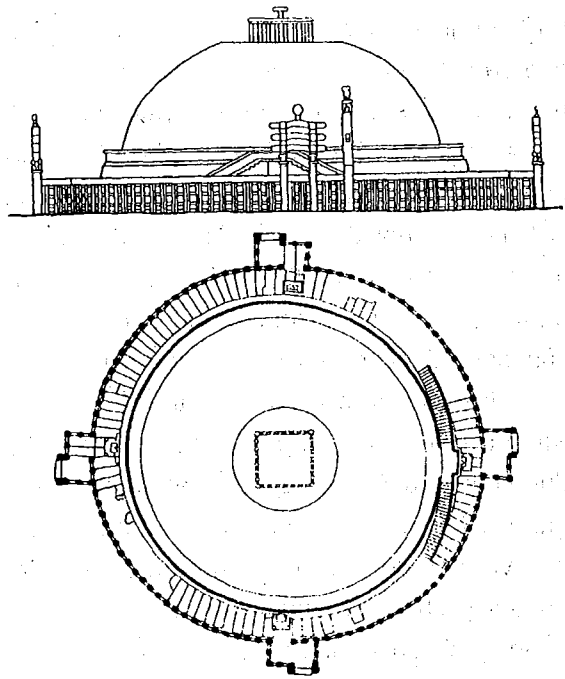
255. Stupa Sanchi TK I TCN
Toàn cảnh và chi tiết cổng

vừa là lăng mộ, gọi là Stupa (hình 256). Những nơi cúng lễ Phật đồng thời là chỗ ở của các nhà tu hành, gọi là chùa.

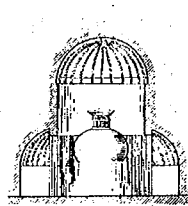
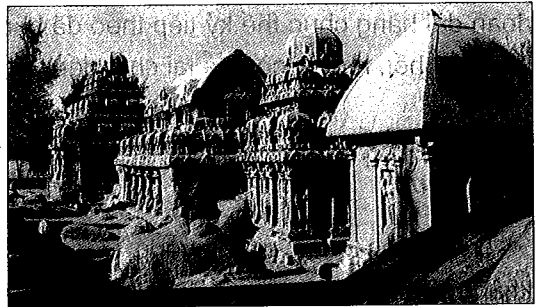
Về hình thức Stupa, có một truyền thuyết kể rằng khi Phật tổ lâm chung, một môn đệ đến hỏi liệu sau này nên xây ngôi mộ của Người như thế nào. Phật không nói, chỉ lặng lẽ cầm tấm áo cà sa gấp làm tư đặt lên đất, úp cái bát khất thực và đặt cây gậy chống lên trên. Có thể điều đó gợi nên hình ảnh các Stupa sau này chăng?

Stupa Sanchi

Vua Asoka là nhà vua cuối cùng thuộc vương triều Morya (321 - 187 trước CN) đã trị vì Ấn Độ trong suốt 49 năm, được mệnh danh là thời hoàng kim. Vua Asoka đã cho dựng tới 84.000 tháp Phật, tập trung nhiều ở vùng Sanchi thuộc Trung Ấn. Tại đây hiện vẫn còn tồn tại tòa bảo tháp Stupa Sanchi hùng vĩ được gọi là Sanchi 1 (hình 257). Mới đầu, tháp được xây bằng gạch. Về sau, người ta đã ốp thêm lần đá quý ở ngoài thành to rộng gấp đôi. Tổng chiều cao tháp hơn 17m, kể cả bệ cao 4,3m. Đường kính đáy tháp 32m. Tháp được kết thúc bằng một vòm lâu (đài quan sát) hình vuông, được xem là nơi để xá lợi của Phật*. Trên tận cùng của nóc có một cây cột gắn ba phiến đá lớn hình đĩa, tạo nên



256. Mặt nhà và mặt bằng Stupa Sanchi



257.

* Tương truyền, xá lợi là những hạt trắng như ngọc, rắn như kim cương, búa đập không vỡ, lửa thiêu không cháy - phát hiện được trong thi thể của Phật tổ sau khi hỏa táng (Tri thức trẻ 6/99 trang 39).

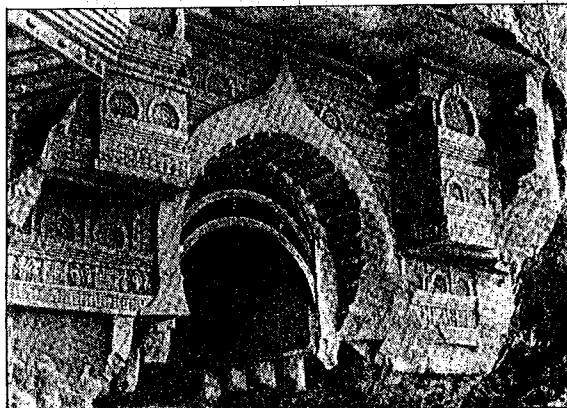
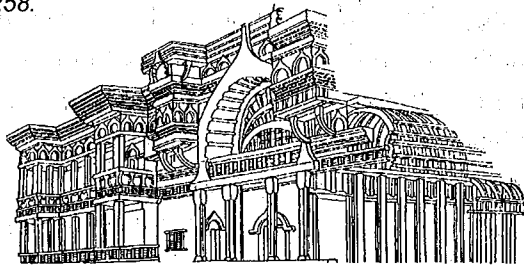
một chiếc dù nhiều tầng mà người ta coi là biểu tượng của sự tôn nghiêm. Xung quanh tháp bán cầu có hàng rào đá với 120 thanh chống và bốn cổng mở ra bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi cổng là một biểu tượng của tam thế trong giáo lý nhà Phật: quá khứ, hiện tại, tương lai. Trên cột có nhiều hình chạm khắc với nghệ thuật rất điêu luyện, hình ảnh tinh tế, sống động. Ở đây hội tụ đủ các loại thú vật, thảo mộc, người và thần thánh, các huyền thoại về cuộc đời nhà Phật, bánh xe pháp luân... Các nghệ nhân đã truyền đạt được những cảm xúc tràn trề, sự say đắm với cuộc sống và cái đẹp. Ở trên cổng phía Đông còn có cặp tượng nữ thần khỏa thân "mông dày, bụng thon, bộ ngực nhô ra đồ sộ, điệu bộ phóng túng gợi tình" (theo Will Durand) toát lên vẻ đẹp vừa thánh thiện, vừa trần tục.

Xung quanh Stupa Sanchi có cả một quần thể công trình dùng làm chỗ ở cho các vị sư và là trường học Phật giáo.

Chùa hang Agianta

Đến khoảng thế kỷ thứ VI sau CN, Phật giáo không còn nhận được sự ủng hộ của các vương triều như trước nữa. Các nhà sư phải rút vào ở ẩn trong các khu rừng núi hoang vu. Tuy vậy, giai đoạn này cũng có những kiệt tác được liệt vào loại kỳ quan thế giới. Đó là những ngôi chùa được đục vào hang đá một cách hết sức công phu ở Agianta - một thành phố Trung Ấn (nay thuộc Maharashtra gần Bombay) và trong một vùng bán kính rộng tới 300 km bao quanh Naxich (hình 258, 259). Ở Agianta có tới 30 chùa hang, được

258.

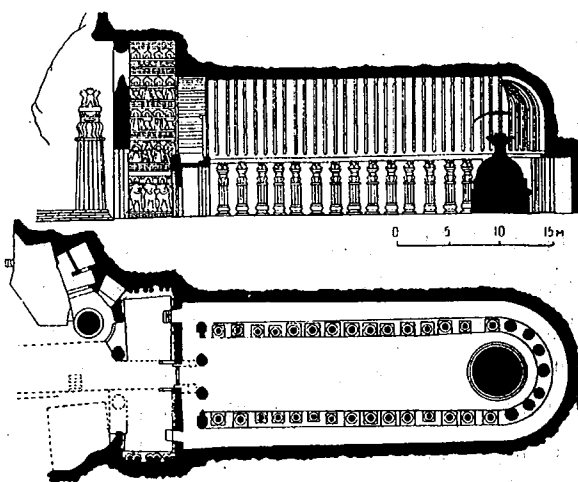


259. Chùa hang ở Cônđêin TK II TCN,
Toàn cảnh và chi tiết

đánh số từ 1 đến 30, hầu hết là sản phẩm của vương triều Phật giáo Gupta (kéo dài từ đầu thế kỷ thứ III đến giữa thế kỷ thứ VIII). Hai dạng chùa hang chủ yếu là dạng Chaitya - nơi tiến hành các nghi thức tôn giáo và dạng Vihara - tu viện.

Các Chaitya được đục vào vách núi, bắt đầu từ trần trở xuống. Thông thường Chaitya có mặt cắt dọc kéo dài sâu vào trong lòng núi, kết thúc bằng một vòm trần, dưới đó đặt bàn thờ Phật. Mặt cắt ngang thường gồm một phòng rộng ở giữa có vòm rất cao, hai bên có hai hàng cột bằng đá đục liền, có phù điêu, hoa văn trang trí công phu. Sau hàng cột đá là các dãy trai phòng trần thấp dùng làm nơi cư ngụ cho các vị sư. Lớn nhất trong số các Chaitya là Chaitya ở Carli (thế kỷ thứ I trước CN) dài 38,4m; rộng 13,7m; cao 14m. Còn Chaitya số 9 ở Agianta chỉ cao có 7m; rộng 6,4m; dài 14m (hình 260). Ngoài những Chaitya có lối vào từ đầu hồi, đôi khi còn gặp loại có lối vào từ bên hông. Căn cứ vào số ít hình cổ còn sót lại, người ta cho rằng hình thức các Chaitya bắt nguồn từ những kiểu nhà ở đã tồn tại ở cả vùng Ấn Độ lẫn Hy Lạp từ thời xa xưa.

Nội thất các Chaitya được trang trí bằng những phù điêu hay những bức họa nhiều màu đỏ, xanh, lam... trên nền đá tự nhiên vẽ hình Phật tai to, mình quấn áo cà sa sát người, hở vai, mắt nhìn xuống, bàn tay phải mở ra phía trước; hoặc hình những người mẹ bế con với ánh mắt cầu xin được cứu rỗi.



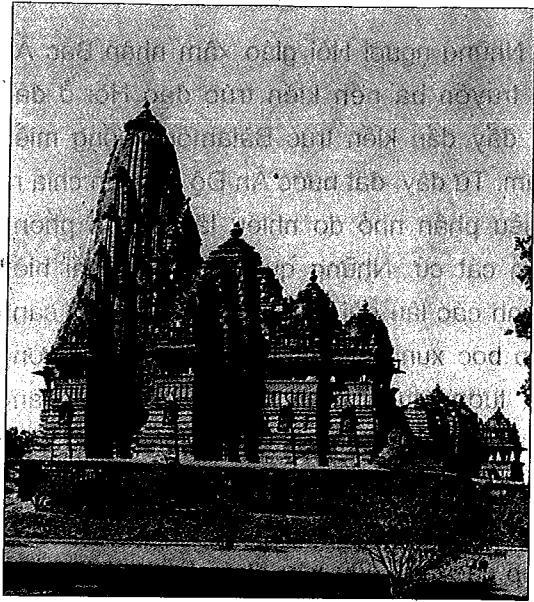
260. Chùa Hang Chaitya ở Carli TK I TCN

Các chùa hang Agianta còn đạt được hiệu quả cao về mặt chiếu sáng, làm cho các hình ảnh lúc thắm nghiêm tư lự, lúc tươi cười dịu dàng, rất sống động. Tuy nhiên, các kho báu này từng bị vùi trong quên lãng suốt hàng ngàn năm, tới tận đầu thế kỷ thứ XIX mới được phát hiện và được trả lại vị trí xứng đáng của mình trong kho tàng văn hóa nhân loại.

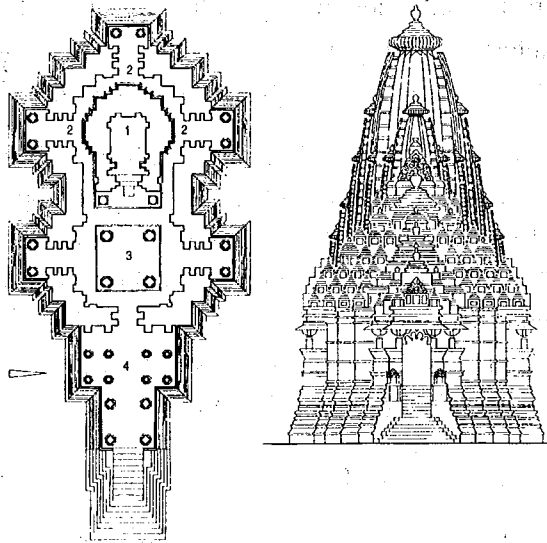
4.1.2. Kiến trúc Bàlamôn và kiến trúc Hồi giáo Ấn Độ

Từ thế kỷ thứ IX, Phật giáo bị thu lại trong một vùng nhỏ ở Bengan, cho đến cuối thế kỷ thứ XII thì mất hẳn, chấm dứt sứ mạng 15 thế kỷ đạo Phật trên đất Ấn. Từ thế kỷ thứ X, thay cho kiến trúc Phật giáo, kiến trúc đạo Bàlamôn và kiến trúc đạo Hồi mới có điều kiện phát triển mạnh.

Nhiều quần thể kiến trúc - điêu khắc rất lớn của đạo Bàlamôn mang rõ đặc thù của từng miền. Đền đài miền Nam Ấn có dạng kim tự tháp nhiều nấc, đỉnh bẹt, cao tới 50 - 60m, nội thất có chạm khắc nhiều tượng thần thánh. Tiêu biểu là các đền Tridambaraba và đền Brihadesvara (1010) ở Tănggiơơ (Nam Ấn), khu đền của đạo Gianh trên núi Abu (Tây Ấn). Cùng thời này, chùa miền Bắc lại có đường bao hình parabol có múi, kết thúc bằng một hình đĩa úp có chóp gọi là bảo tháp. Ở Khagiurahô có tới 85 ngôi đền kiểu này, nay còn giữ được 22 đền, trong đó điển hình là các ngôi đền Khandaria Mahadeô ở Khaginharô (hình 261, 262) và hai đền khác



261. Toàn cảnh đền Khandaria Mahadeo ở Khagiuharô Trung Ấn TK XI



262. Mặt bằng mặt đứng đền Khandaria ở Khagiuharô

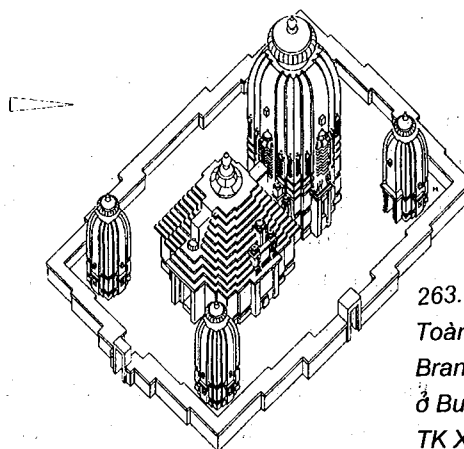
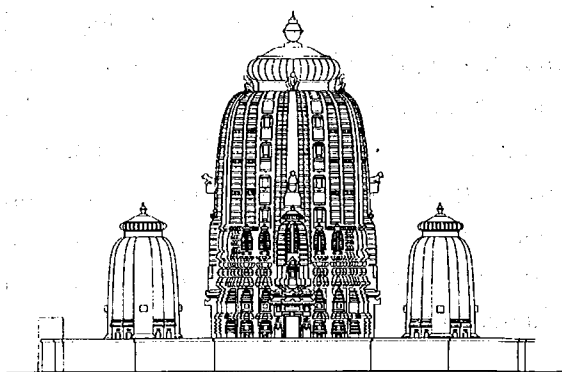
ở Buvanessa (hình 263) rất nổi tiếng xây vào thế kỷ thứ XI và XII.

Những người Hồi giáo xâm nhập Bắc Ấn đã truyền bá nền kiến trúc đạo Hồi ở đây và đẩy dần kiến trúc Bàlamôn xuống miền Nam. Từ đây, đất nước Ấn Độ bị phân chia ra nhiều phần nhỏ do nhiều lãnh chúa phong kiến cát cứ. Những quần thể đền đài biến thành các lâu đài có thành lũy và tháp canh bao bọc xung quanh. Trên các tháp thường đặt tượng thần. Đền thường có hành lang rộng và nhiều cột. Lăng mộ được xây rất đồ sộ, có không gian nội thất lớn, có cửa cuốn hình mũi tên, mái vòm, có tiền sảnh rộng và tháp cao. Vật liệu xây dựng là đá thường và đá hoa cương chạm đục rất tinh xảo, gắn bằng vôi vữa. Kiến trúc Hồi giáo còn lưu lại nhiều công trình giá trị như ngôi đền tháp Kutbơ (lấy tên Vua Kutbơ Uđin Aibac) cao nhất xưa nay, tới 73m, hiện vẫn còn ở Đêli.

Đến thế kỷ thứ XVI, nền chính trị kinh tế miền Bắc Ấn đi vào thời kỳ tương đối ổn định nên đã xây dựng được nhiều đô thị, cung điện, lăng mộ, lâu đài nổi tiếng như Hoàng cung ở thành Phatepur Sikri (1569 - 1574), lâu đài Giami Masjid (1571), lăng vua Humayum, lăng Tajơ Mahan (1630 - 1653) v.v...

Lăng Tajơ Mahan

Nền thống trị Mông Cổ được thiết lập ở Ấn Độ kể từ vương triều Mônggol năm 1526 và kéo dài trong suốt 332 năm, với ông vua đầu tiên là Babua. Vương triều này đã có



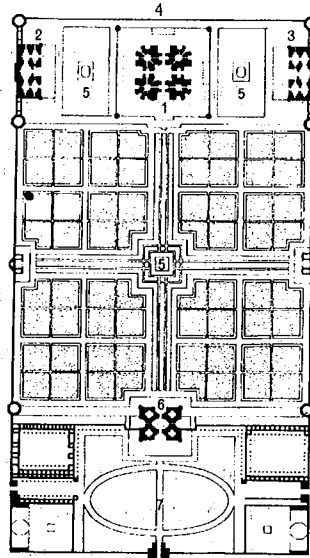
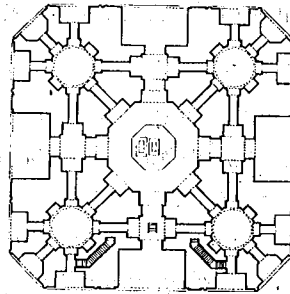
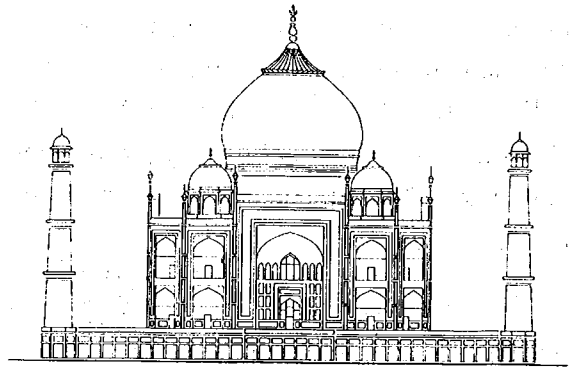
263.
Toàn cảnh đền
Branesvana
ở Buvanessa
TK XI

công xây dựng nên hai thành phố đẹp nổi tiếng là Đêli và Agra.

Vua đời thứ năm tên là Sagiahan, một ông vua có xu hướng Hồi giáo, rất ham thích nghệ thuật xây dựng. Sau 19 năm chung sống và 4 lần sinh, Hoàng hậu của vua Sagiahan tên là Argiuman Bano Begum qua đời ở tuổi 38. Sự thương tiếc người đàn bà chết còn trẻ đã thôi thúc vua Sagiahan xây lên một công trình tưởng niệm đẹp vô song: Lăng Tajid Mahan - tiếng Ba Tư có nghĩa là Vương miện của người Môngol. Khởi công xây dựng năm 1632 theo thiết kế của nhà kiến trúc Han Effendi người Ấn Độ*, công trình đã huy động tới 24 ngàn người làm trong 24 năm.

Tại hạ lưu sông Yamura, cách Đêli 200km về phía Đông Nam, trên khu đất hình chữ nhật (580m × 290m) có tường rào, sân trước, cổng và hồ nước, một tòa nhà bằng đá trắng pha sa thạch đỏ với một vòm hình cầu cao tới 75m lừng lừng đứng dưới bầu trời xanh (hình 264).

Hai bên tòa nhà chính có hai công trình xây bằng đá sa thạch đỏ cùng với bốn tháp tròn cao 40m ở bốn góc làm tăng sự hùng vĩ và vai trò chủ đạo của mái vòm chính. Mái vòm chính có đường kính 17,7m cao tới 61m, còn mặt bằng có dạng hình vuông 56,7m × 56,7m, bốn góc vát chéo. Cửa cuốn lớn theo



264. Lăng Tajid Mahan
Toàn cảnh, mặt bằng, tổng thể

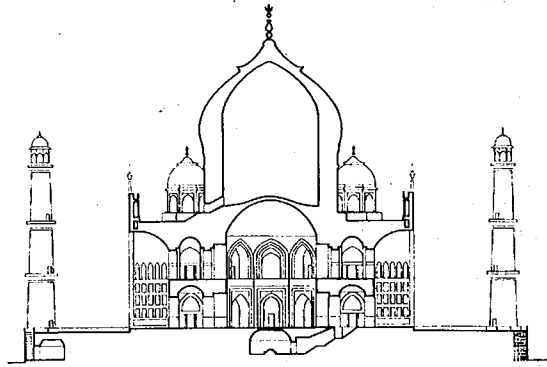
* Có sách dẫn tên 3 kiến trúc sư tác giả Lăng này là Ustad (người Ba Tư), Gieromin (người Italia) và Ôxtri đơ Boocđô (người Pháp).

mô típ người Tuốc có tỷ lệ đẹp, có bóng đổ sâu tạo nên một phong thái dung dị mà trang nghiêm. Nội thất dùng nhiều đường diềm chạm khắc bằng 12 loại đá quý ghép thành những hoa văn màu sắc sỡ rất đặc trưng cho phong cách Ấn.

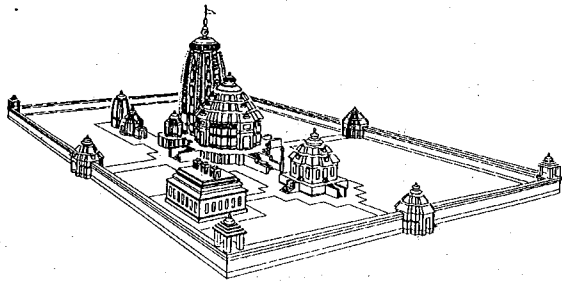
Ngay chính giữa gian phòng rộng tầng hai có đặt hai quan tài giả của Vua và Hoàng hậu bằng đá cẩm thạch màu hồng nhạt có khắc đầy chữ Ả-rập lấy từ kinh Koran. Hai quan tài đựng xác chết được đặt ở tầng dưới (hình 265).

Dưới bầu trời trong đầy ánh nắng, trên thảm cỏ xanh và những tia nước phun ánh bạc, ngồi lên trong màu đá trắng hồng, Tagiơ Mahan quả là một viên ngọc quý Ấn Độ đã chiếm được vị trí xứng đáng trong kho tàng các giá trị văn hóa của nhân loại.

Có thể coi các công trình tôn giáo là tiếng nói chủ đạo của kiến trúc cổ Ấn Độ. Tiếng nói ấy không đồng nhất mà đa dạng, phản ánh đúng màu sắc của các tôn giáo. Nếu kiến trúc cổ Ai Cập là những công trình có kích thước khổng lồ, kiến trúc Lương Hà là những công trình đầy màu sắc bằng gạch và gốm thì trong kiến trúc cổ Ấn Độ ta thấy một sự hòa quyện giữa không gian kiến trúc và điêu khắc. Những nghệ nhân Ấn Độ đã trang trí công trình của mình với các tác phẩm điêu khắc phong phú và nhiều màu vẽ theo các truyền thuyết mô tả trong các cuốn kinh cổ. Sự phong phú về chi tiết trên quy mô hoành tráng đã tạo nên tiếng nói riêng cho các công



265. Mặt cắt Lăng Tagiơ Mahan



266. Quần thể đền thờ ở Cônarắc - Trung Ấn

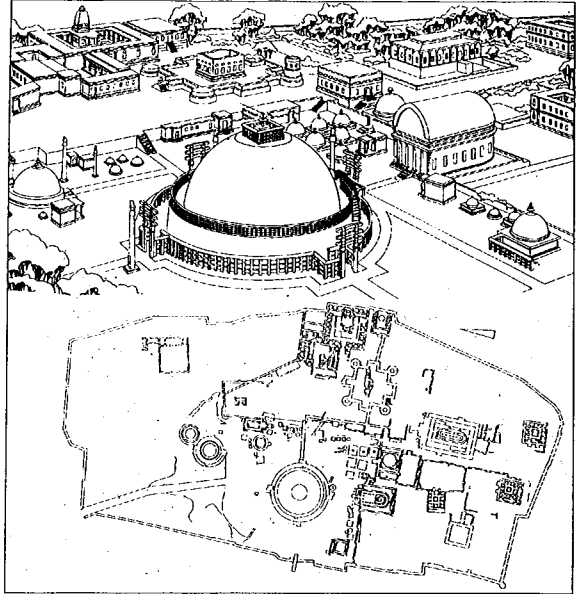
trình tôn giáo của đạo Hindu. Không gian càng vào sâu càng cao và ánh sáng càng vào sâu càng giảm đã tạo nên sự huyền bí của ngôi đền. Ngược lại với kiến trúc Hindu, kiến trúc các công trình đạo Hồi lại kết nối một cách thoáng mở, tạo nên sự phong phú hấp dẫn trong chuyển biến không gian. Bên cạnh đó, những công trình đạo Phật vẫn có những nét riêng. Công trình toát lên vẻ thanh tịnh của Phật giáo, có tính hình tượng cao. Các nghệ nhân vẫn sử dụng điêu khắc để trang trí cho công trình nhưng ở mức độ biết kiềm chế (hình 266, 267).

Tóm lại, kiến trúc Ấn Độ là một sự phản ánh trung thực, phong phú, đa dạng một nền văn hóa lâu đời với những cơ sở triết lý riêng mang màu sắc Ấn Độ không thể trộn lẫn. Màu sắc ấy rất khó phân tích mà có lẽ chỉ có thể cảm nhận được mà thôi.

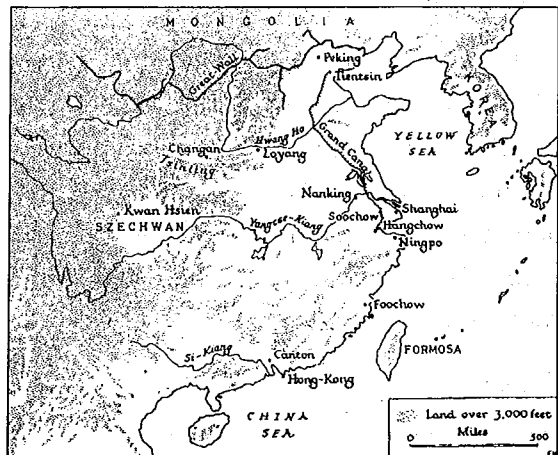
4.2. KIẾN TRÚC TRUNG QUỐC

Với diện tích gần 10 triệu km², lớn hơn cả toàn bộ diện tích các nước châu Âu cộng lại, Trung Quốc là một trong những quốc gia lớn nhất thế giới. Từ hàng vạn năm trước, nơi đây đã sớm có một nền văn minh rực rỡ và uyên bác. Dân cư thời đó chủ yếu sống dọc theo các con sông Hoàng Hà ở phía Bắc, sông Trường Giang ở phía Nam, vùng duyên hải biển Đông và một số vùng cao nguyên thuộc Nội Mông và Tây Tạng.

Chế độ xã hội thị tộc công xã ở Trung Quốc được hình thành từ cách đây 5 vạn năm. Khoảng thế kỷ thứ XVII đến thế kỷ thứ V



267. Toàn cảnh khu vực Stupa Sanchi I



Bản đồ Trung Quốc

trước CN là thời kỳ chiếm hữu nô lệ (nhà Hạ), và nhà nước nô lệ (nhà Thương, Chu). Từ cuối thế kỷ thứ V trước CN, chế độ phong kiến Trung Quốc được hình thành và phát triển trong 25 thế kỷ tiếp theo.

Suốt trong mấy ngàn năm qua, nền văn minh Trung Quốc đã cống hiến cho nhân loại những thành tựu rất to lớn, trong đó có các kỳ công thuộc lĩnh vực kiến trúc (hình 268).

Lịch sử phát triển kiến trúc Trung Quốc cổ và trung đại có thể quy vào 4 thời kỳ chính:

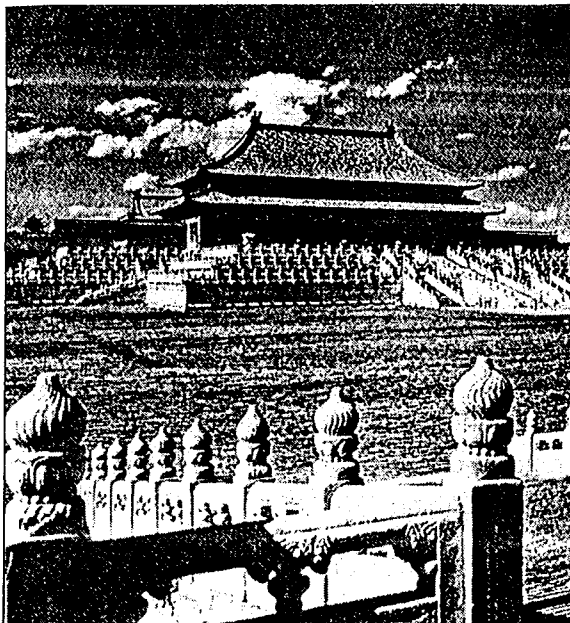
Thời kỳ thứ nhất (5 thế kỷ) - từ 475 trước CN đến 220 sau CN, bao gồm thời Chiến quốc và các nhà Tần, Hán.

Thời kỳ thứ hai (4 thế kỷ) - từ năm 221 đến 1368, bao gồm thời Tam quốc, Lương Tấn, Nam - Bắc triều, nhà Tùy và nhà Đường.

Thời kỳ thứ ba (4 thế kỷ) - từ năm 908 đến 1368, thuộc các thời Ngũ đại, Liêu, Tống, Kim, Nguyên.

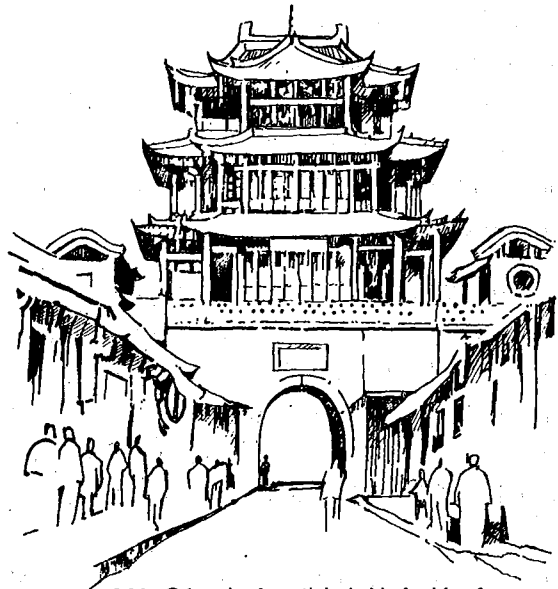
Thời kỳ thứ tư (hơn 6 thế kỷ) - bắt đầu từ năm 1369 thuộc các nhà Minh, Thanh, kết thúc bằng cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 với việc thoái vị của vua Phổ Nghi - ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1949.

Ngay từ thời Chiến quốc (TK thứ V trước CN), ở Trung Quốc đã xuất hiện nhiều đô thị lớn như các thành Yến Hạ Đô, Đan Thiễn Triệu, đều thuộc Hà Bắc ngày nay. Đặc biệt



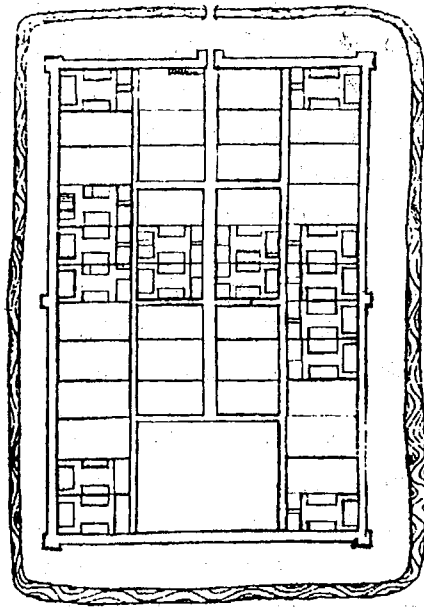
268. Điện Thái Hòa trong Tử cấm thành, Bắc Kinh - Trung Quốc

là Đô thành Trường An (thuộc Tây An ngày nay), đã tồn tại từ khoảng TK thứ II, đến năm 582 thì được xây lại, lấy tên là Đại Hưng Thành. Tường thành bằng đất nện dày 9 - 12m, cao 6m, bên ngoài có hào rộng 8m, sâu 4m. Tổng chiều dài thành 25km, có một mặt thẳng và ba mặt uốn lượn. Đường trong thành có chỗ rộng tới 18 m, với 160 phố, 108 phường ở phía Đông Bắc, và các lò thủ công ở phía Tây Bắc thành. Đến TK thứ VII, dân số Trường An đã đạt tới 1 triệu người, với chiều dài thành lên tới 35km. Vào các triều đại sau, Trường An càng được mở rộng, thay đổi, tồn tạo thành một trung tâm chính trị, văn hoá và thương mại, thủ đô của nhiều triều đại Trung Hoa, đến tận thời nhà Đường, kéo dài hơn 1000 năm (hình 269).



269. Gác chuông thành Ngân Xuyên

Thành Lâm An (nay là Hàng Châu thuộc tỉnh Triết Giang) từ thời Nam Tống đã có nhiều nhà cửa san sát, thành quách bao la, người nhiều vô kể. Phố hẹp nhưng tấp nập trên bến dưới thuyền, đèn luôn rực sáng trong các chợ đêm ở khu Bắc qua, được coi là một trong tám thắng cảnh của Hàng Châu. Thành Bình Giang thời Nam Tống (nay là Tô Châu) thuộc tỉnh Giang Tô, vốn là kinh đô của nước Ngô cổ đại, đã trên 2400 năm được coi là danh thắng thơ mộng bậc nhất Trung Hoa. Ở đây còn giữ được tới 180 vườn hoa mang phong cách tự nhiên, với những núi đồi nhấp nhô, đền chùa thấp thoáng giữa rừng tre trúc, với 160 cây cầu đá uốn cong và những con đường lượn theo bờ suối có hàng liễu rủ quanh năm.



Mặt bằng huyện lỵ Hưởng - Tỉnh Cam Túc

Một đặc điểm quy hoạch của đô thị này là sự kết hợp tài tình giữa đường thủy và đường bộ trong mạng lưới giao thông. Người Trung Quốc có câu: "Trên trời có Thiên đàng, trần gian có Hàng, Tô" (Hàng Châu, Tô Châu) để nói lên vẻ đẹp bậc nhất của hai đô thị này.

Những nguyên lý bố cục kiến trúc và quy cách xây dựng của Trung Quốc đã được hình thành và ổn định ngay từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ (khoảng thế kỷ thứ XII trước CN) và đã có ảnh hưởng lâu dài trong suốt hơn 30 thế kỷ. Quy hoạch đô thị theo ô cờ và bố cục mặt bằng đối xứng là hai đặc điểm nổi bật nhất bao trùm toàn bộ nghệ thuật xây cất Trung Hoa.

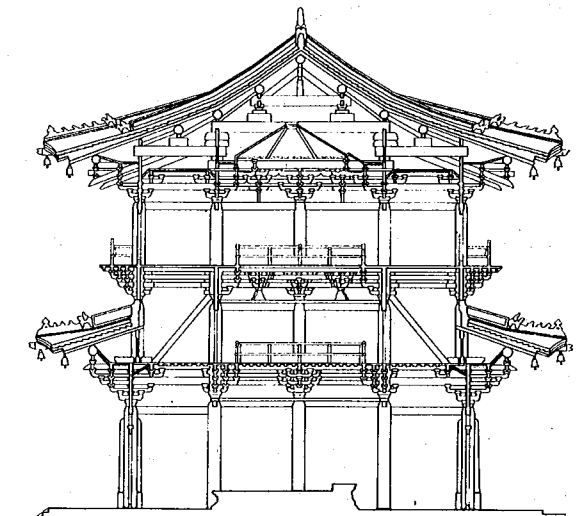
Đạo Phật từ phía Ấn Độ được truyền vào Trung Quốc từ thế kỷ thứ I trước CN, mang theo số ảnh hưởng của kiến trúc đá và chùa hang Ấn. Tuy vậy kiến trúc gỗ vẫn là dòng phát triển mạnh mẽ cho đến tận các thế kỷ sau này (hình 270, 271).

Nền kiến trúc Phật giáo Trung Quốc qua nhiều triều đại đã tạo nên khá nhiều ngôi chùa tháp nổi tiếng ở nhiều đô thị.

Chùa Long Hưng ở phủ Chính Định (Hà Bắc ngày nay) có điện Đại Bi 3 tầng cao 33m, bên trong đặt tượng Phật nghìn mắt nghìn tay bằng đồng cao 24m. Điện Mônỉ ở đây dài 35m, rộng 28m, có hàng cột vàng và ba pho tượng lớn, mặt tường có vẽ bích họa (hình 272). Tháp Xá Lợi ở Nam Kinh hình bát giác cao 15m, xây từ năm 601 bằng đá

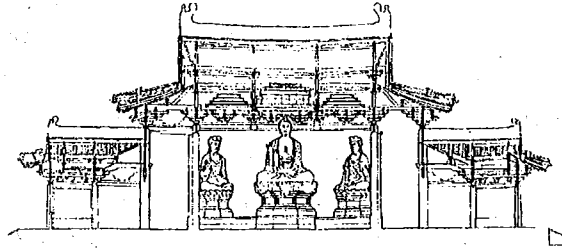


270. Kiến trúc gỗ trong Cẩm thành Bắc Kinh



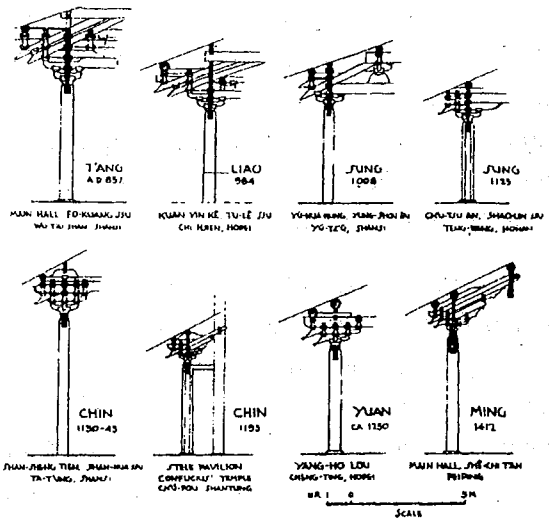
271. Cấu tạo bộ khung sườn bằng gỗ trong kiến trúc truyền thống Trung Hoa

trắng, toàn bộ nền và thân tháp đều được chạm khắc tinh vi. *Tháp Thích Ca* ở chùa Phật Cung huyện Ứng (tỉnh Sơn Tây) xây năm 1056 cao 9 tầng (67m), mái hình bát giác có chuông treo ở các góc, đỉnh mái có lõi sắt. Toàn bộ tháp này tuy được làm bằng gỗ nhưng đã vượt qua nhiều trận động đất và thử thách của thời gian để đứng vững gần 1000 năm, cho đến tận ngày nay. Số chùa tháp Phật giáo ở Bắc Kinh như Thiên Ninh, Diệu Ứng (1090), ở Hà Bắc như Liêu Dịch (1001), Am Kinh (1038) v.v...đều rất nổi tiếng về quy mô và giá trị nghệ thuật (hình 273).



272. Mặt cắt dọc điện Moni chùa Long Hưng

Thời nhà Đường, người Ả-rập xâm nhập bằng đường buôn bán vào Trung Quốc mang theo kiến trúc Hồi giáo. Một ví dụ của kiến trúc Hồi giáo Trung Quốc thời kỳ này là *chùa Thanh Quang* (1131) xây bằng đá xanh cao 20m, cửa cuốn theo hình củ hành là hình thức khá điển hình của kiến trúc Hồi giáo.



Bố cục phổ biến của đền chùa Trung Quốc là sắp xếp các nhà riêng biệt, lần lượt đứng tiếp nhau theo một trục chính, nhà nọ cách nhà kia một khoảng sân. Nhà cao nhất chi phối toàn bộ các nhà còn lại trong một quần thể có tường cao bao bọc xung quanh.

Vật liệu xây dựng gồm có gạch, đá, và đặc biệt là gỗ. Gỗ được dùng phổ biến, có vai trò quyết định trong cấu trúc nhà cửa, đền đài đồng thời cũng quyết định luôn cả dáng dấp, hình thức bề ngoài, giá trị nghệ thuật của tòa nhà. Các công trình dù có được xây bằng gạch đá ở các thời kỳ sau thì cũng chủ yếu

273. Sự phát triển của thức cột Trung Quốc theo thời gian

dựa trên cấu trúc khung sườn bằng gỗ là chính. Mỗi ngôi đền thường có ba phần: nền móng bằng đá, cột, cửa, vì kèo bằng gỗ, mái lợp ngói. Hệ sườn gỗ đỡ ngói dồn toàn bộ trọng lượng mái lên các cột. Vật liệu gỗ giúp cho mái nhà có độ cong mềm mại, độ dốc lớn, không gây ra cảm giác bị đè nén nặng nề. Ở đây vai trò kỹ thuật của diềm mái là đáng kể. Diềm mái kết hợp với màu xanh ngọc hay vàng nhạt của ngói gốm lưu ly tạo nên sự kết thúc công trình một cách hoàn hảo (hình 274, 275).



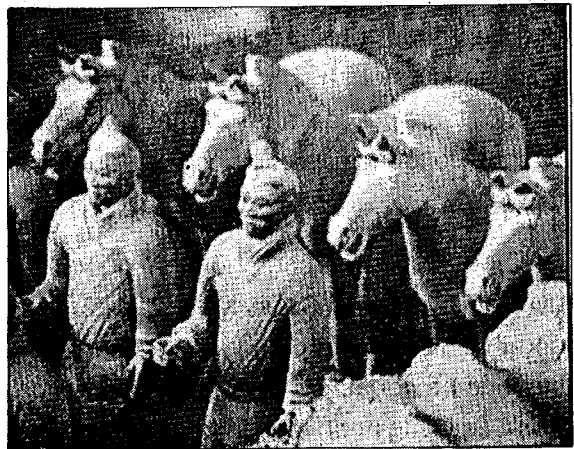
274.

Người Trung Quốc từ thời cổ đại đã có những quy chế-sử dụng vật liệu, với những tiêu chuẩn định mức vật tư rất chi li cho từng thể loại công trình. Thời kỳ sau chỉ hoàn thiện và cải tiến chi tiết các mẫu mã kiến trúc có sẵn của thời kỳ trước, còn các nguyên tắc bố cục thì giữ nguyên trong hàng ngàn năm. Có thể điều này đã làm hạn chế sự phong phú về mặt tạo dáng của kiến trúc.



275. Bộ khung nhà bằng gỗ

Ở Trung Quốc thời nào cũng có xây dựng nhiều lăng mộ với những quy mô hết sức rộng lớn. Điển hình nhất là *Khu lăng mộ Tần Thủy Hoàng* - ông vua đầu tiên đã thống nhất cả 65 dân tộc Hoa Hạ (250 - 210 trước CN) - nằm cách thành Tây An 160km. Đây quả thực là một kinh đô tráng lệ đầy huyền bí của nhà Tần bị thời gian che phủ suốt mấy ngàn năm, mãi tới năm 1974 mới được phát hiện và khai quật. Trên diện tích 11km², người ta đã tìm thấy 3 hầm mộ cực lớn, bên trong có tới gần một vạn tượng người ngựa to bằng thật và trên 10 vạn binh khí. Các tượng người



276. Tượng binh sĩ trong mộ Tần Thủy Hoàng

ngựa đều được tạc rất sống động, màu sắc trong suốt, được pha chế từ khoáng vật (hình 276). Khu lăng mộ nhà Tần được các nhà nghiên cứu, các chính khách đánh giá là kỳ quan thứ 8 của thế giới.

Nhà ở phong lưu thời Trung Quốc cổ đại thường có dạng trang viên, bao gồm cả kho, bếp, chuồng trại chăn nuôi, một số nhà ở nhiều gian một tầng với hàng cột và hiên chạy quanh.

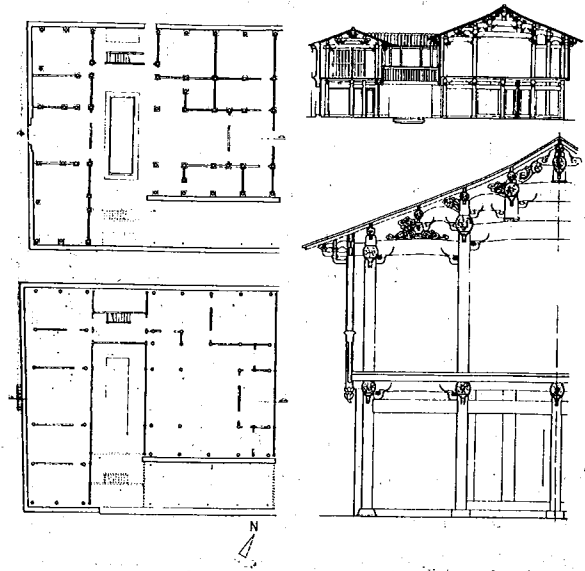
Một toà lầu đứng giữa sân rộng, một nhà chòi để ngồi ngắm cảnh và các tháp đá và vườn cây được chăm chút rất công phu là những bộ phận chính của loại nhà ở này.

Nhà ở dân gian thì mỗi nơi lại có phong thái riêng, tùy thuộc vào khí hậu mỗi vùng một khác (hình 277, 278).

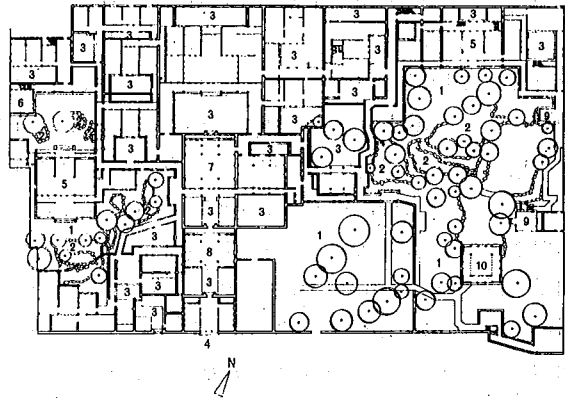
Nghệ thuật kiến trúc cổ đại Trung Quốc quả đã tạo nên rất nhiều kiệt tác, mà Vạn lý trường thành và Bắc Kinh là những ví dụ.

Vạn lý trường thành

Còn được gọi là Bức tường vĩ đại (great wall), khởi xây từ thời Xuân Thu Chiến quốc (thế kỷ thứ VII trước CN) và mãi đến thế kỷ thứ XIX sau CN mới thực sự hoàn thành. Trải dài trên 6.700km*, đây thực chất là một hệ thống phòng thủ khổng lồ chạy qua đồng



277. Nhà ở dưới thời Minh với hệ khung gỗ



278. Nhà vườn ở miền Nam Trung Quốc

* Có sách chép tổng chiều dài của tất cả các tường thành đã được xây vào các thời kỳ khác nhau là 54.000km.

bằng, núi cao, đầm lầy, sa mạc khắp một vùng rộng lớn phía Tây Bắc Trung Hoa.

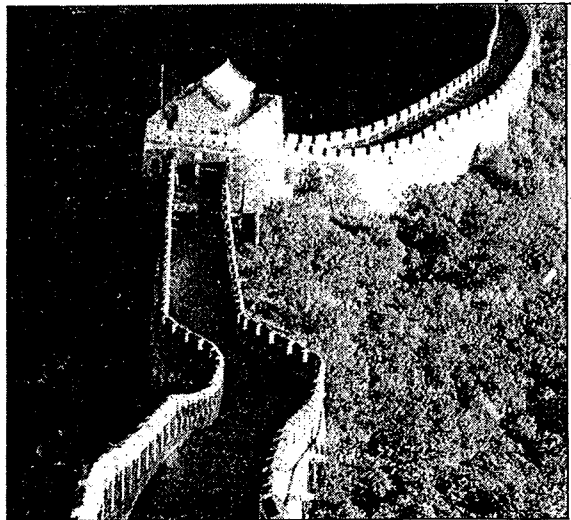
Chiều cao phổ biến của tường thành là 10m. Chiều rộng tường là 5 - 6m. Cứ cách từ 100 - 500m có một tháp canh cao 12 - 15m. Tổng số tháp lên tới gần 10.000, gọi là phong hoá đài. Xen kẽ giữa các tháp còn có những điểm thư truyền tin, trạm ngựa, kho vũ khí, trang trại đảm bảo hậu cần v.v... Mỗi tháp canh thường chia thành 2 tầng: dưới làm phòng ngủ, các loại kho; trên để tuần tiễu, có tường dày với nhiều lỗ châu mai. Liên hệ trên dưới có nơi có thang xây, có nơi không làm thang mà phải leo dây cốt để đề phòng kẻ địch đột nhập bất ngờ (hình 279, 280).

Vật liệu xây dựng thường được khai thác tại chỗ. Cách thức gia công vật liệu khá cầu kỳ nên đạt độ bền rất cao (gạch có sức chịu nén tới 1.000 kg/cm^2 được gọi là "gạch vạn năm") tồn tại được tới trên 2.000 năm chưa hỏng. Công trình vĩ đại này do phải làm thủ công nên lao động xây dựng là một cực hình khổ sai, dẫn đến tiến độ rất chậm chạp. Có đoạn tường thành chỉ dài 23m mà phải huy động cả ngàn nông dân, binh lính làm trong suốt 6 tháng. Người chết xác chất thành đống, máu chảy dài ngàn dặm, có lẽ còn hơn cả người Ai Cập xây Kim Tự tháp vào thời cổ đại.

Vạn lý trường thành ngày nay không còn mang ý nghĩa phòng thủ, nhưng bù lại đã tạo nên dấu ấn của tính cách Trung Hoa: bền bỉ, nhất quán, hoành tráng và vĩ đại.



279. Vạn lý trường thành



280. Tháp canh trên Vạn lý trường thành

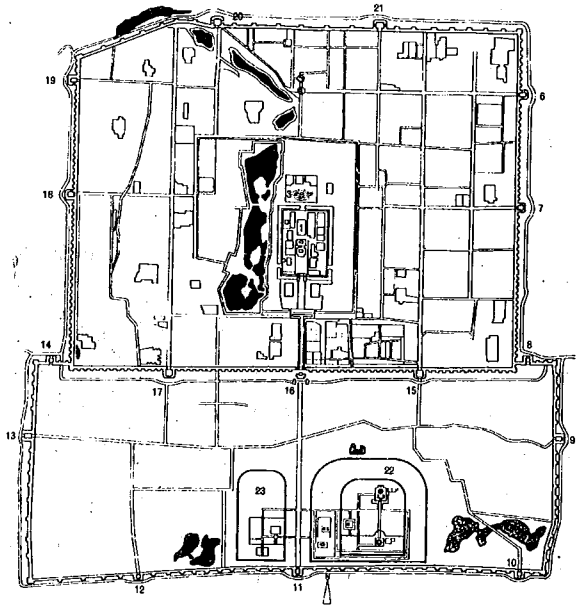
Thành phố Bắc Kinh và Tử Cấm thành

Thành phố Bắc Kinh và Tử Cấm thành đại diện cho kiến trúc triều Minh (thế kỷ thứ XV - XVI), mặc dù trước đó đã từng có 3 triều đại Liêu, Kim, Nguyên đóng đô ở đây.

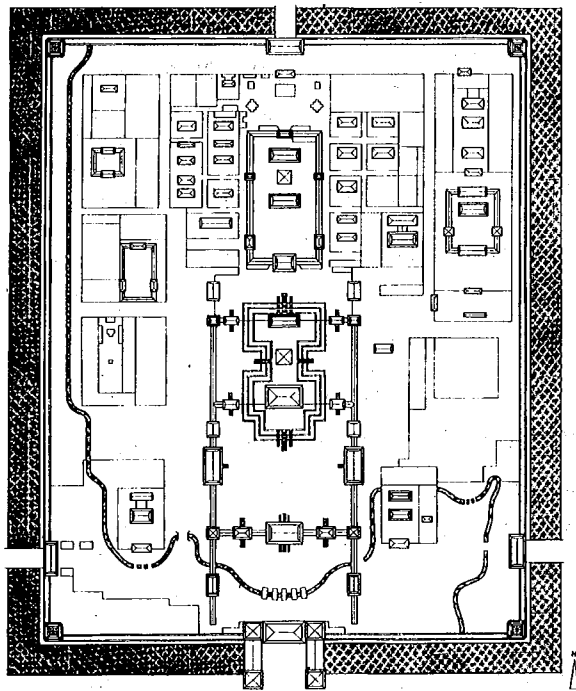
Ngay từ thời Nguyên, nước Trung Hoa thống nhất đã đào nhiều con sông để thông thương từ Bắc Kinh tới những vùng hạ lưu sông Trường Giang, đặt những cơ sở đầu tiên cho quy hoạch Bắc Kinh.

Mặt bằng thành Bắc Kinh thể hiện rõ nét những nguyên tắc xây dựng lâu đời của Trung Quốc (hình 281) có bố cục đối xứng qua trục Bắc - Nam với ba vòng thành: vòng trong cùng là Tử Cấm thành (còn gọi là Hoàng cung hay Cố cung), dài 960m, rộng 760m, cân xứng tuyệt đối, có tường dày bao quanh cao 10m, bên ngoài có hào rộng 52m.

Kiến trúc Tử Cấm thành lại chia ra hai phần là *Ngoại triều* (ở phía trước) và *Nội đình* (ở phía sau). Ngoại triều gồm ba điện lớn. *Thái Hoà* lớn nhất, dài 64m, rộng 37m, cao 27m, được đặt trên bệ cao 8m. Trước điện có một sân rộng tới 3,6 ha, đây là nơi thường cử hành các nghi lễ quốc gia. Tiếp đến *Trung Hoà* là nơi dành riêng để nhà vua làm các công việc chuẩn bị trước khi dự lễ. Sau nữa là *Bảo Hoà*, nơi vua thường chủ khảo các khoa thi và tham dự các buổi yến tiệc (hình 282).



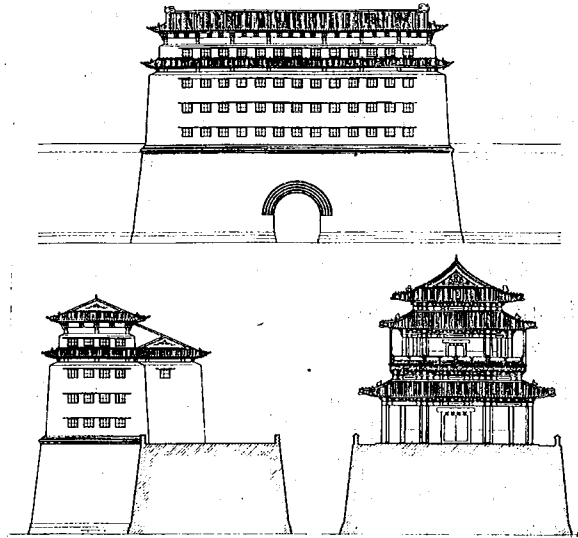
281. Tổng thể thành phố Bắc Kinh dưới triều Minh



282. Mặt bằng Tử Cấm thành

Bao quanh Tử Cấm thành là nơi ở của quan lại, tướng sĩ, quần thần với nhiều lâu đài, vườn hoa, công viên. Vòng ngoài cùng dành cho dân thường.

Nằm trên trục chính Bắc - Nam trong khu vực thành nội, ở phía bắc Tử Cấm thành có hai tòa tháp nối tiếp nhau là *Tháp Trống* và *Tháp Chuông*. Ở ngoại thành, về phía Nam Cấm thành còn có hai quần thể lớn là *Đền thờ trời* (Temple Heaven) và *Đền thờ thần Nông* (Temple of Agriculture). Cả hai khu thành nội ngoại đều được bức tường thành bằng gạch bảo vệ. Bức tường này dài tới 23,55km có 12 cổng từ ngoài vào và 3 cổng nối giữa hai khu (hình 283).

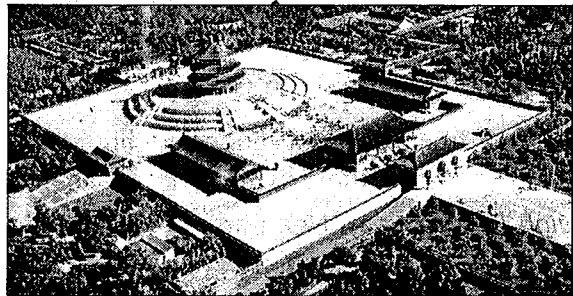


283. Cổng Bắc (trên) và cổng giữa (dưới) trong Cấm thành (Bắc Kinh)

Thiên Đàn

Được xây dựng tại phía Nam thành Bắc Kinh vào năm Vĩnh Lạc thứ 18 thời Minh (1420), Thiên Đàn là nơi để các Hoàng đế Trung Hoa đến tế trời và cầu được mùa.

Ban đầu, Đàn có tên là Thiên Địa Đàn để tế cả trời và đất; song từ năm 1530, nơi đây chỉ chuyên dùng để tế trời.



Trên khu đất rộng gấp 4 lần Cố cung (2.730.000m²), Thiên đàn có 3 công trình chủ yếu nằm dọc theo trục Bắc - Nam: Kỳ Niên Điện, Hoàng Khung Vũ và Hoàng Khuê Đàn (hình 284).



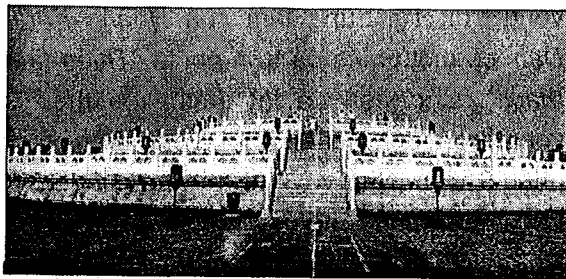
284. Toàn cảnh Kỳ Niên Điện (trên) Hoàng Khung Vũ (dưới)

Nằm ở đầu Bắc, *Kỳ Niên Điện* là nơi vào ngày 8 tháng giêng hàng năm, nhà vua tiến hành lễ cầu được mùa. Điện hình tròn, cao

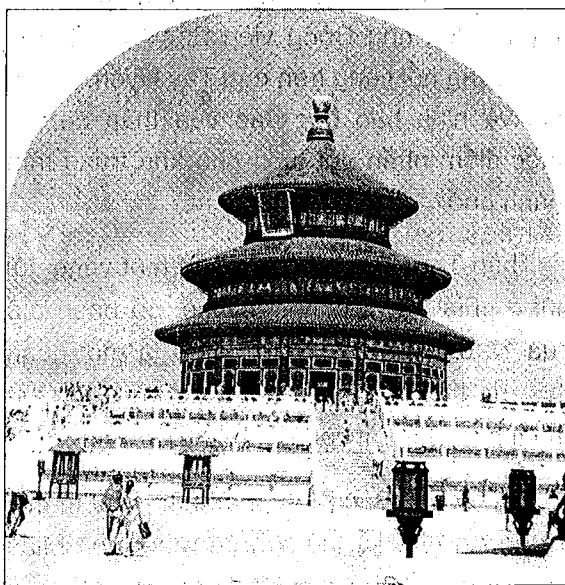
38m. Nền điện cao 6m, chia ra 3 bậc. Đường kính bậc dưới cùng 90,9m. Đường kính thân điện 20,5m. Mái điện cũng chia làm ba tầng, lợp ngói lưu ly màu xanh, kết thúc bằng một chóp nhọn. Vòm trần và mái trên cùng được đỡ bằng 4 cây cột có tên là "Cột Long tinh", tượng trưng cho 4 mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông. Mái giữa và mái trên cùng được đỡ bằng 24 cây cột chia thành hai vòng, mỗi vòng 12 cột tượng trưng cho 12 chi của giáp và 12 tháng của năm. Đường bao của Kỳ Niên Điện gây được cảm giác vươn lên mạnh mẽ tới tận trời, đầy vẻ thiêng liêng, huyền bí (hình 285).

Phía Nam Kỳ Niên Điện là Hoàng Khung Vũ, nơi lưu giữ các bài vị tế trời. Toà tháp này hình tròn, đường kính 15,6m, cao 19,5m, mái hình tán ô do 8 cột đỡ. Bức tường bao quanh Hoàng Khung Vũ hình tròn đường kính 64m, cao 6 m có khả năng hồi âm rất tốt. Đứng ở tâm bức tường này trên phiến đá trắng của bậc tam cấp, nếu gọi một tiếng sẽ có ba tiếng vọng lại. Vì vậy đá có tên là "Tam âm thạch".

Ở đầu cùng phía Nam của trục là Hoàng Khuê Đàn, nơi vua chúa tiến hành các buổi lễ tế trời. Đàn này có hình tròn, xây bằng đá cao 5m, chia thành 3 cấp. Cấp dưới cùng có đường kính 54,7m, còn cấp trên cùng có đường kính 23m. Mỗi cấp được ngăn bằng 360 thanh lan can bằng đá trắng chạm khắc tinh vi, tượng trưng cho 360 độ của



284 (tiếp theo) Hoàng Khuê Đàn



285. Kỳ Niên Điện với đường bao hướng lên trời

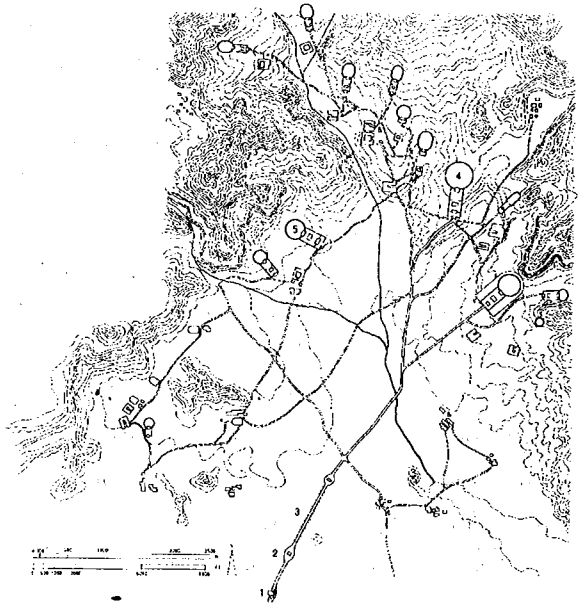
vòng trời. Tại trung tâm của *Hoàng Khu* *Đàn* có một phiến đá tròn gọi là "*Thiên tâm thạch*". Các viên đá lát được xếp theo 9 vòng tròn đồng tâm, mỗi vòng hơn kém nhau 9 viên. Như vậy vòng trong cùng có 9 viên, còn vòng ngoài cùng có 81 viên. *Hoàng Khu* *Đàn* được xây bằng thứ đá có khả năng phản âm kỳ lạ: một tiếng hô to từ "*Thiên tâm thạch*" sẽ vang đi rất xa, như tiếng vọng của đất trời.

Bắc Kinh còn có nhiều công trình hoa viên quy mô lớn như Công viên Bắc Hải với tòa tháp trắng nổi tiếng trên đảo Tây Uyển. Chiều cao và hình bao bọc đảo của tháp đã tạo được điểm nhấn đột biến cho khu trung tâm thành phố.

Thập Tam lăng tọa lạc trong một vùng đồi núi ở phía Tây Bắc thành phố, có phần mộ của 13 đời vua triều Minh. Đây là một quần thể vừa huyền bí, vừa hoành tráng với nghệ thuật hoa viên rất cao (hình 286).

Thành phố Bắc Kinh phát triển suốt từ thời Trùng An (thế kỷ thứ VII) đến thời nhà Minh (thế kỷ thứ XVII) và cho tới sau này luôn giữ được sự ổn định và nhất quán trong bố cục tổng thể, đồ sộ và chuẩn xác về đường nét công trình và phong phú về màu sắc kiến trúc (hình 287).

Nhân tài trong sự nghiệp kiến thiết nước Trung Hoa thời nào cũng sẵn. Thời Minh - Thanh có Bằng Tường, Dương Thanh đã xây nên các cung điện ở thành Bắc Kinh, có anh



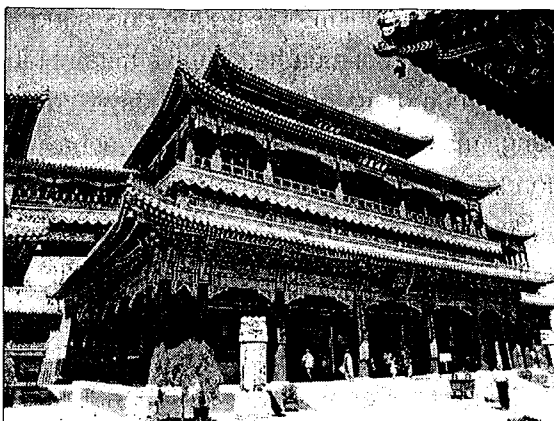
286. Thập tam lăng ở Bắc Kinh



287. Khu vực trung tâm Bắc Kinh ngày nay

em nhà Lục Hiền, Lục Tường xây dựng cung điện ở Nam Kinh, có dòng họ Lôi bảy đời đều chủ trì xây dựng các cung thất và vườn hoa, biệt dã nhà Thanh.

Sử sách Việt Nam và Trung Quốc còn nhắc đến một người Việt tên là Nguyễn An đã đóng góp nhiều công lao trong xây dựng thành Bắc Kinh. Theo tác giả Trần văn Giáp thì Nguyễn An, người Giao Chỉ, tính tình thanh bạch, khắc khổ,... giỏi việc kiến trúc công trình,... đã từng cho kiểu mẫu và đứng ra trông coi việc sửa sang thành Bắc Kinh, làm 9 cửa thành, sửa lại 3 điện, 6 bộ và trụ sở các ty, đắp lại đê trên khúc sông chảy qua vùng Tắc Dương... Các quan ở bộ Công chỉ việc dựa theo những kiểu do Ông vạch sẵn mà làm. Khi sắp mất, Ông đem tất cả của cải được vua ban và của riêng hiến làm quỹ công.



288. Cung Ung Hòa
Bắc Kinh - Trung Quốc

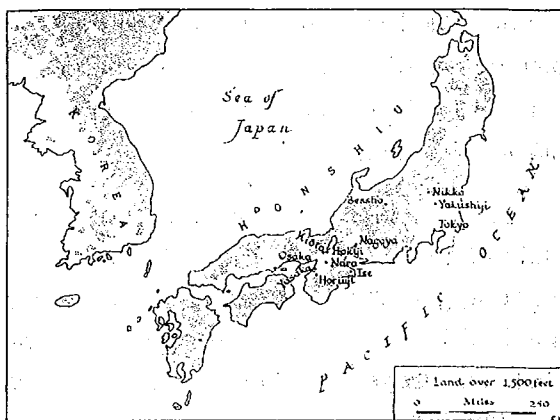
Tựu chung lại, tiềm năng vô tận của một quốc gia đất rộng, người đông đã góp phần tạo nên những sắc thái vô cùng phong phú về cảnh quan và công trình trên một không gian hết sức rộng lớn, dù ta có dày công cũng khó có thể tìm hiểu cho hết (hình 288).

4.3. KIẾN TRÚC NHẬT BẢN*

Nhật Bản là một nước nằm trên mặt biển với hơn 6800 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 600

* Mục này có sử dụng số tư liệu do ThS. KTS Trần Thị Quế Hà chuẩn bị.

đảo với 380.000km² có người sinh sống*. Khí hậu nhiệt đới mùa hè nóng và mưa nhiều, nhưng mùa đông lại có tuyết. Ở đây ít đồng bằng, mà phần nhiều là đồi núi và hay có động đất. Những đặc điểm này làm cho ảnh hưởng văn hóa bên ngoài vào Nhật khá chậm và chủ yếu thông qua giao lưu với các nước láng giềng, tách hẳn ảnh hưởng từ các nước Địa Trung Hải, Ấn Độ hoặc Trung Đông như thường thấy ở nhiều nơi khác. Điều đó đồng thời cũng tạo cho Nhật Bản có số nét riêng trong lối sống cũng như trong xây dựng (hình 289, 290).



289. Nhật Bản - đất nước của tri tuệ và sự tinh tế

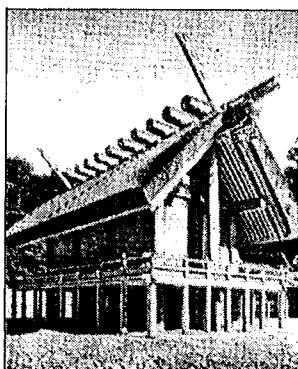


Để chống động đất, nhà cửa thường làm bằng các vật liệu nhẹ như tre, rơm rạ, giấy bồi và đặc biệt là gỗ. Đến thế kỷ thứ XVI mới thấy xuất hiện số công trình xây bằng đá. Ngói bằng gỗ được dùng để lợp mái các công trình đền đài, tôn giáo.

Sự phát triển của kiến trúc Nhật Bản có thể chia làm ba thời kỳ: cổ đại (từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ XII), trung đại (từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XVI), cận đại (từ thế kỷ thứ XVII đến thế kỷ thứ XIX).

Kiến trúc Nhật Bản cổ đại

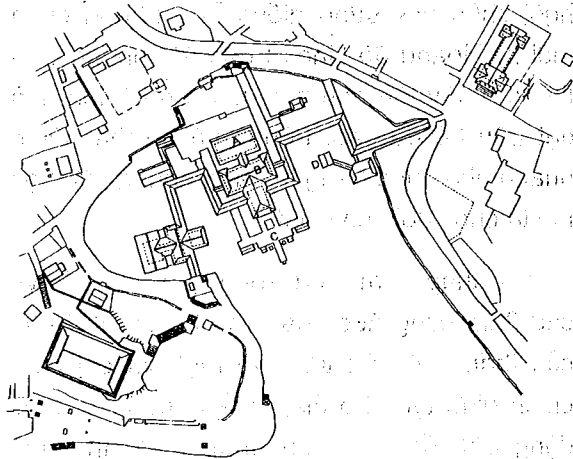
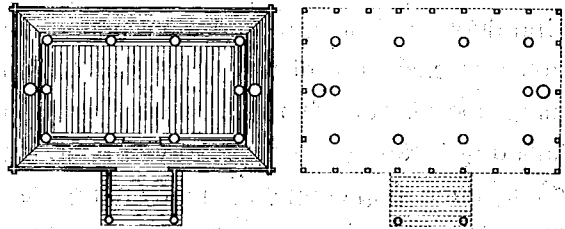
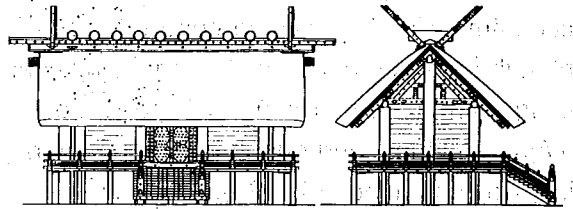
Người Nhật theo Thần đạo (Shinto) - đạo thờ cúng ông bà tổ tiên, có nguồn gốc từ xa xưa. Ngôi đền điển hình nhất là Ise ở Sinto xây vào thế kỷ thứ III. Mặt bằng đền có hình



290. Đền Ise ở Sinto

* Có sách nêu con số 4.223 đảo.

chữ nhật với ba gian chiều dài và hai gian chiều đầu hồi. Sàn nhà cao; hai mái dốc lợp bằng rạ rất dày, có 10 thanh gỗ tròn nằm ngang để giữ cho mái khỏi bị tóe khi gió mạnh và bốn thanh bắt chéo từng đôi một ở hai đầu mái. Thanh nóc vươn khỏi chiều dài nhà, được đỡ bằng hai cột chống nằm ở hai hồi. Tất cả các cột đều tròn và được chôn trực tiếp xuống đất. Lối vào đặt ở gian giữa, có 10 bậc thang dẫn lên sàn và hàng lan can chạy bao quanh. Tương quan tỷ lệ giữa các bộ phận và mọi chi tiết ở đây đều sáng sủa, mạch lạc, đơn giản, đạt đến độ chất lọc rất cao. Cột chống nóc ở hai hồi, các thanh tròn nằm ngang trên mái và hai đôi thanh chéo là những hình ảnh đặc trưng của đền thờ thần cổ đại. Đền dần từ thời Êđô đến nay, kiểu đền Ise cứ 20 năm được xây lại một lần (hình 291).



291. Đền Ise ở Sinto - Mặt nhà, mặt bằng tổng thể

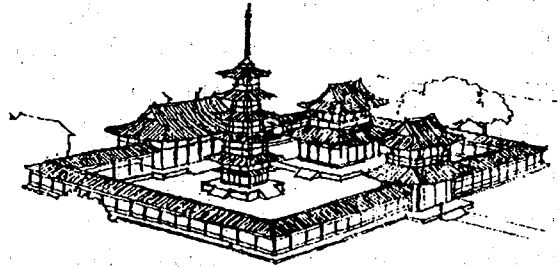
Đầu thế kỷ thứ V, đạo Phật từ Trung Quốc bắt đầu được truyền vào Nhật Bản và đến đầu thế kỷ thứ VI được Nữ hoàng Suikô tôn làm quốc giáo. Chùa chiền xây ở khắp nơi. Kiến trúc Phật giáo ở Nhật tuy chịu nhiều ảnh hưởng kiến trúc nhà Tùy của Trung Quốc, nhưng trong bố cục tổng thể vẫn có số nét riêng. Hình dáng rất khác nhau của từng công trình làm mất đi cảm giác đối xứng nghiêm ngặt trong mặt bằng. Các công trình được đặt tách nhau nên nhìn rất thoáng đãng. Chùa được đặt cao trên nền cát trắng tạo ấn tượng siêu thoát và thanh bình. Mái đền lợp bằng gỗ khá dày làm tăng thêm vẻ uy nghi.

Đặc biệt độ cong của mái đã làm nên nét riêng của kiến trúc đền đài Nhật Bản.

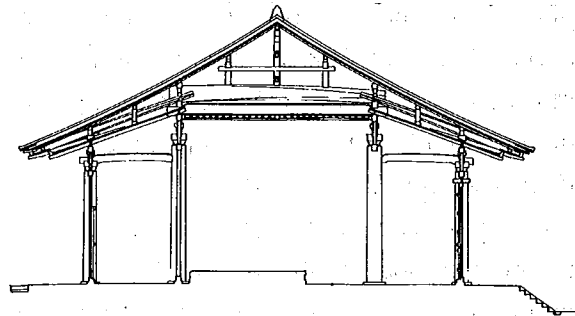
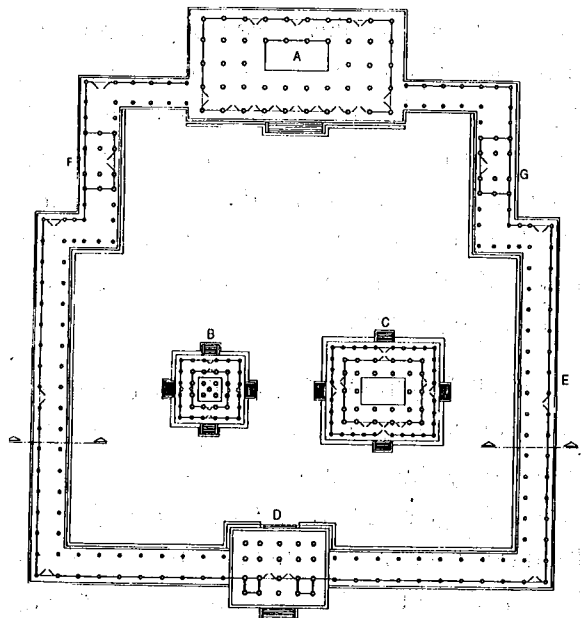
Công trình gỗ điển hình nhất giai đoạn đầu thời cổ đại là quần thể đền Horyu (Pháp Long) xây dựng năm 607 ở quận Nara để cầu nguyện sức khỏe cho Thiên hoàng Yomei. Sau lần bị cháy, công trình được xây lại vào các năm 670 - 714. Đây là công trình gỗ cổ nhất thế giới còn giữ được đến ngày nay. Hai công trình chính của chùa là Kim đường và tháp năm tầng, xung quanh có các dãy hành lang và cổng (hình 292, 293).

Tòa Kim đường có mặt bằng gần vuông, tầng dưới dài 5 gian, rộng 4 gian, nhưng lên trên mỗi chiều bớt đi một gian. Mái có hai tầng, dốc về bốn phía. Mái chùa Nhật Bản không quá cầu kỳ, có độ cong vừa phải nên dù diện mái rộng cũng không thấy nặng. Các con sơn đỡ mái hình chông mây. Hình thức ngôi chùa này cũng giống như những chùa thời kỳ Hoàng đế Naca trước đó, nhưng kích thước ở đây lớn hơn nhiều. Toàn bộ tòa nhà đặt trên bệ đá cao, trông khá bề thế. Vách quanh nhà được trang trí bằng những bức họa mô tả cuộc đời của Phật.

Tòa tháp năm tầng trong quần thể Horyu cao 32m cũng được đặt trên bệ đá. Kết cấu của tháp chủ yếu tựa vào một cột cái nằm chính giữa tạo cho tháp khả năng chịu được động đất tốt. Lên trên, tháp được thu nhỏ dần. Đến tầng trên cùng thì kích thước ngang dọc còn lại đúng một nửa so với tầng một. Tháp xây dựng muộn, nhưng các chi tiết cũng được rập khuôn như ở tòa Kim đường. Ngoài



292. Chùa Horyu



293. Mặt bằng tổng thể và mặt cắt đỉnh (Kôdô)

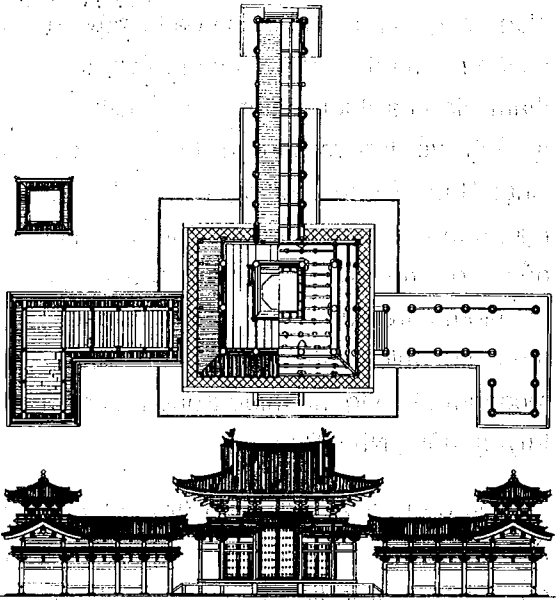
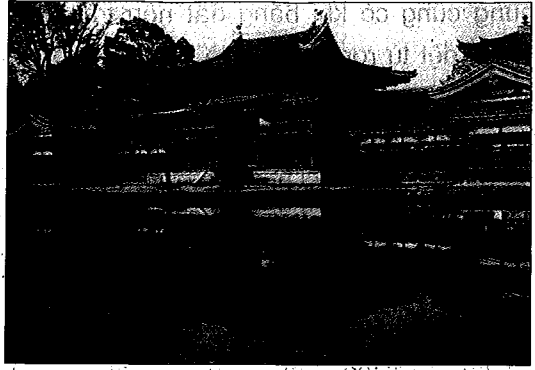
tòa tháp và Kim đường, trong khu đền Horyu còn có nhà hội họp một tầng khá rộng (gần 400m²), mái thoả hơi gầy giữa, tạo ấn tượng đôi cánh bay. Giữa nhà có phần nền được tôn cao, có thể đó là chỗ ngồi của chức sắc làng xã, giống như trong các đình chùa của Việt Nam.

Nhà chòi ngắm cảnh Hudo ở Uji quận Kyôto xây năm 1053 theo nguyên mẫu của nhà chòi quý tộc Trung Hoa, về sau được sửa thành đền thờ. Mặt bằng hình con Phượng Hoàng bay (hình 294).

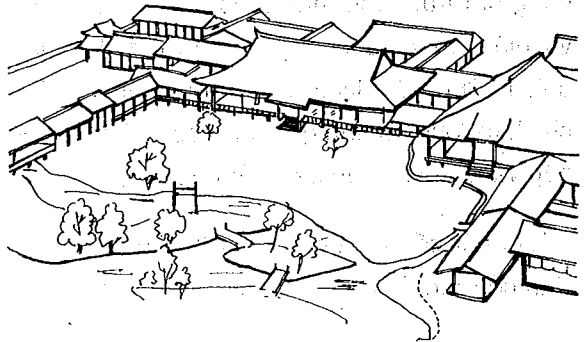
Trong số nhà ở Nhật Bản cổ đại có hai loại đáng chú ý: nhà ở của các võ sĩ đạo (samurai)* và nhà quan lại.

Nhà ở samurai có tên gọi là Sindên (hình 295), thường chiếm các khu đất rộng hàng vạn mét vuông (mỗi chiều không dưới 100m). Phòng ngủ đặt ở chính giữa. Mặt chính hướng Nam nhìn ra một sân rộng là nơi tiến hành các nghi lễ. Tiếp theo sân là vườn với ao, đảo, cầu, các loại cây quý. Cổng chính vào nhà từ phía Đông. Tất cả các công trình được bố trí đối xứng qua trục Bắc - Nam, và được nối với nhau bằng hành lang, kéo dài đến tận bờ ao ngoài vườn và kết thúc bằng nhà câu cá - ngắm cảnh. Nhà chính rộng 2 gian, dài từ 5 đến 7 gian, là chỗ ở của chủ nhà. Quanh nhà có hàng hiên. Sàn thường bằng gỗ,

* Thời kỳ này, đẳng cấp võ sĩ đạo Nhật Bản bao gồm mọi tầng lớp quý phái, số lượng lên tới hơn 1 triệu người.



294. Nhà chòi Hudo ở quận Kyôto



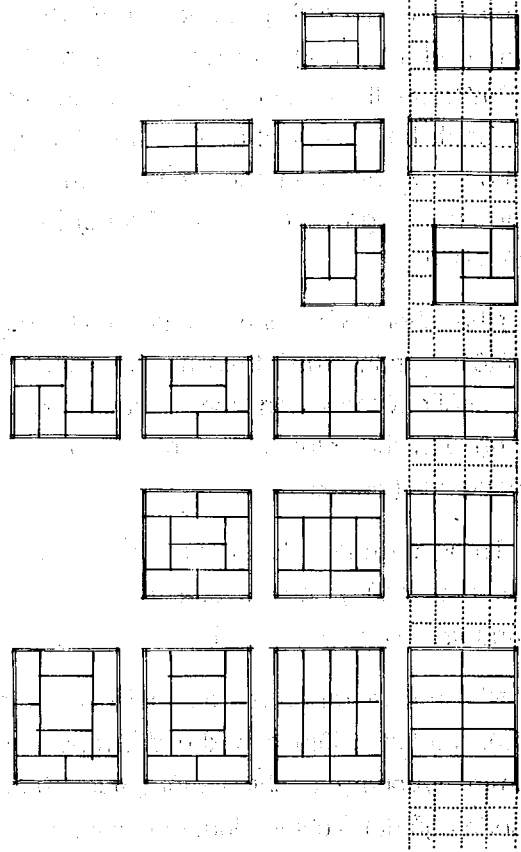
295. Nhà ở của samurai (Sindên)

nhưng cũng có khi bằng đất nện trải chiếu. Chiếu (dệt từ rơm rạ) gọi là tatami, là đơn vị định hình trong kiến trúc nhà ở Nhật Bản (hình 296). Việc phân chia các phòng trong nhà dùng vách nhẹ, bình phong hay cửa đẩy làm bằng nan gỗ phủ giấy. Cột nhà có tiết diện tròn.

Nhà ở Nhật Bản có bố cục và giải pháp mặt bằng rất cơ động, thoáng đãng, không gian trong và ngoài nhà có hoa lá, cây cỏ lồng quện nhau rất nhuần nhuyễn (hình 297). Sự tham gia của thiên nhiên vào sâu trong nhà tạo nên vẻ đẹp và sự độc đáo của ngôi nhà Nhật Bản. Trong mỗi ngôi nhà ở, sau chỗ ngồi của các samurai được tôn cao một bậc đều có một ô hõm vào tường gọi là toconoma, trên đó có trang trí các loại cây cỏ theo sở thích riêng của chủ nhà. Các toconoma không thể thiếu trong mỗi ngôi nhà truyền thống Nhật Bản.

Nhà ở quan lại thời Nara (trước thế kỷ thứ IX) có mái lợp bằng vỏ cây hay ván, sàn lát gỗ, cột chôn trực tiếp xuống đất. Những nhà đông trên 5 người phải làm mái rạ, tường bằng đất trát. Nóc mái được đắp lên rất cao, và diềm mái được chạm khắc cầu kỳ theo ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc. Nhà chính thường có sàn gỗ, còn các nhà phụ như bếp và kho làm nền bằng đất nện.

Hệ kết cấu gỗ trong kiến trúc nhà ở Nhật Bản có trình độ hoàn thiện cao. Hệ này, cùng



296. Tatami đơn vị định hình kích cỡ phòng ở Nhật Bản



297. Quán thể nhà ở giữa thiên nhiên

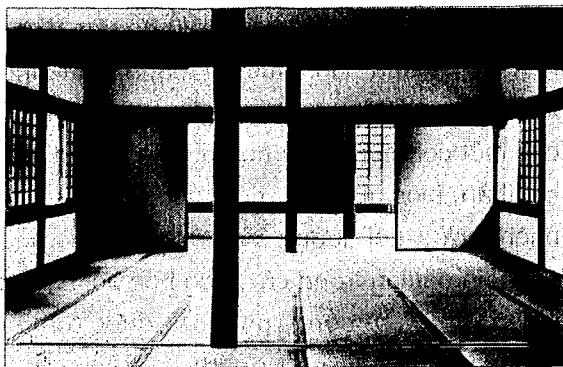
với các kiểu mái cong đã làm nên hình ảnh đặc sắc giàu sức biểu cảm.

Kiến trúc nhà ở Nhật Bản Trung thế kỷ (từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XVI)

Cuối thế kỷ thứ XII, chính quyền trung ương ngày càng yếu kém. Kinh thành không còn khả năng xây các công trình lớn. Quyền lực được chia ra khắp nước, trong tay các tướng lĩnh samurai. Do vậy việc xây dựng được tiến hành ở mọi nơi, kỹ thuật xây dựng có điều kiện phát triển. Ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc được thấy rõ qua sự tái thiết các chùa. Đó là hình thức cột góc với quá giang ba chiều có mộng trực tiếp. Hiên rộng, sàn lát ván, cấu tạo mái có nhiều tay đòn chồng lên nhau. Toàn bộ kết cấu mái được lộ nguyên trong nội thất. Hình thức và bố cục các kiểu kiến trúc, kể cả nhà ở, đều rất chặt chẽ, không có sự phô trương diêm dúa. Nhà ở dài 4 gian, rộng 3 gian, cửa chính quay hướng Đông, xung quanh có hiên thấp lợp ván. Chỉ có nhà chính ngăn bằng ván, còn các nhà phụ làm vách đất (hình 298).

Vườn trà và phòng trà

Thế kỷ thứ XVI, Thiên - một nhánh của đạo Phật - bắt rễ rất sâu trong nếp sống người Nhật, đã ảnh hưởng đến nghệ thuật sân vườn, làm thay đổi ngôi vườn của các samurai. Vườn có bố cục đơn giản nhưng thể hiện được bản chất sự hòa đồng giữa con người và thiên nhiên, đậm nét nhất là những



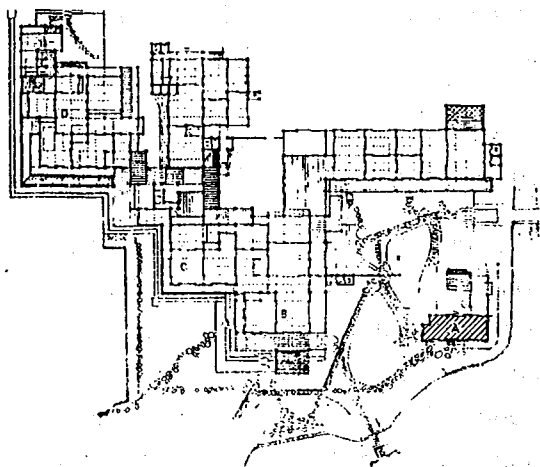
298. Bố cục một ngôi nhà ở



299. Lối vào phòng trà

vườn trà. Nó giúp con người giữ bỏ mọi ưu tư trần tục để đưa mình vào sự thanh thản, tĩnh tâm. Vườn trà là một không gian vừa phải, đủ cho một con đường đá hẹp đi qua, một ít cây cỏ thấp mọc trải dài dọc đường dẫn đến phòng trà. Cuối đường có một bồn nước nhỏ bằng đá đặt lẫn trong cây, bao bọc bởi những phiến đá xếp công phu và được chiếu sáng bởi đôi cây đèn đá (hình 299, 300). Mọi vật ở đây tưởng như được dàn dựng một cách vô tình, nhưng lại không hề cầu thả, có dụng ý, được tính toán đến từng chi tiết. Bước vào tới phòng trà, con người dường như đã đến được một thế giới tinh thần hoàn toàn khác, bỏ lại sau lưng thế giới phàm tục. Phòng trà thường rất bé, chỉ bằng 4-5 chiếc chiếu tatami, được thiết kế theo thuyết chủ hành vô thường. Mái tranh là biểu tượng cho sự phù du, cột mảnh là biểu tượng của ý tưởng hư nhược, còn những vật liệu bình thường mang khái niệm về sự dung dị. Trong phòng trà cũng như trong nghi lễ uống trà không có sự trùng lặp của đồ vật và màu sắc. Chén uống trà màu đen thì hộp đựng trà phải có màu khác. Lư hương hay lọ hoa trên giá toconoma không được đặt đúng giữa v.v...

Trà đạo Nhật Bản được coi là một phương pháp tu thân như võ đạo, thư đạo hay kiếm đạo, được phát triển như một thứ tôn giáo gọi là sado. Cuộc sống, kiến trúc và thiên nhiên hòa quyện đã tạo nên sự độc đáo của người Nhật suốt bao thế kỷ qua.

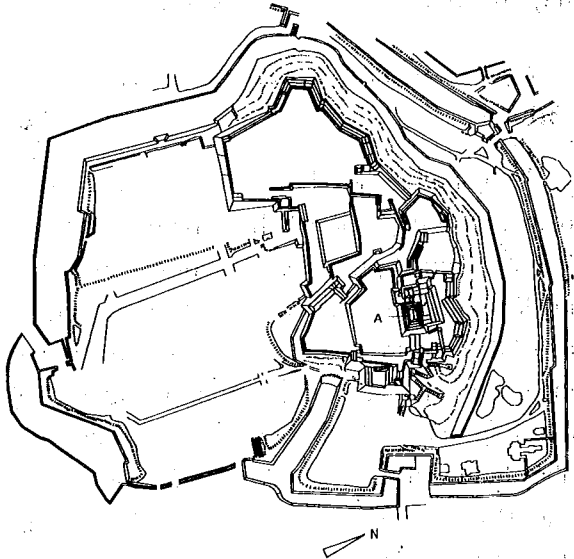
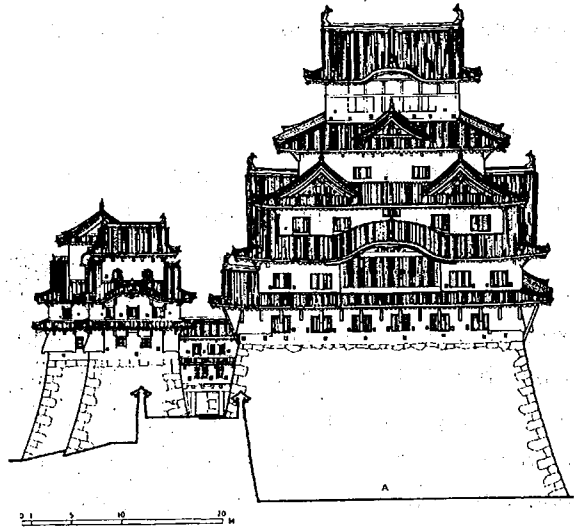


300. Vị trí phòng trà trong khu vườn ngôi nhà Nhật

Kiến trúc Nhật Bản từ sau thế kỷ thứ XVI

Từ thế kỷ thứ XIV, nước Nhật đã bị phân quyền cát cứ, có lúc tới 270 vùng. Mỗi lãnh chúa hùng cứ một phương. Khắp nơi đều có lâu đài kết hợp với pháo đài phòng thủ. Mỗi lâu đài là biểu tượng tham vọng quyền lực của một lãnh chúa. Thông thường, đó là những tòa tháp khổng lồ ngự tọa trên đỉnh đồi cao, bốn góc có kèm bốn tháp. Lâu đài cổ thường được làm bằng gỗ cao tới 7 tầng, mái lợp ngói, xung quanh có vườn hoa, non bộ. Phía chân có ba vòng tường đá dựng đứng che khuất đường lên, và một hào nước bao quanh. Kỹ thuật xây đá là nét độc đáo rất Nhật Bản: đá gắn với nhau chỉ bằng những hốc và gờ được tính toán sẵn mà không dùng vữa dính cứng để có thể xô dịch mỗi khi có động đất.

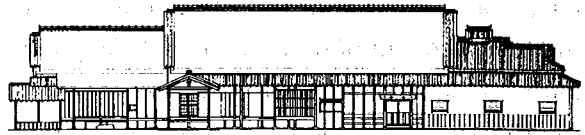
Lâu đài Himêji (lâu đài Bạch Hạc) là một điển hình được bảo tồn khá đồng bộ, được xây dựng theo thiết kế của kiến trúc sư Ideda Terumasa trong khoảng thời gian từ 1580 đến 1615. Đây cũng là một pháo đài dạng mê cung rất phổ biến ở Nhật Bản trong thế kỷ thứ XVI (hình 301). Lâu đài Himêji có 83 toà nhà với một hệ thống phòng thủ kiên cố, bao gồm các cửa vào thành, vọng gác ở ba phía Tây, Tây Bắc, Đông, nối với nhau bằng hệ thống nhà cầu với 4 vòng thành bao bọc. Để thành là những bức tường đá xây hơi võng lõng chảo vào phía trong (concave walls). Tất cả



301. Lâu đài Himeiji, mặt bằng tổng thể

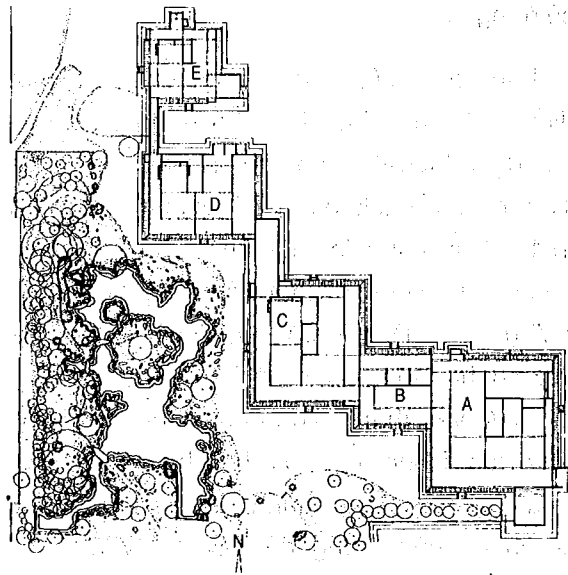
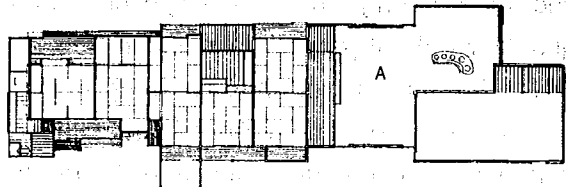
các hạng mục nhà cửa được biến hóa, nhập vào thế đất một cách hài hòa.

Toà lâu đài chính có 6 tầng trên mặt đất và một tầng hầm, cao 50m so với mặt đường vào. Tường màu trắng, có những chi tiết cửa điểm con sơn đỏ mái thanh tú. Mái đua hơi cong lợp gạch men màu ghi. Mặt mái lớn có xen những mái tam giác nhỏ hoặc vòng cung. Giải pháp kết cấu dùng bốn cột cái xuyên suốt 5 tầng, còn những cột xung quanh ngắt ra hai tầng một. Kết cấu phần trên và phần hầm hoàn toàn tách biệt nhau. Rất có thể điều này xuất phát từ mục tiêu chống động đất.



Đặc điểm nhà ở dân gian sau thế kỷ thứ XIV

Tại vùng Ise vào thế kỷ thứ XIV, nhà ở dân gian lấy đơn vị diện tích là bình (1 bình = 3,3m²). Nhà ở phổ biến là 5 bình, cao nhất là 35 bình. Về sau, nhà ở chủ yếu có diện tích 20 bình, trong đó bao gồm chỗ ở được tôn cao và nơi sản xuất, kho, bếp, chuồng trại đặt thấp hơn. Tất cả cùng nằm dưới một mái nhà, hoặc hai mái kề nhau, một chính, một phụ. Bố cục mặt bằng mạch lạc, kết cấu đơn giản. Không gian liên hoàn thông nhau bằng vách nhẹ cửa đẩy và song gỗ. Cột nhà bằng gỗ được đẽo vuông, còn các xà thì được để tự nhiên không đẽo gọt trang trí như ở các công trình tín ngưỡng. Mái lợp bằng rạ dày từ 0,6m đến 1m. Đồ đạc trong phòng hầu như không lộ rõ. Tối trải thảm ra sàn để nằm ngủ, ngày lại cất vào các tủ tường. Nhờ vậy phòng ở

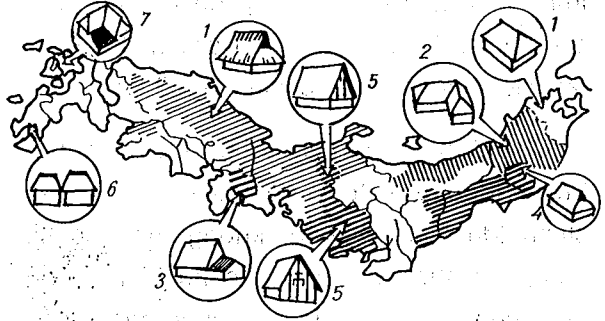


302. Phong cách Nhật Bản trong nhà ở mặt nhà, mặt bằng

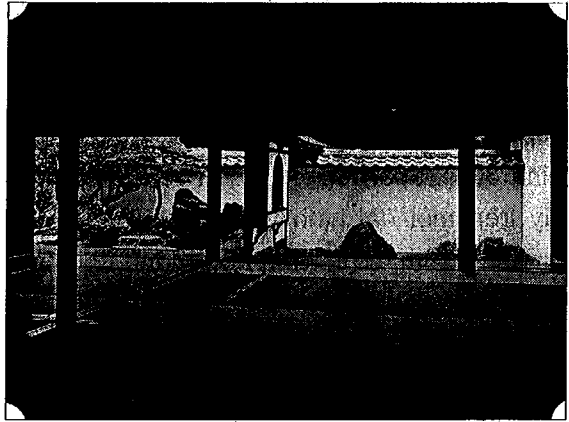
luôn gây được cảm giác sạch sẽ, thoáng đãng (hình 302).

Tựu chung lại, nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản đã in đậm sắc thái nhẹ nhàng uyển chuyển của một vùng luôn có động đất, người dân có lối sống khiêm nhường, khéo léo, tiết kiệm, hòa trong tự nhiên, được thể hiện trong các giải pháp kết cấu cũng như tổ chức không gian độc đáo, ít thấy ở bất cứ một dân tộc nào khác (hình 303, 304).

Từ thế kỷ thứ XVII trở đi, ảnh hưởng người Âu vào Nhật ngày càng nhiều, nhưng sự tiếp thu mạnh mẽ văn hóa Tây Âu vẫn được phát triển song song với những đặc điểm cổ truyền của dân tộc Nhật Bản, dẫn đến những bùng nổ kỳ diệu của dân tộc này vào nửa sau của thế kỷ thứ XX.



303. Nhà ở dân gian các vùng



304. Không gian ở Nhật Bản hoà vào thiên nhiên

4.4. KIẾN TRÚC ĐÔNG NAM Á

4.4.1. Kiến trúc Indônêxia

Borobudua - Kỳ quan Phật giáo của Indônêxia

Nói đến kiến trúc của quần đảo Indônêxia, phải kể đến Borobudua, một ngôi đền núi quỳn rữ, tọa lạc tại trung tâm đảo Java, được xây dựng vào các thế kỷ thứ VIII và thứ X.

Nhìn từ xa, quần thể nổi tiếng này không hề lộ rõ cấu trúc và ý đồ nghệ thuật. Lúc tới gần thì thật bất ngờ: những pho tượng Phật tuyệt vời, những hình chạm khắc huyền bí, những bậc thang kéo dài, những hành lang



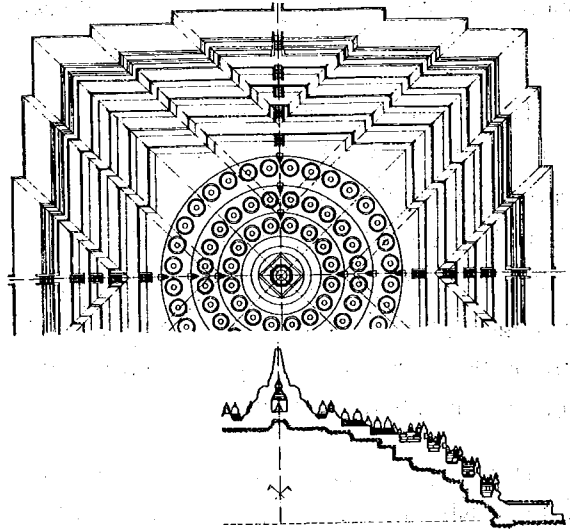
305. Toàn cảnh ngôi đền Borobudua

trùng điệp xen giữa những tán lá xanh của các hàng cây đã tạo nên ở đây một Vương quốc lộ thiên rất hoàn chỉnh (hình 305).

Chịu ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc truyền thống Ấn Độ, Borobudua là một dạng stupa lớn hình chuông, không mang chức năng đền thờ, mà là một công trình tưởng niệm của Phật giáo. Trong những ngày nước lụt dâng cao, ngôi đền núi này trông như một tòa sen nổi trên mặt nước. Kiến trúc đền gồm những lộ đài hình vuông, hình tròn và 73 vòm bát úp như hình những quả chuông (kiểu stupa Ấn Độ), bên trong có đặt tượng Phật (hình 306). Toàn bộ ngôi đền cao 42m được xây trên một đài hình vuông, chiều dài mỗi cạnh là 123m. Mặt bằng công trình chia làm hai phần chính. Phần phía trong của núi này ở trên cao bao gồm ba vòng tròn đồng tâm. Ở vòng tròn trong cùng có 16 đài tháp (stupa), vòng tiếp theo 24 stupa, vòng ngoài cùng 36 stupa. Chính giữa tâm là stupa cao nhất, lớn nhất. Phần tròn này biểu trưng cho trời.

Phía ngoài của trái núi là các tầng cấp hình vuông có tường và lan can, được trang trí bằng phù điêu xen kẽ với tượng Phật, biểu trưng cho đất (hình 307). Trời tròn, đất vuông là quan niệm của nhà Phật.

Nhưng chưa hết. Gần đây (1971 - 1983) người ta còn phát hiện thêm một tầng ngầm với 160 bức phù điêu được dấu kín trong lòng đất. Nội dung của 160 bức phù điêu ở phần ngầm và phần đài vuông mô tả triết lý nhân quả của đạo Phật trong kinh Kácmaviphaga,



306. Mặt bằng, mặt cắt đền Bôrobudua



307.
Stupa và
tượng Phật
ở đền
Borobudua

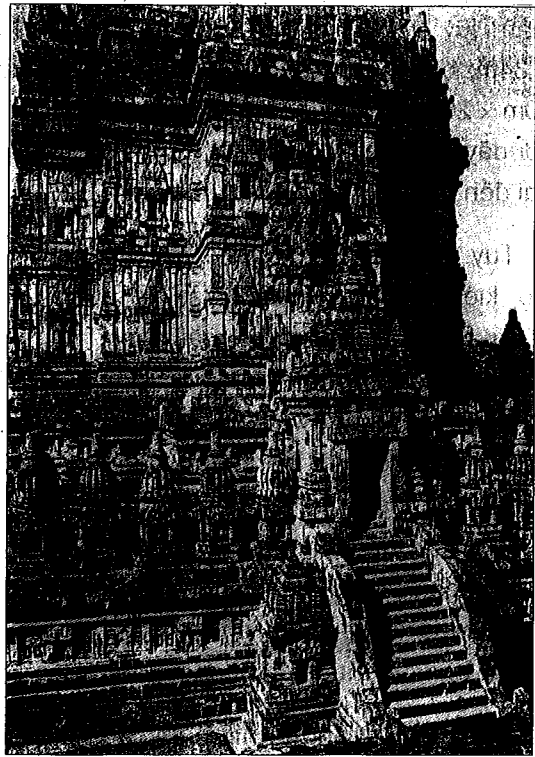
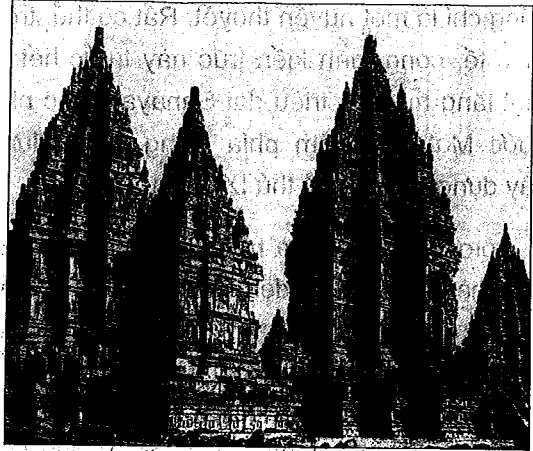
kinh Látivtlara, kinh Gandabuha được viết vào thế kỷ thứ VII. Mỗi khi đến nơi đây, tâm trí con người dường như được giải tỏa khỏi mọi ràng buộc trần thế để vươn tới cõi đại ngã vô biên.

Suốt gần 10 thế kỷ, cùng với sự thâm nhập của đạo Hồi vào Java, đẩy lùi đạo Phật, kỳ quan Phật giáo Borobuđua bị phó thác cho gió mưa, núi lửa và động đất mặc sức biến mình thành một đống cây rậm rạp, và bị quên lãng với thời gian.

Nhờ cố gắng của các chuyên gia châu Âu và cộng đồng thế giới chung sức cứu vãn khỏi sự sụp đổ do bị nước ngầm xói mòn, phải đến đầu những năm 1980, Borobuđua mới rũ bùn đứng dậy, hiện nguyên hình là một kỳ quan xứng đáng với tài năng của dân tộc Indônêxia.

Lôro Gionggrang - điểm kiến trúc chói sáng trong lịch sử nghệ thuật Java

Lôro Gionggrang là tên một người con gái đẹp. Để tìm cách từ chối lời cầu hôn của người mình không ưng, cô gái đã thách cưới thật đắt giá: 6 tòa lâu đài lộng lẫy có 6 giếng sâu ở bên trong, 1000 bức tượng, tất cả phải được làm xong trong một đêm. Rồi lời cầu hôn vẫn tiếp tục bị kéo dài do người đẹp yếm bùa làm hỏng bức tượng cuối cùng. Biết được mưu này, chàng trai dùng phép thuật biến cô gái thành bức tượng thứ 1000 rồi đem đặt ở ngôi đền chính. Công trình do đấy mà có tên là Lôro Gionggrang (hình 308). Dù sao, đây



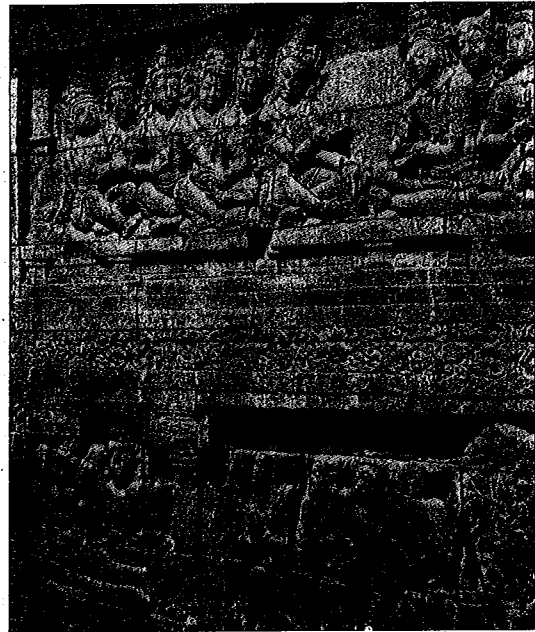
308. Tổng thể và một góc đền Lôro Gionggrang

cũng chỉ là một huyền thuyết. Rất có thể, trên thực tế, công trình kiến trúc này trước hết là một lăng mộ của triều đại Śaṇaya thuộc nhà nước Mataram nằm phía Đông Java, được xây dựng vào thế kỷ thứ IX (hình 309).

Lôro Gionggrang là một quần thể kiến trúc gồm hàng trăm ngôi đền lớn nhỏ giữa một bố cục sân vuông lồng nhau, tượng trưng cho ba thế giới người, vật và thánh thần. Với dãy đền thờ ba vị thần chính của Hindu giáo là thần Sáng tạo (Brahma), thần Bảo tồn (Vishnu) và thần Hủy diệt (Shiva). Đền Shiva có đáy 34m × 34m, cao 47m. Hai đền còn lại đều có đáy 20m × 20m, cao 23m. Về phía Đông, đối diện với dãy đền này là ba ngôi đền nhỏ hơn, và hai đền nhỏ nữa chốt ở hai đầu Nam Bắc.

Tuy chịu ảnh hưởng của cách bố cục Ấn Độ, kiến trúc Trung Java vẫn có những nét riêng. Ngôi đền Shiva có mặt bằng hình chữ thập, có lối vào từ ba phía Tây, Nam và Bắc, nhưng không thông với không gian trung tâm. Riêng phía Đông đi thẳng vào gian thờ chính. Các khối tháp vuông thành sắc cạnh, dùng các gờ chỉ để chia thành nhiều tầng bậc. Hàng ngàn phù điêu mô tả bộ sử thi Ấn Độ Ramayana đã tạo nên phong cách độc đáo và giá trị nghệ thuật lớn cho toàn ngôi đền.

Lôro Gionggrang là niềm tự hào của nền kiến trúc và nghệ thuật tạo hình Trung Java. Tuy có chung một phong cách, song nội dung các phù điêu mô tả sử thi chính là điểm làm cho Lôro Gionggrang khác với Borobudua: cảnh bắn vua Khỉ, cảnh anh em vật nhau,



309. 310. Các phù điêu mô tả sử thi Ramayana trên bề mặt Lôro Gionggrang

cảnh chúa Khỉ kể chuyện hay chúa Khỉ bị bắt, bị đốt đuôi phải bỏ chạy, rồi dùng cái đuôi đang bốc lửa của mình đốt cung điện của quỷ Ravana trên đảo Lanca. Lại có những đoạn mô tả đời thường, chim muông, gia súc, đồ dùng được thể hiện rất sinh động và đầy kịch tính (hình 310).

Borobudua và Lôro Gionggrang là hai di tích lớn thuộc hai hệ thống tôn giáo khác nhau - Phật giáo và Hindu giáo - nhưng lại đứng chung trong phong cách nghệ thuật Trung Java của Ấnônêxia thế kỷ VII-X. Đối lập với sự lặng lẽ, thanh thản và dịu dàng của nghệ thuật Phật giáo Borobudua, các phù điêu Lôro Gionggrang lại thể hiện rõ tính nhịp điệu, tính năng động trong đường nét và hình khối. Phù điêu Lôro Gionggrang được coi là đỉnh cao, là điểm sáng rực rỡ cuối cùng của nghệ thuật Trung Java.

4.4.2. Kiến trúc Campuchia

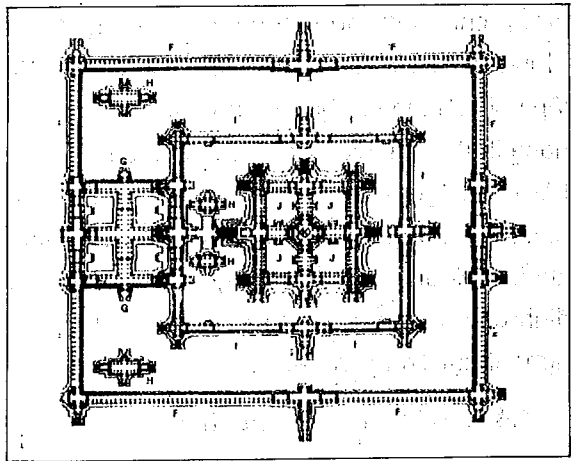
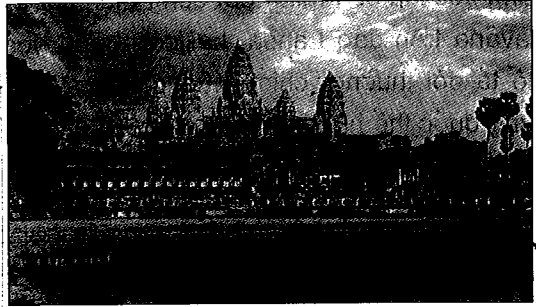
Một đất nước có diện tích nhỏ nhưng đã gây được sự chú ý lớn về nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc. Đó là nước Campuchia với các khu đền Ăngco kỳ vĩ. Chữ "Ăngco" là do người Pháp phát âm chệch của từ Nagara, tiếng Phạn có nghĩa là kinh đô. Thời kỳ huy hoàng của kinh đô Khơme bắt đầu từ đời vua Giaivacman II năm 802, và kéo dài đến tận năm 1431. Tại đây đã hình thành và phát triển những loại đền đài độc đáo của dân tộc Khơme, nổi bật hơn cả là hai công trình Ăngco Thom và Ăngco Vat.



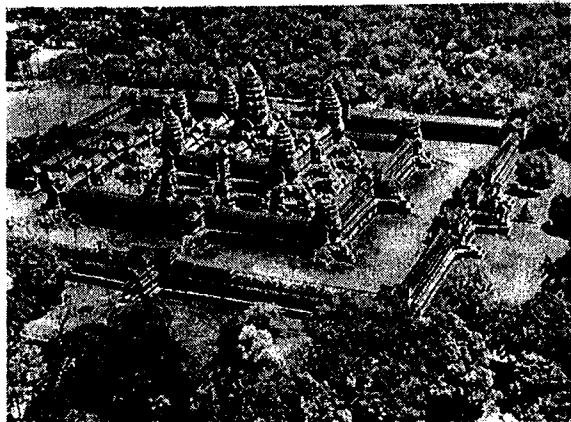
Ăngco Vat

Ăngco Vat có nghĩa là Thành phố - Chùa. Theo truyền thuyết thì Ăngco Vat đã được thần Indra sai nhà kiến trúc vĩ đại Preah Pisnuka xây xong trong một đêm để tặng cho người con nuôi của mình là Hoàng tử Preah Két Mêalêa sắp kế vị vua cha (hình 311, 312). Vì người cha nuôi là một vị thần nên đền phải được xây giống như các tòa lâu đài của thần trên thượng giới. Trên thực tế, Ăngco Vat chính là một khu đền mộ thờ Thần - Vua của các triều vua chúa Khơme. Khi còn sống, Vua cho xây đền để thờ thần. Khi chết đi, hồn vua nhập vào đền và cũng trở thành thần để được thờ luôn tại đó. Từ quan điểm này đã ra đời một loại hình kiến trúc thờ Thần - Vua gọi là Đền Núi. Ban đầu đó chỉ là một hoặc vài ngôi đền đứng trên đỉnh đồi. Sau hàng trăm năm phát triển và hoàn thiện nghệ thuật Đền Núi, vào năm 1122, nhà vua Saryavacman II đã khởi công xây dựng Ăngco Vat và hoàn thành đền này đúng vào năm 1150 là năm nhà vua qua đời (hình 313, 314).

Nằm về phía Đông Nam thành Yasodhara-pura, Ăngco Vat tọa lạc trên một khuôn viên có hình gần vuông 1.500m x 1.300m, xung quanh có hào rộng và khá sâu, phải dùng nhiều bậc thang mới xuống được tới mặt nước. Khác với lệ thường quay cổng hướng Đông, cổng chính của đền Ăngco Vat quay hướng Tây - về hướng đô thành. Một con đường dài tới 350m, rộng 9,5m nối từ cổng tới



311. 312. Ăngco Vat - mặt đứng, mặt bằng.



313. Toàn cảnh Ăngco Vat

chân đền, hai bên có hai hàng lan can đá chạm hình rắn.

Trên mặt các bức tượng phía Tây cao đến 2m, dài hàng trăm mét có 8 bức phù điêu mô tả cảnh vua thiết triều, Vua xung trận, các tướng lĩnh cưỡi voi, có lọng che, những toán quân lính mặt đầy sát khí, và cả các cảnh sinh hoạt hội hè sôi động của dân chúng.

Mặt tường hành lang phía Đông có mảng phù điêu dài tới 50m mô tả cảnh khuấy động biển sữa lấy thuốc trường sinh. Tượng nổi đắp hình nhà vua Vishnu nằm trên mình rùa ở chính giữa, hai bên là đàn quỷ thần đang ra sức kéo con rắn Vasuka khổng lồ. Từ biển sữa bị khuấy động bay lên các tiên nữ Apsara cùng nữ thần sắc đẹp Lạc sômi, vợ của Vishnu. Ở khu đền này có tới 2000 nàng Apsara bằng đá kiểu diễm tay đang cầm hoa hoặc đang múa, nét mặt rạng rỡ với trang phục nhiều màu vẻ, đúng là cảnh một thiên cung nơi hạ giới.

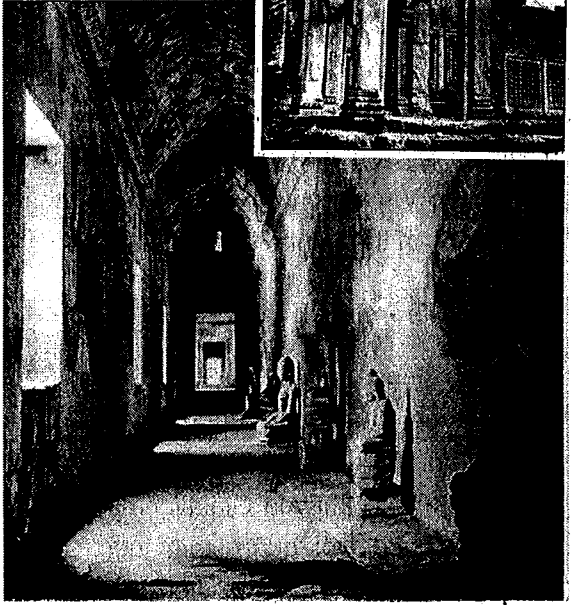
Ngoài chủ đề trên còn có nhiều mảng phù điêu mô tả cảnh trích từ các tích của bộ sử thi Ấn Độ Ramayana (hình 315).

Về mặt tạo khối, Ăngco Vát là một Kim tự tháp ba tầng với một tháp lớn ở chính giữa cao 42m và bốn tháp nhỏ hơn ở bốn góc. Vây quanh tháp trung tâm là hai lớp hành lang có cột và mái che, tạo thành hai vòng sân, ngoài tháp trong cao. Tháp này cũng có một hệ thống ba hành lang chạy dọc và một hành lang nằm cắt ngang nối thẳng với cổng vào ở



314.
Đường vào đền Ăngco Vát

315.
Lối vào đền và nội thất



phía Tây, tạo thành bốn sân vuông lộ thiên (hình 316).

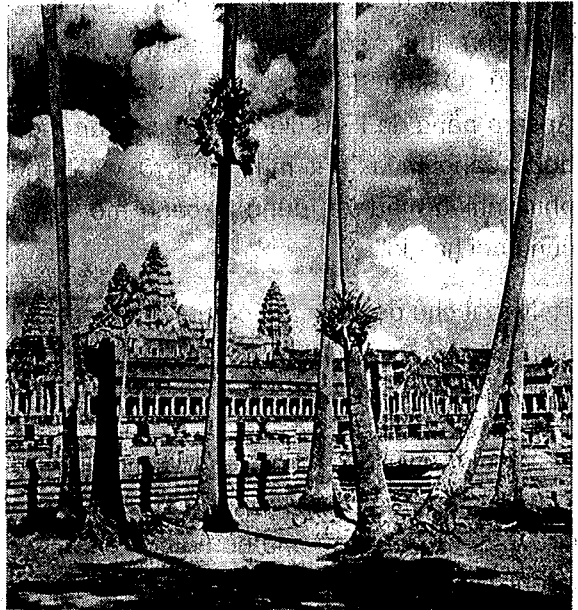
Việc xử lý không gian và tỷ lệ trên mặt đứng cũng như mặt bằng một cách chuẩn mực đã tạo nên giá trị nghệ thuật của ngôi đền Ăngco Vat. Luật phối cảnh được thể hiện ở trình độ cao: đoạn khoảng cách từ cổng tới đền dài gấp đôi chiều ngang khu đền là theo đúng cách của người Hy Lạp cổ đại (đứng xa hai lần kích cỡ một vật thể để quan sát nó được tốt nhất). Tỷ lệ phân theo chiều cao là 6m (tầng 1), lên hết tầng hai là $6 + 7 = 13\text{m}$ và lên hết tầng ba là $6 \times 7 = 42\text{m}$. Các tầng đều có dáng dấp và cấu trúc giống nhau. Nhìn từ xa, tầng trên như được chống trực tiếp lên tầng dưới, vừa tách riêng, vừa hòa quyện, biến đổi uyển chuyển khôn lường. Những cách thức cao siêu ở đây đã khiến một số học giả cho rằng chắc hẳn phải có bàn tay của những bậc thầy của xứ sở của Kim tự tháp. Số nhà nghiên cứu khác lại đưa giả thuyết về sự có mặt của những nhà xây dựng lão luyện xứ Hy - La. Còn dân chúng Khơme thì tin rằng Ăngco Vat là con đẻ của các đấng thần linh ngoài trần thế (hình 317).

Ăngco Thom

Từ cửa đền Ăngco Vat đi về hướng Bắc 1700m thì gặp bức tường thành Ăngco Thom, kinh đô mới được khởi công sau Ăngco Vat gần 60 năm, sau khi vua Giaivacman VII đã dẹp xong được Đội quân xâm lược Chăm (1181). Kinh đô mới này có diện tích 16km^2 ,



316. Phù điêu mô tả cảnh vua thiết triều và các tiên nữ

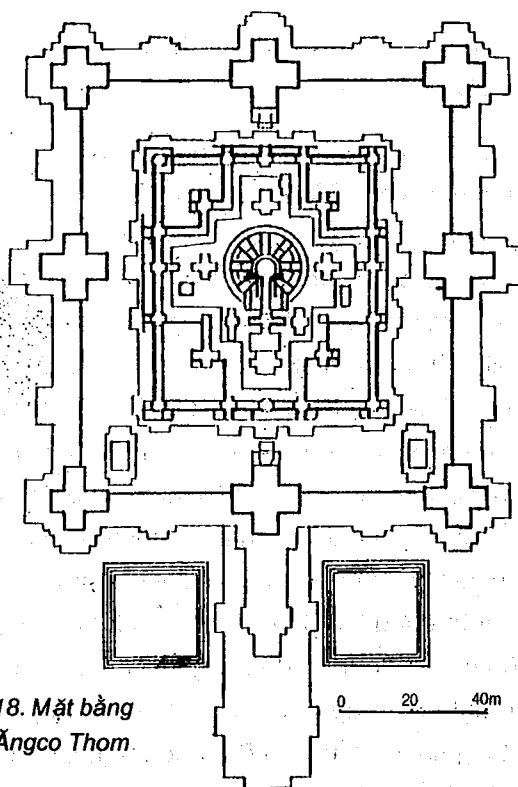


317. Ăngco Vat nhìn từ sân đền

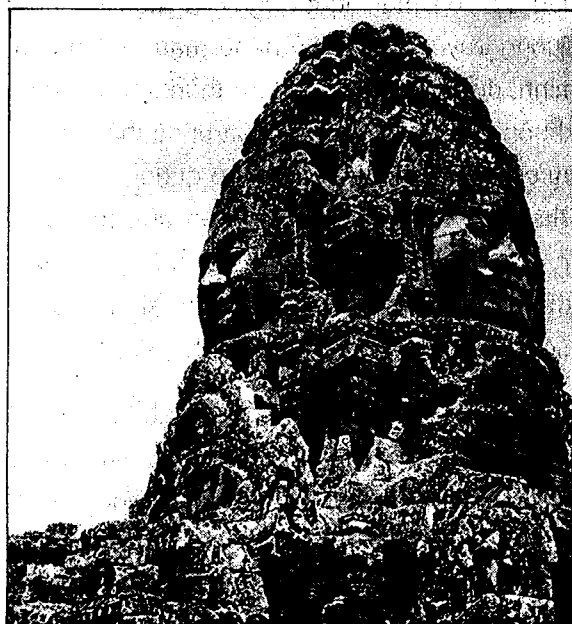
gấp bốn lần Ăngco Vat, được đánh giá là thơ mộng và lãng mạn nhất trong thế giới cổ đại phương Đông. Bao quanh bức tường thành hình vuông cao 8m xây bằng đá ong là một hào nước sâu có tổng chiều dài 4km, rộng 100m. Mỗi góc thành có một ngọn tháp gọi là Prasat Chung, bên trong có bia đá ghi lại công cuộc xây dựng kinh thành (hình 318).

Ăngco Thom có năm cửa ra vào, bốn cửa nằm ở bốn trục và một cửa phụ phía Đông. Mỗi cửa là một cổng thành. Phần kết thúc ở phía trên mỗi cửa đều có những ngọn tháp tạc hình mặt Phật cực lớn quay về các phía, tượng trưng cho uy quyền vĩ đại của nhà vua tỏa khắp bốn phương (hình 319). Trong thành còn có chỗ ở của Vua nằm chếch về phía Bắc và khá nhiều đền miếu nhỏ khác. Cách tường thành không xa về phía Đông và Đông Bắc, nhà vua còn cho xây dựng loạt đền thờ như Banteay Srei thờ đức Phật Thích Ca, Ta Prohm thờ Phật và Preah Khan - cây gươm báu của thần Indra ban tặng cho các đấng tiên vương Campuchia v.v... (hình 320).

Các công trình ban đầu của Ăngco Thom có phỏng theo phong cách của Ăngco Vat. Nhưng rồi hai phong cách nghệ thuật mới đã ra đời - đó là các tháp mặt người và các lan can đá tạc chủ đề "khuấy biển sữa tìm thuốc trường sinh" được nâng lên tầm cỡ hoành tráng khổng lồ. Những bức phù điêu tạc hình ảnh các thần đang gắng sức ngã về phía sau, những thần rắn cong mình vút lên trời để chống lại, khắc họa lại cảnh khuấy biển sữa. Những phù điêu này được



318. Mặt bằng
Ăngco Thom.

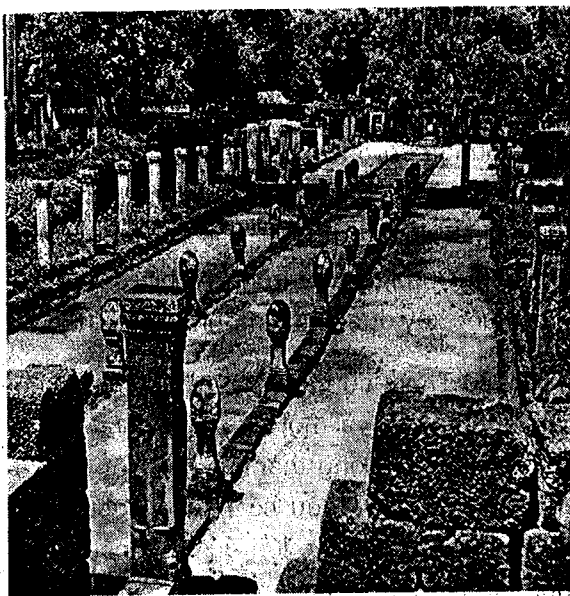


319. Nụ cười Đức Phật lấp lánh hào quang

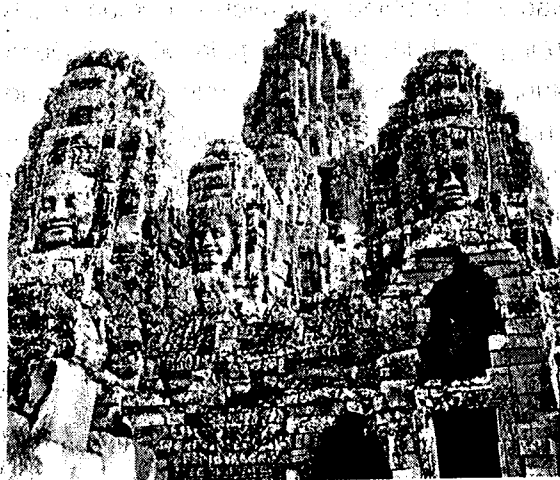
xếp vào loại sáng tác tạo hình kỳ lạ bậc nhất trên thế giới.

Nói về Ăngco Thom không thể không nói đến đền Bayon. Đền Bayon là trung tâm của cả quần thể, là sự kỳ vọng lớn nhất và kết quả rực rỡ nhất, độc đáo nhất của nhà vua Giayavarman VII. Đền bao gồm một vành ngoài cùng có hình gần vuông (160m x 140m). Phía bên trong là một hình vuông nhỏ hơn (80m x 57m). Các dãy hành lang song song và vuông góc đan cài giữa 54 ngọn tháp nhỏ cao tới 10m, trông xa như một rừng đá. Ở trung tâm là một đế tròn đường kính 25m, phía trên dựng tòa tháp chính cao 23m. Tổng chiều cao công trình đền Bayon là 43m. Trên mỗi mặt của tháp đều có tạc hình mặt người với tổng số 43 đầu và 172 khuôn mặt (cứ mỗi đầu có bốn mặt người quay về bốn hướng). Tương truyền để tỏ khả năng màu nhiệm của mình, đức Phật đã hóa thân thành hàng ngàn khuôn mặt có nụ cười huyền bí có thể hiểu là nụ cười bình yên lấp lánh hào quang của Đức Phật hay nụ cười mãn nguyện của nhà vua trước một thời thịnh trị. Đây là một giải pháp khá thành công trong việc dùng kiến trúc và điêu khắc để mô tả Đức Phật (hình 321).

Giống như trong Ăngco Vat, các mặt tường ở Bayon được trang trí dày đặc bằng phù điêu, mô tả từ cảnh sinh hoạt đời thường như chơi gà, rước lễ, chèo thuyền, hái quả, cảnh chiến trận, bắn cung, cưỡi voi đến các sinh hoạt của triều đình. Những hình ảnh này khiến Bayon trở thành cuốn lịch sử đồ



320. Đền Banteay Srei ngày nay



321. Tháp ở Ăngco Thom

sộ của dân tộc Campuchia viết bằng đá. Chỉ ở tầng trên cùng, các hình tạc mới mang nội dung tôn giáo, thể hiện các tích nhà Phật. Đây là một điều độc đáo hiếm thấy trong nội dung nghệ thuật các đền đài thời xưa (hình 322).

Không chỉ có phù điêu, Bayon còn nổi tiếng bởi rất nhiều tượng tròn tạc hình vua quan, Đức Phật và các Bồ tát. Các tượng này đã góp phần cùng hàng ngàn mét vuông phù điêu làm nên phong cách nghệ thuật Bayon tuyệt vời và độc đáo. Không chỉ dùng lại ở chất liệu đá, nhiều chi tiết kiến trúc và điêu khắc đã được khảm thép hoặc dát mạ bằng vàng bạc và đá quý. Đất nước đã chi tốn tới năm tấn vàng, năm tấn bạc và bốn mươi nghìn viên đá quý cho việc này. Và đã phải huy động tới 1000 nhà điêu khắc giỏi làm việc cần mẫn trong suốt 20 năm trời.

Song, hoa trái nào rồi cũng đến thời chín rụng; đêm hội vui nào rồi cũng đến điểm tàn canh. Khối tiền của như nước đổ vào xây cất cung đền đã làm quốc gia khánh kiệt, dân chúng lầm than. Sau thế kỷ huy hoàng, khu đền Ăngco tiến đến đoạn cáo chung của nghệ thuật kiến trúc đền núi, để đi dần vào lãng quên và hoang phế. Phải tới tận cuối thế kỷ XIX, khu đền Ăngco mới được tái sinh để được người đời xếp vào hàng các kỳ quan bậc nhất của nhân loại.



322. Phù điêu ở Bayon

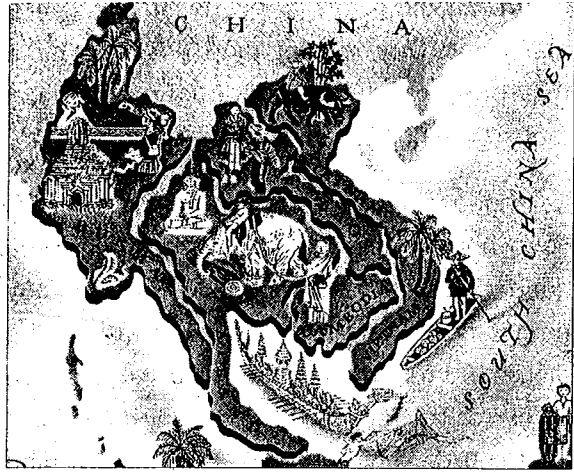


Hàng hiên hoang phế ở Bayon

4.4.3. Kiến trúc Thái Lan*

Những quốc gia sống trong khu vực Nam và Đông Nam châu Á tuy có chung nền văn minh lúa nước, có số ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, đôi khi còn có chung cội nguồn, nhưng mỗi dân tộc lại có một lịch sử văn hóa riêng biệt và độc đáo. Thái Lan là một quốc gia như vậy.

Di chỉ khảo cổ Bang Chiang thuộc tỉnh Udon Thana (Đông Bắc Thái) cho thấy thời đại đồ đồng đã tồn tại ở đây từ những năm 3600 trước CN, là bằng chứng khá sớm của một xã hội nông nghiệp phi đô thị (hình 323).



323. Thái Lan trong cộng đồng các nước Đông Nam Á

Nền nghệ thuật kiến trúc Thái Lan cổ và trung đại có thể tạm chia thành hai thời kỳ chính: thời kỳ người Môn và thời kỳ người Thái (hình 324).

Kiến trúc thời kỳ người Môn

Tộc người Môn đã có mặt ở Thái Lan từ hàng vạn năm trước và hình thức tổ chức nhà nước đã có từ cách đây hai ngàn năm.

Người ta đã tìm thấy dấu tích những pho tượng Phật cổ từ thế kỷ thứ VII và những tòa tháp cao trên 50m như tháp Kukut 5 tầng ở Lampun còn khá nguyên vẹn, có mặt nền hai cấp bằng đá ong vuông mỗi cạnh 34m, trên đó là khối 5 tầng xây gạch, có tượng Phật đặt

* Mục này có sử dụng một số tư liệu do PGS. Trần Hùng cung cấp.

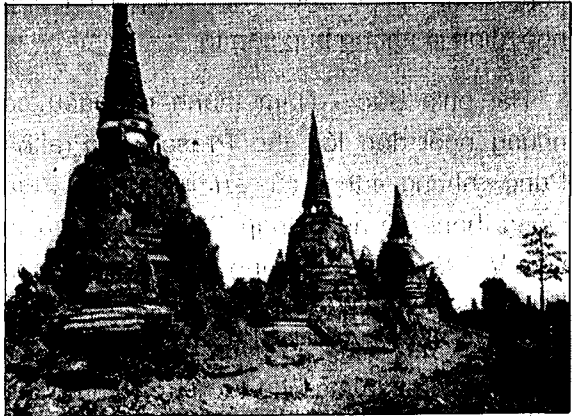
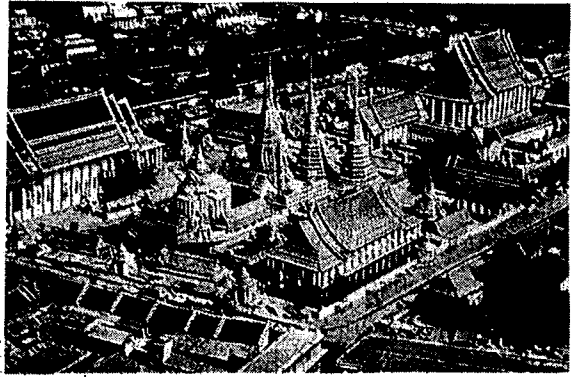
ở từng tầng quay ra bốn phía. Tháp được kết thúc bằng một chóp nhọn.

Thế kỷ thứ IX, ở vùng Bắc Thái Lan có loại tháp đáy vuông đỉnh thu nhọn phình ra ở giữa. Điển hình là tháp Prathat Panon ở tỉnh Nakhon Panon. Phong cách nghệ thuật thời kỳ này có tên là *phong cách Dvaravati*.

Trong các thế kỷ từ VII đến XIII, ở nhiều miền khác nhau của Thái Lan đã hình thành những phong cách nghệ thuật khác như:

- Phong cách Lôpburi (thế kỷ thứ VII - XIV) ở miền Trung và Đông Bắc Thái, nơi có nhiều ảnh hưởng kiến trúc Ăngco Vát của Khơme. Nhiều tác phẩm điêu khắc làm từ đá và đồng về chủ đề Phật giáo đại thừa rất đặc trưng cho phong cách này.

- Phong cách Svirijaia (thế kỷ thứ VIII - XIII) là phong cách nghệ thuật vùng Nam Thái Lan có nhiều nét tương đồng với nghệ thuật miền Trung Java của Indônêxia. Như chùa Pra Barômthat có mặt bằng hình vuông, mái tròn nhiều tầng, đỉnh tháp hình chuông. Đền thờ Vạt Keo ở tỉnh Chaiya có cấu trúc và dáng dấp gần với Tháp Chăm Việt Nam thế kỷ thứ IX - X, nhưng bên trong lại có một phòng chính và ba phòng phụ là kiểu bố cục quen thuộc của tháp Java (Indônêxia).



324. Nghệ thuật kiến trúc Thái Lan

Kiến trúc thời kỳ người Thái

Khoảng thế kỷ thứ XI, người Thái từ phương Bắc tràn xuống đã chính thức định cư ở đây và lập ra nhà nước Sukhôthai đóng đô

tại thành phố Sukhōthai (tiếng Pali có nghĩa là bình minh của hạnh phúc).

Tuy chỉ tồn tại chưa đầy hai thế kỷ - từ năm 1293 đến cuối thế kỷ thứ XIV - nhưng Sukhōthai đã từng là một đô thị lớn với ba vòng tường thành và bốn cổng chính. Một mặt hồ rộng nước luôn trong vắt nằm ở chính giữa Hoàng thành, nơi có ngôi chùa tháp Vat Mahathai rất lớn xây theo kiểu Khơme trên nền vuông nhiều bậc. Thân tháp hình búp ngô, đỉnh là những búp sen to.

Hai phía Bắc - Nam thành phố đều có những ngôi đền lớn thờ Prasat và Prakha Pung - những vị thần của sự hưng thịnh. Phía Đông thành có ngọn tháp Chedi Sung và tu viện Vat Sichum. Ở những nơi này hiện còn lưu giữ được nhiều phù điêu và tượng cổ bằng đá, đồng, đất nung... có trình độ nghệ thuật khá tinh xảo. Những pho tượng Phật trong tư thế đang đi, một gót chân nhấc cao tay vươn ra thuyết pháp được các nhà nghiên cứu xếp vào hàng những bức tượng đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc Đông Nam Á. Phong cách nghệ thuật thời kỳ này có tên là *phong cách Sukhōthai*.

- *Phong cách Lana hay Chiêng Sẻng* (thế kỷ thứ XI - XVIII) ở vùng Chiêng Mai, có nhiều chùa tượng kế thừa nghệ thuật của người Môn và người An. Tiêu biểu là chùa Bảy đỉnh (Vat Chet Yot) xây theo kiểu các đền Ấn Độ. Chùa tháp Chedi Siliêm vương 5 tầng tương tự tháp Kukut của người Môn ở Lämpun. Ngoài ra còn có chùa Vat Pasak ở Chiêng Sẻng cũng thuộc phong cách này.

- *Phong cách Ayutthaya* - được gọi theo tên cố đô của Vương quốc Aya Thaga nằm ở hạ lưu sông Menam thuộc miền Trung Thái Lan. Trong 400 năm trị vì, 33 đời vua của vương quốc này đã tạo nên những đỉnh cao mới cho nền nghệ thuật chùa tháp. Các kiểu tháp tròn thời Sukhôthai được bổ sung thêm những hàng cột bao quanh ở phía trên của thân tháp. Thời kỳ này cũng xuất hiện những ngôi chùa bằng gỗ đặt trên nền cao với bộ mái cong nhiều lớp, có các cửa sổ đầu nhọn.

Từ cuối thế kỷ thứ XVII, trong nhiều ngôi chùa đã có sử dụng loại ngói tráng men. Tranh tường mô tả các hoạt động của tôn giáo là thể loại mới được phổ biến rộng rãi và vẫn còn được lưu giữ cho đến tận ngày nay trong các ngôi chùa nổi tiếng như chùa Vat Chetupon ở phía Nam Sukhôthai và đền Vat Chettheo ở Sisat Chanalai.

Là một đất nước theo đạo Phật, ở Thái Lan trung bình cứ 3000 dân số có một ngôi chùa. Đặc điểm chung của ngôi chùa Thái thể hiện ở chức năng và bố cục tổng thể chùa. Đây vừa là nơi hành lễ, vừa là trung tâm sinh hoạt văn hóa giáo dục của cộng đồng, là trường dạy lễ nghĩa cho trẻ em. Điều này được nhận rõ trong cơ cấu tổng thể, gọi là wat (hay vat).

Wat là một khuôn viên có tường rào, có cổng và nhiều ngôi nhà có các chức năng chính phụ khác nhau. Trong ngôi nhà chính (gọi là Bot) có đặt tượng Phật. Khu tụng niệm gọi là Viharn. Các tòa tháp tròn, đầu nhọn

hình chuông hoặc hình chóp nón có nhiều trang trí, thường được dát bằng vàng (gọi là Chedi), là nơi cất giữ thi hài Phật, là bộ phận nổi bật nhất của mỗi ngôi chùa. Ngoài ra, ở đây còn có nhà để kinh Phật (gọi là Mondop), chỗ ở của sư sãi (gọi là Kuti), các dãy nhà chỉ có mái không có tường vây che (gọi là Sala) dùng cho khách nghỉ hoặc tiến hành các sinh hoạt cộng đồng. Đáng chú ý trong các wat là những tháp nhỏ, thường có hình bắp ngô và có đắp hình nhiều loài chim Thần (gọi là Chofa) hay hình rắn Naga.

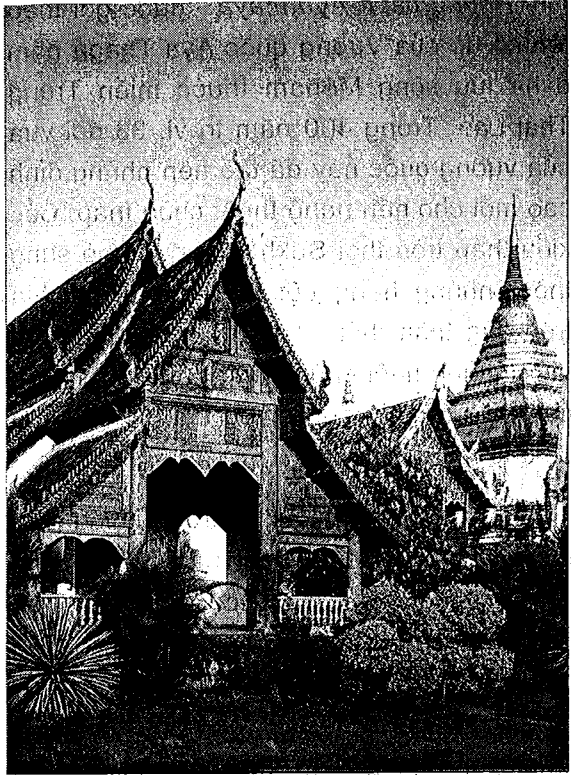
Điều gây được ấn tượng đặc biệt ở kiến trúc các chùa Thái là bộ mái dán những lớp ngói men nhiều màu và có nhiều gờ chỉ tinh vi.

Với các mặt bằng hình chữ nhật thì các mái dốc về hai phía, đôi khi được nhấn mạnh ở giữa khối (hình 325).

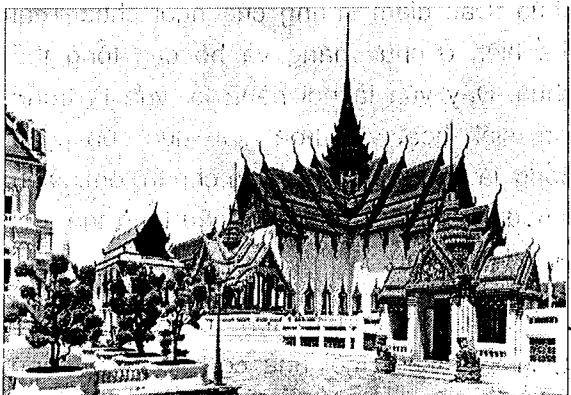
Nếu mặt bằng hình chữ thập thì có chóp nhọn ở các đầu hồi hoặc chóp tháp ở chỗ giao nhau của các đỉnh mái (hình 326).

Cùng với việc sử dụng màu sắc một cách rực rỡ, các bờ mái, góc mái được chạm khắc tối đa đã góp phần tạo nên hình ảnh ngôi chùa vừa phong phú, vừa trang trọng.

Công trình chùa tháp tiêu biểu nhất của Thái Lan có lẽ là chùa Vat Phra Keo (chùa Phật Ngọc) ở gần trung tâm thủ đô Băng Cốc. Cùng với hoàng cung, chùa này nằm giữa một pháo đài kiên cố (đến nay pháo đài này không còn nguyên vẹn). Trong quần thể ngôi chùa này có rất nhiều tháp được lợp ngói màu, có đường nét duyên dáng, có tòa tháp



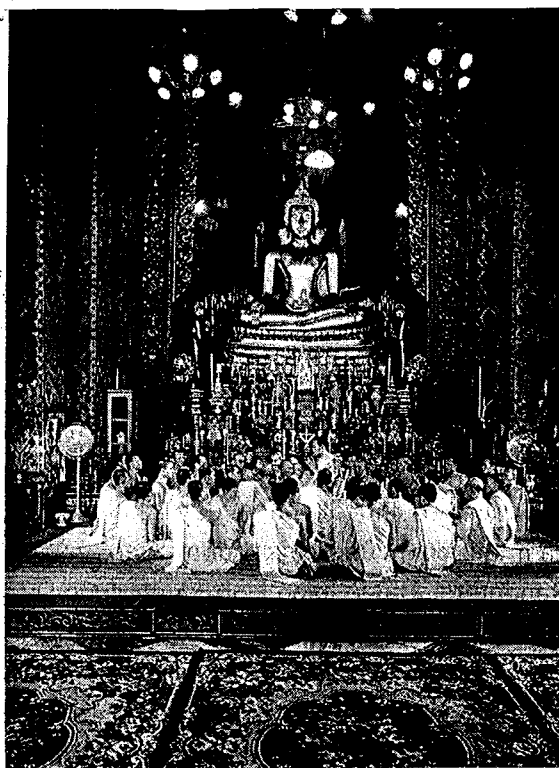
325. Bộ mái chùa Thái được nhấn mạnh ở giữa khối



326. Bộ mái chùa Thái có mặt bằng hình chữ thập

chính được dát vàng. Ngôi nhà bot (trung tâm chùa) có mặt bằng hình chữ nhật, có các hàng cột chạy dọc nhà để đỡ bộ mái hiên 3 lớp. Diềm mái ở hai đầu hồi được chạm khắc hình rắn Naga với các đầu rồng đang uốn lượn. Với độ cong được trang trí kỳ công bằng nhiều hình hoa lá, chim muông, hình Phật ngồi thiên trên tòa sen, được ghép từ các mảnh kính - sứ nhiều màu, bộ mái chùa trông như những tấm thảm long lanh rực rỡ đang nhẹ nhàng bay lượn trên bầu trời.

Bên trong tòa tháp Vat Phra Keo, trên bệ cao, trong lồng kính có một bức tượng Phật được làm bằng ngọc bích liền khối cao 66cm, rộng 48cm, tương truyền được đưa về từ Lào (?). Ở đầu vai, bụng và đầu gối pho tượng này có đặt 9 viên xá lỵ lấy từ tro hài cốt của đức Phật. Xung quanh bức tượng chính này còn có số tượng Phật khác nhỏ hơn và một bức tượng chân dung của nhà vua Cha Kri - ông vua đầu tiên của vương triều Thái Lan hiện đại (hình 327).



327. Nội thất một ngôi chùa Thái ở Bangkok.

Nhà ở dân gian

Nhà ở dân gian chính thống của người Thái là ngôi nhà sàn - một kiểu nhà ở rất khoa học, rất đặc sắc về không gian tỷ lệ cũng như về các chi tiết cấu tạo, nên rất quyến rũ. Đây là loại kiến trúc mở khá thích hợp với khí hậu nóng ẩm nhiệt đới, có thể xây cất trên mọi địa hình, có khả năng thông thoáng tối đa, có cấu trúc đơn giản, chắc chắn, được làm bằng gỗ. Đôi khi nhà có thêm những trang trí hình chim muông, hoa lá



328. Quang cảnh một góc ngôi làng Thái

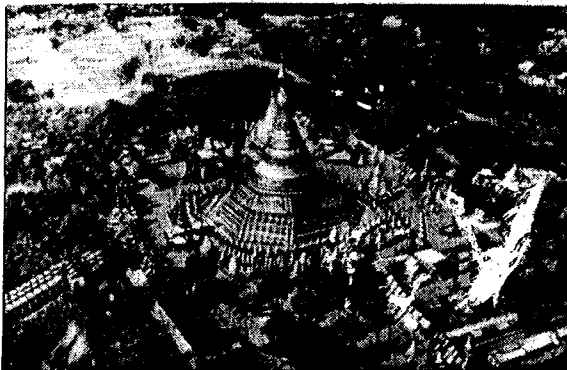
(thường thấy ở các ngôi nhà của các gia đình khá giả). Trước mỗi nhà đều có sân, cũng được đặt trên cọc, rất thuận tiện cho sinh hoạt gia đình, đồng thời làm cho ngôi nhà dân gian của người Thái có một vẻ dịu dàng duyên dáng hiếm có (hình 328).

4.4.4. Kiến trúc Myanmar

Chùa Vàng

Là một tổng thể kiến trúc lớn không những của Myanmar mà của cả vùng Đông Nam Á. Theo truyền thuyết, cách đây chừng 2500 năm đã có những nhà buôn vùng thủ đô Rangun tới Ấn Độ thỉnh kinh và đã được Đức Phật ban cho bảy sợi tóc vàng. Trở về nhà, họ được dân chúng nô nức đón chào và quyết định góp công của xây nơi cất giữ những sợi tóc quý. Ngọn tháp Vàng cao 20m trên đồi Singutara đã ra đời để làm việc đó. Cùng với tháp Vàng, dân chúng còn xây tiếp 6 tháp là tháp Bạc, tháp Thiếc, tháp Đồng, tháp Chì, tháp Sắt và tháp Đá.

Khảo cổ chưa xác định được chính xác thời điểm ra đời của chùa Vàng. Song một điều chắc chắn là có nhiều trận động đất đã xảy ra làm chùa bị hư hại nặng. Người ta đã phải nhiều lần tu bổ, sửa chữa và sau mỗi lần, ngôi chùa lại được làm cho cao hơn, rộng lớn hơn. Tháp chùa Sve Đagon sau lần tu bổ năm 1774 đã đạt tới chiều cao 99m (hình 329, 330). Mặt bằng chùa có hình gần vuông (214m × 276m) đặt theo hướng Bắc - Nam, nhô cao lên 20m so với xung quanh, có bốn dãy nhà cầu có mái che đưa người từ dưới đi



329. Toàn cảnh khu vực chùa Vàng



330. Chùa Vàng ở Myanmar

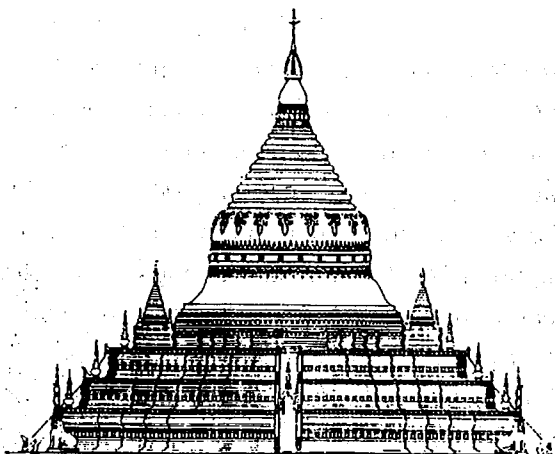
lên. Dãy bậc phía Tây dài nhất (175m). Dãy ngắn nhất ở phía Nam (104m). Hai bên cổng chính phía Nam có hai pho tượng sư tử Sinte cao 9 mét. Các cổng vào phía bên có những dãy nhà nghỉ dành cho khách thập phương tới hành hương. Tất cả gồm một tháp chính, 72 ngọn tháp phụ và vô vàn tượng voi, sư tử, tượng thần và quái vật đứng hài hòa cạnh nhau tạo nên một khối tượng hình phong phú.

Điều làm nên vinh quang cho quần thể này là phần đỉnh của tháp chính, được hoàn thiện vào năm 1871, cao 10m, có 7 vòng vàng. Người ta đã gắn vào đây tới 9300 lá vàng cỡ 30cm x 30cm, nặng đến 560kg, hàng trăm viên kim cương và hồng ngọc. Giá trị vật chất lớn nhất có lẽ là các trụ bạc đỡ một quả cầu đường kính 25cm được khảm tới 5.488 viên kim cương và 3.217 viên đá quý (hình 331).

Với một tập hợp chùa, tháp, cột, điện trùng điệp, với lượng kim loại và đá quý gắn trên công trình, Sve Đagon xứng đáng là một tòa kiến trúc bằng vàng, trong cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen của từ này.

Thành phố cổ Pagan và chùa Vàng Ananda

Pagan là vùng đất thuộc vương quốc hùng mạnh từng vang bóng một thời, nằm bên dòng sông Iravadi ở chính giữa đất nước Myanmar, trên con đường giao lưu thương mại giữa Ấn Độ và Trung Hoa trong thời cổ đại (hình 332).



331. Tháp chùa Vàng - Sve Đagon

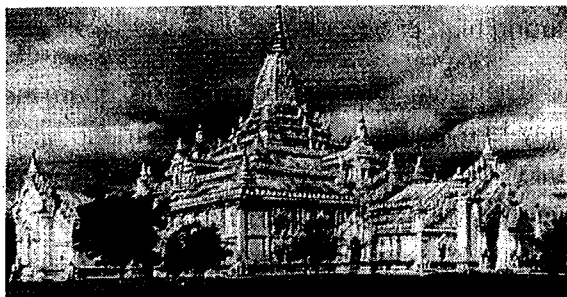


332. Quần thể Pagan

Truyền thuyết đã từng kể về giai đoạn phát triển rực rỡ của Pagan trong suốt gần mười thế kỷ sau Công nguyên. Nhưng lịch sử thành văn ghi nhận sự hưng thịnh của Pagan bắt đầu từ đời vua Aniruda (1044), sau khi nhà vua này thống nhất được đất nước, biến Pagan thành thủ đô của Vương quốc, huy động hàng ngàn hàng vạn thợ ngày đêm xây nên rất nhiều chùa tháp. Truyền thuyết cũng kể rằng một ngày ở đây mọc thêm 40 ngôi chùa; một năm - 15 ngàn chùa tháp và trong 300 năm đã có cả thảy bốn triệu ngôi chùa tháp được xây dựng, biến Pagan thành thủ đô tâm linh của cả dân tộc Myanmar.

Quần thể Pagan được xây dựng trên một diện tích rộng tới 40km², gồm 5.000 công trình lớn nhỏ (nay chỉ còn lại khoảng 2.300). Trong số này có những tháp cao tới 50 - 60m (hình 333).

Những khai quật khảo cổ cho thấy ngay từ đầu thế kỷ thứ IX, Pagan đã được quy hoạch theo hình vuông mỗi chiều 1,2km có tường cao, hào sâu chạy bốn phía, từng đoạn lại nhô lên những tháp cao. Mạng đường phố trong thành có hình ô cờ. Trên cổng thành phía Đông có tác hình hai vị thần Bảo hộ (gọi là Nát). Tương truyền, có một chàng thợ rèn tài ba cùng người em gái bị một tên vua tàn bạo hãm hại, về sau hai anh em chàng trai này được dân chúng tôn sùng thành những vị thần trong huyền thoại. Phía ngoài thành trong tâm bán kính 5 - 7km nay vẫn còn dấu vết của rất nhiều cụm chùa tháp, điểm dân cư và hệ thống thủy lợi.

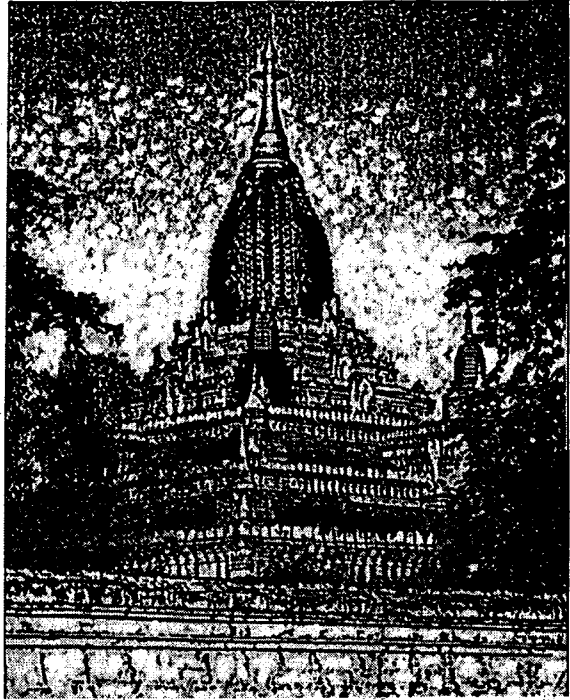


333. Toàn cảnh chùa Ananda ở Pagan



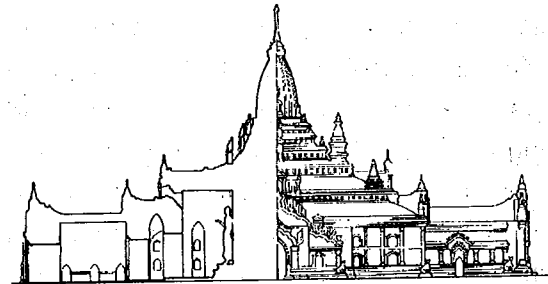
334. Vòm ở Stupa Mandalay

Những kiến trúc tôn giáo ở Pagan xây bằng gạch và vôi vữa bao gồm hai thể loại chính: loại đền tháp (Stupa hoặc Xetiva theo tiếng địa phương) và chùa (tiếng địa phương gọi là Gu). Các Stupa đều có hình bát úp như thường thấy (hình 334). Stupa Shvezigon xây năm 1059 gồm ba tầng được dát vàng từ chân đến đỉnh. Bên cạnh hình Phật, ở đây còn có 37 tượng thần "Nat" - những vị thần bảo vệ của Shvezigon. Cùng đồng dạng nhưng lớn hơn nhiều lần, Stupa Mangalaxetiga cao tới 45m, lớn nhất ở Pagan, được xây dựng năm 1284.



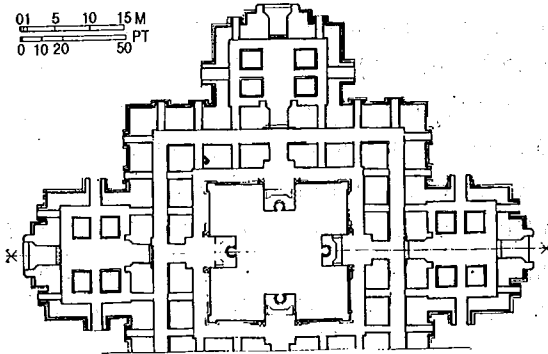
335. Chùa Ananda

Loại chùa "Gu" - tiếng Myanmar có nghĩa là hang - là những khối hộp vuông chồng lên nhau, dưới lớn, trên nhỏ dần, kết thúc bằng một đỉnh hình tròn nhọn kéo dài, hoặc bằng một tháp hình vuông. Vào khoảng thế kỷ thứ XIII, một nhà vua có công, có tài tên là Tilanman đã xây cho mình một công trình kỷ niệm xứng đáng - đó là ngôi chùa Ananda - ngôi chùa đẹp nhất vùng Pagan (hình 335).



0 5 10 15 M
0 10 20 50 PT

Chùa Ananda có mặt bằng hình vuông, cạnh đáy 80m, cao 50m, xung quanh là dãy hành lang có mái che. Ở độ cao 10m, giữa các bức tường đá có trở các ô cửa sổ hẹp. Người đến cúng vái ở phía dưới không nhìn thấy cửa sổ mà chỉ nhìn thấy những tia sáng huyền ảo rọi lên bức tượng Phật dát vàng cao 10m, đặt trên bệ cao 3m với khuôn mặt Phật bình thản nở nụ cười điềm tĩnh đang nhìn xuống đám chúng sinh nhỏ bé phía dưới chân (hình 336).



336. Mặt cắt, mặt nhà và mặt bằng chùa Ananda TK XI

Vương triều Pagan tuy chỉ tồn tại trong gần ba thế kỷ, nhưng đã để lại một thành tựu

mẫu mực về quy hoạch đô thị và hình ảnh về một quần thể công trình kiến trúc huy hoàng, còn sống mãi trong tâm khảm mọi người dân Myanmar.

4.4.5. Kiến trúc Lào

Nếu truyền thuyết về bảy sợi tóc vàng đã gắn với sự ra đời ngôi Chùa Vàng của người Myanmar thì sự tích huyền thoại về chiếc xương đầu gối của Đức Phật Ấn Độ ban cho năm nhà sư Lào từ thế kỷ thứ III trước CN lại là lý do để người Viêng Chăn dựng nên tòa tháp Đại Phật tích (Thạt Luồng).

Đây là công trình kiến trúc tiêu biểu nhất của đất nước Triệu Voi (hình 337). Thạt Luồng được khởi xây vào năm 1566 trên nền và khung của một ngôi chùa cũ, cách trung tâm Viêng Chăn chừng 2km. Đây là một trong những ngọn tháp Phật lớn nhất nước Lào với chiều dài hai cạnh đáy là 90m × 90m, chiều cao 45m. Phần thân tháp được đặt cao ở vị trí trung tâm, có mặt bằng rộng 52m, dài 54m. Trong khuôn viên này còn có 30 tháp nhỏ màu vàng, để vuông hình chóp cụt sơn màu trắng. Trên mặt chính các tháp đều có ghi những lời thần chú bằng thứ tiếng địa phương (tiếng Thăm Pali). Chân tháp chính là một đài sen vuông xòe cánh ra bốn phía. Đài sen này được đặt trên bệ vuông có cấu trúc phức tạp, càng lên cao càng nhỏ lại, sau đó phình ra một gờ nổi được chạm khắc tinh vi. Ở trên cùng có một trụ vuông phình ở dưới, miệng thắt dần lại như hình trái bầu, kết thúc bằng một tháp nhỏ, có mũi tên đâm thẳng lên trời. Toàn bộ trục tháp này được dát tới một ngàn



337. Tòa tháp Đại Phật Tích (Thạt Luồng)

cân vàng lá. Chạy quanh các tháp nhỏ là dây hành lang vuông lộ thiên có các bậc lên xuống và các hành lang cao khắc 228 ngọn lá. Giữa mỗi lá có một khám nhỏ đặt tượng Phật bằng đất nung. Chính giữa mỗi mặt lan can đều có trở cổng vào. Những cổng này hình vòng cung, trên có các tháp nhọn.

Thoạt nhìn, kiến trúc Thạt Luồng có một số bộ phận lặp lại các khối thân hình bán cầu của tháp Sanchi Ấn Độ thế kỷ III TCN, khối đỉnh mang dáng tháp Thái Lan thế kỷ XV-XVIII, chân tháp nhắc lại tháp Myanmar v.v...

Thế nhưng, tất cả những ảnh hưởng riêng lẻ đó lại hòa hợp và được kết tinh một cách khéo léo để tạo nên một công trình kiến trúc mang đậm bản sắc dân tộc Lào. Thạt Luồng không hề giống bất kỳ một kiểu tháp Phật giáo nào. Ở đây hành lang dài rộng hơn, chiều cao vừa phải hơn so với các tháp Myanmar. Thân bán cầu tuy lớn, nhưng giảm được cảm giác chiều cao nhờ các vòng tháp nhỏ bao quanh, nên không hoàn toàn giống như Sanchi của Ấn Độ. Đỉnh công trình đã biến thành khối trung tâm chứ không còn là một bộ phận như trên đỉnh các tháp Thái. Sự nhất quán trong bố cục, sự nhịp nhàng về tỷ lệ, sự hài hòa về đường nét đi kèm với sự tương phản hợp lý về màu sắc (xám ở tường, trắng ở các đế, vàng rực ở đỉnh tháp) đã tạo nên vị trí của một công trình văn hóa tiêu biểu cho trí tuệ, óc sáng tạo và tính thống nhất của các dân tộc Lào, đưa Thạt Luồng lên hàng các công trình kiến trúc có giá trị nổi bật ở Đông Nam Á (hình 338).



338. Tiến hành một thủ tục tín ngưỡng ở chùa Lào

Chương 5

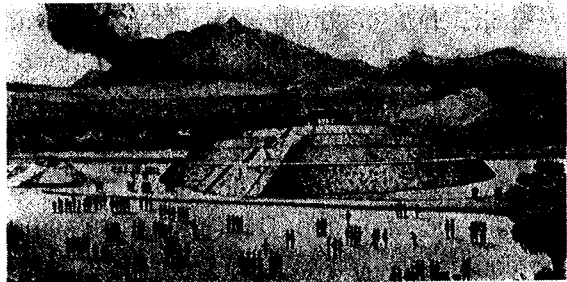
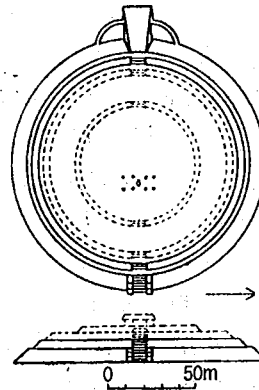
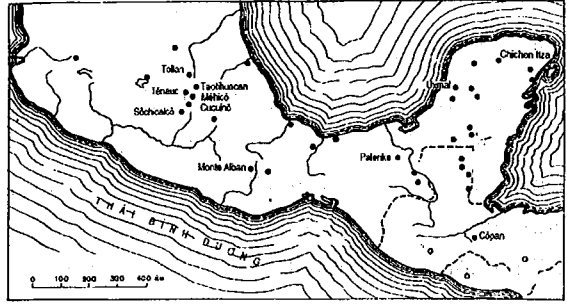
KIẾN TRÚC CỔ CHÂU MỸ

Từ rất lâu trước khi người châu Âu đặt chân lên đất Mỹ (1519), tại một số vùng Trung và Nam Mỹ như Mêhicô, Pêru đã xuất hiện các nền văn minh rực rỡ. Thế kỷ thứ VIII trước CN, khi cộng đồng nguyên thủy bị phân hóa, các kỹ thuật tưới tiêu mới ra đời khiến cho nguồn lao động nông nghiệp dư thừa được huy động sang làm công việc xây dựng. Những kim tự tháp, các tượng hoành tráng, các khu công trình lớn có trang trí nhiều họa tiết kiến trúc lần lượt xuất hiện. Chính thế kỷ đầu tiên sau CN được gọi là thời kỳ Cổ điển. Tục tế thần đã sản sinh ra hàng loạt trung tâm tôn giáo lớn của nhiều quốc gia - đô thị.

Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XV các quốc gia - đô thị cổ tàn lụi dần. Việc xây các kim tự tháp để tế thần cũng hầu như chấm dứt. Giới quân phiệt lên thay thế đã cho xây dựng các quốc gia - đô thị nô lệ mới. Từ đó, nền văn hóa của dân tộc Toltéc đã phát triển ở Trung Mỹ và văn hóa của dân tộc Inca đã phát triển ở Andes cho đến khi người Âu tràn vào.

5.1. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI TOLTÉC

Toltec là dân tộc xuất hiện sớm nhất trên lãnh thổ châu Mỹ. Khoảng 5000 năm trước CN, cách thành phố Mêhicô không xa về phía Nam họ đã từng xây dựng Kim tự tháp Cucuinô bốn cấp hình tròn cao tới 20m, đường kính đáy 135m với những thang rộng dẫn lên đền thờ trên đỉnh (hình 339).

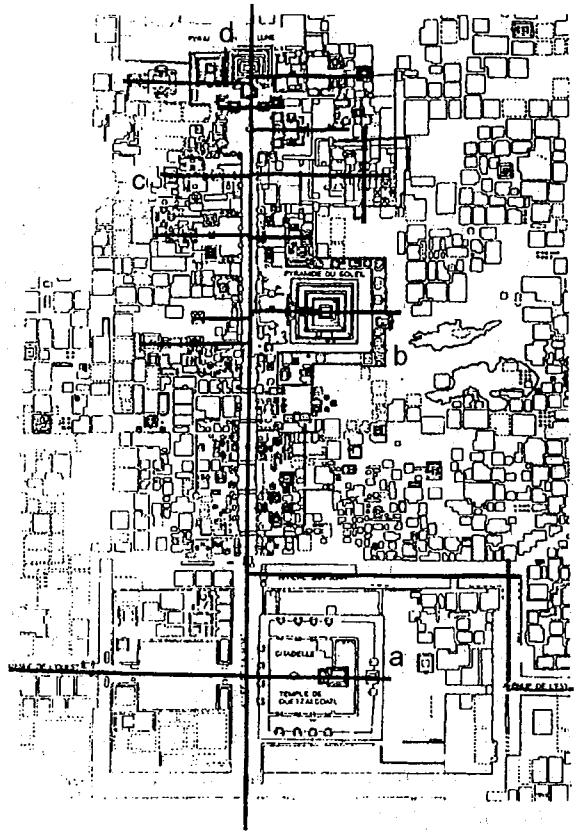


339. Kim tự tháp Cucuinô TK VI TCN.
Mặt đứng, mặt bằng, toàn cảnh

Về phía Bắc thủ đô Mêhicô 50km, từ thế kỷ thứ V trước CN đến thế kỷ thứ VI, có một thành phố của người Toltéc có tên là Teotihuacan (hình 340).

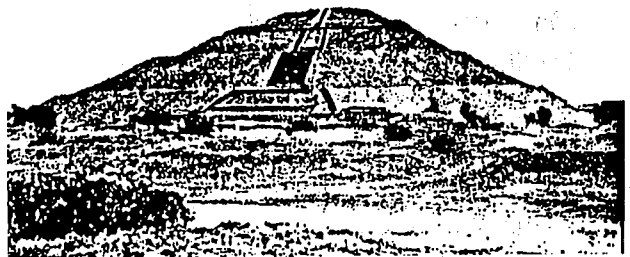
Teotihuacan có nghĩa là thị trấn của Thần Mưa. Thị trấn này rộng 36km², nằm ở độ cao 2.300 mét so với mặt biển. Vào thời thịnh vượng nhất, dân số đã lên tới 20 vạn, với 4.000 tòa nhà xây bằng đá núi lửa trong đó có cả những cung điện được trang trí bằng những pho tượng mỹ lệ. Tất cả các công trình được bố cục dọc theo mặt bằng hình chữ nhật, dựa trên các nguyên lý hài hòa vũ trụ.

Một đại lộ lớn chia đôi thành phố và nối liền các chợ, đền đài và quảng trường. Ở đây đã từng có khá nhiều kim tự tháp giá trị. Nổi tiếng nhất là kim tự tháp Mặt Trời cao khoảng 63m, kích thước đáy tháp là 225m x 220m, được xây bằng 2,5 triệu tấn vật liệu. Tháp này gồm 5 tầng với các bậc thềm được dùng làm khán đài khi có đám rước. Các bậc thang ở dưới rộng, càng lên cao càng hẹp và dốc dần. Đỉnh tháp ngày nay chỉ còn là một mặt bằng rộng độ 12m². Đỉnh cư trên một cao nguyên đất cát, bị mặt trời chói chang hun nóng, bị mưa to xói mòn nên "ân huệ của Trời" đã trở thành nhân tố quyết định cuộc sống của con người. Mưa ít, khô hạn hay mưa đến không phải lúc, trái mùa hoặc mưa quá nhiều đều là tai họa đối với người Toltec. Theo một quan niệm cổ, Mặt Trời tượng trưng cho sức nóng và sự sung túc, là mơ ước của mọi con người. Có lẽ đây chính là lý do khiến cho người Toltéc phải tốn công xây dựng một ngôi đền



340. Thánh địa Teotihuacan

- a) Đền thờ Quetzacoalt
- b) Quần thể kim tự tháp Thần Mặt trời
- c) Điện Quatzapapalotl
- d) Kim tự tháp Mặt Trăng



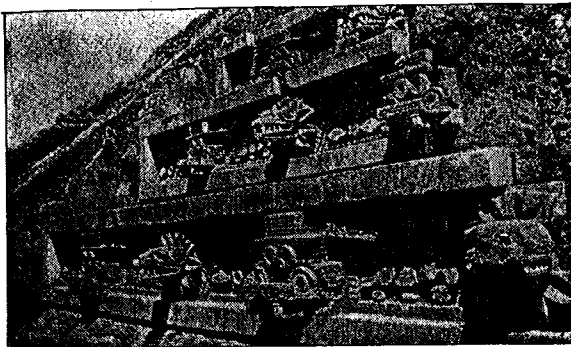
341. Toàn cảnh đền thờ Thần Mặt Trời ở Teotihuacan

tháp lớn nhất của mình để thờ thần Mặt Trời (hình 341, 342).

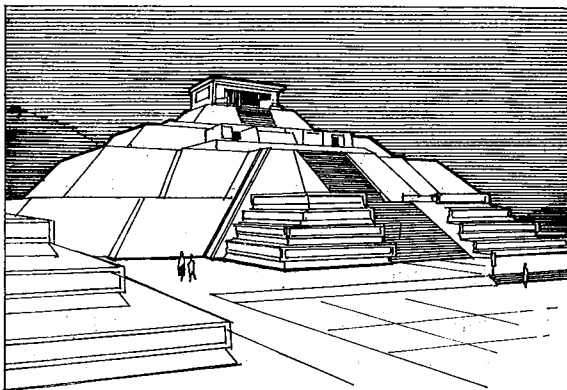
Mặt ngoài của đền tháp được trang trí bằng các tranh vẽ và hình chạm chìm được phân cách đều theo chiều nằm ngang. Trong đền có một tượng thần bằng đá, ngực dát bằng vàng, tỏa ánh sáng lóng lánh dưới ánh Mặt Trời. (bức tượng này về sau đã bị người Tây Ban Nha phá hủy). Tháp được xây bằng gạch, bên ngoài ốp bằng các đá núi lửa màu đỏ.

Mặt bằng tháp được đặt lệch 17° so với hướng Bắc - Nam. Hàng năm cứ vào lúc 12 giờ trưa ngày 21 tháng sáu là mặt trời lại rọi ánh sáng lên đủ cả bốn mặt tháp. Khi đó bóng của tháp trùng với chân của đế tháp. Có thể tháp này cũng là một thứ lịch dùng để tính năm và tính mùa theo ánh sáng mặt trời, của người dân địa phương.

Rẽ phải từ tháp Mặt Trời, một con đường dài 2km, rộng 45m sẽ đến tháp Mặt Trăng nằm ở phía Bắc. Tháp này thấp hơn, khoảng 56 mét, đáy rộng 142×158 mét. Có lẽ đây là tháp xưa nhất của người Toltec được xây bằng đá sỏi vớt từ dưới sông lên. Dưới chân tháp có công trình điêu khắc chính của thị trấn Teotihuacan: tượng "Nữ thần sông nước", là em gái của thần mưa Tlaloc. Tượng này bằng đá badan, cao 3,19m (hình 343). Cách đó không xa là đền thờ Quetzalcoatl, vị vua anh minh cai trị vào thời phát triển rực rỡ nhất của nền văn minh Toltec. Mặt tiền của đền là một điêu khắc tiêu biểu của văn hóa Toltéc, miêu tả Tlaloc với cặp mắt



342. Chi tiết đền thờ Thần Mặt Trăng



343.
Đền thờ Thần
Mặt Trăng và
bức tượng
Nữ thần sông nước

lồi ra ngoài, răng nhô, xung quanh có nhiều hình rắn có lông vũ (hình 344).

Trên sân đền có bốn bàn thờ cao. Đây là nơi các giáo sĩ và chức sắc chứng kiến các lễ hội và những cuộc vui chơi nhảy múa. Giữa sân có một bàn thờ chính, với 4 đợt thang, mỗi đợt gồm 13 bậc. Như vậy tổng cộng có 52 bậc, tượng trưng cho một thế kỷ gồm 52 năm theo cách tính của người Toltec. Cứ mỗi 52 năm một lần, các giáo sĩ lại tập trung ở đền Quetzalcoatl để tiễn thế kỷ cũ, đón thế kỷ mới. Trong mỗi dịp như vậy lại có một mạng người bị dâng lên để tế thần, hầu cứu cho hạ giới thoát được sự sụp đổ. Ngoài ngôi đền, ở đây còn có Điện Quetzalcoatl (hình 345).

Người Toltec còn là tác giả của kim tự tháp lớn nhất thế giới ở Cholu với chiều dài đáy $300m \times 300m$. Kim tự tháp này được xây dựng trên cơ sở của một công trình có từ 800 năm trước, nhiều lần bị phá đi xây lại và cuối cùng đã trở thành một bệ rất lớn để đặt ngôi đền thờ Quetzalcoatl lên trên.

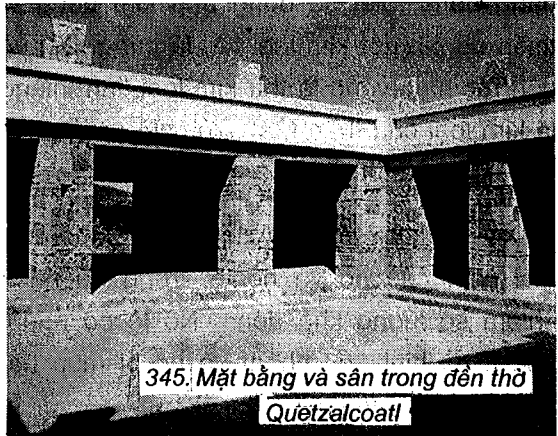
Đầu thế kỷ thứ VI, Teotihuacan đã là một nhà nước hùng mạnh có lãnh thổ rất rộng. Nhưng đến khoảng năm 900, có thể do sự xâm lăng của rợ phương Bắc mà nhà cửa bị cháy trụi, dân chúng bỏ đi hết, và thành phố lụi tàn dần.

5.2. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI AZTEC

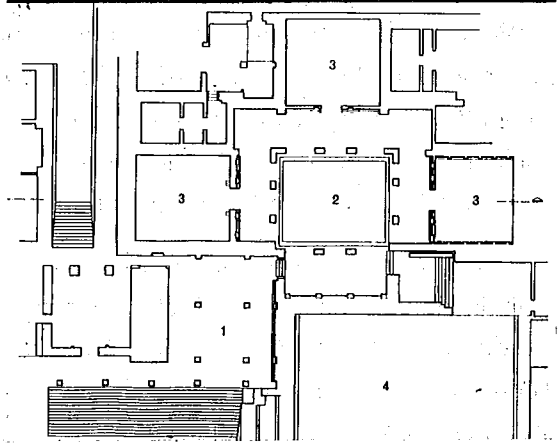
Đầu thế kỷ thứ XIV, một tộc người da đỏ sống ở miền Bắc Mỹ có tên là Aztec di cư xuống Trung Mỹ và định cư trên vùng đất



344.
Tượng
đầu người
khổng lồ



345. Mặt bằng và sân trong đền thờ
Quetzalcoatl



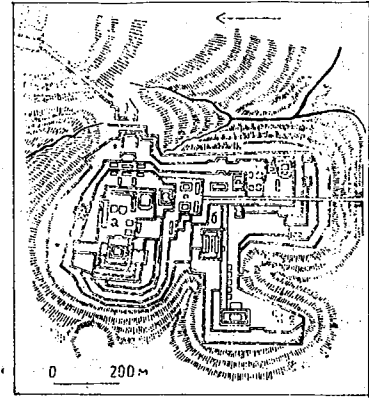
thuộc Mêhicô ngày nay. Ở đây, họ thừa hưởng một nền văn hóa phát triển từ "thời kỳ Cổ điển" với những đô thị và trung tâm tín ngưỡng lớn như Sochicalco, Tollan (hình 346), Tenoc-titlan v.v... từ thế kỷ thứ VIII-IX, đã hình thành được quốc gia và nhanh chóng đạt được sự phát triển hưng thịnh vào cuối thế kỷ thứ XIV đầu thế kỷ thứ XV.

Người Aztec sống chủ yếu bằng nghề nông, nhưng cũng chú trọng nhiều đến các nghề thủ công mỹ nghệ như bạc, vàng, gỗ và đá quý. Họ khéo dùng lông chim may quần áo, trang trí nhà cửa, sản xuất các đồ đặc bằng đồng, biết sử dụng hợp kim đồng và thiếc để cắt gọt kim loại và đá cứng. Đối với dân tộc này, vàng là thứ kim loại linh thiêng, là kim loại của thần Mặt Trời, chỉ dành riêng cho thủ lĩnh (vua).

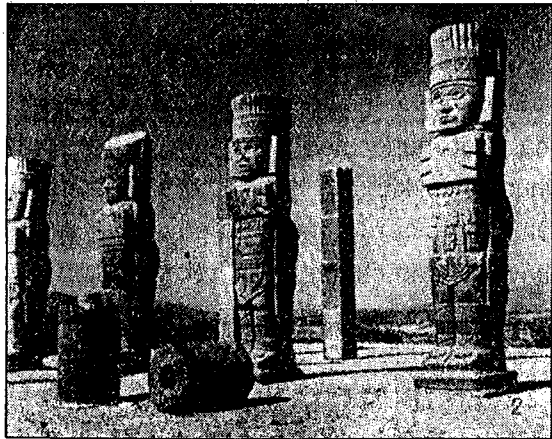
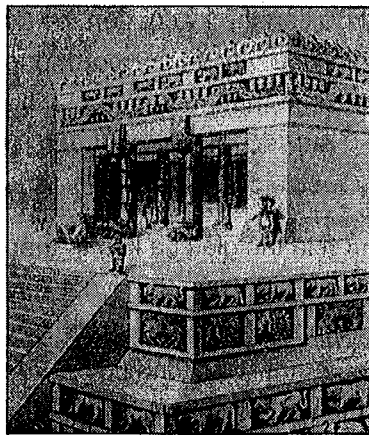
Xã hội của người Aztec phân thành hai giai cấp: chủ nô và nô lệ, trong đó nô lệ chiếm số lượng khá đông. Nô lệ có nguồn gốc từ tù binh, tội phạm và họ bị mua bán như một thứ hàng hóa.

Người đứng đầu Nhà nước có quyền lực rất lớn và được tôn sùng như thánh thần. Quý tộc và tầng lớp thuộc giai cấp chủ nô đã đặt ra nhiều nghi lễ huyền bí để chứng tỏ quyền hành người thủ lĩnh là do các vị thần ban cho.

Trong công cuộc xây dựng ở giai đoạn sau Tetihuacan, phải kể đến thành phố Tenoc-titlan đã tồn tại trong hai thế kỷ từ 1325 đến 1521. Tương truyền thành phố này được xây dựng theo mẫu của thành Azotolan, một cố đô cổ



346. Mặt bằng thành phố Sochicalco của người Aztec



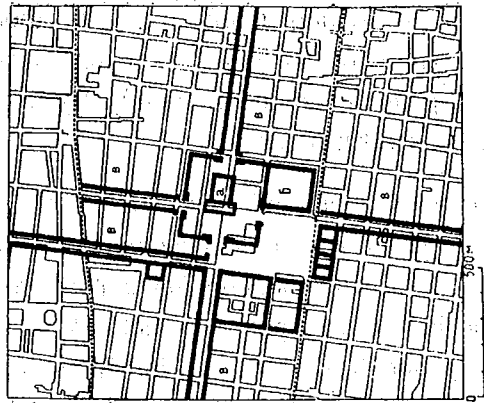
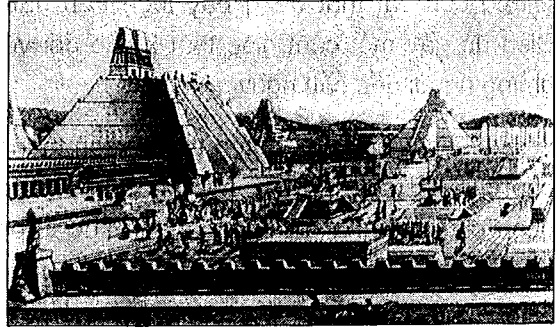
Đền thờ tại thành phố Tollan và hàng cột trong đền

xưa trên quê hương của dân Aztec (hình 347).

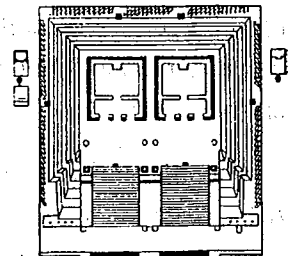
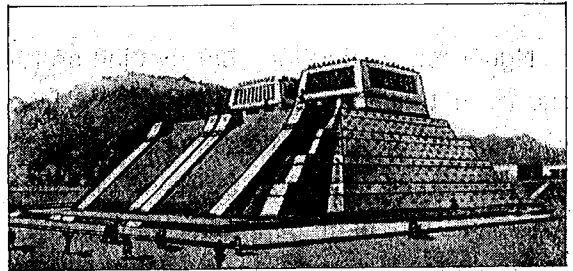
Sống trong bối cảnh các cuộc chiến giành đất đai xảy ra liên tiếp, người Aztec đã chọn giải pháp xây thành Tenochtitlan trên một hòn đảo lớn giữa hồ, nhằm để phòng các cuộc tấn công. Loạt đảo nhỏ vây quanh làm đất dự trữ cho mở rộng thành phố. Trên đảo có nhiều kênh đào, bờ kênh ốp đá hoặc tấm màu. Từ đất liền có các đập dẫn sang đảo, có cầu nâng hạ được cho thuyền qua lại. Thành phố lúc này đã có số dân tới 6 vạn người. Quảng trường trung tâm rộng 320m x 275m được bao quanh bởi "ô đất linh thiêng" và ba cung điện bằng gỗ của các lãnh chúa. Tại "ô đất linh thiêng" có đặt một kim tự tháp cao tới 30m, cạnh đáy dài 100m, quanh có tường khắc hình rắn bao bọc. Đỉnh tháp có hai ngôi đền thờ thần mưa Tlaloc và thần chiến tranh Uyxilopolotc. Tuy tháp này hiện nay không còn tồn tại, nhưng theo mô hình này, người ta đã cho xây ngọn tháp Tenáuc nhỏ hơn với chiều cao 16m đáy dài 65m x 50m (hình 348).

Tại "ô đất linh thiêng" này còn có ngôi đền tròn thờ Quetzalcoatl và một sân vận động là thể loại công trình nhất thiết phải có ở những nơi có người Aztec sinh sống.

Những ngọn tháp và những đền đài trong thành phố đều được xây dựng đồ sộ, bên trong được trang hoàng bằng những tượng vàng rất lớn. Người ta gắn lên trần của ngôi đền những ngôi sao, những con chuồn chuồn, bướm bướm, chim chóc bằng vàng, giống như



347. Phối cảnh tổng thể và mặt bằng khu Trung tâm thành phố Tenochtilan



348. Tháp Tenáuc. Toàn cảnh, mặt đứng, mặt bằng

0 40m

những con vật thật đang bay lượn trên đầu. Điều đó gây một cảm giác thật kỳ ảo đối với những người đến cầu nguyện.

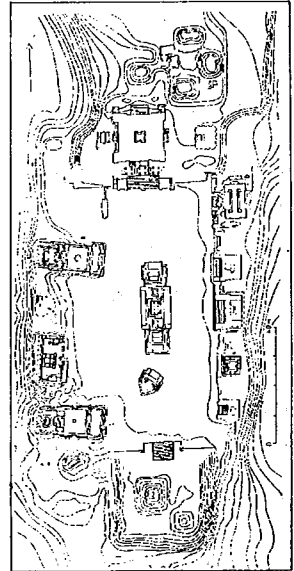
Ngoài các công trình đền tháp, trong thành phố còn có một chợ lớn, các khu nhà ở của quan chức và nhà giàu bao quanh khu trung tâm. Tuy vậy nhìn chung về phương diện nghệ thuật, nền kiến trúc của người Aztec không sánh kịp với những thành quả của thời Teotihuacan, mặc dù cuối cùng nó cũng chịu chung số phận bị cưỡng đoạt và hủy diệt như kiến trúc các thời kỳ trước đó.

Miền Nam Mêhicô nổi tiếng với loạt công trình ở Monte Alban, đạt đỉnh cao vào khoảng thế kỷ thứ V. Đây là một trung tâm hành chính - tôn giáo lớn với Acrôpôn trên đỉnh đồi cao. Các công trình được đặt theo chiều ánh sáng. Tại đây cũng có một sân banh (ball court) và nhiều hệ thống đền thờ, kim tự tháp (hình 349).

Người Aztec cũng từng đạt tới trình độ rất cao về mặt thiên văn. Ở thủ đô Mêhicô hiện vẫn còn lưu giữ được một tấm lịch bằng đá nặng 20 tấn của người Aztec. Theo đó người Aztec chia mỗi năm thành 365 ngày gồm 18 tháng, mỗi tháng có 20 ngày, cuối năm có 5 ngày bổ sung. Nếu đem so sánh với lịch dùng ở châu Âu cùng thời thì lịch của người Aztec chính xác hơn.

Vào đầu thế kỷ XVI, quốc gia của người Aztec bị thực dân châu Âu tới chiếm. Tuy vậy, những gì mà người Aztec kiến tạo được trong thời kỳ lịch sử không dài so với lịch sử của đế

349. Tổng thể thành phố Monte Alban





tồn tại trên bán đảo Yukanta (Mêhicô) cho đến tận nửa đầu thế kỷ XVI, khi thực dân Tây Ban Nha đến xâm lược khu vực này. Quân xâm lược đã sát hại dân bản địa, san phẳng nhiều đền đài, cung điện và phá hủy rất nhiều những tài liệu chữ viết của người Maya, khiến cho cả một dân tộc hầu như bị diệt vong. Nền văn hóa của họ bị tàn phá nghiêm trọng. Phần lớn những tài liệu chữ viết của người Maya đã không thể tìm lại được. Lấy cớ rằng chữ viết của thổ dân da đỏ là sản phẩm của quỷ sa tăng, vào năm 1672, vị giáo chủ người Tây Ban Nha là Điegô đô Lanđa đã ra lệnh đốt hết những bản chép tay của người Maya trước toàn thể dân chúng.

Cho đến nay, ngoài bốn bản chép tay ít ỏi đã được tìm thấy (cũng là bốn bộ luật của người Maya), phần lớn di tích văn tự Maya chỉ có trên các bia đá. Nhiều thế kỷ đã trôi qua, nhiều di tích còn lại của nền văn hóa Maya vẫn chưa được giải mã. Đó là các công trình kiến trúc đồ sộ bằng đá có khắc các văn bia, các tác phẩm điêu khắc trên các vách hang, các công cụ lao động do khảo cổ học phát hiện. Tương tự như việc Henri Rawlinson hồi thế kỷ XIX đã khám phá ra cách đọc loại chữ hình nêm của người Ba tư cổ, việc nhà nghiên cứu người Nga Knôdarốp, vào giữa thế kỷ XX, lần đầu tiên đọc được chữ viết của người Maya đã cho phép chúng ta hiểu được phần nào về nền văn minh Cổ đại lâu đời ở vùng Trung Mỹ này.

Cũng như một số dân tộc Nam Mỹ, người Maya lấy trồng trọt làm nguồn sống, dựa trên những kỹ thuật canh tác khá lạc hậu. Họ chặt

cây bằng riu đá, sau đó đốt cây lấy tro rồi dùng gậy chọc lỗ để tra hạt.

Họ cũng xây dựng những công trình thủy lợi lớn phục vụ nông nghiệp. Ở Etga vẫn còn di tích của một hệ thống thủy lợi được xây dựng từ đầu Công nguyên, gồm các kênh dẫn dài tới 20km kèm theo nhiều đê, đập, cống. Kênh chính rộng 50 mét và sâu 1,5 mét có sức chứa đến 2 tỷ mét khối nước, nối liền với các hồ ao. Ngoài trồng trọt, nghề chăn nuôi, săn bắn và nghề thủ công đều khá phát triển.

Xã hội của người Maya là một xã hội có dân tự do và người nô lệ. Trong số dân tự do lại chia thành giới lao động sản xuất và giới chức sắc, quý tộc và đạo giáo.

Tôn giáo có một vai trò không nhỏ trong đời sống tinh thần. Họ thờ thần Mặt Trời và thần Mưa, có tục lệ thả các bức tượng quý xuống nước, đôi khi còn dùng người sống làm vật tế thần.

Người Maya cũng rất nổi tiếng về kiến trúc. Họ đã xây dựng tới khoảng 100 thành phố, trong đó có nhiều thành phố lớn như : Tikal (hình 353), Copan, Palenka. Về quy hoạch, người Maya thường bố trí các điểm dân cư gần nguồn nước, đi lại thuận tiện. Tuy được xây dựng trong những khoảng thời gian khác nhau, nhưng thành phố nào cũng là một tổ hợp được xây dựng bằng đá, bao gồm cung điện, nhà ở, đền thờ và sân vận động, được quy vào ba loại hình kiến trúc chủ yếu : Một là những kim tự tháp nhiều tầng với bậc thang thẳng đứng,



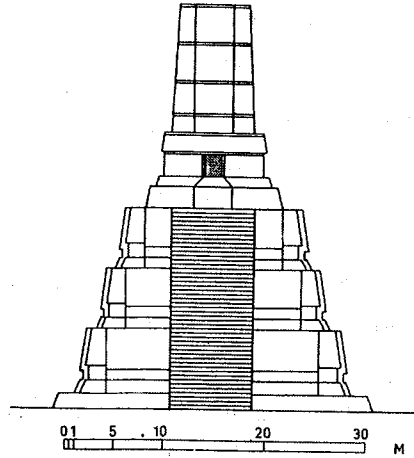
353. Toàn cảnh khu vực đền số II ở Tikal

dùng làm nhà thờ (hình 354), hai là nhà ở của quý tộc, tầng lữ, thường được làm dài và hẹp, có hai phòng chạy dọc song song (hình 355, 356), xung quanh là quảng trường hoặc sân rộng. Cuối cùng là những sân vận động có tường bao quanh.

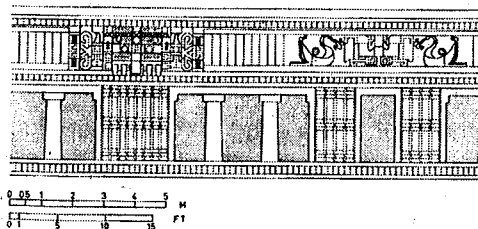
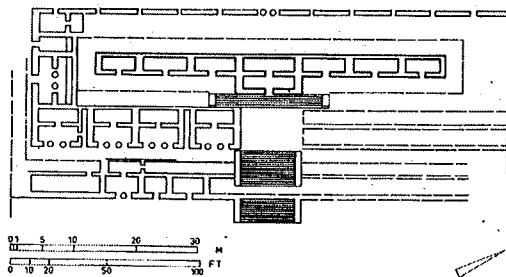
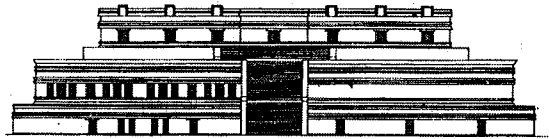
Một trong những thành phố cổ nhất của người Maya là thành phố Tikal đã tồn tại vào thế kỷ thứ VI trước CN đến thế kỷ thứ VI sau CN, trong thung lũng của một vùng rừng già nhiệt đới rất hiếm nước (được phát hiện vào năm 1919). Trên diện tích 16km², thành phố chia thành 9 khu nối với nhau bằng những con đường lát đá chạy qua ba thung lũng khá sâu.

Nhà cửa ở đây hầu hết được xây dựng bằng đá hoặc bằng đất nung, có khắc chạm rất tinh vi. Đáng chú ý là những kim tự tháp cao tới 70m có tên là "Mặt Trăng" và "Mặt Trời", được xây bằng đá. Tikal là thành phố có nhiều công trình kiến trúc đạt đến trình độ nghệ thuật rất độc đáo. Một số cung điện tựa vào sườn núi đá, cao tới 5 tầng. Đáng tiếc là cách đây gần 14 thế kỷ, thành phố này đã bị bùn và nham thạch của núi lửa chôn vùi.

Thành phố được bảo tồn nhiều nhất trong di sản kiến trúc của người Maya là thành phố Copan, nằm cạnh sông, trên lãnh thổ nước Guatemala ngày nay (hình 357, 358). Copan cũng là một thành phố lớn và một thời từng là trung tâm kinh tế, chính trị của người da đỏ ở Trung Mỹ. Những công trình kiến trúc của thành phố này phần lớn đều được xây dựng trong thời gian từ thế kỷ VII đến thế kỷ IX, là



354. Đền số II ở Tikal



355. Đại diện Sayil ở Lucatan

thời kỳ phát triển hưng thịnh của nền văn minh Maya dưới triều Vua Mokhaguar và Madrugaa. Những kim tự tháp kết hợp làm đền thờ ở Côpan không hề đồ sộ như những kim tự tháp ở Ai Cập, nhưng lại được xây dựng trong một quần thể kiến trúc có vô số các tấm bia chạm trổ công phu và nhiều bức tượng ở xung quanh, khiến cho những kim tự tháp này có một phong cách nghệ thuật hết sức độc đáo.

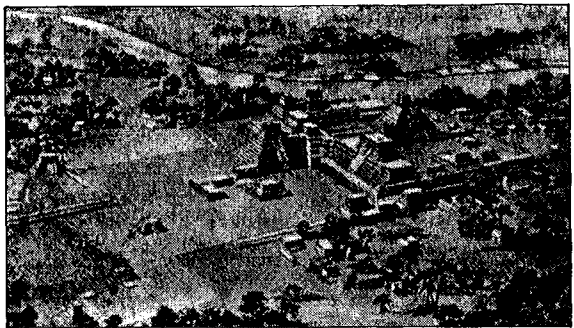
Trên một Acrôpôn cao tới 40m giạt nhiều cấp có các quảng trường rất lớn. Khác với thành phố Tikal, các công trình ở Côpan có mối quan hệ khá khăng khít, công trình nọ nối tiếp công trình kia không thể tách rời. Nhiều cầu thang rộng có khi tới 90m, dĩa các quảng trường cũng đồng thời là chỗ ngồi trong các ngày hội lớn.

Palenke (TK thứ VII - VIII) cũng là một thành phố nổi tiếng của người Maya với những công trình khá tiêu biểu từ "thời kỳ Cổ điển" (hình 359, 360). Kiến trúc ở đây có quy mô khiêm tốn hơn, có hình khối thanh thoát hơn và đạt được các tỷ lệ khá chuẩn mực.

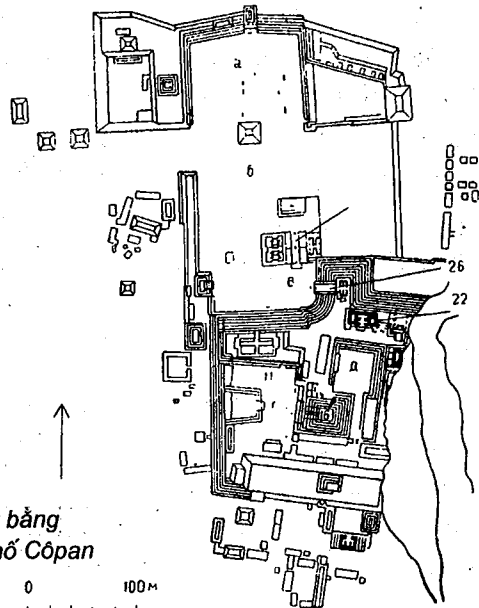
Những hình hoa văn chạm trổ trên tường, trên các đà ngang, các cửa ra vào hay những cột đá bốn mặt, với hình thức khắc nổi đã chứng tỏ tài năng đặc biệt cao của những nhà nghệ thuật Maya cổ xưa.

Những công trình kiến trúc của người Maya gắn bó mật thiết với những kiến thức rất cao về thiên văn so với những kiến thức khác. Điều này được thể hiện rất rõ trong các công

356. Cung điện lã nh chúa ở Uxmal TK XIII - XIV



357. Toàn cảnh thành phố Côpan



358. Mặt bằng thành phố Côpan

trình xây dựng và trong việc làm lịch của người Maya, cho đến nay vẫn còn là một bí ẩn.

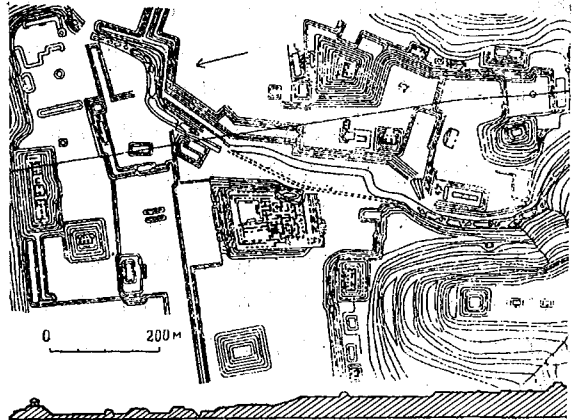
Dựa trên lịch của mình, người Maya thường xây dựng các thánh đường theo nguyên tắc: mỗi ngày trong tháng ứng với một bậc thang, mỗi tháng ứng với một tầng của thánh đường, còn bậc thang cuối cùng ở trên đỉnh ứng với ngày thứ 365 của năm. Bậc này cũng chính là nơi đặt bàn thờ Chúa Trời.

Như vậy, người Maya đã quan sát sự chuyển động của các thiên thể đạt đến độ chính xác phi thường. Một số nhà khoa học cho rằng, phải mất hàng chục nghìn năm quan sát mới đạt được trình độ như vậy. Nếu đúng vậy thì nền văn minh của người Maya phải cổ hơn nhiều so với những nền văn minh khác được coi là cổ nhất hiện nay.

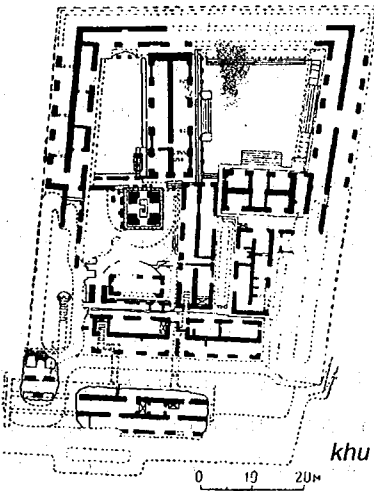
Thành phố Chichen Itza

Có thể nói, tại các vùng Honduras, Guatemala và Mêhicô, người Maya đã kiến tạo nên một nền văn minh riêng biệt. Nền văn minh đó đã trải qua hai giai đoạn phát triển: giai đoạn đầu từ khoảng năm 300 sau CN và kéo dài sáu thế kỷ, tập trung trong vùng Pentêna thuộc Guatemala. Giai đoạn sau bắt đầu năm 980 và kéo dài hơn ba thế kỷ, tập trung ở dải đất cực Bắc bán đảo Yucatan.

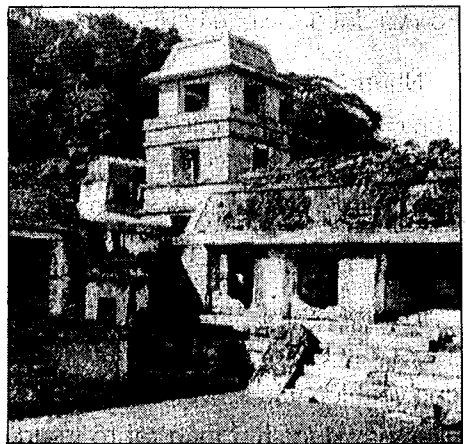
Do sự tàn phá của chiến tranh và sự hủy hoại của thời gian, các công trình kiến trúc còn sót lại ngày nay thuộc giai đoạn sau, tập trung chủ yếu ở hai địa điểm: Chichen Itza và Uxmal.



359. Mặt bằng, mặt cắt thành phố Palenque.



Mặt bằng khu trung tâm Palenque



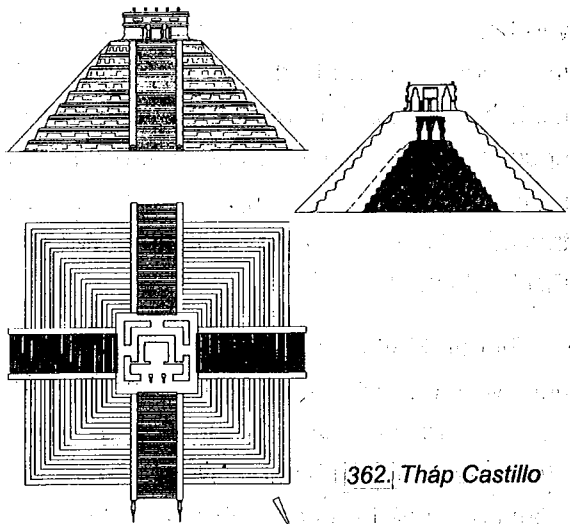
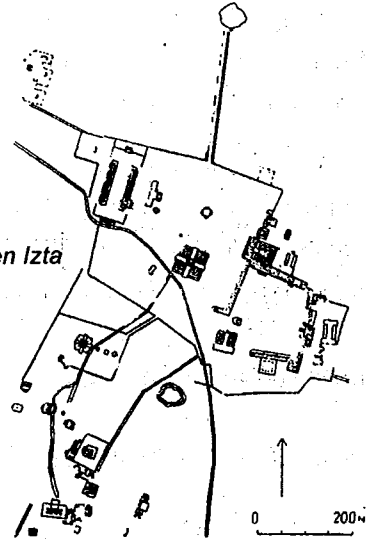
360. Tháp trong cung điện

Chichen Itza là một thị trấn lớn nhất của vương quốc Maya, nằm ở phía Bắc bán đảo Yucantan (hình 361). Đây là nơi tập trung những công trình đẹp nhất của nghệ thuật kiến trúc Maya như: kim tự tháp, đền thờ chiến binh, sân chơi cầu, đền thờ con báo, đài quan sát.

Loại hình kiến trúc khá phổ biến ở Mêhicô thời Tiên Côlômbô là những kim tự tháp cụt chóp, thường được xây dựng ở điểm trung tâm của mỗi khu dân cư. Trên mặt phẳng nằm ở phần đỉnh kim tự tháp, người ta xây đền và dựng tượng thần. Khoảng đất nằm dưới chân kim tự tháp thường khá rộng, là nơi dân chúng tập trung hành lễ, cúng tế và ca múa với nội dung tôn giáo (hình 362).

Kim tự tháp của Mêhicô là một công trình gồm nhiều tầng: phần lớn là 7 và 13 tầng. Đây không phải là những con số ngẫu nhiên, mà chúng tương ứng với số bầu trời trong thần thoại của người Maya. Mỗi kim tự tháp đều có các cầu thang dẫn từ đỉnh tháp xuống mặt đất. Thang được coi là cây cầu nối thế giới thần linh với thế giới trần tục. Các vị thần từ thượng giới sẽ xuống dưới trần bằng thang này. Đó cũng là cây cầu để các giáo sĩ nơi hạ giới bước lên trời mỗi khi muốn cầu xin trời ban ân huệ cho cả cộng đồng. Tổng số bậc thang của kim tự tháp ứng với tổng số ngày trong năm: bốn thang nằm ở bốn mặt Kim tự tháp Kukulcan đều có 91 bậc, tổng cộng là 364, cộng với nền của công trình là 365 bậc.

361. Mặt bằng thành phố Chichen Itza



362. Tháp Castillo

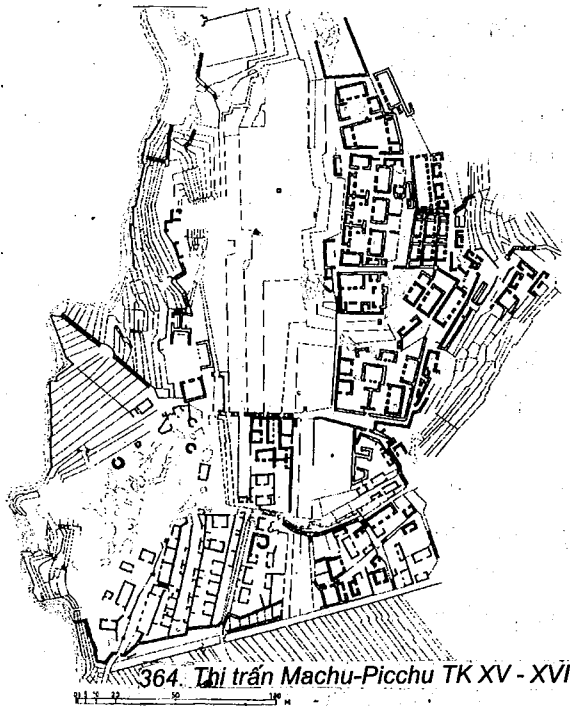
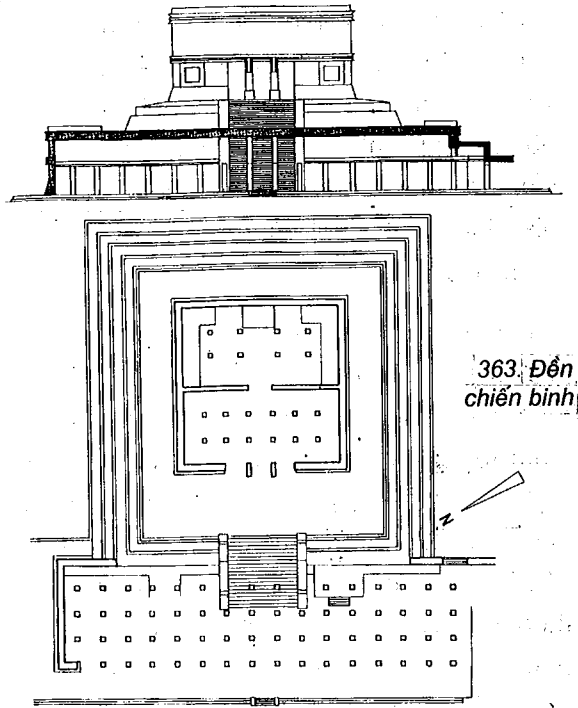
Tầng trên cùng của kim tự tháp là đền thờ thần Kukulca, có biểu tượng là một con vật hỗn hợp giữa chim và rắn.

Mặt ngoài của Kim tự tháp được tô điểm bằng các hoa văn sắp thành các dải băng ngang, phân bức tường thành những khoảng cách đều nhau. Hình tạc những con vật biểu trưng cho tôn giáo bách linh vật của người Maya là rắn có lông vũ, con ó và báo.

5.4. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI INCA

Từng tồn tại trong phạm vi lãnh thổ các nước Pêru, Ecuador, Bolivia và Chilê ngày nay có một nền văn minh phát triển rực rỡ vào hàng đầu châu Mỹ. Đó là nền văn minh Inca. Được bắt đầu từ thế kỷ thứ XI, nền văn minh này đã tồn tại cho tới khi vùng này bị người Tây Ban Nha xâm chiếm vào đầu thế kỷ thứ XVI (1532). Đô thị nổi tiếng về kiến trúc của nền văn minh này là thị trấn Machu - Picchu (hình 364).

Thị trấn Machu-Picchu nằm giữa hai ngọn núi: Machu-Picchu cao khoảng 3140m và Huayama-Picchu cao 2743m, trong vùng trung của sông Urubamba. Nằm tại một địa điểm hoang dã trong dãy núi Andes, trên một vùng núi cheo leo, hiểm trở, đi lại khó khăn, lại bị các loài thảo mộc phủ kín trong nhiều thế kỷ liền, Machu-Picchu đã bị vùi sâu trong hoang phế và quên lãng suốt 400 năm, ngay cả sau khi đế chế Inca bị người Tây Ban Nha xâm chiếm và tiêu diệt.

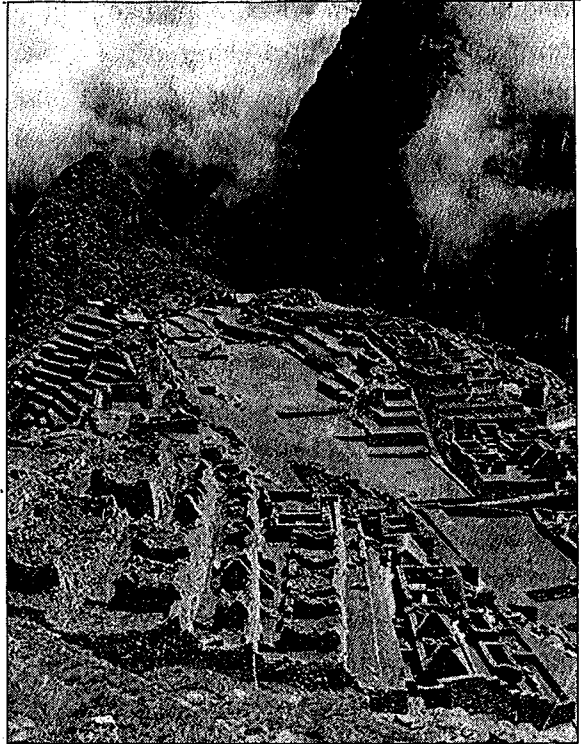


Những người đầu tiên đặt chân đến Machu-Picchu đều sững sờ trước vẻ đẹp của những gì còn sót lại từ các công trình kiến trúc ở đây. Các thủy kiều, nhà tắm, những bức tường hình vòm, tất cả đều bằng đá hoa cương đen rất mịn. Có cả thảy tới 16 nhà tắm. Chúng được đục thẳng vào trong vách núi và được sắp xếp theo một bố cục hài hòa. Các bậc thang được đào trong sườn núi đá, và những cửa lớn mở ra trên dốc núi. Các đền thờ của Machu-Picchu được làm bằng những khối đá lớn, sắp xếp ăn khớp với nhau một cách tài tình trong một vùng dốc đá dựng đứng đã làm tăng thêm vẻ hùng vĩ của cả một quần thể độc đáo (hình 365).

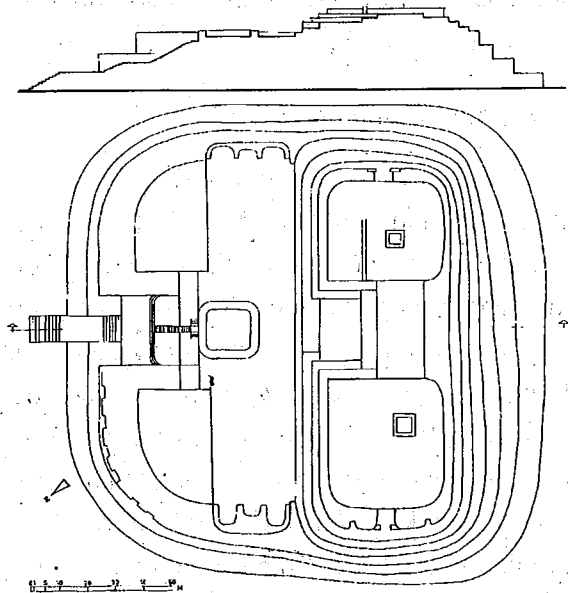
Trên một mô đất cao nhìn rộng ra khắp chung quanh, có một địa điểm được chọn làm nơi hành lễ. Tại đây, có đặt một cái đĩa lớn bằng vàng tượng trưng cho Mặt Trời. Khi ánh sáng rọi thẳng đứng vào đĩa thì bắt đầu hành lễ.

Do người Inca không để lại một tài liệu bằng chữ nào, nên không thể biết chính xác Machu-Picchu được dựng lên nhằm mục đích gì, khi được vây quanh bằng dây thành cao, bên ngoài có các hào sâu và vọng gác. Nhưng dựa vào con số các đền thờ và địa điểm hành lễ còn sót lại, các nhà khoa học nghiêng về giả định cho rằng Machu-Picchu có lẽ là một trung tâm tôn giáo quan trọng (hình 366).

Phần phía Tây của thị trấn, nơi tập trung nhiều đền thờ và địa điểm hành lễ nhất, rõ



365. Toàn cảnh thị trấn Machu-Picchu



366. Kim tự tháp Moxeke ở thung lũng Casua

giữa trong và ngoài nhà được dễ dàng. Có nơi mái nhà phải làm rất dốc để tránh mưa hoặc tuyết v.v...

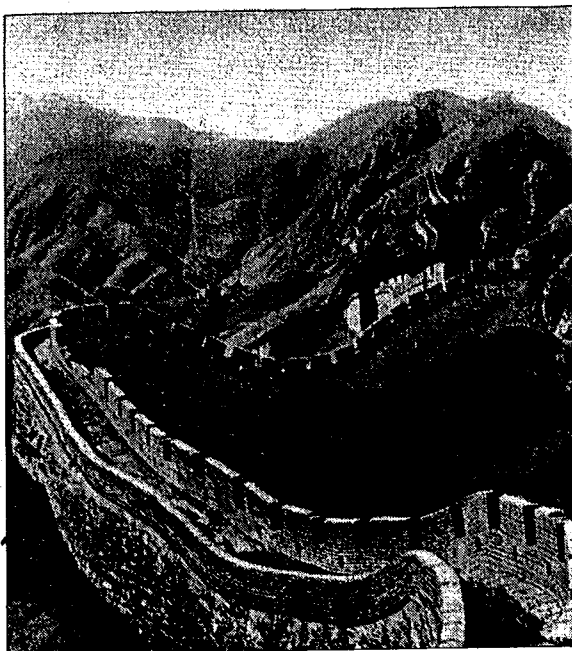
Một điều dễ nhận thấy là việc thực hiện nguyên tắc tận dụng địa hình đã đem lại những hiệu quả lớn về mặt cảnh quan, nói riêng, về nghệ thuật tạo hình nói chung. Những công trình nổi tiếng như quần thể Acrôpôn ở Aten, lâu đài Himêgi ở Nhật Bản, Borobudua ở Indonesia hay Matchu Picchu ở Pêru sở dĩ gây được ấn tượng đặc biệt chính là do được kiến tạo trên nguyên trạng của địa hình thiên nhiên. Nếu những công trình tên tuổi này bị đặt vào các khu đất bằng phẳng (một cách tự nhiên hay do con người san ủi đất núi đồi) thì chắc chắn không thể có được những hiệu quả thẩm mỹ như chúng đã có.

Xem xét các công trình kiến trúc, nhà lý thuyết tiến bối không phải vô tình khi nói rằng "Kiến trúc là nghệ thuật Mẹ của các nghệ thuật".

Ngay từ thời cổ xưa, kiến trúc luôn tập hợp xung quanh mình một lực lượng đông đảo các nhà điêu khắc, các nhà vẽ tranh, các nghệ nhân thuộc nhiều nghề mộc, kim hoàn v.v... để cùng xây cất một công trình.

Kiến trúc tạo điều kiện, tạo không gian cho các nghệ thuật khác phát triển: chỗ đặt tượng, chỗ treo tranh, các sân vườn, cây cảnh ...

Trong một số thời kỳ, cá biệt có những nghệ sĩ tạo hình cực lớn như Phêđiáx, như Raphaen, như Lêôna đơ Vanhxi cũng đồng



384. Vạn lý trường thành ở Trung Quốc



385. Kiến trúc của người Maya ở Palenke
TK VII - VIII

thời vừa thiết kế, vừa nặn tượng, vừa vẽ tranh. Điển hình nhất có thể là Mikenlănggiêlô, người vừa xây dựng tòa nhà Xanh Pie cao 150m với vòm rộng 43m, vừa vẽ bức tranh "Cuộc phán xử cuối cùng" trên trần vòm, vừa đắp tượng cho nhà thờ này.

Khảo sát số công trình đã được xây dựng, có thể rút ra bốn yếu tố cần thiết tạo nên giá trị nghệ thuật của công trình như sau:

Một là cần một giải pháp (đáp án) sáng tạo về hình khối, dựa trên khả năng kỹ thuật của thời đại.

Nhiều khi sự sáng tạo về kỹ thuật lại đưa kiến trúc bước lên đỉnh vinh quang. Chẳng hạn kỹ thuật lợp các mái vòm đường kính lớn tới 40m, các kỹ thuật lợp mái khác nhau trong các nhà thờ Rô-măng, Gôtích.

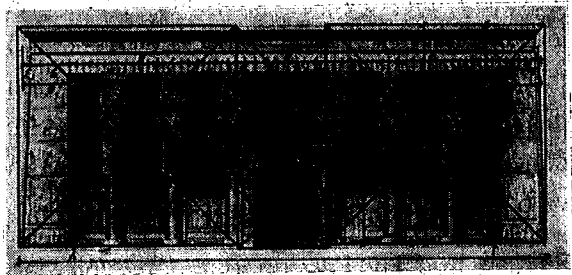
Hai là cần có các hình chuẩn về tỷ lệ tương đối và tỷ lệ tuyệt đối.

Tỷ lệ tương đối là tỷ lệ tương quan giữa các thành phần trong công trình với nhau. Ở các công trình kiến trúc cổ, sự tương quan này bao giờ cũng được xử lý một cách hài hòa, cân đối. Ví dụ: tỷ lệ giữa chiều cao so với đường kính thân cột, giữa đầu cột, thân cột và bệ cột trong các thức cột Hy Lạp và La Mã, tỷ lệ giữa các bộ phận trong nhà thờ Gôtích v.v... Điều này cũng được bộc lộ ở các mặt bằng của hầu hết các công trình nổi tiếng.

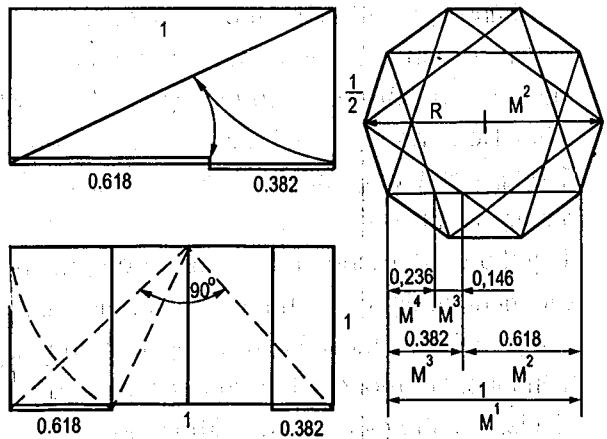
Tỷ lệ tuyệt đối là tỷ lệ giữa công trình so với thứ thước đo ổn định là chiều cao



386. Phù điêu trong đền ở Sanchi - Ấn Độ



387. Xây dựng tỷ lệ trong kiến trúc cổ và cách dùng tỷ lệ vàng



con người. Đôi khi công trình áp đảo con người (như Kim tự tháp Ai cập). Song thường thì công trình hòa hợp với con người.

Ba là việc đặt công trình vào cảnh quan thiên nhiên một cách êm dịu, làm cho công trình trở thành một bộ phận hữu cơ của thiên nhiên.

Bốn là khéo sử dụng các loại vật liệu và việc thực thi công trình một cách hoàn hảo.

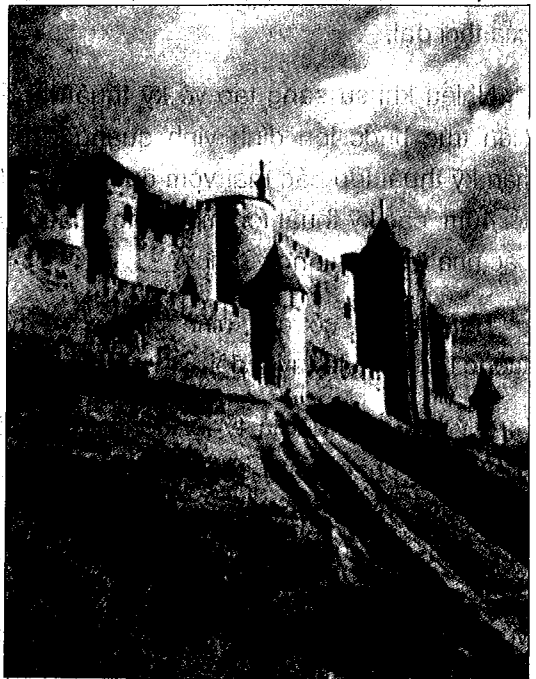
Trong khi nêu giá trị nghệ thuật của kiến trúc Cổ đại và Trung đại, cần nhấn mạnh vai trò nổi bật của nền kiến trúc cổ Hy Lạp như một mẫu mực của kho tàng kiến trúc nhân loại. Đó là tính nhân văn cao trọng tổ chức đô thị, sự gắn bó hài hòa vào thiên nhiên, tính thực tiễn của nội dung cũng như hình thức công trình, không chấp nhận các thành phần và chi tiết giả tạo.

Kiến trúc Hy Lạp đã đạt đến đỉnh cao trong nghệ thuật xử lý tỷ lệ, mà điển hình là số công trình nằm trong quần thể Acrôpôn.

Chúng ta cũng không thể quên vai trò của người tạo dựng đích thực các công trình kiến trúc - đó là đông đảo những người dân lao động. Họ là những người đục đá, chở đá, đắp đường, gọt tượng, những người đóng thuế, những người đi lính, tựu chung lại là những thầy thợ và dân chúng. Họ mang trong mình sức mạnh vĩ đại để biến mọi ý định, mọi hình dung, mọi ước mơ của tầng lớp trên thành hiện thực. Họ mới chính là lực lượng xây đắp và biến đổi thế giới. Tạo nên kho tàng Lịch sử Kiến trúc Thế giới cũng chính là tạo nên bộ



382. Đền Partênông - Hy Lạp



383. Lâu đài châu Âu

mặt của hành tinh, trong đó có một phần đóng góp của các thế hệ vua chúa, và phần đóng góp lớn hơn thuộc về sức mạnh tổng hợp của người bình dân.

Trong thời đại ngày nay, từ việc nghiên cứu học tập Lịch sử Kiến trúc Thế giới, có bốn điều sau đây có thể coi là bài học:

Một là: Tôn trọng tự nhiên, lựa theo tự nhiên khi xây dựng.

Hai là: Đề cao tính nhân văn trong đường lối đầu tư và trong nội dung xây dựng.

Ba là: Tính đồng bộ và sáng tạo, tính chu đáo của người thực hiện việc xây dựng và của sản phẩm xây dựng.

Bốn là: Không ngừng nâng cao dân trí, giáo dục lòng quý trọng và ý thức giữ gìn những thành quả lao động của các thế hệ.

Phụ lục 1

DANH MỤC BẢY KỲ QUAN THẾ GIỚI TRONG THỜI CỔ ĐẠI

1. **Kim tự tháp ở Ai Cập.** Thế kỷ thứ XXVI trước CN.
2. **Vườn treo Babilon ở Irắc** ngày nay. Thế kỷ thứ XX trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn)
3. **Tượng Khổng lồ Hêlios** trên đảo Rốt (Địa Trung Hải). Thế kỷ III trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).
4. **Ngọn hải đăng Pharos** trên cảng Alexandria (bên bờ Địa Trung Hải thuộc Ai Cập). Thế kỷ thứ IV trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).
5. **Lăng mộ Mauzolos** ở Halicarnas (Hy Lạp). Thế kỷ thứ ... trước CN (đã bị một trận động đất phá sập vào đầu thế kỷ thứ XV).
6. **Đền thờ Nữ thần Artemis**, con gái thần Dớt ở thành Ephes (bên bờ biển Egie thuộc Hy Lạp ngày nay). Thế kỷ thứ V trước CN (đã bị phá hủy một phần).
7. **Tượng Thần Dớt** ở Olimpja (Hy Lạp). Thế kỷ thứ V trước CN (đã bị phá hủy hoàn toàn).

Phụ lục 2

BẢNG TRA CỨU MỘT SỐ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM KIẾN TRÚC THỜI KỲ CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

1. *Agippe*. Kỹ sư công binh, xây nhiều cầu lớn ở Rôma và các nơi thuộc Italia, thế kỷ thứ I trước CN (90).
2. *Antimuis*. Kỹ sư người vùng Tiểu Á đã xây dựng nhà thờ Xanh Xôphia ở Côngxtăngtinôp vào thế kỷ thứ VI (103).
3. *Apollodor*. Nhà kiến trúc lỗi lạc thành Rôma, người góp phần lớn trong xây dựng phorum Tơragian ở Rôma vào thế kỷ thứ I (86).
4. *Becnini*. KTS. Italia thời Hậu văn nghệ Phục hưng, tiếp theo Mađecna Carbô xây quảng trường Xanh Pie ở Rôma với hàng cột và tượng rất thành công (139).
5. *Bisôp Suger*. Tu viện trưởng, người phụ trách xây dựng nhà thờ Xanh Đêni, một trong những nhà thờ Gôtich đầu tiên ở Pháp thế kỷ thứ XIII - XIV (118).
6. *Bramăngtê Đônátô* (1444 - 1514). Người đặt nền móng đầu tiên cho nhà thờ lớn Xanh Pie (nay là Tòa thánh Vaticăng) vào năm 1505, với sự sáng tạo những nguyên tắc bố cục và hình khối hoàn chỉnh, mạch lạc, liên hoàn với một vòm bán cầu lớn ngự trị ở trung tâm (134, 135, 136).
7. *Bruneleski Philippo* (1377 - 1466). KTS. thời kỳ Văn nghệ Phục hưng người Phlorăngxơ, người đề xuất hình thức vòm mái có 6 gân cứng để lợp được nóc nhà thờ Xanh Maria Den Phiori cao 10m từng bị bỏ dở từ hơn 20 năm trước đó (131, 132).
8. *Buskê tô*. KTS. Italia, người thiết kế nhà thờ Pida ở Phlorăngxơ vào thế kỷ thứ XI, cũng là người sớm nhất có tên tuổi được lưu trên mộ chí cho đến ngày nay (112).
9. *Calicrat*. Một trong những tác giả khu đền Acrôpôn ở Hy Lạp thế kỷ thứ V trước CN, người trực tiếp xây dựng ngôi đền Nikê (56).
10. *Clôđơ Perrô* (1613 - 1688). KTS. Pháp, tác giả Cung điện Luvơ ở Paris thế kỷ thứ XVII (147).
11. *Giacomô del Pooccta*. Người có công thực hiện đến cùng thiết kế nhà thờ Xanh Pie ở Rôma sau khi Mikelănggiê lô qua đời. Ông cũng là tác giả nhà thờ Dgiêxu xây dựng ở Rôma năm 1575 - 1584 (143).

12. *Ichtnos*. Một trong những cộng sự của Phidias và Calirat trong xây dựng khu đền Acrôpôn ở Aten (58).
13. *Imhotép* được mệnh danh là Thánh (divine). Người chỉ huy xây Kim tự tháp giạt cấp sớm nhất, năm 2800 - 2700 trước CN (23).
14. *Isidor*. KTS. người vùng Tiểu Á đã cùng Antêmuix xây nhà thờ Xanh Xôphia ở Côngxtăngtinốp thế kỷ thứ VI (103).
15. *Istat Han Effendi*. KTS. Ấn Độ. Theo sách Almanach những nền văn minh thế giới (trang 995) thì ông là tác giả của Lăng Tagiơ Mahan nổi tiếng thế kỷ thứ XVII (161).
16. *Lêôna đơ Vanhxi* (1452 - 1519). Nhà hội họa kiệt xuất, nhà kiến trúc, xây dựng, nhà toán học, thiên văn, nhà bác học thiên tài thời kỳ Văn nghệ Phục hưng ở Italia, người đã đưa ra các ý tưởng về những nhà thờ mái vòm được các đời sau noi theo (134).
17. *Lơ Broong* (1619 - 1690). Họa sĩ Pháp, người cùng với Măngsác Hacđoanh (19) thiết kế nội thất cho Phòng Gương trong cung điện Vecxây ở Paris mang phong cách Rôcôcô (145).
18. *Madecna Carbô*. KTS. Italia, người xây dựng phần trước nhà thờ Xanh Pie ở Rôma tạo nên một quảng trường vào loại đẹp nhất của mọi thời đại (139).
19. *Mangsac Hacđoanh* (1646 - 1708). KTS. Pháp, người thiết kế kiến trúc Phòng Gương trong cung điện Vecxây ở Paris (Pháp) vào thế kỷ XVII (145).
20. *Mikenlănggiêlô Buônarôti* (1475 - 1564). Nhà hội họa, điêu khắc, KTS. kiệt xuất nhất thời kỳ Văn nghệ Phục hưng, tác giả cuối cùng của công cuộc thiết kế nhà thờ Xanh Pie kéo dài hơn 40 năm, và bản thiết kế của ông đã trở thành hiện thực sau khi ông qua đời. Ông còn rất nổi tiếng với các bức tượng bất hủ và những tranh trần tuyệt vời (138,139).
21. *Mirôn*. Nhà điêu khắc thành Aten, tác giả bức tượng "Nữ thần chiến thắng Promachos" ở Acrôpôn (56).
22. *Paladiô Angđrê* (1508 - 1580). Nhà kiến trúc bậc thầy thời kỳ Hậu Văn nghệ Phục hưng, đã xây dựng nhiều công trình chuẩn mực như biệt dinh Publicô, biệt thự Rôtăngđơ v.v... đồng thời là tác giả "Bốn cuốn sách về kiến trúc" có giá trị (139).
23. *Peruxi Palthada* (1481 - 1536). KTS. thời kỳ Văn nghệ Phục hưng, người đề xuất việc quay trở lại phương án nhà thờ Xanh Pie lần đầu của Bramăngtê (6) với ít nhiều sửa đổi (137).

24. *Phidias*. Nhà điêu khắc Hy Lạp kiệt xuất, tác giả các tượng phù điêu ở Acrôpôn Aten (55) và tượng thần Dớt ở Olimpia (57).
25. *Phrăngxoá Doocbê*. KTS. cung đình của Pháp, sống dưới triều vua Louis XIV, tác giả của cung điện Vecxây - ngoại ô Paris thế kỷ thứ XVII (149).
26. *Raphaen Xăngti* (1483 - 1514). Nhà hội họa bậc thầy, nhà kiến trúc thời Văn nghệ Phục hưng đã góp vào việc sửa phương án nhà thờ Xanh Pie ở Rôma do Brămăngtê lập năm 1505 bằng một bố cục chữ thập kiểu La Mã êm đềm hơn so với phương án trước (136).
27. *Scamôdi*. KTS. thời Hậu Văn nghệ Phục hưng, người cùng thời với Vinhôla (27) và Pladiô (22), có nhiều đóng góp vào nền kiến trúc Italia thế kỷ thứ XVI (139).
28. *Vinhôlô Giacômô* (s.1507). Nhà lý luận và thực hành kiến trúc hoạt động ở Italia và Pháp với nhiều biệt thự nổi tiếng. Ông cũng là tác giả cuốn "Quy chuẩn và 5 thức cột trong kiến trúc" còn lưu truyền đến nay (139).
29. *Xănggalô Antanhô* (1485 - 1546). KTS. thời Văn nghệ Phục hưng, người đề xuất quay trở lại phương án nhà thờ Xanh Pie của Raphaen (25) với việc làm thêm hai chóp vuông cao ở hai bên và nâng mái vòm nhà thờ này (137).
30. *Xenmut*. KTS., nhà xây dựng, tác giả đền thờ Hoàng hậu Hatxepxut và nhiều đền đài khác ở Ai Cập vào cuối thế kỷ thứ XVI trước CN (34).

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Andrea Palladio. (Bản dịch của Lê Phục Quốc và Nguyễn Trục Luyện). *Ngũ giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc*. NXB Xây dựng, 1998.
2. Đặng Thái Hoàng. *Lược khảo nghệ thuật kiến trúc thế giới*. NXB Văn hoá, Hà Nội, 1978.
3. Đặng Thái Hoàng. *Lịch sử kiến trúc qua hình vẽ*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 1997.
4. Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc. *Các công trình kiến trúc tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1999.
5. Hoàng Văn Huyền. *Bảy kỳ quan thế giới*. NXB Xây dựng, 1987.
6. Trần Văn Khải. *Lịch sử kiến trúc phương Tây – Tóm tắt bài giảng và minh hoạ*. NXB Giao thông vận tải, 2000.
7. Nguyễn Hiến Lê. *Lịch sử thế giới*. NXB Văn hoá, 1997-1999.
8. Đỗ An Lộc. *Lược khảo lịch sử kiến trúc thế giới*. Tài liệu nội bộ – Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 1984.
9. Lương Ninh (chủ biên). *Lược sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1998.
10. Ngô Huy Quỳnh. *Kiến trúc cổ đại Châu Á*. NXB Văn hoá thông tin, 1999.
11. Hoàng Minh Thảo (chủ biên). *Almanach những nền văn minh thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1997.
12. Trần Mạnh Thường. *Những di sản nổi tiếng thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1998.
13. Henri Stierlin. *Encyclopedia of Architecture*. Evergreen, 1977.
14. Banister Fletcher. *History of Architecture*. University of London, The Athlone Press, Seventeenth Edition.
15. Glancey Jonathan. *The Story of Architecture*. Porling Kindersley (DK) 2000.
16. Leonardo Benevolo. *Histoire de la Ville*. Editions Parenthèses, Marseille, 1994.
17. Louis Callebat & autres. *Histoire de L'Architecte*.
18. Norton J. Leonard. *Early Japan*. Time-LifeBook, New York.
19. Samuel N.Kramer. *Cradle of Civilization*. Time Incorporated, New York.

20. Stanley Karnov. *Southeast Asia*. Time-Life Book, New York.
21. Yosuke & Others. *The concise History of Western Architecture*. Bijutsu Shuppan-sha, 1998.
22. W & B. Forman Vilixova Rahman. *Agyptische Kunst*. Artia Praha, 1962.
23. Баранов Н.Б (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры Т.Т.1, 2, 3, 4, 5*. Издательство Литературы по Строительству, Москва 1973.
24. Бунин А.В. Саваренская Т.Ф. *История Градостроительного Искусства*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуре и Строительным материалам, М. 1961.
25. Гуднов А. *Мир Архитектуры*. "Молодая Гвардия", 1985.
26. Кириллова Л. *Масштабность в Архитектуре*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуре и Строительным материалам, М. 1961.
27. Михайлов Б.П. (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуре и Строительным материалам, М. 1963.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Andrea Palladio. (Bản dịch của Lê Phục Quốc và Nguyễn Trục Luyện). *Những giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc*. NXB Xây dựng, 1998.
2. Đặng Thái Hoàng. *Lược khảo nghệ thuật kiến trúc thế giới*. NXB Văn hoá, Hà Nội, 1978.
3. Đặng Thái Hoàng. *Lịch sử kiến trúc qua hình vẽ*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 1997.
4. Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc. *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1999.
5. Hoàng Văn Huyền. *Bảy kỳ quan thế giới*. NXB Xây dựng, 1987.
6. Trần Văn Khải. *Lịch sử kiến trúc phương Tây – Tóm tắt bài giảng và minh họa*. NXB Giao thông vận tải, 2000.
7. Nguyễn Hiến Lê. *Lịch sử thế giới*. NXB Văn hoá, 1997-1999.
8. Đỗ An Lộc. *Lược khảo lịch sử kiến trúc thế giới*. Tài liệu nội bộ – Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 1984.
9. Lương Ninh (chủ biên). *Lược sử thế giới cổ trung đại*. NXB Giáo dục, 1998.
10. Ngô Huy Quỳnh. *Kiến trúc cổ đại Châu Á*. NXB Văn hoá thông tin, 1999.
11. Hoàng Minh Thảo (chủ biên). *Almanach những nền văn minh thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1997.
12. Trần Mạnh Thường. *Những di sản nổi tiếng thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1998.
13. Henri Stierlin. *Encyclopedia of Architecture*. Evergreen, 1977.
14. Banister Fletcher. *History of Architecture*. University of London, The Athlone Press, Seventeenth Edition.
15. Glancey Jonathan. *The Story of Architecture*. Porling Kindersley (DK) 2000.
16. Leonardo Benevolo. *Histoire de la Ville*. Editions Parenthèses, Marseille, 1994.
17. Louis Callebat & autres. *Histoire de L'Architecte*.
18. Norton J. Leonard. *Early Japan*. Time-LifeBook, New York.
19. Samuel N.Kramer. *Cradle of Civilization*. Time Incorporated, New York.

20. Stanley Karnov. *Southeast Asia*. Time-Life Book, New York.
21. Yosuke & Others. *The concise History of Western Architecture*. Bijutsu Shuppan-sha, 1998.
22. W & B. Forman Vilixova Rahman. *Agyptische Kunst*. Artia Praha, 1962.
23. Баранов Н.Б (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры Т.Т.1, 2, 3, 4, 5*. Издательство Литературы по Строительству, Москва 1973.
24. Бунин А.В. Саваренская Т.Ф. *История Градостроительного Искусства*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуры и Строительным материалам, М. 1961.
25. Гуднов А. *Мир Архитектуры*. "Молодая Гвардия", 1985.
26. Кириллова Л. *Масштабность в Архитектуре*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуры и Строительным материалам, М. 1961.
27. Михайлов Б.П. (Chủ biên). *Всеобщая история Архитектуры*. Гос. Издательство Литературы по Строительству, Архитектуры и Строительным материалам, М. 1963.

